

Hitler Và Những Sứ Mạng Bí Mật Của Skorzeny

Otto Skorzeny

Dịch giả : Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên

LỜI GIỚI THIỆU

Có ba lý do khiến chúng tôi quyết định giới thiệu với độc giả thiên hồi ký của Otto Skorzeny.

Trước hết trong thực tại cũng như trong trí tưởng tượng, khó tìm đâu ra những chuyện phiêu lưu mạo hiểm lạ lùng, khó tin hơn các cuộc phiêu lưu mạo hiểm của viên sĩ quan SS thời danh đó. SKORZENY – chúng ta hãy tỏ ra công bằng đối với ông ta – là NGƯỜI ĐÃ THỰC HIỆN NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC. Giải thoát Mussolini, chiếm đóng kinh thành Budapest là các hành động vượt xa các nhân vật của Alexandre Dumas, hay các gã tở được khai sinh trong trí tưởng tượng phong phú của các tác giả loại tiểu thuyết "đen". Không có một chuyện phim nào có thể diễn đạt nổi sự táo bạo, sự mau lẹ sấm sét, sự sống động mà con người đó đã chứng tỏ, trong khi hoàn thành các "sứ mạng đặc biệt" của mình.

Thứ hai, hiếm khi có một cá nhân vừa không phải Quốc Trưởng một quốc gia, mà cũng chẳng phải là Tư Lệnh một đạo binh, lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong lịch sử chính trị và quân sự của một cuộc chiến tranh. Thật vậy, trong thời bình, những biến chuyển của tình hình phần lớn lệ thuộc vào các thừa số đã có sẵn hay ít ra, cũng tiên liệu được, đặc biệt là các thực tại kinh tế; trong thời chiến, tình thế khác hẳn: ngay tiếng súng đại bác đầu tiên, Lịch sử trở nên cuồng loạn, nếu có thể diễn tả như thế, dòng lịch sử biến chuyển theo các khúc quanh không đều, bất định và hiển nhiên không hợp lý chút nào, bởi vì từ đó tất cả đều lệ thuộc vào một vài dữ kiện không giải thích được liên quan đến lãnh vực con người: đó sẽ là thái độ của một nhóm người được đặt vào vị trí chỉ huy và quyết định hồi chung cục cho cuộc chiến đấu. Vậy mà Skorzeny, vốn chỉ là một sĩ quan như muôn ngàn sĩ quan khác, nhưng điều đó cũng không ngăn cản được ông đóng góp, hơn cả một đạo binh Thiết kỵ có thể làm, vào việc kéo dài sức đề kháng của Đức và do đó, kéo dài cuộc chiến tranh. Về phía Đồng minh, chỉ có một hoạt động cảm tử có hậu quả trầm trọng, có thể so sánh với hai công trình chính yếu của Skorzeny: đó là công nghiệp vĩ đại và kỳ diệu của năm người Na – Uy trong vụ phá hủy toàn kho dự trữ "nước nặng" (eau lourde) của Đức.

Chắc chắn rằng Skorzeny không phải là một anh hùng thuần chính như các công dân vùng Bắc Âu chiến đấu chống lại bọn xâm lăng tổ quốc họ. Đó là một nhân vật SS điển hình nhất. Điều này tạo thành lý do thứ ba biện minh cho việc xuất bản quyển sách này. Hiện tượng Skorzeny chỉ là kết tinh của hiện tượng Quốc xã dưới hình thức tinh vi nhất, do đó nguy hiểm nhất. Đó là con người không bao giờ tự vấn nền tảng luân lý của hành động mình cũng như về những cơ vận đưa đến thành công.

Cuốn sách này cũng sẽ làm sáng tỏ một vài bí ẩn của trận Thế Chiến Thứ Hai và sẽ chứng minh thêm một lần nữa rằng guồng máy được coi là vạn năng chẳng là gì cả nếu không có con người ở đằng sau.

NHÀ XUẤT BẢN

Vào tháng chạp năm 1941, đợt tấn công sấm sét của quân Đức đã bị bất thần chặn đứng cách Mạc Tư Khoa vài cây số. Sức đề kháng mãnh liệt của quân đội Nga được hỗ trợ bởi thời tiết của một mùa đông cực kỳ buốt giá, đã ngăn chặn hẳn đà tiến của các Sư đoàn Quốc Xã mà thoát tiên cố bám chặt một cách điên cuồng những vị trí đã chiếm được nhưng rồi bất buộc phải bỏ cuộc, tháo lui trong hỗn loạn. Khắp nơi, cuộc triệt thoái của Bộ binh Đức (Wehrmacht) đã diễn ra một cách hỗn độn – Đó là một cuộc trốn chạy, một tình trạng tan rã cuồng loạn, hỗn mang, hoàn toàn giống như cuộc bại tẩu của các mảnh vụn thuộc quân đội Pháp năm 1940. Lạc lõng trong đám đông hỗn loạn của các Trung đoàn bị tàn sát phần lớn đã mất tinh thần, một đơn vị SS do Trung uý Otto Skorzeny chỉ huy, tìm cách rút lui cùng với quân dụng về vị trí được chỉ định. Người sĩ quan trẻ tuổi đã chứng kiến với tất cả kinh hoàng, quang cảnh ác mộng của đoàn quân bại trận. Đó là lần đầu tiên mà Skorzeny cảm thấy tâm thần bị xâm chiếm bởi một mối nghi ngờ khủng khiếp và đau xót: Phải chăng Đức Quốc thực sự là một quốc gia vô địch? Nước Đức có đánh giá quá cao sức mạnh của mình? Skorzeny đã cố gắng xua đuổi cảm nghĩ này, nhưng vô ích, ông không còn tìm được niềm lạc quan mà cách đó mấy tuần, đối với ông rất là tự nhiên dễ hiểu.

Dẫu sao, Bộ Chỉ huy tối cao Đức cũng đã sớm thành công trong việc tái lập được một phòng tuyến liên tục đủ sức chống trả đợt phản công của quân đội Nga Xô. Riêng với Skorzeny, vì bị những cơn đau ruột hành hạ dữ dội, nên đã được chuyển về Đức và được bổ nhiệm trong tư cách là một kỹ sư, về một công xưởng gần Bá – linh. Thời gian sáu tháng bình thản, vô vị mà Skorzeny đã sống để chăm sóc việc tân trang quân dụng, đã không đóng góp được gì để làm cho tinh thần ông khá hơn. Ngay đến cả các chiến thắng mà quân Đức đã mang lại vào mùa hè năm 1942 sau khi tiến quân sâu vào miền Caucase, cũng đã không đưa được ông ra khỏi cơn mơ ám đạm vì ông đã không thể dự vào các chiến công này.

Nhưng đến tháng Giêng năm 1943, Hội nghị Casablanca đã bùng nổ như sấm động trong một bầu không khí nặng trĩu những đe dọa. Quyết định của Anh quốc nhằm theo đuổi cuộc chiến cho đến khi đối phương đầu hàng không điều kiện, đã làm thay đổi sâu xa trạng thái tinh thần của Skorzeny cũng như của toàn thể Đức quốc. Trong khi tại Pháp, một số người đã đón nhận quyết định này với sự hài lòng rất thuần khiết, một số người lại tỏ vẻ rất dửng dưng nghi ngờ - những người lo sợ một nền hoà bình què quặt – Tại Đức quyết định đó đã tạo ra một phản ứng mà các nhà lãnh đạo Đồng minh chắc chắn không lường trước được: sự kết hợp chặt chẽ tức thời ý chí chiến đấu, một thứ phần nộ trong tuyệt vọng. Hệ thống tuyên truyền của Goebbels đã khơi động tận cội rễ nơi mỗi công dân Đức, trạng thái thịnh nộ này. Đây là kỹ thuật được vận dụng lần đầu tiên trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ bởi một tướng lãnh Bắc quân khi ông giải thích: nếu một con quạ có tư tưởng kỳ cục là đạo quanh vùng chiến bại một vòng, nó phải mang theo thức ăn.

Đối với Skorzeny cũng như với mọi “công dân Đức tốt”, từ đó, chỉ có một lối thoát: hoặc là chiến thắng, hoặc sự huỷ diệt Đức quốc hoàn toàn không cứu chữa được. Từ lúc đó, dân Đức cho rằng tất cả mọi toan tính tiến tới một thỏa hiệp với Đồng minh đều có ý nghĩa như là sự từ chối sống còn, là tự vẫn. Đối với họ, ngọn lao đã phóng đi: họ phải chiến thắng hoặc chết.

Trạng thái tinh thần đó đã giải thích được phần nào “hiện tượng” Skorzeny. Và chẳng, đây là lúc khởi đầu một nghề nghiệp thực sự của một nhân vật mà báo giới Hoa Kỳ từng mệnh danh là: “NGƯỜI NGUY HIỂM NHẤT ÂU CHÂU”.

Khai sinh các đội cảm tử

Thế là tôi đã phải tức tối chịu đựng suốt một năm qua. Bị bệnh tả lỵ mắc phải từ những ngày đầu của chiến dịch xâm lấn Nga Xô làm cho yếu hẳn đi, tôi phải chịu đầu hàng trước bản án của các ông Bác sĩ, họ tuyên bố tôi không đủ sức phục vụ trong một đơn vị tác chiến, ít ra là trong lúc này. Được bổ nhiệm vào ngạch kỹ sư quân đội, tôi đang bị bỏ mặc trong một cơ xưởng thuộc ngoại ô Bá – linh. Như tôi được biết, vào mùa thu năm 1942, các Sư đoàn SS sắp được cải biến thành các Sư đoàn Thiết kỵ, tôi đã xin phép theo học khoá Sĩ quan Thiết giáp. Quả nhiên tôi được chuyển đến Sư đoàn 3 Thiết kỵ SS. Nhưng chẳng được bao lâu cơn bệnh kiết lỵ tái phát, đã chứng tỏ rằng tình trạng sức khoẻ của tôi không còn cho phép tôi chịu đựng những nhọc nhằn quá sức. Sau một vài tuần lễ ở bệnh viện, tôi lại bị trả lại cơ xưởng tại Bá – linh. May cho tôi là thời gian này cũng không quá lâu. Vào đầu tháng Tư năm 1943, tôi được gọi về Bản doanh của Binh chủng Waffen SS. Tại đây một viên chức cao cấp cho tôi hay người ta đang tìm một sĩ quan có trình độ kỹ thuật cao để tổ chức một “Đơn vị đặc biệt”[1]. Để cho tôi có một ý niệm chính xác hơn về nhiệm vụ mà Bộ Tư lệnh Tối cao có ý định giao phó cho đơn vị này, người đối thoại với tôi phác hoạ vắn tắt một sơ đồ gồm nhiều cơ quan tập trung dưới một danh hiệu chung là: “Ausland Abwehr” (Cơ quan tình báo quân đội). Như vậy, đây là lần đầu tiên tôi đặt chân vào lãnh vực tối mật, dành riêng cho một số rất hiếm người đã được huấn luyện, mà lúc bấy giờ tôi chỉ được nghe nói đến một cách lơ mờ. Để có thể định nghĩa một cách chính xác vai trò của tôi, tôi phải giải thích tóm lược cơ cấu tổ chức cơ quan này.

Cơ quan Abwehr trực thuộc Bộ Tư lệnh Tối cao của quân đội, gồm ba bộ phận: Bộ phận đầu tiên phụ trách công tác gián điệp quân sự đích danh. Bộ phận thứ hai chỉ hoạt động tích cực trong thời chiến, nhiệm vụ chính của cơ cấu này là chuẩn bị và thi hành các công tác phá hoại ở hậu tuyến địch và các hoạt động tuyên truyền thích nghi làm giảm tinh thần chiến đấu của quân đội đối phương. Bộ phận thứ ba có nhiệm vụ tổ chức phản gián điệp nghĩa là chiến đấu chống gián điệp và hoạt động phá hoại của địch.

Biết rằng các danh từ như “gián điệp”, “phá hoại” có ý nghĩa xấu xa, ô nhục với một số người không am hiểu, tôi cần xác nhận ở đây rằng các cơ quan tương tự, dầu cho được nguy trang dưới danh nghĩa nào, cũng được tất cả các quốc gia tổ chức. Hiện nay, tất cả các đại cường đều bị bắt buộc phải tổ chức một “cơ quan tình báo” hoặc như người Pháp nói một cách khiêm nhường hơn, một “Phòng Nhì”.

Khi chiến tranh mới bùng nổ. Bộ Tư lệnh Tối cao đã đặt tiểu đoàn xung kích Brandebourg dưới quyền điều động của các cấp chỉ huy cơ quan tình báo. Dần dần tiểu đoàn duy nhất này bành trướng cho đến tháng Giêng năm 1943, thì trở thành Sư đoàn xung kích Brandebourg. Đơn vị này đã lãnh thi hành một vài sứ mạng đặc biệt do các cơ quan thuộc Bộ Quốc Phòng giao phó. Mân bí mật được giữ kín đến nỗi công chúng không hề biết có Sư đoàn này.

Và từ một năm nay, cơ quan Waffen SS cũng cố gắng tổ chức một đơn vị thứ hai thuộc loại này: khoa huấn luyện đặc biệt Oranienbourg. Trưởng cơ quan này đang tìm một sĩ quan có tầm hiểu biết rộng rãi các lĩnh vực quân sự cũng như kỹ thuật để giao phó trách nhiệm bành trướng đơn vị này và đẩy mạnh công cuộc huấn luyện.

Đây là chức vụ mà người đối thoại giao cho tôi. Ngay lúc đó, tôi chưa ý thức được tầm mức của sự bổ nhiệm ấy. Khi chấp nhận đề nghị thật bất ngờ này, tôi chỉ quả quyết rời bỏ cuộc sống quân ngũ bình thường để có việc làm tại một nơi mà không phải bất cứ ai cũng đến được. Tôi nhớ lại một tư tưởng của Nietzsche: “Phải sống một cách đầy hiểm nguy!”. Như vậy, tôi sẽ có thể phục vụ tổ quốc một cách đặc biệt hữu hiệu vào lúc mà Đức quốc đang trải qua cơn thử thách nhọc nhằn khó khăn. Chính ý nghĩ đó sau cùng đã giúp tôi quyết định. Tôi nhận lời nhưng dành quyền từ chức trong trường hợp tôi thấy khả năng của mình không đủ đối với một chức vụ cực kỳ tế nhị như vậy.

Ngày 20 tháng 4 năm 1943, tôi nhận được lệnh bổ nhiệm mới với cấp bậc Đại úy trừ bị. Để thích ứng ngay với hoàn cảnh mới, ngay hôm đó tôi đã đến trình diện trưởng cơ quan Tình báo Chính trị, chỉ huy trưởng đoàn xung kích Schellenberg, đây là một người khá trẻ, hào hoa và tỏ ra rất dễ thương. Thật tình mà nói, tôi chẳng hiểu được gì nhiều về những điều do ông ta giải thích. Dầu sao, tôi mới chỉ vừa bước qua ngưỡng cửa vào một lãnh vực mà cho đến lúc bấy giờ tôi còn hoàn toàn xa lạ. Nhưng tôi cũng biết

rằng đơn vị mà tôi sắp chỉ huy đang chuẩn bị cho một cuộc đột kích và cảm tử quân đầu tiên đã sẵn sàng lên đường. Sự mạng của đơn vị là:

Những khu vực dầu hoả phía Nam Iran đã bị quân Anh chiếm giữ ngay từ đầu cuộc chiến, trong khi khu vực phía Bắc lại đặt dưới sự “bảo vệ” của nhiều Sư đoàn Nga Xô. Mặt khác, phía Đồng minh sử dụng tối đa thiết lộ tại Iran để đổ vào Nga Xô một số chiến cụ càng ngày càng lớn. Đặc biệt là Hoa Kỳ, từ khi lâm chiến ngày 11-12-1941 đã giúp củng cố chặt chẽ sức đề kháng của Nga Xô nhờ hàng loạt cung cấp ồ ạt. Tôi cũng đã biết đại khái về sự kiện này nhưng mãi cho đến hôm nay, sau khi biết được trọng lượng chuyên chở như thế, tôi mới ý thức được viện trợ của Đồng minh cho Nga Xô có tầm rộng lớn vô cùng. Hiện tại vấn đề đặt ra là cần phải cắt đứt hoặc ít ra là phải đe dọa các trục giao thông này bằng cách tấn công chúng ngay trung tâm xứ Iran. Schellenberg hy vọng có thể đạt được mục tiêu này bằng cách xúi giục các bộ lạc người thượng nổi loạn, vì từ lâu các bộ lạc này rất uất hận chính quyền Iran. Từng toán nhỏ quân Đức cung cấp vũ khí cho những (người?) Kashgais và các bộ lạc khác và nhất là đóng vai trò huấn luyện viên. Một khi đã ở tại chỗ, các toán cảm tử này sẽ dùng phương tiện liên lạc vô tuyến để nhận chỉ thị về các biện pháp cần yếu, cơ hội và điểm tấn công.

Đã từ nhiều tháng qua, một toán chừng hai mươi học viên của khoá huấn luyện đặc biệt – danh xưng tạm thời của đơn vị do tôi sẽ chỉ huy – đang học ngôn ngữ Iran do một người bản xứ hướng dẫn. Người ta lại còn tổ chức cho mỗi toán một người Iran với nhiệm vụ hướng dẫn toán cảm tử khi dần thân bắt đầu cuộc phiêu lưu vĩ đại. Dụng cụ cũng đã sẵn sàng, đến nỗi chỉ cần một sĩ quan Đức ra hiệu lệnh là tất cả đã có thể có mặt ngay tại Téhéran – lẽ tất nhiên là bằng cách bí mật lén lút.

Để nguy trang tất cả các hoạt động này, các cơ quan tình báo đã đặt tên cho chiến dịch là François. Địa điểm được chọn lựa làm bãi đáp cho quân cảm tử nhảy dù là khu vực ven hồ nước mặn nằm về phía đông nam Téhéran. Toán cảm tử đầu tiên gồm một sĩ quan, ba hạ sĩ quan và một người Iran đã sẵn sàng để khởi hành. Sau nhiều cuộc bàn cãi vô vị và bất tận với Không quân (Luftwaffe – Không quân Đức Quốc Xã) phi đoàn sẵn giặc thứ 200 thuận cấp cho chúng tôi một chiếc Junker 290, loại duy nhất có tầm hoạt động thích hợp. Như vậy, chúng tôi phải tính toán cẩn thận từng kí – lô trọng lượng dụng cụ mang theo mà phi cơ có thể chuyên chở, bởi vì rõ rệt là không thể nào giảm bớt số lượng xăng cần thiết cho phi cơ thực hiện chuyến bay đi và trở về. Chỉ có những người tham dự vào một cuộc viễn chinh tương tự mới biết được là phải soát xét lại, phải thay đổi, phải lập lại danh mục các dụng cụ đến bao nhiêu lần, và phải cân lường cẩn thận như thế nào từng thức một: vũ khí, lương thực, y phục, đạn dược, chất nổ và ngay cả quà kỉ niệm để tặng tù trưởng các bộ lạc nữa. Đối với các quà tặng này, tôi còn nhờ các nỗ lực điên cuồng để tìm cho ra các loại súng săn cán bạc và các loại súng lục có bóng nạm vàng.

Người ta đã chọn một phi trường trong vùng Crimée để làm điểm khởi hành. Khốn nỗi, phi đạo lại quá ngắn nên lại phải làm cho phi cơ nhẹ bớt thêm, điều này có nghĩa là chỉ có thể hi sinh bỏ lại bớt một số dụng cụ nữa. Và rồi chúng tôi chỉ còn chờ đợi thời tiết tốt, những đêm không trăng để có thể bay trên lãnh thổ Nga Xô. Sau cùng, khi có lệnh khởi hành, chúng tôi lại thấy phi cơ còn quá nặng, bởi vì trong khi chờ đợi, một cơn mưa như thác đổ đã làm phi đạo trở nên lầy lội. Lại một lần nữa, chúng tôi bắt buộc phải hi sinh một số dụng cụ, nhưng chúng tôi quyết định sẽ gửi thêm một chuyến phi cơ về sau để thả dù những tiếp liệu mà chuyến thứ nhất không mang theo hết được. Cuối cùng, mọi sự đều sẵn sàng và lần này, phi cơ cất cánh thành công. Sau 14 tiếng đồng hồ lo âu, chúng tôi nhận được điện văn đầu tiên cho biết người của chúng tôi đã đặt chân được lên đất Iran bình an vô sự.

Lúc bấy giờ là đầu mùa hè năm 1943, tình hình chiến sự trên các mặt trận không có gì sáng sủa lắm. Và chẳng, mặc dù không đọc được các thông cáo, tôi cũng đã ý thức được tình trạng này bởi vì trong mọi giai đoạn tổ chức và hoạt động, tôi đều phải đương đầu với sức đề kháng bền bỉ. Mặt khác, không một cơ quan nào khi được yêu cầu của tôi, tỏ ra mau lẹ cung cấp cho tôi đủ người và dụng cụ cần thiết. Họ cho tôi theo kiểu nhỏ giọt.

Thoạt tiên, toán cảm tử được thả dù xuống Iran đã thu đạt được một vài kết quả, thành thật mà nói, còn rất khiêm nhường. Sau khi liên lạc thành công với các bộ lạc nổi loạn, họ đã hoàn thành sứ mạng đầu tiên trong giới hạn khả hữu càng ngày càng thu hẹp, bởi vì chúng tôi không thể đưa thêm lực lượng tăng cường cũng như tiếp liệu đến như họ yêu cầu. Chúng tôi luôn luôn thiếu hụt loại phi cơ nổi tiếng Junker 290, loại duy nhất của Đức có thể hoàn thành các chuyến bay xa như vậy mà không cần tiếp tế nhiên liệu. Trong khoảng thời gian đó, khoá huấn luyện đặc biệt Oranienbourg đã tổ chức một toán cảm tử thứ nhì gồm sáu binh sĩ và một sĩ quan. Đến phút chót, cuộc khởi hành lại bị trì hoãn ngay khi phi cơ sắp cất cánh vì bị trục trặc. Ngày hôm sau chúng tôi mới biết đây là một trục trặc do trời định. Thật vậy, một trong các sĩ quan từ Téhéran vừa trốn chạy qua Thổ Nhĩ Kỳ, từ Constantinople, đương sự đã bảo cho chúng tôi biết

thật đúng lúc rằng trung tâm liên lạc của chúng tôi tại Téhéran đã bị khám phá, tất cả nhân viên bị bắt ngoại trừ y chạy thoát được.

Trong những điều kiện như thế, hoạ là có điên mới gởi thêm toán cảm tử thứ nhì bởi vì họ sẽ bị hoàn toàn cô lập, không thể liên lạc được với cả Téhéran lẫn toán cảm tử đầu tiên. Chúng tôi phải từ bỏ việc theo đuổi chiến dịch François. Vài tháng sau, các bộ lạc nổi loạn tại Iran cũng bỏ ngang cuộc chiến đấu, họ để cho binh sĩ của chúng tôi tự ý chọn lựa, hoặc là ở lại hoặc là trốn chạy. Thế nhưng đối với các quân nhân ít thông thạo ngôn ngữ địa phương này, cuộc chạy trốn đến biên giới một Quốc gia Trung lập – Thổ Nhĩ Kỳ - là một hành động tuyệt vọng. Sau đó, tù trưởng các bộ lạc nói trên bị bắt buộc phải giao các cảm tử quân Đức cho quân đội Anh. Thấy rõ là sắp bị cầm tù, một sĩ quan đã chọn cái chết. Người còn lại cùng với ba hạ sĩ quan bị giam trong một trại thuộc khu vực Cận – Đông. Mãi đến năm 1948, cả bốn người mới được thả về Đức.

*

Như vậy, chiến dịch François đã hoàn toàn thất bại. Nhưng tôi phải nói rằng vào thời kỳ đó, nhiều nhiệm vụ khác đối với tôi có vẻ thích thú hơn. Một hôm, Ban Kỹ thuật thuộc Phòng VI đưa cho tôi những kế hoạch liên quan đến sự phát triển kỹ nghệ của Nga Xô. Bởi lẽ vào thời đó, người ta không thể tìm thấy được tin tức nào về vấn đề này trên báo chí cũng như trong các tác phẩm địa lý hay kinh tế chính trị, bộ sưu tập gồm nhiều thống kê, bản đồ v.v... đã làm tôi kích động đặc biệt. Các chuyên viên đã thảo hoạch sẵn một chương trình phá hoại (được mệnh danh là chiến dịch ULM) nhằm tấn công để huỷ diệt toàn phần hay từng phần một số cơ sở kỹ nghệ đó. Tôi biết ngay là chiến dịch này có thể làm cho tiềm lực kỹ nghệ của kẻ thù yếu đi một cách rất đáng kể, và mục tiêu này chỉ có thể đạt được bằng cách giao phó nhiệm vụ cho một đơn vị duy nhất là cảm tử quân. Tuy nhiên, lúc này, chúng tôi chưa thể thực hiện chiến dịch. Tổ chức đơn vị tương lai của tôi chưa hoàn thành và nhất là tôi cảm thấy còn có nhiều điều phải học hỏi.

[1] Xin xem "Những Trận Đánh Lịch Sử của Hitler", sách đã xuất bản.

Chương II

Tôi học tập

Trước khi chấp nhận hẳn quyền chỉ huy đơn vị mới của cơ quan Tình báo Chính trị, tôi chú tâm vào một công việc khá đặc biệt: Tôi tự bắt buộc phải nghiên cứu tất cả báo cáo sẵn có về hoạt động của các cảm tử quân Anh quốc. Tại Nga Xô, tôi đã thấy người ta có thể rút ra những bài học hữu ích nhờ quan sát một cách thông minh những phương pháp được đối phương sử dụng. Tại sao điều đó lại không thể áp dụng vào trong lãnh vực mới mẻ của tôi? Phải thú nhận rằng tôi hoàn toàn mù mịt trong khi nghiên cứu những khám phá của các nhóm cảm tử Anh, được đặt dưới quyền chỉ huy của Lord Mountbatten. Những báo cáo về các hoạt động táo bạo của cảm tử Anh thật đã mở cho tôi những viễn ảnh hoàn toàn mới lạ. Rõ ràng là ngay từ đầu cuộc chiến, Cơ quan Tình báo danh tiếng của Anh quốc (Intelligence Service) đã tăng gia hoạt động rất đáng kể, trong vòng bí mật hoàn toàn.

Mặt khác, tôi cũng đọc các báo cáo về những chiến dịch của Sư đoàn Brandebourg phía chúng tôi. Tôi thấy ngay là mọi phương tiện được cung cấp cho đơn vị này đều yếu kém hơn đối phương, tình trạng này không phải là đã ngăn cản không cho đơn vị đạt được một vài thành tích đáng kể.

Căn cứ vào những điều học hỏi được trong khi chăm chỉ nghiên cứu như một tên khủng – trong vòng hai tuần lễ tôi đã đọc đi đọc lại và ghi chú hàng núi tài liệu – tôi suy luận rằng sự lãnh đạo các cảm tử quân sẽ mang lại cho tôi khả năng tuyệt vời, không ngờ được, có thể đóng góp thật nhiều vào chiến thắng của Đức Quốc. Không phải như chúng tôi, đối phương không thể nào bảo vệ chặt chẽ được toàn diện hậu phương mệnh mông của họ. Chúng tôi khám phá ra rằng một toán cảm tử không cần đông lắm nhưng cương quyết có thể tấn công, với mức độ hy vọng thành công khá lớn, vào một một số các trung tâm quan trọng sống còn của địch. Như vậy, với điều kiện được chuẩn bị kỹ lưỡng cho mỗi đợt viễn chinh, và được cung cấp đầy đủ phương tiện vật chất cần thiết, chúng tôi phải đạt được các kết quả quan trọng. Mặt khác, chờ đến lúc đó sự mạng này đối với tôi còn hấp dẫn hơn vì quân đội Đức chưa có nỗ lực nào được tổ chức theo chiều hướng này.

Tôi quyết định chấp nhận dứt khoát quyền chỉ huy các đơn vị cảm tử hiện hữu và sẽ được tổ chức. Cho đến lúc đó, khoá huấn luyện đặc biệt mà tôi sẽ điều khiển được một Đại Úy người Hoà Lan thuộc bộ tư lệnh Waffen SS chỉ huy. Các trưởng ban của một Đại đội duy nhất thuộc khoá huấn luyện là các quân nhân hoàn toàn rành nghề nhờ kinh nghiệm của nhiều năm chiến đấu - những người mà tôi có thể tin cậy được. Như vậy là tôi đã được sử dụng một số nhân sự nòng cốt khá đầy đủ. Ngược lại, về phương diện huấn luyện, tôi thiếu những cộng sự viên tài giỏi. May mắn đã đến với tôi. Trong khi đi thăm viếng các văn phòng của cơ quan tình báo chính trị, tôi gặp một bạn học cũ, Kark Radl, hiện là trưởng ban SS, anh ta chấp nhận giúp tôi ngay trong việc tổ chức đơn vị mới, và lại còn giới thiệu cho tôi 2 sĩ quan trẻ vừa mới rời khỏi Phòng VI. Tôi xin được một cách dễ dàng sự bổ nhiệm hai sĩ quan này về đơn vị tôi.

Rồi thì tôi bắt đầu công việc một cách nhiệt thành. Tôi nhận được lệnh bành trướng khoá huấn luyện lên đến tầm vóc quan trọng của một Tiểu đoàn. Hơn nữa, cấp lãnh đạo trong Bộ Tư Lệnh Waffen SS còn giao cho tôi tổ chức một đơn vị xung kích mới, Tiểu đoàn Friedenthal. Nhờ những tương quan tuyệt hảo với nhiều Sư đoàn Bộ binh, tôi tập trung được nhanh chóng một số sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, đủ để thành lập một đại đội thứ hai. Mặt khác, chúng tôi cũng tìm được một địa điểm lý tưởng để cho đơn vị mới đồn trú. Tại Friedenthal, gần Oranienbourg, một lâu đài nhỏ thời Đại Đế Frédéric le Grand, chìm khuất trong lòng một công viên mệnh mông, thiếu săn sóc, dần dần biến thành hoang dã. Những cánh đồng cỏ rộng bao bọc chung quanh địa điểm chọn lựa cũng phù hợp với nhu cầu của chúng tôi. Tôi cho sửa soạn ngay các bãi tập, xây cất doanh trại, kho v.v... cần thiết. Soạn thảo các kế hoạch là một công việc rất dễ chịu, bù lại, các phương cách có thể áp dụng để rút ra một số phương tiện thi hành các kế hoạch đó, từ các sở, phòng, cơ quan, thì lại rất thiếu thốn. Trong khi dùng toàn lực vật lộn với guồng máy Hành chánh chí tôn với các đại giáo sĩ của nó, các đảng công chức, tôi thu thập được một số kinh nghiệm, và sau cùng tôi cũng bị lôi cuốn vào trong không khí chật chội những quyền hạn và thẩm quyền. Sự thật đã bắt buộc tôi phải thú nhận rằng Karl Radl, lúc đó là sĩ quan tùy viên của tôi, đã hạ tôi rất xa và trở thành một tay cừ khôi trong nghệ thuật khó khăn này.

Tôi đã nhìn rất rộng khi thiết lập chương trình huấn luyện. Tôi muốn cung ứng cho đơn vị mới của tôi một sự giáo huấn càng hoàn hảo càng tốt để có thể được sử dụng bất cứ lúc nào và vào bất cứ sự mạng gì. Vì thế mỗi người trước hết được huấn luyện theo chương trình bộ binh và công binh thường lệ, sau đó phải làm quen với cách vận dụng súng phóng lựu, đại bác dã chiến, thiết giáp xa. Lẽ tất nhiên tất cả mọi người đều phải học lái, không những xe gắn máy và xe hơi, mà còn cả xuồng máy và đầu tàu hoả. Tôi dành cho thể thao một vị trí quan trọng trong chương trình huấn luyện, nhất là bơi lội. Ngoài ra, chúng tôi cũng tổ chức khoá huấn luyện nhảy dù cấp tốc.

Cũng trong thời gian đó, các lớp học chuyên môn đang sửa soạn cho những người được lựa chọn sẵn sàng thi hành các sứ mạng đã được chỉ định, chương trình của những lớp này gồm có: học một số ngoại ngữ, và chiến thuật tổng quát để tấn công các cơ sở kỹ nghệ của quân thù. Vào thời đó, một mặt tôi coi việc chiến đấu chống Nga Xô là nhiệm vụ chính, mặt khác tấn công các vị trí của Anh, Mỹ trong vùng Cận Đông. Rõ ràng là tôi không ý thức được rằng lúc đó đã là năm 1943, năm thứ tư của cuộc chiến. Có lẽ tiềm thức tôi đã xua đuổi ý nghĩ này để chỉ tập trung tư tưởng vào hiện tại, để ít ra cũng cố đạt các kết quả còn có thể đạt được. Tôi lập đi lập lại không ngừng rằng từ ngữ “quá muộn” không thể có trong ngôn ngữ của quân nhân. Không bao giờ quá trễ để tổ chức một chiến dịch quan trọng. Thời gian càng hạn chế, chúng tôi càng phải chuẩn bị nhanh hơn... tất cả chỉ có thế.

Chương III

Những ông bạn người Anh của chúng tôi

Trước khi tôi được bổ nhiệm, cơ quan Tình Báo Chính Trị cũng đã bắt đầu tổ chức một khoá huấn luyện gián điệp tại Hoà Lan. Trường huấn luyện đặc biệt này được đặt tại một cơ sở tư, thuộc một nhà quý tộc Hoà Lan. Tại đó, người ta đã chú trọng đến việc đào tạo các chuyên viên vô tuyến và phá hoại. Một hôm, tạm để lại công việc tại Friedenthal, tôi đến viếng thăm cơ sở huấn luyện này. Ngay trong lần thanh sát đầu tiên này tôi nhận thấy người ta đã làm việc trên một tầm mức rộng lớn hơn là tổ chức của tôi tại Đức. Khoá huấn luyện do một Thiếu Tá Tình báo điều khiển. Một tình trạng làm tôi lúng túng, vị sĩ quan này không thuộc quân đội chính quy, lại đã mang cấp bậc lớn hơn tôi. May thay, ông ta tự đặt mình dưới quyền chỉ huy của tôi ngay.

Gần như tất cả những gì tôi học hỏi được trong cuộc hành trình này về hoạt động của các cơ sở phản gián điệp đều mới mẻ đối với tôi. Mặt khác, đây cũng là lần đầu tiên tôi ý thức được cường độ hoạt động của phía Đồng Minh, đặc biệt là Anh quốc, trong lãnh vực này. Đêm này qua đêm khác, những phi cơ bay nhanh đã liệng vòng trên các vùng đất do quân đội chúng tôi chiếm đóng để thả dù những nhân viên có nhiệm vụ phản gián và phá hoại, hoặc để tiếp tế cho những nhân viên đang hoạt động dưới đất, các loại radio, chất nổ, vũ khí và dụng cụ.

Các cơ sở của chúng tôi ước lượng rằng 50% điệp viên địch bị bắt cầm tù vài ngày, có khi là vài giờ sau khi đáp xuống đất. Hơn thế nữa, 75% vật liệu được thả dù thường thường rơi vào tay chúng tôi. Tôi yêu cầu và được cung cấp các loại dụng cụ bắt được này, như vậy, từ lúc đó, chính quân thù đã thân ái lãnh nhiệm vụ giải quyết những khó khăn của chúng tôi. Đây là phương pháp ít tốn kém mà sau này tôi thường nồng nhiệt khuyến khích các đơn vị trưởng cảm tử quân áp dụng.

Tôi cũng được biết một số báo cáo liên quan đến cung từ của các điệp viên Anh bị bắt. Nghiên cứu các câu trả lời của họ, tôi ước lượng được sự chậm trễ lớn lao mà chúng tôi phải theo đuổi để bắt kịp kẻ thù. Tôi đặc biệt chú ý đến các phương pháp huấn luyện được đối phương bên kia bờ biển Manche áp dụng. Do lời yêu cầu của tôi, người ta đã tăng cường việc hỏi cung theo chiều hướng này và nhờ đó tôi có ngay một số tin tức rất chính xác.

Như thế, hiện nay tôi biết rằng phần lớn các trường huấn luyện của cơ quan Tình báo Anh quốc đều được đặt tại một vùng nào đó ở Ecosse - một thứ khu vực cấm lai vãng, được canh giữ kỹ càng - tại đây, chúng được che đậy tài tình trong các ngôi nhà riêng rẽ biệt lập. Một số đồng điệp viên bị bắt đã cung cấp cho chúng tôi bảng mô tả chi tiết và cách thức đến gần các địa điểm huấn luyện này. Mặt khác chúng tôi còn biết cả chương trình các khoá huấn luyện điệp viên Anh, nhờ đó chúng tôi biết phải hướng các nỗ lực huấn luyện của chúng tôi theo chiều hướng nào.

Cũng tại Hoà Lan, lần đầu tiên tôi làm quen với một vài kiểu mẫu thuộc loại điệp viên hai mang. Một vài tù nhân của chúng tôi - những người coi hoạt động gián điệp như là một nghề kiếm cơm - bị thuyết phục “trở áo” dễ dàng và tiếp tục hành nghề gián điệp nhưng lần này là để chống lại chủ nhân cũ của họ. Điều này không ngờ vẫn thường xảy ra luôn, đã minh chứng cho tôi rằng chỉ nên giao phó những sứ mạng thật sự nguy hiểm cho những quân nhân tình nguyện. Thật rõ ràng rằng lòng nhiệt thành thuần khiết, niềm tin tưởng vững chắc vào sự hy sinh tính mạng cho một mục tiêu cao cả, cho sự an toàn của dân tộc, là những thừa số chủ yếu của sự thành công. Nếu thiếu hai động lực đó, nói lời thành công là điều rất đáng nghi ngờ. Người ta không thể đòi hỏi những kẻ đem mạng sống của mình đánh đổi một số tiền chứng tỏ lòng trung thành bền vững được, một vài trường hợp biệt lệ mà tôi biết cũng không thể nào đánh đổ được qui tắc đó.

Trong chuyến hành trình này, tôi cũng lại được biết chi nhánh cơ quan Tình báo của chúng tôi tại Hoà Lan đã có những cuộc tiếp xúc tuyệt vời với “đồng nghiệp” Anh quốc qua làn sóng vô tuyến, đây thật sự là một “trò chơi vô tuyến”. Người của chúng tôi đã chiếm được cả tá máy móc do người Anh thả dù và nhất là các mật mã giúp mã hoá và đọc các loại mật điện. Nhờ các điệp viên Anh, những người đáng lẽ được nhận máy móc và mật mã đó, chúng tôi đã duy trì được một cuộc đối thoại đều đặn với Anh quốc. Các tin tức bắt được đã giúp chúng tôi khám phá cả một hệ thống kháng chiến gồm hàng trăm người Hoà Lan. Và bởi vì tổ chức này không biểu dương một hoạt động nào, chúng tôi cũng chưa cho bắt họ như dự trù, hy vọng tiếp tục lừa được đối phương để nắm được các kết quả trọng yếu hơn.

Trong vô số các tin báo khác, cung từ của các điệp viên Anh bị bắt cho chúng tôi biết rằng, tại các trường huấn luyện của Anh, đối phương đã sử dụng một loại súng lục hãm thanh để thực tập tác xạ. Tại Đức, chúng tôi chưa hề sản xuất loại vũ khí tương tự, và cho đến nay, chúng tôi chưa được may mắn tìm thấy một khẩu nào trong vô số kiện hàng được thả dù đã lọt vào tay chúng tôi. Một tư tưởng táo bạo hiện ra trong óc tôi: Tại sao chúng tôi không sử dụng trò chơi vô tuyến để yêu cầu Anh quốc gửi cho chúng tôi một khẩu? Chi nhánh của chúng tôi tại Hoà Lan liền tuyên bố sẵn sàng thực hiện vụ “đặt hàng” này.

Mười lăm ngày sau, khi tôi trở lại La Haye, người ta đã trình tôi loại vũ khí này thật, một khẩu súng lục nòng 7,65 ly, bắn phát một, một sản phẩm phần nào còn thô sơ, có lẽ vì thế mà tỏ ra rất chắc chắn nhưng khó thay đổi bằng những cơ hành phức tạp hơn. Ngay khi nhận được mật điện do chúng tôi gửi, ký tên một gián điệp bị bắt có bí danh là “Treasure” (Kho tàng), người Anh đã gửi ngay khẩu súng - bằng đường hàng không, tất nhiên – và chúng tôi chiếm hữu thành công ngay gói hàng được thả dù. Lập tức tôi làm một cuộc thí nghiệm bằng cách bắn qua cửa sổ văn phòng nhắm vào đàn vịt bơi lội thướt tha trên kinh đào. Tôi có thể xác nhận rằng quả thật người ta chẳng nghe gì cả: ngoài đường phố, khách bộ hành cũng không hề quay đầu lại.

Những chuyến hàng do người Anh thả dù xuống Bỉ, Pháp và Hoà Lan cũng chứa đựng loại tiểu liên tí hon hiệu Sten. Ngay khi nhìn thấy thứ vũ khí này tôi rất ngạc nhiên vì cách cấu tạo giản dị của nó, có thể cho phép sản xuất nhanh và rẻ. Chúng tôi cũng được biết người Anh đã chế tạo nòng hãm thanh cho loại tiểu liên này nhưng họ còn giữ bí mật. Cơ hội này lẽ tất nhiên cũng kích thích tôi muốn thử kiếm kiểu nòng bí mật này. Nhưng làm thế nào? Lần này hệ thống đặt hàng vô tuyến của chúng tôi không thành công nữa. Hoặc giả là người Anh đã cảm thấy một cái gì ám muội, hoặc giả họ quyết định còn giữ kín loại nòng hãm thanh nói trên.

Tình cờ lúc đó tôi biết một Đại Úy người Hoà Lan sắp đi Anh quốc với một sứ mạng khác. Đương sự có ý định trước hết đến Thụy Điển rồi đến một hải cảng vùng Ecosse để nhận giấy tờ gửi cho các điệp viên Anh đang hoạt động tại Hoà Lan. Do lời yêu cầu của tôi, người ta còn phải tìm cách kiếm một nòng hãm thanh của loại tiểu liên Sten.

Nhờ mảnh khoẻ này, vào cuối tháng sáu năm 1943, tôi vui sướng nhận được nòng hãm thanh đầu tiên trong số đã lọt vào tay người Đức. Tôi bị hấp dẫn ngay vì khả năng hữu dụng của khí cụ này. Một toán tuần tiễu được trang bị loại tiểu liên có nòng hãm thanh có thể tránh khỏi bị tổn thất, thoát khỏi những hiểm nguy, bởi vì trong trường hợp đụng độ bất ngờ với một bộ phận địch quân, toán tuần tiễu sẽ không hành động âm thầm làm cho các đơn vị khác của đối phương chú ý để đến tăng cường lực lượng địch. Tôi tin rằng bất cứ binh sĩ nào hoạt động trong một toán tuần tiễu hoặc hoạt động đơn độc trong nhiệm vụ tiền sát cũng đều ưa thích được trang bị loại vũ khí như thế.

Thế nhưng cơ quan nghiên cứu vũ khí tại Bá-linh đã không đồng ý với tôi. Khi trở về Friedenthal, một đêm, tôi trình nòng hãm thanh cho một vài sĩ quan cao cấp và chứng minh tính cách hấp dẫn của loại vũ khí này: Trong khi chúng tôi đi dạo trong công viên – lúc đó trời đã tối - một binh sĩ đã theo chúng tôi cách vài bước và bắn chỉ thiên hết nguyên một băng đạn, các vị sĩ quan này tỏ ra hết sức ngăn ngại khi tôi chỉ các vỏ đạn rơi vung vãi dưới đất. Nhưng họ lại phản đối, cho rằng sức xuyên phá không đủ và nòng hãm thanh làm giảm bớt mức độ chính xác. Tôi bèn đề nghị bắt chước kiểu tiểu liên Sten - một vũ khí đơn giản nhưng lại rất chắc chắn – và trang bị cho quân đội Đức. Thực tế cho thấy là người ta có thể ném khẩu Sten cho chìm xuống bùn, đập lên trên và rồi có thể sử dụng ngay được, trong khi đó tiểu liên Đức không bao giờ có thể chịu đựng nổi một thử thách như thế. Hơn nữa, việc sản xuất tiểu liên Sten chỉ đòi hỏi một thời gian ngắn và cùng một số nguyên liệu cần thiết để sản xuất tiểu liên Đức. Một lần nữa, các đảng thư lại thân mến của chúng tôi lại tìm các lập luận bác bỏ đề nghị của tôi. Lần này họ động viên cả đến Adolf Hitler: một hôm, Fuhrer đã nói rằng chỉ trang bị cho chiến sĩ Đức những vũ khí tuyệt hảo mà chúng ta có. Thật vậy, độ chính xác của tiểu liên Sten có kém sút tiểu liên Đức đôi chút. Các ông này quên mất rằng tiểu liên luôn luôn là loại vũ khí dành cho các trận cận chiến và không một quân nhân nào lại nghĩ đến việc dùng tiểu liên để bắn vào một mục tiêu xa.

Chương IV

Gặp gỡ Canaris

Một hôm, một trung úy thuộc sư đoàn xung kích Brandebourg, trung úy Adrian Von Foelkersam đến thăm tôi. Người hậu duệ của một gia đình vọng tộc miền Baltique này là một sĩ quan tuyệt diệu. Anh đã được gắn huy chương cao quý ngay từ năm 1911 nhờ thành tích táo bạo tại mặt trận miền Đông. Trước hết, anh ta lưu ý tôi về nỗi bất bình bao trùm các quân nhân phục vụ lâu ngày trong sư đoàn Brandebourg và giải thích rằng lâu nay sư đoàn không được giao phó nhiệm vụ gì đặc biệt, trái lại vẫn phải đi làm nút chặn mà như vậy là bị tung vào những trận đánh mà bất cứ sư đoàn nào cũng thực hiện tốt đẹp được. Tồn thất của sư đoàn sau các trận đánh này lên rất cao và nhất là không thể thay thế được, bởi vì sư đoàn này gồm toàn những quân nhân đặc biệt biết nhiều ngoại ngữ và là những thành phần tình nguyện hoạt động trong các chiến dịch cảm tử. Sau khi nhập đề như thế, anh ta đề cập đến mục đích của cuộc viếng thăm: anh ta và 10 sĩ quan khác thuộc tiểu đoàn của anh tình cờ nghe nói đến đơn vị mới mà tôi đang thành lập, sẽ tỏ ra rất sung sướng nếu được bổ nhiệm về phục vụ đơn vị mới này. Anh hỏi liệu tôi có thể giúp họ tìm cách được chuyển không? Vì Von Foelkersam đã gây cho tôi cảm giác tốt ngay từ đầu cuộc gặp gỡ, tôi hứa với anh ta là sẽ dùng mọi quyền hạn của tôi để giúp họ.

Chính lời hứa này đã đưa tôi đến cuộc gặp gỡ đầu tiên và cũng là cuộc gặp gỡ duy nhất với vị Đô đốc nổi tiếng Canaris, chỉ huy cơ quan tình báo (Ausland Abwehr). Tôi vừa được biết rằng bác sĩ Kaltenbrunner, thời đó là chỉ huy trưởng cơ quan an ninh, và thượng cấp trực tiếp của tôi là chỉ huy trưởng cơ quan tình báo chính trị Schellenberg, có ý định cùng với Đô đốc Canaris tìm phương cách phối hợp hữu hiệu những nỗ lực của Ausland Abwehr và các cơ quan tình báo SS. Tôi có xin phép họ tham dự cuộc họp và vận động hậu thuẫn của họ trong mục đích xin Đô đốc chuyển 11 sĩ quan của sư đoàn Brandebourg về đơn vị mới của tôi.

Chúng tôi được đưa vào một văn phòng thiếu ánh sáng và ngồi vào các ghế bành thật sâu. Thật kỳ lạ, mặc dầu tôi có một trí nhớ đặc biệt về vẻ mặt con người, bây giờ tôi cũng không thể nào hình dung được hình dáng của Đô đốc Canaris. Tôi chỉ còn nhớ được một người có tầm vóc trung bình, to béo nặng nề, trán thật hói, mặc quân phục hải quân. Về vẻ mặt, tôi chỉ còn nhớ độc có đôi mắt không màu sắc với một vẻ nhìn khó đoán được ý nghĩ, đưa đẩy không ngừng từ người này sang người khác, trừ khi nhìn cố định một vài phút vào một điểm cố định nào đó trên tường.

Trái lại, tôi không hề quên Canaris như là người tôi chống đối nếu không nói là đối thủ. Rõ rệt đó là một người tuyệt vời trong nghệ thuật giữ mình không dễ bị lay chuyển. Có thể ví ông ta với con bạch tuộc, ấn ngón tay sâu vào nó như một khối keo, ngay khi vừa buông ra, trái cầu bầy nhầy đó lại trở lại hình dáng cũ, tròn và trơn tuột, như chẳng có gì xảy ra cả. Với sự khôn khéo đặc biệt, Canaris biết cách ngăn chúng tôi, bằng lối biện chứng tài tình, không cho trình bày hết ý tưởng mà phân kết luận sẽ làm ông ta không thích. Vậy mà khi cần, chính tôi cũng biết là phải dai dẳng. Sự kiện này làm cho cuộc thảo luận dây dưa mãi. Trong vòng ba giờ đồng hồ liền, chúng tôi tìm cách làm cho ông ta thỏa hiệp, biệt phái 11 sĩ quan. Canaris đã liên tục, tôi có thể nói là sáng chế ra các lý do mới để từ chối. Ngay khi chúng tôi thành công trong việc bác bỏ một lập luận chống đối của ông, (bất chấp những lần bị ngắt lời), ông ta lại nêu ra lý do chống đối khác. Sau cùng, dường như vì cạn lý, ông ta chấp thuận chuyển 11 sĩ quan thuộc sư đoàn Brandebourg về đơn vị mới của tôi. Tôi thở ra một hơi dài khoan khoái, ngồi ngay ngắn lại và cố gắng giữ gìn không biểu lộ sự đắc thắng của mình. Bây giờ tôi là kẻ chiến thắng sau một cuộc chiến đấu ráo riết. Thế nhưng vào đúng lúc Tham Mưu Trưởng của ông sắp sửa nhận lệnh thi hành quyết định này, trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, Canaris lại thấy các khó khăn mới và quyết định để vấn đề lại xét sau, nghĩa là chẳng bao giờ xét lại cả. Trước một chứng cứ mới về sự thiếu thiện chí của ông ta, tôi thấy chán ngấy và muốn đứng dậy đi về. Mãi đến vài tháng sau, vào tháng 11 năm 1913 nhờ những phương cách không chính thức, tôi mới được thỏa mãn về điểm này.

Chương V

Một kế hoạch vĩ đại bị chôn vùi

Trong cùng một thời gian này, tôi cũng liên lạc với tổ chức Kurfurst - đây là tên ngụy trang của cơ quan tình báo thuộc Bộ Tư Lệnh Không Quân Luftwaffe. Tôi ý thức được rất nhanh là người ta đã làm việc rất gương mẫu và hữu hiệu tại đó. Cuộc tiếp xúc lần đầu tiên của chúng tôi phát sinh một sự hợp tác càng ngày càng chặt chẽ và lợi ích. Văn phòng trung ương của tổ chức này nắm trong tay một số lượng tài liệu đáng kinh ngạc về tất cả các quốc gia có thể làm cho chúng tôi chú tâm đến, đặc biệt là các không ảnh bao phủ cả một vùng mênh mông từ sông Volga phía đông, từ hồ Aral phía đông nam, từ vùng Mésopotamie và kênh Suex phía nam. Khôn nổi, phần lớn các không ảnh này được chụp trong những năm 1940-1941, nghĩa là từ thời mà không quân Đức còn làm chủ bầu trời.

Trong các văn khố này, tôi còn tìm thấy nhiều tài liệu phong phú về tiềm năng kỹ nghệ của địch. Khi mới đảm nhận chức vụ mới, tôi đã tìm thấy một số chỉ dẫn liên quan đến kỹ nghệ chiến tranh của Xô Viết, tập trung được nhân chiến dịch Ulm. Nhưng chính từ sau khi đọc được các tài liệu của không quân, tôi mới bắt đầu thấy chúng tôi còn thiếu sót bao nhiêu, và sứ mạng mà thượng cấp giao phó cho tôi vĩ đại đến mức nào.

Chúng tôi được biết rằng Nga Xô đã di chuyển và tái thiết các cơ sở kỹ nghệ quan trọng nhất của họ trong một vùng phía đông dãy Ural - một vùng rộng lớn hơn cả lãnh thổ “Đại Đức Quốc”. Vì lẽ không quân Đức chỉ có thể thực hiện một số ít các chuyến bay thám thính trên vùng đất này, chúng tôi bắt buộc phải sưu tầm thêm bằng những nguồn tin khác. Chúng tôi tập trung và đối chiếu có hệ thống hàng ngàn cung từ của tù binh Nga, rồi chúng tôi bổ túc bằng kết quả do một số cơ sở của chúng tôi điều tra các công ty Đức, Pháp, trước đó có thực hiện các công tác trong vùng. Nhờ phương pháp đó chúng tôi có thể phác họa mau lẹ một mô thức khá chi tiết về cơ cấu kiến trúc của khu vực kỹ nghệ tập trung vĩ đại này. Tôi thấy ngay là còn bao nhiêu công việc chuẩn bị phải làm nữa trước khi nghĩ đến việc thiết lập một kế hoạch tấn công có thể mang lại cho chúng tôi phần nào thành công.

Rõ rệt là không thể nào hủy diệt hoặc bằng không quân hoặc bằng cách phá hoại toàn bộ cơ sở tập trung trong khu vực quá rộng lớn như thế. Chúng tôi phải khám phá ra các trung tâm đầu não. Mỗi một loại kỹ nghệ, nhất là khi được xây dựng một vài năm, sau một kế hoạch chinh thức được áp dụng chặt chẽ, đều có điểm yếu của nó. Trong trường hợp đặc biệt hiện nay, “những gót chân Achille” là các trung tâm điện năng được dự trù xây dựng cùng với các nhà máy trong một họa đồ chung, và được các kỹ sư Xô Viết cứ thế xúc tiến việc xây cất. Cũng giống như các nơi khác, người ta có khuynh hướng thỏa mãn lập tức nhu cầu điện năng, và vì đã phát triển khu vực quá nhanh, người ta không cần có một trung tâm nào đóng vai trò cung cấp điện năng trừ bị. Vậy thì một sự giảm sút đáng kể trong việc sản xuất điện năng, theo lý là phải kéo theo sự giảm sút tương ứng sản xuất kỹ nghệ. Mặt khác, hệ thống liên lạc giữa các trung tâm khác nhau cũng là các điểm yếu nếu sự phá hoại thường xuyên xảy đến làm cản trở sự điều hành các hệ thống này.

Chúng tôi đã chuẩn bị theo chiều hướng ấy. Được các chuyên viên của không quân yểm trợ, bởi vì các đề án của chúng tôi cũng tỏ ra rất hữu ích cho không quân, chúng tôi tập trung nỗ lực vào hai mục tiêu, và lập tức, công trình của chúng tôi tiến hành rất mau lẹ. Khôn thay, công cuộc chuẩn bị của chúng tôi đột nhiên bị đình chỉ - trong nhiều tháng - bởi mệnh lệnh, tất nhiên là có dụng ý, nhưng không được suy nghĩ đúng mức phát xuất từ “các cấp trên” của chúng tôi. Chuyện xảy ra như sau: một công chức của Bộ Trang Bị đã trình Himmler một báo cáo về các lò luyện kim ở Magnitogorsk, trong vùng Ural. Với bản tính nóng nảy cố hữu, Himmler liền ra lệnh “Đơn vị đặc biệt Friedenthal chuẩn bị lập tức một chiến dịch phá hoại các lò luyện kim ở Magnitogorsk, nhằm mục đích tiêu hủy chúng hoàn toàn”. Chỉ Huy Trưởng đơn vị hàng tháng phải báo cáo tiến triển của công tác chuẩn bị và ngay lúc nào có thể, trình ngày giờ khởi hành của đơn vị cầm tử. Đó là mệnh lệnh mà tôi tìm thấy trong một buổi sáng đẹp trời, dưới hình thức điện văn, trên bàn giấy của tôi.

Sau khi hội họp với mọi loại chuyên viên, chúng tôi đi đến nhận định: thứ nhất, chúng tôi không có một tài liệu nào về vùng Magnitogorsk và các cơ sở kỹ nghệ tại đó. Vậy trước hết chúng tôi phải thử tìm kiếm tài liệu, tin tức, công việc này đòi hỏi chắc chắn phải làm việc trong nhiều tháng. Thứ hai, dầu cho có suy nghĩ nát óc cũng vô ích, chúng tôi tuyệt đối không thấy làm cách nào mà những quân sĩ cầm

tử đáng thương của chúng tôi lại có thể mang theo một số lượng chất nổ thật lớn, cần cho công tác, đến gần các lò luyện kim vốn được canh giữ liên tục.

Vậy thì không thể nào thi hành ngay mệnh lệnh đó được. Nhưng làm thế nào để trình bày cái không thể này lên các đáng thượng cấp đây? Khi tôi ngây thơ muốn gửi một tờ trình khách quan và chi tiết về các khó khăn không thể vượt qua mà chúng tôi phải đương đầu, người ta đã cười vào mũi tôi. Họ giải thích rằng tôi còn phải học hỏi nhiều về ngoại giao và cần chứng tỏ điều đó trong khi giao thiệp với sếp lớn. Chính Schellenberg cũng đã dạy tôi một bài học thật sự về đường lối phải theo đuổi: theo ông, trước hết cần phải biểu lộ sự hân hoan tràn trề đối với bất cứ đề án nào - ngay cả các đề án rò rỉ nhất - và tuyên bố liên tục rằng công cuộc chuẩn bị tiến triển rất khả quan. Dần dần về sau, người ta có thể bắt đầu vén màn bao phủ sự thật, và vẫn phải từ từ, nhỏ giọt. Để đạt tới trình độ bậc thầy trong chiến lược đơn giản này, phải học cách chôn vùi khéo léo tất cả các kế hoạch loại này bằng cách nào để rốt cuộc ngay đến tác giả của chúng cũng không còn nghĩ gì đến nữa. Lúc đó các ông lớn sẽ coi anh là một cộng sự viên lí tưởng, xứng đáng được tin cậy và được bao bọc.

Thật vậy, chúng tôi phải mất đúng một năm rưỡi mới “chôn vùi” vĩnh viễn được cái ý tưởng rất vĩ đại nhưng tuyệt đối bất khả thực hiện kia.

Ngày 26 tháng 7 năm 1943, tôi ăn trưa ở khách sạn Eden, tại trung tâm Bá-linh, với một người bạn cũ đồng quê quán, hiện là giáo sư viện đại học Vienne. Sau bữa ăn tuyệt diệu, chúng tôi uống cà phê - đúng hơn là một thức uống vô danh được dùng để thay cho cà phê - trong phòng khách và tiếp tục chuyện gẫu về Vienne, về những kỉ niệm và bằng hữu chung. Khoảng thời gian vượt thoát chốc lát vào trong đời sống dân sự - tôi không mặc quân phục - đã mang đến cho tôi cảm giác hòa dịu, thoải mái, tuy nhiên thời gian trôi qua, một mối lo ngại kì lạ, không giải thích được, đã xâm chiếm tôi. Mặc dầu tôi đã dặn các nhân viên tổng đài điện thoại của khách sạn khi cần kiếm tôi ở đâu, nhưng vô ích, tôi không thể nào thoát được cảm giác nặng nề, khó thở.

Cuối cùng, không thể chịu đựng được nữa, tôi gọi về văn phòng. Người nữ thư kí của tôi thật sự đang hốt hoảng. Hình như trong suốt hai giờ qua, người ta đã tìm kiếm tôi khắp nơi. Cô ta la trong máy: "Tổng Hành Dinh của Fuhrer gọi cho ông, đúng 17 giờ phi cơ sẽ chờ ông tại phi trường Tempelhof." Tôi hiểu ngay nguyên nhân của tình trạng kích động, bởi vì cho đến nay, tôi chưa được gọi trình diện Tổng Hành Dinh. Cố hết sức che dấu mọi xúc cảm, tôi chỉ trả lời:

- Bảo Radl về ngay nhà tôi, lấy một bộ quân phục và đồ nhặt dụng bỏ vào va ly và đưa lên phi trường. Tôi sẽ đi thẳng đến đó. Cô có hiểu vì chuyện gì không?

- Thưa ông không, chúng tôi chẳng hiểu gì cả.

Tôi vội vàng cáo từ người bạn (anh ta tỏ vẻ rất xúc động khi được biết tôi được Tổng Hành Dinh triệu đến) và nhảy lên một chiếc taxi. Trên đường đến phi trường, tôi cố gắng phỏng đoán lý do của sự triệu dụng bất ngờ này. Phải chăng là vụ chiến dịch Francois? (chiến dịch phá đường sắt tại Iran?) Không có lẽ, hay là chiến dịch Ulm? (tấn công các cơ sở kỹ nghệ tại Oural?) Rất có thể lắm, mặc dầu tôi không nhận thức được lý do sự hiện diện của tôi tại Tổng Hành Dinh của Fuhrer có thể làm cho công cuộc chuẩn bị chiến dịch tiến mau hơn. Tôi tự bảo, hãy chờ đó rồi sẽ biết. Tại phi trường, Radl, sỹ quan tùy viên của tôi đã chờ sẵn đó với một va-ly và một túi xách tay. Tôi thay quân phục mau lẹ trong khi nói chuyện gẫu, Radl lưu ý tôi rằng đài phát thanh vừa loan tin chế độ chính trị của Ý Đại Lợi thay đổi, nhưng cả hấn lẫn tôi không ai nghĩ đến chuyện kết của biến cố này với lệnh gọi tôi về Tổng Hành Dinh.

Khi chúng tôi tiến ra phi đạo, tôi thấy chong chóng của một chiếc Junker 52 bắt đầu quay. Tôi nghĩ thầm, sang thật, chiếc phi cơ vĩ đại này lại chỉ dành cho một mình tôi! Đúng lúc sắp bước vào phi cơ, tôi mới nhớ là đã quên điếm quan trọng nhất, tôi bảo Radl:

- Tôi sẽ phải liên lạc được với anh bất cứ lúc nào. Ngay khi biết có chuyện gì, tôi sẽ gọi điện thoại. Lẽ tất nhiên là hai đại đội của chúng ta phải ở trong tình trạng báo động thường trực.

Phi cơ cất cánh, lượn vòng và bốc lên cao. Tôi lại tiếp tục đặt ra các giả thuyết. Người ta gọi tôi đến Tổng Hành Dinh của Fuhrer để làm gì? Tôi sẽ gặp ai? Càng suy nghĩ tôi càng không hiểu gì. Cuối cùng tôi không thềm khám phá điều bí mật nữa và quay ra quan sát bên trong chiếc phi cơ mà tôi là hành khách độc nhất. Ngay trước mắt tôi là một tủ đựng rượu nhỏ. Vẫn phè phỡn như thường lệ, tôi chồm tới cánh cửa mở hé để hỏi viên phi công là hành khách có uống rượu được chăng. Hai ly cô-nhắc đủ làm dịu thần kinh của tôi, và nhờ vậy tôi có thể ngắm nhìn một cách nhàn hạ các vùng phi cơ bay qua.

Chúng tôi vượt qua sông Oder rất mau lẹ, và vùng Neumark xanh mướt gồm rừng và đồng cỏ xếp theo hình ô vuông trải dài bất tận. Tôi tò mò muốn thấy phi cơ sẽ đáp ở đâu, bởi vì cho đến nay, tôi cũng không biết gì hơn nhân loại về địa điểm đặt Tổng Hành Dinh của Fuhrer, một nơi nào đó trong vùng Đông Phổ được mệnh danh là "Hang Sói". May thay, người sỹ quan tùy viên chu đáo của tôi đã để sẵn trong xách tay một bản đồ Đức quốc để tôi có thể theo dõi đường bay. Một giờ rưỡi đồng hồ sau khi rời Bá-linh, có lẽ với cao độ 1000 thước, chúng tôi bay trên thành phố Schneidemuhl và rồi viên phi công mà tôi gọi đến bên cạnh, chỉ cho tôi hồ Deutsch-Eylau, rồi giao điểm của các trục Varsovie-Dantzic và Insterbourg-Posen. Những thiết lộ được phân biệt với mặt đất, rõ ràng giống như các hình kỷ hà, và tôi không thể ngăn được ý nghĩ rằng giao điểm này là một mục tiêu lý tưởng cho không lực địch. Một lúc sau, chính ý nghĩ này đã làm cho tôi nổi giận với chính tôi, tôi sống trong một khoảng thời gian tuyệt vời, một phi cơ lớn chở tôi trong một bầu trời trong suốt kỳ diệu, trên một vùng đất xinh đẹp, vậy mà tôi không làm sao quên được cuộc chiến tranh khốn nạn này dù cho chỉ trong một phút ngắn ngủi thôi.

Sau lưng chúng tôi mặt trời đã gần lặn xuống chân trời. Phi cơ hạ thấp dần dần đến cao độ 300 thước. Phong cảnh bắt đầu thay đổi, biến thành một đồng bằng thật phẳng, chằng chịt vô vàn các dòng sông, và rải rác thật nhiều hồ. Liếc nhìn vào bản đồ, tôi biết là sau khi bay chừng 500 cây số chúng tôi hiện ở trên vùng Masurie. Chính trong vùng này, tại Tannenberg, khi cuộc Thế chiến đệ nhất mới bắt đầu, ông già Hindenburg đã đẩy quân Nga vào thế thất trận vĩnh viễn. Tôi vui sướng và hãnh diện nghĩ rằng ngày hôm nay, tiền tuyến của chúng tôi ở thật xa về phía Đông, tại Smolensk, cách biên giới Đức quốc hàng trăm cây số.

Phi cơ đã bắt đầu lượn quanh để xuống thấp. Trong ánh sáng nhoà nhạt của buổi hoàng hôn, tôi phân biệt được một phi trường lớn. Chiếc Junker xuống thấp mãi, chạm đất, chạy trên phi đạo xi-măng và sau cùng ngừng hẳn. Trước một doanh trại được dùng làm văn phòng, một chiếc Mercedes mui trần to lớn đang chờ tôi.

- Thưa, có phải Đại Úy Skorzeny? – một trung sĩ hỏi tôi – Tôi có lệnh đưa ông đến Tổng Hành Dinh ngay lập tức

Bằng một con đường thật đẹp băng ngang qua rừng, chúng tôi tiến tới vòng đai an ninh thứ nhất được thiết lập bằng một cổng chặn có lính gác. Viên Trung sĩ đã mang cho tôi một thông hành mà tôi phải trình cùng một lúc với quân bạ của tôi cho viên sĩ quan chỉ huy toán gác. Tên tôi được ghi vào một cuốn sổ, tôi ký tên vào đấy, cổng chặn được nâng cao và chúng tôi lại tiếp tục đi tới. Bây giờ con đường dần dần thu hẹp lại. Sau khi băng qua một khu rừng cây phong và vượt qua một đường sắt, chúng tôi lại đến trạm gác thứ nhì. Tôi lại xuống xe, sĩ quan trực kiểm soát giấy tờ, ghi tên tôi vào sổ, yêu cầu tôi chờ và nhắc điện thoại. Sau khi gác máy, anh ta hỏi tôi có biết ai đã triệu dụng tôi chẳng. Tôi bối rối rồi thú nhận là không có ý niệm gì về vấn đề này.

- Ông được Bộ Tham Mưu của Fuhrer triệu đến Trà thất, - người sĩ quan trực báo cho tôi biết như thế, và rõ rệt là còn rất ngạc nhiên vì câu trả lời lúc này của người bên kia điện thoại

Riêng phần tôi, tôi cũng chỉ biết suy nghĩ liên miên. Ngay cả chi tiết mới về địa điểm gặp gỡ cũng không cho tôi rõ thêm được gì nhiều. Người ta muốn gọi tôi đến Tổng Hành Dinh để làm giống gì. Tôi lại bước lên xe với vẻ đăm chiêu bối rối.

Chúng tôi vượt qua một cổng chặn cách đó vài thước, đây là lối đi duy nhất vào một vùng đất rộng bao quanh bởi một hàng rào thép gai thật cao. Người ta có cảm tưởng là ở trong một công viên cổ kính, được chăm sóc khéo léo, đó đây những bụi cây phong được trồng dọc theo các con đường mòn đan vào nhau không đều. Tôi phân biệt được ngay vài căn nhà và doanh trại mà bề ngoài như có vẻ được xây cất một cách bất ngờ cố ý, trên các mái bằng có cả cỏ cây. Trên các mái và trên các lối đi dẫn đến một vài toà nhà khác, các lưới nguy trang phủ kín, bên trong có một vài cây cao, tất cả để đánh lạc hướng phi công địch tìm cách tấn công vào Tổng Hành Dinh. Nhìn từ trên cao, toàn thể khu vực trông giống như một khu vực rừng rậm và không có người ở.

Khi chúng tôi ngừng trước Trà Thất, trời đã tối hẳn. Đó là một kiến trúc đơn giản bằng gỗ, chỉ có một tầng gồm hai dãy được nối vào nhau bằng một lối đi có mái lợp. Một lát sau, tôi được biết dãy nhà cánh trái là phòng ăn, nơi mà Thống Chế Keitel và Bộ Tham Mưu của ông thường dùng bữa với vài nhân vật thân cận. Trà Thất đích danh nằm ở cánh mặt. Tôi tiến qua một hành lang thật rộng được đặt nhiều ghế bành rất tiện nghi, một vài cái bàn, dưới đất trải thảm len. Một Đại Úy SS tiếp đón tôi và giới thiệu với 5 sỹ quan khác – một Trung Tá và một Thiếu Tá bộ binh, hai Trung Tá không quân và một Thiếu Tá SS. Rõ rệt là mọi người đang chờ tôi đến, bởi vì ngay sau khi chấm dứt việc giới thiệu, viên Đại Úy ra khỏi phòng và trở lại ngay một phút sau:

- Thưa quý vị, tôi sẽ đưa quý vị đến gặp Fuhrer. Mỗi vị sẽ trình bày vấn đề với Ngài bình nghiệp của mình. Sau đó Fuhrer có thể hỏi vài câu. Xin quý vị theo tôi

Thoạt tiên, tôi tưởng tai mình nghe nhầm. Sau đó, một cơn sợ hãi không lý do gần như đã cắt ngang chân tôi. Trong chốc lát, lần đầu tiên trong đời, tôi sẽ đứng trước Adolf Hitler, Fuhrer của Đại Đức Quốc và Tổng Tư lệnh tối cao của quân lực Đức! Thật bất ngờ! Trong cơn xúc động của tôi, rất có thể tôi sẽ phạm phải những sơ hở không thể tha thứ được hoặc sẽ tỏ ra như một tên ngốc cũng không chừng! Trong khi đi theo các người khác tôi tự nhủ thầm, miễn sao cho mọi sự êm xuôi. Có lẽ chúng tôi đi qua gần cả trăm bước mà vẫn không biết đã theo hướng nào.

Chúng tôi đi qua một căn nhà khác, cũng bằng gỗ và vào trong một hành lang rộng lớn giống như ở Trà Thất. Tôi chỉ kịp chú ý đến hệ thống ánh sáng phản chiếu và một bức tranh nhỏ được lồng trong một khung giản dị: bức "La Violette" của Durer treo trên tường trước mặt tôi. Viên sĩ quan hướng dẫn mở một cánh cửa và đưa chúng tôi vào một phòng rộng chừng sáu thước trên chín thước. Bên phải tôi, bức tường

phía ngoài có nhiều cửa sổ treo màn giản dị. Giữa phòng là một bàn giấy vĩ đại, bàn đồ trải kín. Trước một lò sưởi khổng lồ trang trí cho vách tường phía trái, có một bàn tròn và bốn hoặc năm ghế bành đặt chung quanh. Cuối phòng là khoảng trống mà chúng tôi đang đứng. Vì có thâm niên kém hơn cả, tôi được xếp đứng cuối hàng, phía trái. Trên một bàn giấy đặt xiên giữa hai cửa sổ, tôi thấy nhiều viết chì được xếp ngay hàng thẳng lối không chệch vào đâu được. Chính đây là nơi thành hình các quyết định vĩ đại của thời đại chúng ta, tôi đang suy nghĩ như vậy thì một cánh cửa trước mặt chúng tôi bật mở.

Chúng tôi đồng loạt chuyển thể đứng nghiêm đầu hướng về phía cửa. Và lúc bấy giờ tôi sống trong một khoảnh khắc khó quên: Sự xuất hiện của Người mà hơn tất cả các Quốc Trưởng khác trước đây, đã can thiệp dứt khoát vào số phận của Đức Quốc, vị chủ nhân mà tôi phục vụ trung thành và tin tưởng tuyệt đối từ những năm qua. Thật là một xúc cảm lạ lùng đối với một quân nhân đột nhiên được đứng trước vị chỉ huy tối cao của mình! (Tôi chắc rằng lúc ngồi viết những dòng chữ này, những cảm nghĩ của tôi đã kém chính xác và chặt chẽ hơn các cảm nghĩ ăn sâu vào đầu óc tôi lúc đó nhiều).

Tiến tới từng bước một, Adolf Hitler chào chúng tôi bằng cách đưa cao cánh tay, bàn tay nghiêng về phía trước trong một dáng điệu đặc biệt mà tất cả chúng tôi đều biết qua hình ảnh xuất hiện trên báo chí. Ăn mặc thật giản dị, một áo khoác sĩ quan Wehrmacht, không có phù hiệu cấp bậc, trên một sơ mi trắng và cà vạt đen. Tôi phân biệt được trên cánh trái của đồng phục, huy chương Thập tự sắt đệ nhất hạng và huy chương chiến thương.

Vì viên sĩ quan SS giới thiệu với Ông trước hết sĩ quan đứng đầu hàng cho nên tôi không thể thấy Fuhrer thật kỹ như tôi mong ước. Tôi phải tự kìm chế để đừng bước tới một bước như muốn không để mất một cử động nào của Người. Thoạt tiên tôi chỉ nghe khi ông đặt vài câu hỏi ngắn bằng giọng rất trầm. Âm sắc đặc biệt của giọng nói này đã rất quen thuộc với tôi qua đài phát thanh, trái lại, tôi rất ngạc nhiên vì khám phá ra âm điệu dịu dàng và có chút kéo dài đã khiến cho giọng Áo của ông thêm quyến rũ. Tôi không thể ngăn được ý nghĩ về bản chất con người không đồng đều kỳ lạ: con người thuyết giáo và muốn nhân cách hóa dưới hình ảnh một công dân Phổ lý tưởng này lại không thể nào che giấu được nguồn gốc của mình, mặc dù ông đã không sống tại quê nhà nhiều năm qua. Tuy nhiên, liệu ông còn giữ được phần nào đức tính dễ thương hòa đồng của dân Áo không? Liệu ông còn dễ xúc cảm trước các lập luận của quả tim không? Rồi tôi giật nảy mình: "Trời đất, lúc này mà lại còn đi nghĩ đến những vấn đề hời hợt, những ưu tư phù phiếm như vậy!"

Các sĩ quan khác đã trình bày tóm tắt binh nghiệp của họ xong, bằng vài câu ngắn. Và bây giờ đây Adolf Hitler đến trước mặt tôi. Khi ông đưa tay để tôi bắt, tôi tập trung vào một ý nghĩ: cần nhất là không nên cúi gập người quá đáng. Mặc dù rất bị xúc động, tôi đã thành công khi thực hiện một cái nghiêng mình đúng mức về phương diện quân sự, nghĩa là ngắn và gọn. Rồi tôi trình bày thật nhanh, sanh quán, quá trình học vấn, các giai đoạn của một sĩ quan trừ bị và chức vụ hiện tại của tôi. Trong khi nói, Fuhrer nhìn không chớp mắt vào mắt tôi.

Thế rồi Adolf Hitler đột ngột lùi lại một bước và đặt câu hỏi đầu tiên:

- Trong các anh ai là người biết về nước Ý?

Chỉ có tôi là trả lời xác định:

- Thưa Fuhrer, tôi đã có thăm viếng Ý quốc hai lần. Tôi đã đi bằng xe gắn máy cho đến Naples.

Câu hỏi thứ hai đến ngay, và đặt cho tất cả chúng tôi:

- Các anh nghĩ gì về nước Ý?

Rõ ràng là bị ngạc nhiên, các sĩ quan khác ngần ngại trước khi trả lời với vẻ bối rối:

- Nước Ý... thành phần của khối Trục... đồng minh của ta... Quốc Gia đã ký vào hiến chương chống đế tam quốc tế...

Rồi đến lượt tôi:

- Tôi là dân Áo, thưa Fuhrer, tôi chỉ nói đơn giản như vậy.

Tôi suy luận rằng, câu trả lời đơn giản này đủ để chính xác hóa lập trường của tôi, bởi vì tất cả công dân Áo đều tiếc nuối sâu xa vì đã mất Tyrol, một vùng đất đẹp nhất mà chúng tôi không bao giờ có được nữa.

Hitler dò xét tôi thật lâu, vẻ suy tư (ít ra là tôi cũng có cảm giác như vậy).

- Những người khác có thể rút lui, riêng Đại Úy Skorzeny ở lại, tôi có vài điều nói với anh.

Và rồi chỉ còn chúng tôi với nhau. Fuhrer vẫn luôn luôn đứng trước mặt tôi. Tầm vóc của ông không vượt quá mức trung bình, hai vai ông hơi còm một chút. Khi nói, ông có vẻ hoạt động hơn. Cử chỉ của ông gọn ghẽ và hàm súc và có quyền lực thuyết phục vô biên

- Tôi giao cho anh một nhiệm vụ tối quan trọng. Mussolini, bạn tôi, người đồng hành chiến đấu trung thành của chúng ta, vừa bị vua Ý phản bội và bị dân Ý bắt giam. Mà tôi không thể và không muốn bỏ rơi

người công dân Ý vĩ đại nhất trong lúc hiểm nghèo này. Đối với tôi, ông ta tượng trưng cho sự nhân cách hóa một César cuối cùng thuộc La Mã. Nước Ý, hay đúng hơn, chính phủ mới của nước này rõ rệt đã ngã theo phe thù địch. Thế nhưng tôi không phủ nhận lời nói của tôi, Mussolini phải được giải thoát mau lẹ bởi vì nếu chúng ta không can thiệp, dân Ý sẽ nộp ông ta cho đồng minh. Tôi giao cho anh sứ mạng này mà kết quả tốt đẹp sẽ có tầm mức không lường được đối với diễn tiến các chiến dịch quân sự trong tương lai. Nếu anh không lùi bước trước bất cứ nỗ lực nào, bất cứ hiểm nguy nào, anh sẽ thành công, tôi yêu cầu anh như vậy.

Ông ngừng nói, như để trấn tĩnh cơn xúc động làm rung rung giọng nói.

- Còn một điểm cốt yếu nữa, - ông nói tiếp. - Anh phải tuyệt đối giữ bí mật. Ngoài chính anh ra, chỉ có 5 người biết nội vụ. Anh sẽ được biệt phái qua Không quân và đặt dưới quyền điều khiển của tướng Student mà tôi vừa cho biết sự việc. Lát nữa anh sẽ gặp ông ấy và nhận các chỉ thị chi tiết. Anh phải tự mình đích thân mở các cuộc điều tra cần thiết. Riêng với Bộ chỉ huy quân sự của ta ở Ý và Đại Sứ Quán Đức ở La Mã, không nên cho họ biết gì. Khi họ có một ý niệm về tình hình bất lợi, họ sẽ hành động một mình theo chiều hướng sai lầm. Vậy, tôi nhắc lại với anh một lần nữa, anh phải đảm bảo với tôi là giữ bí mật tuyệt đối. Tôi hy vọng rằng anh sẽ báo cáo với tôi các tin vui thật sớm, và tôi chúc anh may mắn.

Fuhrer càng nói, tôi càng cảm thấy sức chinh phục của ông. Đối với tôi, những lời nói của ông thu hút đến nỗi ngay lúc đó, tôi đã chắc chắn rằng chiến dịch sẽ thành công. Giọng nói của ông cũng đồng thời rung động với các điểm nhấn mạnh âm áp, cảm động, nhất là khi ông nói đến lòng trung thành không gì lay chuyển được đối với người bạn Ý Đại Lợi của ông, tôi xúc động biết bao nhiêu!

Sau cùng tôi cố hết sức để trả lời:

- Thưa Fuhrer, tôi đã hoàn toàn hiểu nhiệm vụ.

Một cái bắt tay chặt chẽ, chấm dứt cuộc tiếp xúc giữa chúng tôi. Trong thời gian vài phút đó - mà tôi tưởng là dài bất tận - cái nhìn của Fuhrer xoáy vào mắt tôi không bao giờ ngừng. Ngay cả khi quay lưng đi ra cửa, tôi cũng có cảm giác là đang còn bị ông quan sát. Lúc tiến qua bức cửa tôi còn quay lại chào một lần nữa, nhờ đó tôi nhận thấy mình đã không lầm: ông theo dõi tôi bằng mắt cho đến phút chót.

Bên ngoài, sĩ quan tùy viên đang chờ tôi. Trong khi được hướng dẫn trở lại Trà Thất, tôi suy nghĩ không ngừng đến biến cố trọng đại mà tôi vừa trải qua. Tôi thử cố nhớ lại màu mắt của Fuhrer. Màu xám? Màu đỏ? Hay giữa hai màu đó? Thật lạ lùng, tôi bất lực không thể nào ghi nhớ một cách chính xác được. Ngược lại, tôi còn cảm thấy tia nhìn của ông đè nặng trên tôi với một cường độ gần như không chịu đựng nổi, như tia nhìn của một nhà thôi miên. Tôi còn chú ý rằng cung cách bề ngoài của ông không bao giờ thay đổi, tôi có cảm giác rằng con người này có thể, nếu ông ta muốn tự chủ và tự kiểm soát một cách hoàn toàn. Và chẳng, năng lực khủng khiếp tập trung nơi ông thật sự chiếu sáng chói lọi mà người ta có thể cảm thấy ngay khi mới gặp.

Trong hành lang của Trà thất, tôi đốt một điếu thuốc và rít những hơi đầu tiên đầy thống khoái. Đến khi một cần vụ hỏi tôi muốn ăn gì, tôi mới nhớ tới cơn đói cồn cào. Tôi gọi cà-phê và "bất cứ thứ gì". Một hai phút sau, một bữa ăn bổ dưỡng đã được đưa đến. Tuy nhiên, ngay lúc tôi mới cời chiếc thắt lưng và đưa tách cà phê lên miệng thì viên cần vụ trở lại.

- Tướng Student đang đợi ông ở phòng bên cạnh, thưa Đại úy.

Một cánh cửa lại được mở, tôi tiến vào một văn phòng nhỏ và trình diện trước Đại tướng, một người hơi phệ và có nét mặt vui vẻ. Một vết sẹo thật sâu trên trán nhắc lại vết thương trầm trọng hồi năm 1940, lúc ông là Tư lệnh sư đoàn không vận chiến đấu ở Rotterdam. Tôi trình bày với ông rằng Fuhrer vừa mới chỉ thị cho tôi các nét đại cương về sứ mạng sắp đến. Trước khi Đại tướng kịp trả lời, có tiếng gõ và cửa phòng bật mở, và - lại một ngạc nhiên khác, chắc không phải là cuối cùng của một ngày quá nhiều biến chuyển kinh ngạc - Himmler, lãnh tụ tối cao của đơn vị SS đi vào phòng. Hình như ông ta quen biết Đại tướng Student nhiều, bởi vì hai người đã chào hỏi nhau rất thân mật trong khi tôi chờ đợi được giới thiệu. Một cái bắt tay ngắn vô vị, đoạn Reichsfuhrer SS mời chúng tôi ngồi.

Cái làm cho người ta chú ý nhất trên mặt Himmler là cái kính kẹp mũi lỗi thời. Những đường nét bất động của khuôn mặt thật đi đôi với các tư tưởng hình thành trong bộ óc con người đáng nể này. Ông ta cười thân ái với chúng tôi và lập tức mở lời để phác họa tình hình chính trị tại Ý. Không hơn gì Hitler, ông ta không tin rằng chính phủ Badoglio sẽ đứng về phía Trục. Tiếp tục phân tích các biến chuyển đưa đến sự sụp đổ của Mussolini, Himmler liệt kê một lô tên tuổi mà tôi mù tịt - những sĩ quan, chính khách, thành phần quý tộc. Khi ông đánh giá người này phản bội, kẻ kia lưng chừng, người nọ có lập trường dứt khoát, tôi rút một tờ giấy và cây viết để ghi một vài điểm. Lập tức Himmler mắng tạt vào mặt tôi một cách giận dữ:

- Trời đất, bộ anh điên rồi sao! Chuyện này phải được giữ bí mật, vậy thì hãy cố mà nhớ chứ!

Lẽ tất nhiên tôi phải cắt lẹ cây viết. Tôi tự bảo, thật là một sự khởi đầu tốt đẹp. Tôi sẽ rất may mắn, nếu trong cơn lốc quay cuồng hôm nay, tôi còn nhớ được năm hoặc sáu tên tuổi trong số cả trăm mà ông ta vừa kể. Mặc kệ, điều này có thể xảy ra lắm.

- Sự thảm hại của Ý quốc là chắc rồi, - Himmler tuyên bố. - Vấn đề duy nhất là biết lúc nào nó xảy đến. Có thể là ngày mai. Tại Bồ Đào Nha đã có các đại diện của Ý tìm cách thương thuyết với bên phía Đồng minh.

Một lần nữa, ông lại kể một số nhân danh, địa danh. Thế rồi, thay đổi đề tài, ông thảo luận với Đại tướng Student một vài vấn đề không dính dáng gì đến tôi. Sự nhớ đến các thuộc viên của tôi ở Bá-linh, giờ này chắc phải sốt ruột chờ tôi gọi điện thoại. Tôi xin phép rút lui để liên lạc với đơn vị. Trong khi chờ đợi tại hành lang, tôi châm một điếu thuốc. Vừa lúc đó, Himmler từ văn phòng đi ra và lập tức la lớn:

- Luôn luôn là những điếu thuốc mắc ôn! Bộ anh không ngừng hút được vài giờ sao! Tôi đã thấy anh không phải là người thích nghi với sứ mạng mà!

Ông ta ném cho tôi một cái nhìn giận dữ và bỏ đi.

Thật là diêm xấu. Đây là lần chửi bới thứ hai trong ngày. Rõ ràng Himmler không ưa tôi mấy. Liệu người ta có gạt tôi ra khỏi sứ mạng mà Fuhrer vừa giao phó không? Dí nát mẩu thuốc lá dưới gót chân với vẻ bồn chồn, tôi tự hỏi mình phải làm gì. May thay vị tùy viên của Fuhrer đã đến cứu tôi, ông đã nghe thấy hết.

- Không có gì quan trọng đâu, - ông ta bảo. - Ông Reichsfuhrer la rầy tất cả mọi người và chỉ một phút sau ông quên cả. Ông bị kích động một cách rõ rệt và khi ông bị kích động không ai biết phải làm sao với ông ta. Vậy, Đại úy nên vào gặp Đại tướng Student lại và thỏa hiệp với Đại tướng những gì Đại úy sắp làm.

Tôi theo lời khuyên này và trở lại văn phòng. Sau vài phút, tất cả đều được dàn xếp xong: Sáng mai, tôi sẽ cùng Đại tướng bay đi La mã. Tôi sẽ là sĩ quan tùy viên chính thức của ông. Cùng lúc đó năm mươi người của đơn vị tôi sẽ khởi hành từ một phi trường tại Bá-linh để đi về miền nam nước Pháp, và từ đó, sẽ đi La mã với đệ nhất sư đoàn không vận mới được phái đến mặt trận Ý quốc.

- Chúng tôi sẽ xem xét các vấn đề còn lại khi đã đến đây, - Đại tướng kết luận. - Tôi hy vọng cuộc hợp tác của chúng ta sẽ có kết quả tốt. Hẹn gặp lại anh sáng mai.

Bên ngoài, chuông điện thoại reo vang. Trung úy Radl đang ở bên kia đầu dây.

- Có chuyện gì vậy ông? - Hắn la lớn trong máy, giọng kích động. - Chúng tôi sốt ruột chờ ông gọi.....

- Chúng ta được giao phó nhiệm vụ quan trọng. Sáng mai khởi hành. Tôi không thể nói với anh các chi tiết qua điện thoại. Và chẳng tôi còn phải suy nghĩ, tôi sẽ gọi lại anh sau. Ngay bây giờ, đây là các mệnh lệnh đầu tiên: đêm nay không ai được ngủ. Tất cả quân xa phải sẵn sàng vì sẽ có việc chuyên chở dụng cụ. Tôi sẽ mang theo năm mươi người, những người xuất sắc nhất, đặc biệt là những người nói được ít nhiều tiếng Ý. Tôi sẽ ghi một danh sách, phần anh cũng phải lập một danh sách khác, chúng ta sẽ quyết định chọn ai sau. Anh phải chuẩn bị dụng cụ trang bị hợp với địa phương cho tất cả mọi người kể cả lương thực để thả dù nữa. Tất cả mọi chuyện phải xong trước năm giờ sáng mai. Khi nào quyết định thêm các chi tiết, tôi sẽ gọi lại anh.

Tại Trà thất, tôi yêu cầu một sĩ quan cho tôi một văn phòng và một nữ thư ký để chuyển mệnh lệnh qua đường vô tuyến cho đơn vị tôi. Tôi được thỏa mãn ngay tức khắc.

Vừa nhấm nháp ly cà phê đen - tôi vẫn còn quá cảm động, không ăn uống gì được - tôi tự bắt buộc phải suy tư bình tĩnh. Dụng cụ nào, vũ khí nào, bao nhiêu khối lượng chất nổ cần thiết cho năm mươi người của tôi? Làm việc một cách có hệ thống, tôi thiết lập một danh sách dài. Đơn vị nhỏ bé của tôi phải được trang bị một hỏa lực càng mạnh càng tốt mà chỉ phải mang một lượng tối thiểu. Rất có thể chúng tôi bị bắt buộc phải nhảy dù, như vậy tôi tiên liệu hai trung liên cho mỗi nhóm chín người và tiểu liên cho mỗi cá nhân. Lẽ tất nhiên phải có lựu đạn, không phải thứ có cán mà là thứ nhỏ hơn, loại "quả trứng" như người ta vẫn thường quen gọi, có thể nhét vào túi được. Hơn nữa, chúng tôi sẽ mang theo plastic - chừng 30kg là đủ - chúng tôi sẽ dùng loại của Anh mà chúng tôi bắt được ở Hòa-lan vì có phẩm chất tốt hơn là plastic Đức. Rồi đủ thứ ngòi nổ, và các kiểu ngòi nổ chậm. Chúng tôi cần loại nón thuộc địa, và cả áo quần lót, lương thực trong sáu ngày và đồ hộp trong 3 ngày đường. Tôi cho chuyển ngay danh sách đầu tiên này về Bá-linh. Sau đó tôi lựa chọn những người phải tham dự vào chiến dịch bằng mọi giá. Tôi chọn thật nhanh được một nhóm hoàn toàn. Tôi xin liên lạc với Bá-linh. Radl trả lời tôi.

- Chúng tôi bị chơi với, - hắn phản đối. - Làm thế nào mà ông muốn mọi chuyện xong trước sáng mai được? Danh sách của ông quá dài.....

Tôi ngắt lời hắn:

- Chưa hết đâu, tôi sẽ gửi một danh sách bổ túc nữa. Tôi cũng vậy, bị chơi vơi. Tôi vừa nói chuyện với chính Fuhrer, và ông Reichsfuhrer SS - Tôi cảm thấy rõ ràng điều này đã làm hắn nín lặng, và tôi nói thêm: Chính Fuhrer đã giao phó sứ mạng cho tôi. Tốt, bây giờ hãy so sánh hai danh sách những người đã được tôi với anh chọn lựa riêng....

Tôi nhận thấy ngoài một hay hai biệt lệ, chúng tôi cùng chọn chung một số người.

- Quang cảnh ở đây giống như một cuộc tiểu cách mạng, - Radl nói với tôi. - Tất cả mọi người đều muốn đi. Không ai chịu ở lại sau.

- Hãy niềm yết lập tức danh sách những người sẽ đi, điều này sẽ làm mọi người bình tĩnh lại. Và nhớ đừng để mất thì giờ. Chấm dứt.

Tôi gác điện thoại và tự hỏi xem còn quên điều gì nữa. Phải rồi - tôi cũng cần máy truyền tin và nhất là một hệ thống liên lạc vô tuyến thật hoàn hảo, nghĩa là có thể liên lạc được với Bá-ling, một bộ mật mã có giá trị một tháng và được nhiều giờ liên lạc, càng nhiều càng tốt, ngày cũng như đêm. Tôi liền gọi một công điện thứ hai. Các điện văn của chúng tôi đã được chuyển đi như là "quốc sự tối mật". Chúng tôi phải tỏ ra rất thận trọng. Nếu người Ý hoặc các cơ quan tình báo của họ đánh hơi được dự án của chúng tôi, tất cả những nỗ lực sẽ trở thành vô ích.

Nhưng vẫn chưa hết, các chi tiết khác lại xuất hiện trong trí tôi, chúng tôi cần loại đạn chiếu sáng cho trung liên trong trường hợp có đựng độ ban đêm, súng phóng hỏa tiễn, thuốc men cho các loại bệnh địa phương, và một hay hai y tá. Có lẽ sĩ quan của chúng tôi cũng cần thường phục Cứ như vậy, danh sách càng ngày càng dài và tôi gọi văn phòng tôi ở Bá-ling liên tục, nơi đang diễn ra các hoạt động như trong cơn sốt. Mỗi đến ba giờ sáng, tôi mới nghĩ đến chuyện nằm nghỉ một lát. Một căn vụ đưa tôi xuống hầm được thiết lập để làm nơi trú ẩn, đề phòng các cuộc oanh kích. Hai bên một hành lang trung ương là hai dãy phòng nhỏ, loại phòng trên tàu thủy chở hành khách. Mặc dù giường nệm rất tiện nghi, tôi không tài nào ngủ được. Không khí trong chiếc lồng này thật nặng nề và tiếng quạt máy chạy nghe thật điên đầu. Nhưng ít ra tôi cũng có được thời gian để bình tĩnh suy nghĩ. Đây là lần đầu tiên tôi ý thức được những khó khăn phải vượt qua. Trước hết, phải khám phá ra nơi ông Duce bị giam giữ. Giả thuyết rằng bài toán đầu tiên này sẽ được giải quyết, chúng tôi sẽ phải làm gì nữa? Nhất định Mussolini đã được đưa đến một nơi chắc chắn và được canh giữ cẩn mật. Liệu chúng tôi có bị bắt buộc tấn công vào một thứ pháo đài hay nhà lao? Ngay bây giờ trí tưởng tượng đầy kích thích của tôi đã vẽ cho tôi thấy những cảnh tượng điên cuồng. Tôi trằn trọc trên giường, cố xua đuổi các ý tưởng đó nhưng vô ích, chúng trở lại đè nặng lên tôi. Thật sự tôi không thấy làm sao có thể thành công được. Có phải người ta đã giao cho tôi một sứ mạng có thể đưa tôi lên trời (hay xuống địa ngục?) Dầu sao đây cũng là lúc chúng tôi có khả năng, không lùi bước trước hiểm nguy nào và nếu tình thế bắt buộc, tôi rời bỏ cuộc đời này, với tất cả lịch sự và tư cách.

Đột nhiên, tôi nhớ lại rằng tôi là cha của một gia đình. Tôi đang sắp dần thân vào một cuộc phiêu lưu vĩ đại mà chưa hề làm chúc thư. Tôi bật đèn và ngồi viết "những ý muốn cuối cùng của tôi". Rồi tự hiểu rằng không thể nào tìm được giấc ngủ - và chẳng cũng đã gần sáu giờ - tôi bước ra ngoài vẫn mặc đồ ngủ và nhờ một căn vụ chỉ phòng tắm - những quân nhân khôn khéo này không bao giờ được ngủ. Một chậu tắm bông sen kiểu Tô Cách Lan - khi nước nóng, khi nước lạnh - đã mang theo tất cả âu lo nơi tôi. Đúng 7 giờ thiếu 15 tôi ăn điểm tâm tại Trà thất. Lúc này, tôi ăn ngon miệng kinh khủng, anh căn vụ chạy lui chạy tới từ bàn ăn đến nhà bếp để mang tất cả các thức tôi gọi. Bên ngoài, cánh đồng cỏ ẩm ướt bắt đầu bốc hơi dưới các tia sáng mặt trời đầu tiên.

Sau cùng, hoàn toàn thỏa mãn, tôi xách túi đựng hành trang nhảy lên chiếc xe đã cho gọi từ đêm qua để đưa tôi đến phi trường, nơi tôi hẹn gặp Đại tướng Student. Một điện văn vừa tới xác nhận 50 người của tôi cũng đã lên đường. Phi trường mà sáng hôm nay máy bay chúng tôi cất cánh khác với phi trường tôi đáp xuống hôm qua, nó tọa lạc gần như trên đỉnh một ngọn đồi cao - một mục tiêu lý tưởng cho phi công địch. Điều kỳ lạ là nó chưa bị tấn công lần nào. Đại tướng Student đến vài phút sau tôi. Một chiếc Henkel 111 sẵn sàng đưa chúng tôi đi - loại phi cơ bay mau hơn chiếc Junker đã đưa tôi đến. Đại tướng giới thiệu tôi với viên phi công thực thụ, Đại úy Gerlach. Và rồi người ta bắt chúng tôi mặc bộ đồ bay, quá chật đối với tôi và chụp lên đầu tôi chiếc mũ chào mào của không quân. Thời tiết quang đãng, tôi thích thú với ý nghĩ về cuộc hành trình tuyệt diệu sắp đến.

Chúng tôi chui vào bụng máy bay. Một xạ thủ đại liên đặt phía sau, phi công và vô tuyến điện viên đã ngồi vào chỗ sẵn sàng. Phi cơ cất cánh, bốc lên cao thật mau và hướng mũi về phía nam. Vì tiếng động cơ quá ầm ĩ, không thể kéo dài các câu đối đáp được. Đại tướng thiêu thiêu ngủ, tôi lợi dụng lúc đó, đến ngồi vào chỗ phi công phụ, từ đó tôi thích thú được nhìn quang cảnh tuyệt vời.

Trước hết, chúng tôi bay trên không phận nước Ba lan xưa cũ. Nửa giờ sau, một đám mây dày đặc dâng cao ở chân trời phía trái. Liền khi đó tôi phân biệt được vài chiếc tháp: Varsovie. Một lúc sau chúng tôi bay trên vùng kỹ nghệ Haute Silésie, hàng ngàn ống khói phun thẳng lên trời các cụm khói đen.

Rồi chúng tôi bay qua không phận Tiệp khắc cũ, nay trở thành lãnh thổ đặt dưới sự bảo hộ của Đức. Quang cảnh bắt đầu khác với cánh đồng phẳng lặng của Ba lan. Mặt đất lồi lõm, đỉnh núi phủ đầy các cây đóng khung các thung lũng được tưới bằng những dòng sông loáng bạc. Tôi biết rằng phi cơ đang bay ngang thủ đô Viene. Rồi thành phố cổ kính ấy xuất hiện và lướt qua dưới cánh chúng tôi. Và rồi đến lượt các cầu cạn của vùng núi Alpes du Semmering, vùng Styrie xanh thẳm, Graz với các lâu đài cổ. Đến giữa trưa, chúng tôi bay qua vùng Croatie, một lát sau tôi thấy biển xanh lấp loáng từ xa. Đây là Pola, hải cảng quân sự của Ý, tôi buồn buồn nghĩ rằng vậy mà xưa kia, cho đến khi hiệp ước Saint Germain được ký kết, tất cả vùng hải cận này đều thuộc về Vương quốc Áo - Hung. Biển Adriatique xanh muốt một màu, đẹp tuyệt vời. Chúng tôi đã tới bán đảo Ý Đại Lợi, phía trái, Ancône tiến qua thật mau dưới cánh chúng tôi, rồi phi cơ bốc lên cao để bay qua dãy núi Apennins. Vừa vượt qua, chúng tôi liền hạ thấp xuống cao độ chừng 300 thước, bởi vì khu vực phía Bắc La mã đã bị không lực Đồng minh chế ngự.

Và sau cùng, đây là "Thành phố Vĩnh cửu" với bảy ngọn đồi, đấu trường Colisée, công trường Saint Piere. Chầm chậm, phi cơ hạ thấp và đáp xuống phi trường phía Đông thành phố. Lúc đó là 1 giờ 30 - chúng tôi đã bay qua 1500 cây số trong 5 tiếng rưỡi đồng hồ.

Mẹ cha ơi, nóng quá, thật như một lò lửa, vừa bước xuống phi cơ, tự nhiên tôi muốn cởi ngay bộ đồ bay có lót lông. Nhưng vào phút chót, tôi chợt nhớ rằng mình chưa có quần phục không quân. Một sĩ quan Waffen SS lại là tùy viên của một tướng lĩnh đơn vị không vận, đó là điều chắc sẽ làm mọi người thắc mắc. Vậy tôi phải tiếp tục chịu đựng toát mồ hôi. Trong hai ba giờ sau đó, tôi thở dốc một cách thống khổ. Ngay cả đoạn đường đi xe mui trần cũng không làm tôi được mát thêm bao nhiêu.

Chúng tôi đến Frascati, một thành phố nhỏ xinh đẹp, đặc biệt Ý, nơi thống chế Kesselring đặt đại bản doanh các lực lượng Đức tại Ý.

Ngày 12 tháng 5 năm 1943, cuộc chiến tại Phi châu hoàn toàn chấm dứt với sự toàn thắng của Đồng minh. Đoàn quân viễn chinh Đức - Ý, mới đầu đạt được các chiến thắng vang dội, nay không còn nữa. Sự thảm bại của lực lượng này xuất phát từ chỗ không và hải lục của khối Trục đã không thể mang được tiếp liệu và lực lượng tăng cường cần thiết. Ngày 10 tháng 7, quân Đồng minh lần đầu tiên đã thành công trong việc đặt chân lên Châu Âu. Quân đội đồng minh đã đổ bộ lên Sicile, mới đây quân Đức - Ý đã chiến đấu giành giật với quân Anh - Mỹ từng tấc đất. Để chiếm làng Cafalu, nằm trên bờ Bắc đảo Sicile, hai bên đã quần thảo ngày này qua ngày khác.

Đây là đại cương tình hình đúng vào ngày chúng tôi đến La mã. Ngay tối hôm đó, Đại tướng Student đưa tôi trong tư cách là sĩ quan tùy viên đến gặp Thống chế Kesselring và được Thống chế mời ăn cơm tối. Buổi chiều trong khi chờ đợi, tôi kiếm được một bộ quần phục nhảy dù để thay thế bộ đồ bay lót lông đã trở nên lố bịch đối với cái nóng kinh người ở đây. Sau bữa ăn, lúc dùng cà phê, một sĩ quan thân cận Thống chế kể lại rằng ông ta đã dò hỏi một tướng lĩnh Ý xem ông này có biết ông Duce hiện bị giam ở đâu không. Lẽ tất nhiên, tôi vĩnh tại chờ nghe. Viên tướng lĩnh Ý đã thề rằng không những ông mà tất cả chỉ huy trưởng, Tư lệnh quân đội Ý không ai có một ý niệm gì về vấn đề này. Bộp chộp như thường lệ, tôi không thể tự ngăn mình nêu ý kiến.

- Vẫn còn phải tìm hiểu xem có thể tin được lời tuyên bố ấy mấy phần.

Lúc đó Thống chế Kesselring đứng sau lưng chúng tôi, hình như ông đặc biệt không ưa thích câu bình phẩm của tôi.

- Về phần tôi, tôi tin lời tuyên bố ấy. - Ông nói với giọng giận dữ. - Tôi không có lý do nào để nghi ngờ lời nói danh dự của một tướng lĩnh Ý. Đại úy Skozeny, từ rày về sau hãy ráng giữ đừng có thái độ tương tự.

Tôi tin rằng mặt mày tôi lúc đó đỏ rần. Dầu sao, tôi cũng quyết định dứt khoát là sẽ dè dặt hơn trong khi phát ngôn. Từ đó cho đến khi buổi tối chấm dứt, tôi không hề mở miệng.

Chương VII

Tìm kiếm ông Duce

Ngay từ sáng sớm hôm sau, các đơn vị nhảy dù của Đại tướng Student được các phi đoàn vận tải chở đến. Ngày thứ ba, đến phiên nhóm người của tôi đổ bộ. Họ sẽ đóng tại các doanh trại gần phi trường Pratica di Mare. Tôi tạt qua xem xét và loan báo rằng rất có thể chúng tôi phải thực hiện ngay một cuộc đột kích quan trọng. Vì thế tôi yêu cầu họ giữ cho điều kiện sức khỏe được hoàn toàn để bất cứ lúc nào tôi cũng được đảm bảo chắc chắn về khả năng chiến đấu.

Rồi tôi trở lại Frascati, đem theo Radl, sĩ quan hầu cận của tôi. Mỗi khi vào đến phòng riêng tôi mới cho hẳn biết về sứ mạng của chúng tôi. Hẳn cũng ngạc nhiên và bị xúc động như tôi lúc nhận lệnh từ Fuhrer trước đó. Lập tức chúng tôi cùng nhau đồng ý một điểm: Việc khám phá nơi ông Duce bị giam cầm thật vô cùng khó khăn. Riêng đối với hành động của chúng tôi, nghĩa là việc giải thoát ông Duce, tạm thời chúng tôi chưa nghĩ đến vì giờ H dường như còn xa.

May thay, trong vô số tên tuổi mà Himmler kê ra trước đây, tôi còn nhớ được 2 tên quan trọng nhất: Kappler và Dollmann. Kappler là tùy viên công an của chúng tôi, ông ta có cả một bộ máy tổ chức có thể giúp đỡ chúng tôi nhiều. Còn Dollmann thì cư trú tại La – mã từ lâu, hình như ông ta quen biết lui tới rất nhiều nhân vật có thế lực. Noi theo lời khuyên của vị Reichsfuhrer SS, chúng tôi – Đại tướng Student và tôi tìm cách tiếp xúc với hai nhân vật này, trình bày với họ mục đích của sứ mạng chúng tôi và xin họ giúp chúng tôi tìm kiếm ông Duce.

Trước hết chúng tôi được nghe đủ mọi loại tin đồn – cả những tin đồn kỳ khôi nhất – lan tràn trong thủ đô Ý. Người này nói Mussolini tự vẫn, người kia bảo ông ta bệnh nặng, kẻ khác quả quyết biết rõ ông Duce hiện đang ở trong một viện dưỡng lão. Trong khi đó, chúng tôi thành công trong việc tìm hiểu được rằng trưa ngày 25 tháng 7, ông Duce có đến gặp vua Ý. Từ lúc đó không còn ai gặp ông ta nữa, như vậy ông ta đã bị bắt ngay tại Hoàng cung.

Chỉ dẫn chính xác đầu tiên đến với chúng tôi thật bất ngờ. Trong số các công chức Ý mà vị Tùy viên công an của chúng tôi thường lui tới, có một sĩ quan mà thâm tâm vẫn còn ủng hộ chế độ phát xít. Nhân một cuộc tiếp xúc, viên sĩ quan này đề lộ một tin tức thật quý báu: hình như ông Duce đã bị đưa từ Hoàng cung đến doanh trại đơn vị phòng vệ tại La – mã. Cuộc điều tra của chúng tôi xác nhận tin này, chúng tôi lại còn biết thêm tù nhân đã bị nhốt tại tầng nào, thuộc khu vực nào của doanh trại. Khốn thay, từ khi bị bắt cho đến nay đã hơn 10 ngày trôi qua, và có lẽ trong khoảng thời gian đó, Mussolini đã bị mang đi nơi khác.

Trong gần ba tuần lễ liền, chúng tôi cố gắng khám phá nơi mà Badoglio giam giữ người lãnh đạo chính phủ phát xít cũ, nhưng vô ích, chúng tôi không tìm thấy một dấu vết nào, một chỉ dẫn nào – cho đến một hôm lại sự tình cờ xuất hiện giúp chúng tôi.

Trong một nhà hàng ăn ở La – mã, chúng tôi làm quen được với một người bán trái cây, ông này thỉnh thoảng có đến thăm một khách hàng tại Terracina, một thành phố nhỏ nằm bên bờ vịnh Gaeta. Người khách hàng quý báu này lại có một cô giúp việc sắp đính hôn với một lính phòng vệ. Anh này đang canh gác đảo Ponza, nơi có một trại giam, vẫn thường viết thư cho người yêu. Và nơi một trong các lá thư tình này, anh ta cho người yêu biết có một tù nhân đặc biệt “một nhân vật rất quan trọng” vừa được đưa đến đảo. Chỉ dẫn đầu tiên này được xác nhận, nhưng sau đó nhờ một sĩ quan hải quân bắt cần, trong một cơn huyền thuyến vì ma men hành hạ, anh ta cho chúng tôi biết chiếc tàu của anh ta đã chở ông Duce từ trại giam Ponza đến La Spezia, một quân cảng bên bờ biển Liguria.

Lẽ dĩ nhiên, những tin tức này đều được chuyển về Tổng Hành Dinh của Fuhrer qua trung gian của Đại tướng Student. Ngay khi chúng tôi thông báo “tuy đồ” La Spezia, tôi nhận được lệnh chuẩn bị lập tức để giải thoát ông Duce: phải cứu ông ra khỏi chiếc chiến hạm. Trong vòng 24 giờ, chúng tôi suy nghĩ nát óc. Tại Tổng Hành Dinh, chắc người ta tưởng tượng không có gì dễ bằng lấy đi một người trên chiến hạm dưới mắt hải hành đoàn trong thời chiến. May thay, hôm sau chúng tôi biết ông Duce lại thay đổi trại giam một lần nữa.

Tại Bá-linh – xin cho tôi ra ngoài lễ một chút vì sự kiện thật kỳ lạ - trong thời gian qua, người ta đã động viên cả thầy bói và chiêm tinh gia. Hình như chính Himmler là người có ý tưởng triệu dụng các nhà “bác học” này. Dầu sao tôi cũng không hề nghe nói đến một kết quả tích cực nào do công trình tìm tòi của họ.

Ít lâu sau, những tin tức trùng hợp, cũng như những tin đồn kéo dài đã hướng cuộc điều tra của chúng tôi về phía Sardaigne. Những tin đồn ông Duce bị giam ở một hòn đảo tí hon hay trong nhà thương của một thành phố nhỏ chìm trong vùng núi, đều sai sự thật. Trái lại, giả thuyết ông Duce bị giam trong một pháo đài hải quân ở Santa Maddalena, tại mũi Đông Bắc đảo Sardaigne, hình như càng ngày càng vững chắc. Một hôm, sĩ quan liên lạc của chúng tôi cạnh Bộ Tư lệnh Hải quân Ý, Hải quân Trung tá Hunaus – một con sói biển, xuất hiện như một nhân vật tiểu thuyết của Joseph Conrad – cho biết là theo ông, có một tù nhân đặc biệt được giam giữ trong pháo đài đó. Tin tức này đối với tôi quan trọng đến nỗi tôi liền quyết định bay đến Sardaigne ngay để đích thân lượm lặt các chi tiết chính xác. Tôi đem theo một Hải quân Thiếu tá và Trung úy Warger của tôi, cả hai đều nói được tiếng Ý lưu loát. Ngay khi đến Santa Maddalena, tôi lấy ngay một tàu vét mìn của chúng tôi và chạy một vòng qua hải cảng và dọc theo bờ biển. Nấp sau một cánh buồm, tôi có thể chụp vài tấm hình cơ sở trên hải cảng và mặc dù rất xa, ngôi nhà rất được chúng tôi chú ý, biệt thự “Weber” nằm ven thành phố. Rồi tôi cố tìm hiểu một cách chính xác hơn, ai là tù nhân đặc biệt. Để đạt mục tiêu này, tôi phải nhờ đến Trung úy Warger.

Kế hoạch của tôi hoàn toàn dựa vào tập quán ưa đánh cuộc của dân Ý. Cải trang thành thủy thủ Đức, Trung úy Warger, khi đêm đến, phải la cà vào các quán rượu và ra sức nghe ngóng. Khi nào vấn đề ông Duce được đề cập đến, hẳn phải tham gia vào câu chuyện và cho rằng mình biết rõ ràng Mussolini đã về châu ông bà vì bệnh nặng. Rất có thể điều quả quyết này sẽ gặp phản ứng chống đối, đây là cơ hội giúp Warger đưa ra cuộc đánh cá. Để tạo cho hẳn một dáng điệu tự nhiên hơn, hẳn phải giả bộ ngà ngà say rượu. Chi tiết chót này không ngờ đã vấp phải khó khăn. Số là Warger hồi nào đến giờ chưa hề uống một giọt rượu. Tôi phải năn nỉ hẳn thật lâu, nhấn mạnh đến nghĩa vụ của một quân nhân, mới thuyết phục được hẳn tạm đi ngược với các nguyên tắc của hẳn.

Kế hoạch của tôi thật đơn giản nhưng thành công hoàn toàn. Một người bán dạo ngày nào cũng mang trái cây tới biệt thự Weber đã nhận đánh cuộc. Để chứng minh cho lời nói, anh ta đã dẫn Warger đến một căn nhà kề cận biệt thự, và qua cánh cửa sổ trên mái nhà, anh ta chỉ cho Warger thấy cái sân thượng mà Mussolini đang đi dạo.

Ngay ngày hôm sau, Warger trở lại vị trí quan sát đó. Sau nhiều ngày dò xét, Warger biết gần đúng số lính canh tù nhân, giờ đổi gác, vị trí các ổ đại liên v.v... Đây là lúc thiết lập kế hoạch hành động của chúng tôi. Làm thế nào để đưa Mussolini ra khỏi biệt thự, và rồi ra khỏi thành phố? Nhiệm vụ của chúng tôi lại phức tạp thêm vì Santa Maddalena là một pháo đài hải quân. Chúng tôi phải có những chi tiết thật chính xác về địa hình của vùng này, vị trí các ổ súng phòng không, doanh trại v.v ... Vì bản đồ của chúng tôi thiếu sót quá, tôi quyết định bay trên thành phố để chụp vài không ảnh. Trở lại La-mã, tôi được cấp một chiếc Henkel 111 và ngày 18 tháng 8 năm 1943 tôi cất cánh từ phi trường Pratica di Mare. Thoạt tiên, viên phi công bay thẳng lên phía Bắc. Vào thời đó, hoạt động của không quân Đồng minh trên biển Tyrhénienne đã mạnh đến nỗi, vì lý do an ninh, tất cả phi cơ đến Sardaigne phải bay vòng từ đảo Elbe và Corse. Chúng tôi đáp đúng giờ định trước, xuống Pausania, một trong các phi trường của Sardaigne để lấy nhiên liệu trước khi tiếp tục chuyến bay. Tôi chạy bay tới Palau cách phi trường 50 cây số nơi tôi có hẹn gặp Warger và Trung tá Hunaus. Họ báo cho tôi biết không có gì lạ tại Santa Maddalena ngoại trừ các biện pháp đề phòng và canh chừng vẫn được tăng cường luôn luôn.

Yên tâm, tôi trở lại Pausania. Tôi dự tính sau chuyến bay thám sát, đi thẳng đến Corse để tiếp xúc với liên đoàn Waffen SS đang trấn giữ ở đó. Kế hoạch mới được vạch trong trí tôi chắc chắn sẽ cần những phân đội quan trọng. Tôi tìm cách giải quyết ngay từ bây giờ những chi tiết sơ khởi của chiến dịch. Đến 15 giờ, chúng tôi cất cánh. Tôi ra lệnh cho phi công bay lên cao thật nhanh cho đến 5000 thước, vì lẽ mọi chuyến bay trên vùng Santa Maddalena đều bị cấm chỉ, tôi bắt buộc phải lên thật cao để có thể yên tĩnh chụp hình. Nằm dài trong pháo tháp phía trước, cạnh khẩu súng, trong tay có sẵn một máy hình và một bản đồ hải quân, tôi đang ngắm màu sắc huy hoàng của biển cả thì xạ thủ đại liên phía sau phi cơ hét vào máy vi âm:

- Coi chừng, đằng sau! Hai chiếc ... bọn sẵn giặc Anh!

Phi cơ trượt ngang, tôi đặt ngón tay trên nút điều khiển, sẵn sàng nổ súng. Bên dưới, phi công cố lấy lại thăng bằng cho phi cơ, tôi tự bảo mọi sự đã chấm dứt tốt đẹp, thỉnh thoảng tôi thấy phi cơ nghiêng hẳn một góc nhọn và chúi xuống thấp. Quay nhìn lui, tôi thấy vẻ mặt co rút vì sợ hãi của viên phi công khi cố gắng đưa phi cơ lên cao, một cách tuyệt vọng. Liếc nhìn qua cửa kính tôi thấy động cơ phía trái đã ngưng chạy. Phi cơ lao xuống với một tốc độ chóng mặt. Không thể nào còn kịp nghĩ đến chuyện nhảy dù nữa. Tôi lại nghe tiếng hét trong máy vi âm:

- Bám chặt ...

Do bản năng, tôi bám lấy nòng súng và một thoáng sau, khi phi cơ chạm mặt biển. Chắc chắn đầu tôi đã chạm thành trần phi cơ bởi vì tôi đã bị bất tỉnh. Vài giây sau, tôi lơ mơ cảm thấy một cái gì đó vỡ tan thành hàng nghìn mảnh trước mặt tôi. Rồi một bàn tay chụp lấy cổ áo và kéo tôi lên cao. Chung quanh tôi toàn là nước. Phi cơ đã bị chìm, trong phòng lái mà phía trước đã chúi xuống, nước đã tràn vào chừng 30 phân và tiếp tục ào ạt tràn vào không ngừng.

Chúng tôi gọi những người ở sau, không ai trả lời. Hai ông bạn của chúng tôi đã chết rồi chẳng? Vấn đề là bây giờ cần thoát ra ngoài càng sớm càng tốt vì phi cơ có thể chìm trong chốc lát. Kết hợp sức mạnh, chúng tôi mở được cửa cấp cứu trên nóc phòng lái. Lập tức nước tràn vào. Thật đúng lúc! Chúng tôi đẩy lệ viên phi công phụ ra cửa, rồi tôi hít một hơi dài và lách ra. Tôi cảm thấy được trôi lên cao và một cái đập chân mạnh, tôi bắn lên khỏi mặt nước. Vài giây sau, viên phi công chính cũng thoát ra được.

Lúc bấy giờ, chuyện kì lạ đã xảy ra. Toàn thể phi cơ, không còn chịu sức nặng của chúng tôi nữa, lại nổi lên mặt bể. Hai viên phi công nhào ra sau và mở cửa cấp cứu. Họ ngẩn ngơ trông thấy hai binh sĩ ngồi chồm hồm trong góc, mà chúng tôi tưởng đã chết. Họ chẳng bị thương tích gì, duy có vẻ ngơ ngác mất hồn. Họ bò dần ra đầu cánh phi cơ. Khó thay, không anh chàng nào biết bơi cả, mặc dầu cả hai đều sinh đẻ tại vùng hải cận Hambourg. Phi công chính còn kịp kéo ra được chiếc xuống cấp cứu. Anh kéo mạnh tay làm bật nút chai dưỡng khí, lập tức xuống được bom phòng và hai chú binh sĩ leo được vào đó.

Lúc đó, tôi mới hốt hoảng nhớ lại túi xách và chiếc máy hình. Tôi nhào xuống nước lặn qua cửa vào phòng lái và thâu hồi được chúng. Tôi ném lên thuyền khi vừa ngoi lên được. Vài giây sau, phi cơ chìm dần và biến mất dưới biển. Ngồi kẹp giữa hai viên phi công trên xuống cấp cứu, tôi nhìn quanh. Cách đó hai ba trăm thước, những mòm đá nhấp nhô trên sóng. Chúng tôi hướng về phía đó, chèo tay, đẩy xuống tiến tới. Mòm đá này thật nhọn và trơn, nhưng chúng tôi cũng trèo lên được. Phi công phụ tìm trong xuống được súng bắn hỏa tiễn cấp cứu và định bắn thử. Tôi ra lệnh hãy chờ một chiếc tàu đi ngang qua.

Vào khoảng một giờ sau, một xuống máy xuất hiện. Tôi cho bắn một hỏa tiễn đỏ và trong nỗi vui sướng của chúng tôi, chiếc tàu quay mũi tức khắc và hướng thẳng về mòm đá. Một chiếc sào được đưa về phía chúng tôi. Chiếc tàu cứu tinh này là một loại tuần duyên được trang bị đặc biệt để chống phi cơ. May mắn là thuyền trưởng không thể đoán ra lý do tại sao chúng tôi lại có mặt ở vùng này, tôi nghĩ thầm trong khi bắt tay ông ta. Vì lẽ tôi hoàn toàn bị trần truồng – trước khi lặn trở lại phi cơ, tôi phải tháo bỏ hết áo quần – viên thuyền trưởng tốt bụng cho tôi mượn một quần ngắn và một đôi dép. Quần hẹp quá nhưng tôi vẫn phải mặc, nếu không, khi lên bờ tôi chỉ còn cách kiếm một lá nho! Mãi đến lúc tôi muốn nằm dài một chốc trên một chiếc tàu viễn dương, tôi mới cảm thấy bị đau nhói dữ dội trong lồng ngực. Vài ngày sau, một bác sĩ báo cho biết tôi bị gãy 3 xương sườn.

Chiều hôm đó, chúng tôi trở lại Pausania. Tôi đi ngay về Palau để yêu cầu Trung tá Hunaus kiểm một chiếc tàu để đưa tôi sang Corse, nơi mà Chỉ huy trưởng Liên đoàn Waffen SS đang chờ tôi.

Gần nửa đêm, chiếc khinh tốc định của tôi mới đến được hải cảng Saint Bonifacio. Tại Bộ chỉ huy quân sự Ý, tôi không thể nào dùng điện thoại liên lạc được với liên đoàn SS. Mãi đến sáng hôm sau, người ta mới cấp cho tôi một chiếc xe. Nhưng sau đó vì có sự lăm lăm, suốt ngày tôi chạy đuổi theo sau viên Chỉ huy trưởng SS, ông này cũng chạy đôn chạy đáo tìm tôi mà không gặp. Rốt cuộc, rồi chúng tôi cũng gặp nhau ở Bastia, phía bắc đảo, tại Bộ chỉ huy một đơn vị hải quân Đức.

Trong khi đó, tại La-mã, Trung úy Radl tuyệt vọng khủng khiếp. Không thấy tôi trở về như đã hẹn vào đêm 18 tháng 8, hắn chạy lại Bộ Tư lệnh Sư đoàn Dù hỏi thăm tin tức về chiếc máy bay chở tôi. Người ta đã trả lời hắn một cách tinh bơ: “Phi cơ coi như bị mất tích, phi hành đoàn chắc đã làm mọi cho cá rồi”. Trong hai ngày liền, hắn tưởng tôi chết thiệt, vì tôi chỉ trở về La-mã thật trễ, đêm 20 tháng 8. Tôi gặp lại hắn khi từ phi trường tôi đi thẳng về doanh trại của đơn vị tôi. Lễ dĩ nhiên, hắn điên lên vì vui sướng. Ngay khi về đến khách sạn, chúng tôi bắt đầu lập kế hoạch hành động. Lần này, chúng tôi chắc chắn là đã khám phá được chỗ ông Duce bị giam. Đại tướng Student cũng chia sẻ quan điểm của tôi khi tôi phúc trình cho ông tình hình vào ngày hôm sau.

Thế nhưng, như sét đánh ngang tai, chúng tôi nhận được một mệnh lệnh từ Tổng Hành dinh của Fuhrer như sau:

“Tổng hành dinh vừa nhận được một báo cáo của Ausland Abwehr (Đô đốc Canaris), theo đó thì Mussolini hiện đang ở trên một hòn đảo nhỏ gần đảo Elbe. Đại úy Skorzeny chuẩn bị lập tức một cuộc tấn công bằng đơn vị nhảy dù, và báo cho chúng tôi biết ngày gần nhất với ngày có thể mở cuộc tấn công. Tổng hành dinh của Fuhrer sẽ chỉ định ngày hành động”.

- Chuyện gì xảy ra vậy? - Radl và tôi tự hỏi nhau.

- Người ta nói rằng nhân viên của Đô đốc được cung cấp nhiều phương tiện sẵn tin rất hữu hiệu! Và chẳng, cách mấy bữa trước, chúng tôi đã có thấy một thông tri “mật” được cơ quan Abwehr gửi cho toàn thể Chỉ Huy trưởng đơn vị đồn trú tại Ý. Trong đó chúng tôi thấy rõ ràng như trắng với đen rằng: “Tuyệt đối chắc chắn rằng bất cứ trường hợp nào chính quyền Badoglio cũng sẽ tiếp tục chiến đấu bên cạnh chúng ta. Tân Chánh phủ có khi lại còn tham dự vào nỗ lực chung một cách tích cực hơn chính quyền phát xít cũ”.

Vì lẽ chúng tôi có quan điểm hoàn toàn trái ngược, Đại tướng Student cố sức xin gặp đích Fuhrer. Sau một hồi bàn cãi, chúng tôi được lệnh về Đông Phổ. Chúng tôi bay lập tức và đáp vào buổi chiều và được biết Hitler đang đợi chúng tôi.

Chúng tôi được đưa vào đúng căn phòng mà trước đó mấy tuần tôi được trình diện Fuhrer. Lần này tất cả các ghế bành trước lò sưởi đều có người ngồi, và tôi có dịp quen với hầu hết cấp lãnh đạo Quốc Xã. Bên trái Fuhrer là Bộ Trưởng Ngoại giao Ribbentrop, bên phải ông này là Thống chế Keitel, rồi đến Đại tướng Jodl. Người ta chỉ cho tôi ngồi ghế kế đó. Bên trái Ribbentrop, tôi thấy Himmler, rồi Đại tướng Student, và Thủy sư Đô đốc Doenitz, khối người đồ sộ ngồi giữa Doenitz và tôi là Thống chế Hermann Goering.

Đại tướng Student giới thiệu tôi bằng vài câu ngắn gọn và nhường lời cho tôi. Thoạt tiên tôi bị khớp kinh khủng, cái nhìn của tám người này đã làm tôi e thẹn đến nỗi quên mất cả việc nhìn vào xấp báo cáo được soạn trên máy bay. Nhưng dần dần, tôi trở nên tự tin hơn. Tôi cố gắng trình bày hết sức rõ ràng diễn tiến công cuộc điều tra của tôi. Những lý do được viện ra để chứng minh chúng tôi tin ông Duce hiện bị giam tại Santa Maddalena, đã rõ rệt làm cho cử tọa ngạc nhiên chú ý. Câu chuyện đánh cuộc của Trung úy Warger và sự thành công của anh ta đã làm cho một vài vị mỉm cười, đặc biệt là Đô đốc Doenitz, Thống chế Goering.

Khi tôi chấm dứt, nhìn đồng hồ, tôi mới biết mình đã nói trong hơn nửa giờ. Với một cử chỉ đột ngột, Fuhrer xiết chặt tay tôi:

- Anh đã thuyết phục được chúng tôi, Đại úy Skorzeny! Chắc chắn anh có lý, vậy tôi rút lui lệnh tấn công bằng quân nhảy dù lên đảo. Anh đã chuẩn bị kế hoạch đưa ông Duce thoát khỏi pháo đài hải quân đó chưa? Nếu rồi, trình bày xem!

Nhờ một bản đồ vẽ bằng bút chì tôi khai triển dự án mới được hình thành mấy hôm trước. Tôi giải thích rằng, ngoài một hải đội gồm khinh tặc đỉnh, tôi còn cần tàu vớt mìn, hơn nữa để yểm trợ năm mươi người của tôi, còn cần một đại đội tình nguyện lấy ở đơn vị SS đang đóng tại đảo Corse. Mặt khác, để che chở cho chúng tôi rút lui, tôi muốn trông đợi vào các dàn cao xạ D.C.A. tại Corse và tại phía bắc Sardaigne. Dự tính tấn công bất thần vào lúc hừng đông của tôi, hình như được mọi người đồng ý chấp thuận. Nhiều lần, Hitler, Goering, Jodl ngắt lời tôi để hỏi bỏ tức. Khi tôi chấm dứt, Fuhrer nói với tôi:

- Tôi chấp thuận kế hoạch của anh, và tôi tin rằng nếu được thực thi với tất cả khéo léo không ngần ngại, kế hoạch này có thể thực hiện được, Thủy sư Đô đốc Doenitz, xin ông ra mệnh lệnh cần thiết cho hải quân. Các đơn vị tăng phái được đặt dưới quyền chỉ huy của Đại úy Skorzeny trong suốt thời gian chiến dịch, Đại tướng Jodl sẽ lo liệu các việc khác. Còn một điểm nữa, Đại úy Skorzeny: phải giải thoát ông bạn Mussolini của tôi càng sớm càng tốt hầu ngăn không để ông bị giao cho Đồng minh. Anh không được để mất một giây phút nào. Nhưng, cho đến khi anh sẵn sàng và cho đến khi tôi ra lệnh hành động, nước Ý có thể sẽ còn là đồng minh của chúng ta, ít ra là về mặt chính thức. Nếu đến lúc đó, cuộc đột kích của anh thất bại, tôi bắt buộc phải lên án anh trước công luận thế giới. Tôi sẽ tuyên bố rằng, bằng cách trình bày kế hoạch và nhấn mạnh đến sự cần thiết phải giải thoát ông Duce, anh đã làm cho một vài Đơn vị trưởng đóng tại Ý trở nên mù quáng, và trong tất cả mọi trường hợp anh đã tự ý hành động một mình. Để giúp chúng tôi trong nỗ lực đem lại chiến thắng vinh quang, và hãy vì Tổ quốc, anh phải sẵn sàng chấp nhận, trong trường hợp đó, sự lên án nặng nề không bào chữa được.

Tôi không có thì giờ để suy nghĩ. Dầu sao khi danh dự của tổ quốc tôi đang được đặt thành vấn đề, tôi biết, tôi không từ chối chịu đựng một cách im lặng nỗi nhục nhã, kết quả của một tình trạng bị hất hủi như thế. Rất cảm động, tôi chỉ có thể nghiêng mình chào Fuhrer không nói một lời.

Tỏ ra rất hài lòng, Fuhrer cho phép tôi rút lui sau khi thân mật xiết tay tôi.

- Anh sẽ thành công, Skorzeny, - ông nói, giọng tin tưởng và niềm tin đó đã truyền qua tôi như một luồng điện.

Thêm một lần nữa, tôi lại được nghe giọng nói có sức thuyết phục gần như thôi miên của Fuhrer. Giờ đây, tôi đã có kinh nghiệm không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ thành công.

Sáng hôm sau, chúng tôi trở lại La-mã, ngay lúc đến nơi, tôi cho Trung úy Radl trung thành của tôi biết rằng trong trường hợp thất bại, tôi phải một mình hoàn toàn chịu trách nhiệm về chiến dịch. Là một công dân Áo chính cống, Radl cảm kích không ít.

- Thế thì, - hần bình tĩnh nói, - nếu chuyện đó xảy ra, tôi sẽ yêu cầu được giam cùng với ông. Có lẽ họ sẽ nhốt chúng ta vào nhà thương điên. Đó là cơ hội tốt để thử xem các xà lim được tiện nghi đến mức độ nào.

Vài hôm sau, nhờ một sự tình cờ, chúng tôi tránh được hậu quả tai hại đó. Thật vậy, suýt nữa chúng tôi đã tấn công vào một nhà giam trống rỗng.

Chương VIII

Lại bắt đầu từ số không

Trung tá Schulz, Tư lệnh đội khinh tốc đỉnh được cung cấp cho tôi là một người sôi nổi. Từ lâu, ông ta mơ ước một cuộc hành quân kiểu này. Chúng tôi chuẩn bị cho cuộc đột kích một cách tỷ mỉ, cẩn thận không để sót một chi tiết nào, tiên liệu tất cả mọi chuyện có thể xảy đến. Sau cùng kế hoạch của tôi hoàn thành.

Trước ngày J một hôm, đội khinh tốc đỉnh sẽ tổ chức một cuộc thăm viếng chính thức hải cảng Santa Maddalena, hải đội sẽ xuyên qua quân cảng và bỏ neo cạnh một con đập ngay dưới thành phố. Cũng ngày hôm đó, đoàn tàu vớt mìn, dưới quyền chỉ huy của Trung úy Radl, chở đầy các toán cảm tử từ đảo Corse, sẽ tiến qua eo biển và bỏ neo cạnh con đê Palau đối diện với Santa Maddalena. Lẽ tất nhiên các cảm tử quân phải ẩn kín. Vào những giờ đầu tiên của ngày J, cả hai hải đội sẽ điều động như lần lượt sắp rời hải cảng. Bất chợt, các tàu vớt mìn sẽ cho đổ bộ quân cảm tử mà một thành phần sẽ che chở cho đồng bạn tiến từ thành phố đến. Các khinh tốc đỉnh sẵn sàng sử dụng hỏa lực để can thiệp bảo vệ chúng tôi.

Tiếp theo đó, tôi cùng với lực lượng chủ yếu, sẽ theo đội hình xiết chặt, tiến tới biệt thự. Trong trí tôi, sự xuất hiện bất ngờ của một đơn vị đi đều bước trong trật tự sẽ tăng thêm yếu tố bất ngờ. Chúng tôi sẽ cố tránh không để xảy ra biến cố, nhất là nổ súng trong khi đi ngang qua thành phố. Và rồi chúng tôi sẽ tấn công vào biệt thự - tôi sẽ quyết định tại chỗ các chi tiết của cuộc tấn kích, tùy theo tình hình lúc đó. Để đề phòng quân cảnh giữ báo động ngay khi chúng tôi đổ bộ, tôi chỉ định một vài khu vực phải cắt đứt hết dây điện thoại.

Ngay sau khi vô hiệu hóa chừng 150 quân trú phòng canh giữ biệt thự, tôi và ông Duce sẽ lên một chiếc khinh tốc đỉnh. Trong khi đó một toán quân SS sẽ chiếm các ổ súng canh chừng lối ra vào hải cảng. Riêng phần các dân cao xạ phòng không D.C.A. của Ý đặt trên các ngọn đồi chung quanh thành phố thì thuộc phần các dân đại bác của chúng tôi thiết lập tại mũi cực bắc Sardinia lo liệu.

Với một chút may mắn, mọi sự sẽ trôi chảy. Chỉ có một điều còn làm tôi lo ngại thật sự: bên trên biệt thự Weber, gần bến tàu, có nhiều doanh trại, nơi đó 200 sinh viên sĩ quan Hải Quân Ý đang đồn trú để được huấn luyện. Tôi cần có lực lượng che chở thật mạnh để được bảo đảm không bị phản công cạnh sườn. Mặt khác hai thủy phi cơ của Ý và một thủy phi cơ dùng làm bệnh viện lại đang bỏ neo cạnh bờ. Tôi chỉ định hai toán phụ trách làm cho chúng trở nên bất khiển dụng để ngăn không cho quân Ý đuổi theo chiến thuyền chở ông Duce.

Đúng vào ngày trước ngày J, từ rạng đông, các khinh tốc đỉnh từ hải cảng Anzio tiến ra và sau một khoảng đường biển náo nhiệt, đến được Santa Maddalena. Lập tức, Radl rời khỏi tôi, lên một tàu vớt mìn tại Corse, xem xét quân sĩ lên tàu và theo kế hoạch, đoàn tàu vớt mìn phải đến Santa Maddalena vào chập tối. Trong khi chờ đợi, tôi nghiên cứu lại một lần nữa bản đồ biệt thự Weber và vùng kế cận. Cậu bé Warger đã làm việc chu đáo, tất cả đều được ghi chú với mức độ chính xác hoàn toàn, những khoảng cách, những vị trí đặt cửa ra vào, vị trí canh gác v.v... Tuy nhiên, tôi không thể tự ngăn một cảm giác nghi ngờ tính cách chắc chắn, thường xảy ra mỗi khi nhờ kẻ khác thực hiện một công tác quan trọng ngoài vòng kiểm soát của ta. Vậy nên tôi quyết định đích thân đi kiểm soát một lần cuối. Warger đi theo tôi. Ngay khi đến gần biệt thự, tôi thấy một đường dây điện thoại mà Warger không ghi vào bản đồ. Một con giẻ giữ dội làm tôi nhức buốt, bởi vì theo ý tôi, chính những chi tiết vụn vặt này có thể làm hỏng cả chiến dịch như cỡ chúng tôi đang thực hiện.

Thật tình mà nói, ngoài điểm này, các chi tiết tỉ mỉ khác đều đúng cả. Hai tiểu đội phòng vệ đang dạo chơi trên đường, một tiểu đội khác canh cửa ra vào với súng liên thanh. Khốn thay, một bức tường thật cao đã chắn các cặp mắt tò mò nhìn vào vườn. Nhờ cẩn thận ăn mặc như hai thủy thủ, lại cùng khiêng

một giỏ quần áo dơ to tướng, chẳng ai chú ý đến chúng tôi. Mục tiêu là một ngôi nhà kế cận và cao hơn biệt thự một chút nhờ đó có thể quan sát bên trong. Trong khi Warger đưa quần áo cho tiệm giặt, tôi lấy cớ là tiệm giặt còn thiếu một vài điều kiện vệ sinh để trèo lên cao hơn và ẩn sau một tầng đá lớn, từ đó có thể nhìn sâu vào biệt thự. Tất cả đều có vẻ yên tĩnh, tôi khắc trong trí những lối đi trong vườn và các điểm chuẩn, rồi quay trở lại, tỏ ra hài lòng về tiệm giặt ư. Chính nơi đây sự tình cờ trời định đã xảy đến mà trước đây tôi có ám chỉ. Trong khi tôi vắng mặt một lính phòng vệ canh gác ông Duce đã đến viếng tiệm giặt. Tôi tìm cách chuyện gẫu với anh ta bằng kỹ thuật mà Warger đã áp dụng. Tôi cẩn thận hướng câu chuyện qua đề tài sự sụp đổ của Mussolini. Thoạt tiên, anh ta không mấy chú ý đến và chỉ quan tâm khi tôi cho rằng mình biết ông Duce vừa chết. Với thái độ sôi nổi của dân Địa Trung Hải, anh ta đoán quyết với tôi đó chỉ là tin đồn nhảm. Lẽ tất nhiên tôi kích thích thêm anh ta bằng cách nói rằng tôi chắc chắn biết rõ như vậy bởi vì một vài hôm trước đây một bác sĩ bạn tôi đã kể cho tôi nghe rất nhiều chi tiết liên quan đến phút cuối cùng của nhà lãnh tụ Phát-xít.

Đến đây, người lính phòng vệ thân mến của chúng tôi đã không kiềm giữ được nữa:

- No, no, signore, không thể được, - anh ta nói với vẻ tức giận. - Tôi còn thấy ông Duce sáng nay. Tôi đã tham dự vào toán hộ tổng ông ấy đến chiếc phi cơ trắng, phi cơ đã chở ông ta đi rồi.

Thật là chua chát! Thật là một điều kinh ngạc tột độ! Người binh sĩ kia đã nói với giọng quả quyết, câu chuyện của anh ta chắc đúng sự thật. Và chẳng lúc đó tôi mới nhớ chiếc thủy phi cơ bệnh viện mới ngày hôm qua, sáng nay đã biến mất. Tôi đã thấy nó cất cánh nhưng lúc bấy giờ tôi cho là không có gì quan trọng cả. Mặt khác, tôi đã từng ngạc nhiên khi quan sát biệt thự và thấy nhiều lính phòng vệ nằm nghỉ mệt trên sân thượng. Vậy thì lời giải thích tác phong ít có vẻ quân sự đó là: trong nhà giam này không còn tù nhân nữa!

May mắn là chúng tôi khám phá ra điều này thật kịp thời. Thật là đẹp mắt nếu chúng tôi phát động cuộc tấn công hải lục qui mô mà chúng tôi đã đạo diễn!

Hiện tại, điều phải làm trước hết là hủy bỏ lập tức các cuộc điều quân chuẩn bị của chúng tôi. Tôi gọi điện thoại cho Radl và bắt kịp hẩn ít phút trước khi hẩn ta lên đường đi Corse. Riêng về phần các quân cảm tử, họ đã xuống tàu sẵn rồi.

- Tất cả gài sỏ de! - Đây là mệnh lệnh của chúng tôi.

Để được cẩn thận, chúng tôi duy trì công cuộc chuẩn bị thêm vài ngày nữa hầu sẵn sàng hành động trong trường hợp ông Duce được mang trở lại Santa Maddalena. Thật kỳ lạ, quân Ý cũng duy trì lực lượng canh giữ trong và ngoài biệt thự. Theo tôi, cơ quan tình báo Ý làm như thế là để xóa bỏ dấu vết và đánh lạc hướng chúng tôi. Rõ rệt, tù nhân của họ rất quan trọng đến nỗi họ không lui bước trước công việc khó khăn phức tạp mệnh mông, nhưng cần thiết để thay đổi liên tục nơi giam giữ. Lúc này đây, họ đang thành công – một lần nữa chúng tôi lại bị mất dấu.

Hiện tại, chúng tôi lại trở lại điểm khởi đầu, từ số không. Phải bắt đầu lại tất cả. Trong nhiều ngày liền, chúng tôi chơi với. Tin đồn thì không thiếu, nhưng khi chúng tôi mở cuộc điều tra, dầu là đại khái, những tin tức loại này tiêu tan ra mây khói.

Một lần nữa, sự tình cờ, chủ nhân ông của những người mạo hiểm đã đến giúp chúng tôi. Chính nhân một cuộc thanh tra thường lệ trong vùng hồ Bracciano, sau cùng, tôi mới khám phá ra những dấu vết chính xác. Một vài sĩ quan của chúng tôi đã trông thấy chiếc thủy phi cơ bệnh viện hạ cánh! Dần dần các tin tức khác suu tầm được đã hậu thuẫn cho giả thuyết về một giam giữ ông Duce trong chính bán đảo này. Nhiều lần, chúng tôi theo những dấu vết để rồi sau cùng thấy sai lạc, chẳng hạn như hồ Trasimène. Nhưng một hôm, tin tức về một vụ tai nạn xe hơi làm thiệt mạng hai sĩ quan cao cấp Ý đã khiến chúng tôi có ý tưởng tìm kiếm trong vùng núi Abruzzes trùng điệp. Cũng tại đây, những tin đồn mơ hồ đã dẫn chúng tôi lạc lối, theo ngò phía đông của dãy núi.

Dần dần, chúng tôi bắt đầu tin rằng đây là các đường lối do địch vẽ ra để đánh lạc hướng chúng tôi. Cơ quan tình báo Ý quả nhiên không phải là một đối thủ tầm thường. Mặt khác, các cơ quan tình báo của Đức như Bộ Tham Mưu của Thống Chế Kesselring, hoặc các nhân viên của Ausland-Abwehr chẳng hạn, cũng ra sức để được xem là cơ quan đầu tiên khám phá ra chỗ giam nhà độc tài Ý. Trong tháng tám, chỉ huy cơ quan Quân báo Đức, Đô Đốc Canaris, gặp tại Venise đồng nghiệp Ý của ông, Tướng Amé. Cuộc tiếp xúc không kết quả. Có phải quyết tâm giữ bí mật bằng mọi giá của Ý rõ rệt là đã mạnh hơn ý muốn đưa vụ mất tích bí mật này ra ánh sáng của Fuhrer? Chắc như vậy. Liệu có phải Canaris đã nhiệt tâm hành động theo lệnh của Bộ Tư Lệnh tối cao Đức Quốc? Nhiều khi tôi tự hỏi...

Bên cạnh đó, Thống chế Kesselring đã nhân cơ hội sinh nhật thứ 60 của Mussolini – ngày 29 tháng 7 năm 1943 – để thử dò la chính ngay nơi ông già Thống Chế Badoglio. Để làm quà sinh nhật, Hitler gởi sang Ý một ấn bản quý, in giới hạn, toàn bộ tác phẩm của Nietzsche. Sách được đặt trong một hộp gỗ chạm trổ đẹp tuyệt vời. Kesselring bảo rằng Fuhrer muốn ông trao tận tay Mussolini món quà sinh nhật. Đáng tiếc, chiến thuật này thất bại, bởi vì Badoglio từ chối, bằng những lý lẽ lờ mờ.

Trong khoảng thời gian đó, tình hình ở La-mã càng ngày càng trở nên tệ hơn. Lần lượt nhiều Sư đoàn Ý từ mặt trận rút về và kỳ lạ hơn nữa là các đơn vị đó đã đóng chung quanh thành phố - Về phương diện chính thức, mục đích là để ngăn chặn mỗi đe dọa một cuộc đổ bộ của địch – Thật ra, chúng tôi không tin như vậy. Nếu nhất thời mọi chuyện giữa người Ý và chúng tôi hồng cả, thì Sư đoàn duy nhất của Đức – Sư đoàn dù của Đại tướng Student – và một vài đơn vị chỉ huy liên lạc của Bộ Tham mưu của Thống Chế Kesselring sẽ bị đặt trước một lực lượng tập trung có ưu thế tuyệt đối gồm 7 Sư đoàn. Chúng tôi nhận thức rằng đó là sự thật khi quân Ý vẫn kéo về tập trung không ngừng.

Trong khi đó bộ phận tình báo của riêng tôi đã xác nhận chắc chắn rằng Mussolini hiện đang ở trong một khách sạn dưới chân núi Gran Sasso, lẽ tất nhiên là được canh kỹ. Trong nhiều ngày liền, chúng tôi thất bại trong việc thử tìm một bản đồ chi tiết về khu vực đó. Vì lẽ khách sạn chỉ được cất xong ít lâu thì chiến tranh bùng nổ, tòa nhà đó không hề được ghi trên bất cứ bản đồ nào. Chúng tôi chỉ tìm được hai tin tức mơ hồ: Câu chuyện của một người Đức ngụ tại Ý đã từng đến nghỉ mát tại khách sạn này vào mùa đông 1938, và một tập quảng cáo của một hãng du lịch, tán dương thiên đường của những tay trượt tuyết nằm ngay trong lòng dãy Abruzzes này.

Những yếu tố đó còn quá mỏng manh so với công cuộc chuẩn bị cho một cuộc đột kích tối quan trọng. Chúng tôi quyết định kiểm thật gấp vài không ảnh. Đại tướng Student cấp cho tôi một phi cơ trang bị máy hình tự động, và sáng ngày 8 tháng 9 tôi bay từ phi trường Pratica di Mare cùng với Radl và một sĩ quan tình báo của Bộ Tư lệnh Sư đoàn, trong kế hoạch của tôi, ông này sẽ đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

Vì cần phải dấu kỹ bằng mọi giá mục đích của chuyến bay đối với người Ý, chúng tôi vượt qua dãy Abruzzes với cao độ 5.000 thước. Ngay cả viên phi công cũng không được biết mục đích của chuyến bay, anh ta được cho biết rằng chúng tôi sẽ chụp hình các hải cảng vùng Adriatique.

Khi còn cách Gran Sasso chừng 30 cây số, tôi nghĩ là phải chụp thử vài tấm hình với chiếc máy khổng lồ gắn cứng vào bụng phi cơ. Chúng tôi thấy đường phim trượt của máy bị kẹt vì tuyết đóng. Như vậy máy chụp hình trở nên bất khiển dụng. May thay chúng tôi lại có mang theo máy chụp hình xách tay, dù tốt dù xấu chúng tôi phải xử dụng nó. Chúng tôi cũng bị rét cóng bởi vì trên người chỉ mang bộ quân phục viền chinh miền Phi Châu. Vì không thể mở hết nắp kính của cánh cửa sau, khi phi cơ đang bay, chúng tôi bắt

buộc phải đẩy lui một phần nắp kính để tạo một thị trường cho máy hình. Kế này không mấy thuận tiện, bởi vì người chụp hình bắt buộc phải nhô đầu, vai và tay ra khỏi lỗ hồng.

Tôi thử liều trước. Chưa bao giờ tôi cảm thấy không khí giá buốt như vậy, gió mạnh cắt da. Tôi nhọc nhằn nhô nửa người ra lỗ hồng trong khi Radl nắm chân tôi. Vài phút sau, chúng tôi bay trên Campo Imperatore, một cánh đồng hoang vu quay cuồng nằm trên cao độ 2.000 thước. Những thành núi dựng thẳng đứng của mũi Gran Sasso vạch từng nét một lên cao cho đến 2.900 thước. Những tảng đá xám và nâu, những vách núi trơ trụi và rồi chúng tôi bay qua trên mục tiêu, khách sạn: một kiến trúc vĩ đại, ngay cả khi được nhìn với khoảng cách hiện tại. Tôi chụp tấm hình đầu tiên, rồi chuyển máy hình qua tay trái tôi quay cần lên phim, lúc đó tôi mới biết chỉ trong giây lát mấy ngón tay bị tê cứng đến mức nào. Ngay sau khách sạn tôi thấy một cánh đồng lơ mờ hình tam giác. Tôi tự bảo ngay: đây rồi, bãi đáp của chúng tôi. Một tấm hình thứ ba nữa, rồi tôi lấy chân ra hiệu cho Radl kéo tôi vào.

Phải mất nhiều phút người tôi mới nóng trở lại được. Khi Radl, vẫn luôn luôn "cù không cười" hỏi: Chắc trên mặt trời cũng lạnh như vậy? Tôi quyết định để chuyển về cho hắn ném thử mùi đau khổ.

Từ bụng phi cơ trèo trở lên vị trí, tôi đã phân biệt được một dây màu xanh ở xa xa: biển Adriatique. Tôi ra lệnh bay thấp xuống 2500 thước và hướng mũi về phía bắc cho đến khi tới bờ biển. Rồi để đánh lừa viên phi công, tôi mang bản đồ ra nghiên cứu kỹ và bảo Radl chuẩn bị chụp hình cơ sở hải cảng Ancône.

Nhờ thời tiết thật tốt chúng tôi tiến đến các bãi biển tuyệt đẹp Rimini và Riccione rất nhanh. Vượt qua một khoảng nữa, tôi ra lệnh quay trở lại và lên cao 5500 thước để bay ngay trên đỉnh Gran Sasso.

Lần này đến phiên Radl. Chúng tôi lại trở lại vị trí đằng sau phi cơ, nơi đây nhiệt độ đã hạ xuống đáng kể, từ 2 đến 3 độ dưới không độ. Lúc này, chúng tôi đều nguyên rửa bộ quân phục bản xứ mà chúng tôi vẫn ưa thích khi đi dạo dưới ánh mặt trời tại La-mã. Tôi đưa máy hình xách tay cho Radl và giải thích thật lâu cho hắn biết cách xử dụng – phải giải thích thật lâu bởi vì có vẻ là một nghệ sĩ, hắn chẳng biết gì ráo về chi tiết kỹ thuật. Rồi hắn luôn ra cửa, hai tay thẳng về phía trước, trong khi đó tôi quì xuống để giữ chặt lấy chân hắn. Khi thoáng thấy đỉnh núi, tôi véo chân hắn để ra hiệu sẵn sàng. Cùng lúc đó tôi hét lớn – chắc hắn chẳng nghe được gì vì tiếng động cơ quá ầm ĩ – “Mau lên, chụp càng nhiều hình càng tốt”. Tôi cảm thấy qua các cử động co quắp của cặp giò, hắn đang cựa quậy điên cuồng. Có lẽ chúng tôi không bay ngang đứng trên đỉnh núi cho nên Radl cố vờn người để chụp các ảnh nghiêng. Điều này chắc rất có ích vì các hình chụp đó sẽ giúp chúng tôi hiểu thêm thế đất hơn là các hình chụp thẳng đứng, Radl ra hiệu cho tôi kéo vào. Mặt hắn xanh lè vì lạnh.

- Tên nào còn ca tụng với tôi mặt trời tuyệt đẹp ở Ý, tôi sẽ bóp cổ nó, - hắn lầm bầm trong khi hàm răng đánh lộn cập.

Trở lại phòng lái, chúng tôi lấy phao cấp cứu mặc vào và phủ lên người cả mấy tờ giấy dầu vớt trong xô. Tiếp theo đó, tôi ra lệnh chi tiết cho phi công: xuống thấp 1500 thước, và trở về nhưng phải theo hướng Bắc cho đến Địa Trung Hải, trên La-mã một chút. Sau đó bay là là hướng về phi trường.

Mười lăm phút sau chúng tôi được biết có lẽ sự thận trọng này đã cứu sống chúng tôi. Vừa tiến đến bờ biển, mặt trời chiếu tràn ngập trong phòng lái bao phủ toàn kiếng, ngồi bên phi công, tôi lơ đãng nhìn phong cảnh. Khi nhìn qua phía trái một cách hết sức tỉnh cờ, về hướng dãy núi Sabins, tôi tưởng không tin ở mắt mình: vô số phi cơ địch với đội hình chặt chẽ đã từ phía Nam tiến về Frascati. Nắm chặt lấy kính đeo mắt, tôi thấy chúng trút bom xuống thành phố đúng bên trên Bộ Tham Mưu của chúng tôi. Đợt thứ nhất vừa rời xa, hai đợt khác xuất hiện trút sức nặng chệt người xuống. Đến lúc đó tôi mới biết lệnh bay vòng phía bắc của tôi đã giúp chúng tôi tránh khỏi bị lọt ngay vào chính giữa phi đội địch, mà phi cơ trinh sát của chúng tôi thường không được võ trang chút nào! Lại cũng nhờ bay là là, phi cơ săn giặc hộ tống của địch không khám phá ra chúng tôi.

Vài phút sau chúng tôi đáp an toàn. Về đến Frascati, chúng tôi rơi vào một nơi hỗn độn. Tòa nhà dùng làm Bộ Tham Mưu của Đại tướng Student còn nguyên, nhưng trại của chúng tôi bị đổ nát. Khi chúng tôi muốn tiến vào, một sĩ quan báo động rằng có hai quả bom nổ chậm đang nằm trong hầm, có thể nổ bất tử. Thế nhưng chúng tôi đã để trong hầm những tài liệu quan trọng chứa đựng tất cả kết quả của cuộc điều tra. Mặc kệ - chúng tôi leo lên một đồng gạch vụn, đặt chân lên bao lơn và tìm được tài liệu, mặc dầu trong phòng đồ đạc tung tóe hỗn độn. Sau đó, chúng tôi lại đặt chân được xuống đường.

Tồn thất về phía thường dân chắc là cao. Trái lại hầu hết cơ sở quân đội Đức thoát khỏi bị tàn phá. Binh sĩ của chúng tôi đang sửa chữa các đường dây điện thoại bị hư hại nặng. Phần tôi, không để mất giây phút nào, thật vậy tôi phải đến La-mã thật gấp để gặp một số sĩ quan Ý mà tôi được biết có dự định giải thoát ông Duce. Tôi cần biết kế hoạch của họ để tránh dẫm chân lên nhau.

Sau vài phút chuyện trò, tôi nhận thấy các sĩ quan trẻ tuổi này có niềm hăng hái đáng khen và một quyết tâm rất vững chắc, tuy nhiên công cuộc chuẩn bị của họ còn thua xa chúng tôi. Khi tôi giã từ các “bạn đồng mưu” này, trời đã tối hẳn, tôi còn phải băng qua thành phố La-mã để về gặp Radl tại một căn cứ Đức. Xe tôi tiến chậm chậm bởi vì đường phố tự nhiên có vẻ náo nhiệt một cách bất thường. Người ta tập hợp quanh các loa phóng thanh và khi tôi đến đầu đường Via Veneto, tôi phải chạy rề rề. Tiếng hoan hô vang dậy tiếp theo sau một tin tức được loan truyền bằng loa phóng thanh, tôi nghe vài tiếng la hét “Viva il Re!”, đàn bà ôm lấy nhau, người người bàn luận sôi nổi. Càng lúc càng lo ngại, tôi phải dừng xe lại để hỏi một người đi đường và tôi được báo một tin khủng khiếp: Nước Ý đã buông khí giới.

Tôi biết rõ ràng tình trạng các đơn vị của chúng tôi tại bán đảo rất khó khăn. Thật ra chúng tôi chờ đợi sự đầu hàng này, nhưng không ai nghĩ rằng nó xảy ra sớm như vậy. Dầu sao, biến cố này cũng sẽ làm chậm trễ sứ mạng của tôi – chậm trễ hay vô phương thực hiện không biết chừng.

Vài ngày sau, tôi được biết Tướng Eishenhower đã đi trước bằng cách tuyên bố trên đài phát thanh Alger cùng ngày đó nhưng lúc 18 giờ 30, sự đầu hàng của Ý Quốc đặt chính quyền Badoglio trước một sự đã rồi, ít ra cũng là về phương diện ngày giờ chấm dứt sự thù nghịch, và lại phe Đồng Minh đã ấn định một cuộc đổ bộ lên Salerne vào đêm 8 và 9 tháng 9, và họ không thể thay đổi ngày giờ của chiến dịch. Cuộc hành quân này đã làm cho nhiệm vụ của một “đồng minh” mới dễ dàng hơn: cầm chân đa phần lực lượng Đức chung quanh Salerne. Theo báo cáo của các cơ sở tình báo, chúng tôi tiên liệu ngay cả một cuộc nhảy dù của Đồng Minh trong vùng Rome, nếu vậy, lực lượng yếu kém của chúng tôi sẽ bị đặt vào một tình thế không mấy sáng sủa, cũng như vậy, cuộc không tập ào ạt nhằm vào Frascati đã được quyết định trong cuộc tiếp xúc giữa chánh quyền Badoglio và đại diện của Bộ Tư Lệnh Tối Cao Đồng Minh nhằm mục đích giải tán Bộ Tham Mưu quân lực Đức tại Ý. Phần chót của kế hoạch này đã thất bại. Chúng tôi vẫn giữ được liên lạc với tất cả các đơn vị và lẽ tất nhiên tất cả đều được đặt trong tình trạng báo động.

Đêm 8 và 9 tháng 9 trôi qua trong yên tĩnh ngoại trừ vài chuyện lộn xộn nhỏ giữa quân Đức và quân Ý phía Nam thành phố La-mã. Trong ngày 9 tháng 9, trái lại, chung quanh Frascati, nơi tập trung các cơ sở Đức đã xảy ra đụng độ nghiêm trọng. Nhưng đến tối, chúng tôi giữ chắc được toàn thể vùng Montes Sabins. Dần dần các đơn vị Đức tiến gần đến La-mã hiện đang được nhiều Sư đoàn Ý bao quanh bảo vệ.

Trong khoảng thời gian xảy ra các biến cố kể trên, trong khi nhìn nhận là cần phải hoãn việc giải thoát ông Duce lại vài ngày, tôi vẫn luôn luôn tìm cách kiểm chứng bằng các chi tiết chính xác tối đa, sự có mặt của ông Duce trong khách sạn tại Gran Sasso. Những chỉ dẫn đầu tiên đã do hai người Ý vô tình cung cấp cho chúng tôi, tuy nhiên tôi thích được xác nhận bởi một người Đức. Rõ ràng là không thể nghĩ đến việc gọi một thám tử đến khách sạn bởi vì nơi đây chỉ được nối liền với thế giới bên ngoài bằng một đường xe treo khởi đi từ thung lũng. Tâm trí tôi bị dẫn vật rất nhiều trong việc tìm cách đến gần một cách tự nhiên, cho đến lúc trước khi Ý đầu hàng một ngày, tôi đã thành công vì kiếm được một người như ý. Tại La-mã, tôi có quen với một Bác sĩ Thiếu tá Đức, một người có nhiều tham vọng và từ lâu mong ước được gắn một huy chương. Tôi quyết định khai thác ước vọng vinh quang này và ngay tối ngày 7 tháng 9, tôi giải thích cho ông ta nghe phương cách làm cho thượng cấp ban cho đặc ân đó.

Cho đến nay, tất cả những binh sĩ Đức bị bệnh sốt rét – rất nhiều người bị - đều được gọi đến Tyrol để điều trị. Tôi đề nghị với ông Thiếu tá Bác sĩ thân mến của chúng tôi là “tự ý” tìm cách đến khách sạn trên núi Gran Sasso mà tôi cho là mình biết rất rõ – để xem thử cơ sở này, nằm trên cao độ 2.000 thước, có thể dùng làm nơi dưỡng bệnh hay không. Tôi nhấn mạnh là phải thảo luận thật kỹ tại chỗ với viên giám đốc, ghi nhận số giường còn trống, thanh sát cơ sở vệ sinh v.v... và tổ chức cuộc thương lượng ngay lập tức. Điều gợi ý của tôi không phải rơi vào tai kẻ điếc: sáng ngày 8 tháng 9, ông Bác sĩ đảm đang của tôi lên đường bằng xe hơi và tôi xác nhận rằng bây giờ tôi mới lo. Liệu ông ta có trở về được không, liệu tôi còn gặp lại ông ta an toàn không?

Ngày hôm sau, người điệp viên bất đắc dĩ của tôi trở về, tỏ vẻ thất vọng vì nghĩ rằng cuộc đầu hàng của Ý có thể làm cho dự tính của ông ta thất bại. Với các chi tiết thật tỉ mỉ, ông ta kể lại bằng cách nào, sau khi đến Aquila, ông đến được thung lũng khởi điểm của hệ thống xe treo. Tuy nhiên, bao nhiêu cố gắng của ông để tiếp tục con đường đều vô ích. Đường xe treo bị một rào cản chắn ngang, thêm vào đó, có vô số lính phòng vệ canh gác. Sau một hồi cãi cọ với quân canh, ông được phép gọi điện thoại cho khách sạn. Tuy nhiên không phải viên Giám Đốc trả lời, bên kia đầu dây, một sĩ quan cho ông rõ là vùng Campo Imperatore đã được coi như khu vực huấn luyện quân sự và do đó mọi sự vận dụng đất đai cũng như cơ sở tại đây đều bị cấm chỉ. Chiếu theo những gì mà ông Thiếu Tá quan sát được, hiện đang có các cuộc điều động quan trọng, trong thung lũng ông ta thấy một xe truyền tin và các xe treo không còn thất nghiệp nữa. Trong một làng kế cận, dân chúng kể với ông nhiều chuyện khó tin: hình như khách sạn vừa mới bị

trung dụng, người ta đuổi lập tức các công nhân dân sự và sửa chữa lại tòa nhà để chứa khoảng 200 binh sĩ. Các sĩ quan cao cấp đã đến thung lũng nhiều lần, một vài người – những người rành tin tức nhất – còn giả định là Mussolini bị giam trên ấy. Nhưng đó chỉ là tin đồn, không nên tin, ông Thiếu tá nhận xét. Tôi đã lừa được ông ta.

Chương X

Công tác chuẩn bị sau cùng

Ngày hôm sau, nghĩa là ngày 10 tháng 9 năm 1943, quân lực Đức tái chiếm La-mã và vùng phụ cận. Như vậy, tôi có thể bắt đầu thi hành dự án hay đúng hơn, bắt đầu công tác chuẩn bị cuối cùng, đặc biệt là thiết lập kế hoạch chi tiết.

Trước hết tôi cùng Radl nghiên cứu các điều kiện khả hữu mà chúng tôi phải chọn lựa (giả thuyết rằng cuộc đột kích có thể thực hiện được). Một điểm chắc chắn, chúng tôi không thể để mất thì giờ nữa. Mỗi ngày và có lẽ mỗi giờ chậm trễ sẽ làm gia tăng mối hiểm nguy do sự thay đổi chỗ giam ông Duce, đó là chưa kể đến điều mà chúng tôi sợ nhất: sự chuyển giao ông Duce cho Đồng Minh mà chắc phía họ đã đòi hỏi rồi. Sau đó ít lâu tôi được biết Tướng Eisenhower đã đưa yêu sách này vào trong điều kiện ngưng bắn.

Một cuộc hành quân trên bộ chắc chắn sẽ đưa chúng tôi đến chỗ thất bại không cứu chữa được. Một cuộc tấn công từ các vách thẳng đứng sẽ đưa tới nhiều tổn thất quan trọng và chắc chắn quân phòng vệ có đủ thời giờ dấu ông Duce hoặc mang ông ta đi nơi khác. Để ngăn không cho họ thoát đi với ông Duce, chúng tôi cần cả Sư đoàn để bao vây toàn dãy núi, do đó hành động trên bộ phải được coi là không thực hiện được.

Lợi điểm tối hảo của chúng tôi phải là sự bất ngờ toàn diện, bởi ngoài các lý do chiến lược, chúng tôi còn sợ rằng quân trú phòng đã nhận được lệnh giết ông Duce hơn là để cho ông thoát. Chỉ có sự can thiệp sấm sét của chúng tôi mới giúp cho ông Duce tránh được cái chết chắc chắn.

Như vậy chúng tôi thấy chỉ còn hai cách: một cuộc đột kích nhảy dù hoặc một cuộc đổ bộ gần khách sạn bằng máy lượn. Sau khi cân nhắc thật lâu ưu và khuyết điểm của hai giải pháp, chúng tôi chọn giải pháp thứ hai. Trong một không khí loãng ở cao độ này, để tránh cho khỏi rơi xuống quá nhanh, cần phải có loại dù đặc biệt mà chúng tôi không có sẵn. Hơn thế nữa, tôi tiên liệu quân nhảy dù sẽ đáp rải rác xuống một địa thế quá gập ghềnh, như thế sẽ không thể nào siết chặt đội hình để hành động thật nhanh được. Chỉ còn lại vấn đề đổ bộ cùng một lúc nhiều máy lượn. Nhưng chung quanh khách sạn lại chẳng có một khu đất trống là gì ?

Chiều ngày 8 tháng 9, khi tôi muốn in một số không ảnh thì phòng tối của đơn vị tại Frascali đã bị cuộc oanh tạc phá hủy. Một sĩ quan của tôi bèn mang đến nhờ một phòng tối dự bị, tiếc thay người ta không thể in cho chúng tôi ảnh cỡ lớn, nhờ đó có thể sử dụng máy quang phổ giúp nhìn nổi địa hình một cách rõ rệt. Tôi phải bằng lòng với ảnh cỡ nhỏ khổ 14 x 14 phân, nhưng trên đó tôi cũng thấy rõ hoàn toàn cánh đồng tam giác đã làm tôi chú ý khi bay trên khách sạn. Chính trên cánh đồng được chọn làm bãi đáp này, tôi xây dựng kế hoạch đột kích.

Cũng còn phải nghĩ tới việc che chở phía sau và lúc rút lui khi sứ mạng hoàn tất. Trong kế hoạch của tôi, hai mục tiêu này phải đạt được bằng cách sử dụng một Tiểu đoàn Dù đổ bộ ban đêm bằng máy lượn, xuống thung lũng và đến giờ H, chiếm trạm xe treo.

Sau khi xem xét tại những nét chính của kế hoạch như thế, tôi đến gặp Đại tướng Student. Tôi biết rằng từ 3 hôm nay, ông không hề được nghỉ ngơi một chút nào – và lại, cả tôi cũng vậy – tuy nhiên đây là lúc phải quyết định. Tôi trình bày kế hoạch và cố thuyết phục ông. Thật ra, Đại Tướng tỏ ra không mấy phấn khởi, ông không dấu tôi niềm thông cảm, nhưng ông cũng hiểu rằng, trừ phi chối bỏ sứ mạng được giao phó, chúng tôi phải thử dịp may duy nhất cuối cùng của chúng tôi. Mặc dù vậy, trước khi chấp thuận, ông tham khảo vị Tham mưu trưởng và một sĩ quan tham mưu khác của ông. Thế nhưng hai ông chuyên viên về hàng không này lại có lập trường hoàn toàn chống lại kế hoạch của tôi. Theo họ, chưa bao giờ người ta thực hiện một cuộc đổ bộ ở cao độ như vậy và trên một bãi đáp không được sửa soạn. Vì lý do vững chắc là về mặt kỹ thuật đó là điều không thể làm được. Theo quan điểm của họ, cuộc đổ bộ do tôi dự liệu sẽ làm thiệt mất đến 80% quân số. Phần còn lại sẽ quá yếu, không thể có may mắn nào để hoàn thành sứ mạng.

Để chống lại các luận cứ đó, tôi trình bày rằng tôi cũng ý thức được mối hiểm nguy mà chúng tôi có thể gặp, tuy nhiên đằng nào cũng phải chấp nhận rủi ro khi muốn thử một phương pháp mới. Tôi ước lượng rằng một cuộc đáp bằng bụng thận trọng theo suốt chiều dài của cánh đồng tam giác mà độ nghiêng rất nhẹ, sẽ phải làm giảm được tốc độ rơi của các máy lượn – tốc độ rất đáng kể trong một bầu không khí

loãng – và như vậy tránh được các tổn thất quá cao. Lẽ tất nhiên, tôi tuyên bố, nếu các ông ấy có thể đưa ra giải pháp tốt đẹp hơn, tôi sẽ theo khuyến cáo của họ ngay.

Sau khi suy nghĩ thật lâu, Đại tướng Student đứng hẳn về phía tôi và lập tức ra lệnh:

- Hãy gọi ngay 12 chiếc máy lượn hiện ở Pháp. Ngày J được ấn định là ngày 12 tháng 9, giờ H là 7 giờ sáng. Nghĩa là đúng 7 giờ ngày 12 tháng 9 các máy lượn phải đáp trên cao nguyên và cùng lúc đó, trong thung lũng một tiểu đoàn phải chiếm trạm xe treo. Tôi sẽ đích thân cho các phi công các chỉ dẫn và sẽ dặn họ cẩn thận tối đa khi đáp xuống. Tôi nghĩ rằng, Đại úy Skorzeny, ông có lý: cuộc đột kích phải được thi hành như ông nói, và không thể làm gì khác hơn được.

Như vậy là đã lấy được quyết định, tôi cùng với Radl xem xét lại các chi tiết cuối cùng của chiến dịch, gồm có việc tính lại cho thật chính xác các khoảng cách, xác định dụng cụ mọi người phải mang theo và nhất là tiên liệu trên một tờ giấy lớn, các điểm hạ cánh của mỗi một trong 12 chiếc máy lượn. Một chiếc máy lượn có thể mang theo, ngoài phi công, 9 người, nghĩa là một toán. Tôi chỉ định cho mỗi toán một nhiệm vụ chính xác, phần tôi, tôi sẽ đi trên chiếc thứ ba để lợi dụng được sự che chở của hai toán đầu, khi tấn công chớp nhoáng vào khách sạn.

Mặc dù đã xem xét lại tất cả, chúng tôi vẫn còn phải nhờ thần may mắn giúp đỡ. Chúng tôi biết rằng đó chỉ là các may mắn nhỏ thôi. Trước hết, không ai có thể bảo đảm được rằng Mussolini còn ở trong khách sạn cho đến ngày J. Rồi thì không có gì chắc chắn cho thấy chúng tôi sẽ không chế được toán lính Ý có nhiệm vụ hành quyết ông Duce. Sau cùng, lại còn phải theo dõi các sĩ quan tham mưu đã tiên liệu sự thất bại không cứu chữa được của cuộc đột kích.

Dẫu cho mỗi bi quan của họ có quá đáng hay không, chúng tôi phải tiên liệu là có tổn thất trong lúc đáp. Chưa hết: ngay trong trường hợp không có tổn thất, chúng tôi chỉ có 108 người, và còn nữa, chưa chắc các toán đã có thể hành động đồng loạt được. Chúng tôi phải đương đầu với ít nhất là 250 quân Ý hoàn toàn quen thuộc địa hình và chiến đấu trong hầm khách sạn như là một pháo đài. Riêng về vũ khí, chúng tôi phải được trang bị bằng địch. Có lẽ, vũ khí tự động sẽ đảm bảo ưu thế của chúng tôi đối với ưu thế quân số của địch, với điều kiện là tổn thất ban đầu của chúng tôi không quá lớn.

Radl cắt ngang bằng kết toán không mấy vui vẻ của tôi:

- Đại úy, tôi xin ông đừng lấy bảng lô-ga-rit để tính tỷ lệ bách phân chính xác về sự may mắn thành công của chúng ta. Chúng ta đã biết rõ tỷ lệ thành công ấy rất thấp nhưng chúng ta cũng biết rõ là phải thực hiện chiến dịch bằng mọi giá.

Một điểm làm tôi băn khoăn nữa: có cách gì gia tăng yếu tố bất ngờ vốn là lợi điểm chính yếu của chúng tôi không? Trong hơn một giờ, chúng tôi nghĩ mãi không ra, đột nhiên Radl có một ý tưởng thần sầu: chúng tôi sẽ mang theo một sĩ quan cao cấp Ý, mà sự xuất hiện sẽ gieo hoang mang phần nào cho quân phòng vệ - sự do dự sẽ ngăn họ trả đũa lập tức hoặc hạ ông Duce. Lúc đó, chính chúng tôi hành động trước khi họ lấy lại bình tĩnh.

Đại tướng Student chấp thuận ngay đề nghị khôn lanh này và chúng tôi chỉ còn tìm phương thế tốt nhất để thi hành. Đại tướng phải được gặp viên sĩ quan này một ngày trước ngày J và sẽ thuyết phục – tôi không biết bằng cách nào – ông ta tham dự vào chiến dịch. Và rồi để loại hẳn trường hợp có sự bép xép hay sự phản bội, viên sĩ quan này sẽ ở lại với chúng tôi cho đến sáng hôm sau.

Một viên chức cấp cao của chúng tôi ở tòa Đại Sứ vốn có quen biết rất nhiều trong giới quân nhân, chỉ cho tôi một sĩ quan cao cấp, thành phần cũ trong Bộ Tham Mưu của chính phủ La-mã. Người ta thấy ông này đã giữ thái độ dửng dưng rõ rệt khi quân Đức tấn công chiếm lại thành phố. Do tôi yêu cầu, Đại Tướng Student cho triệu dụng ông ta vào đêm 11 tháng 9, đến Bộ Tổng Tham Mưu tại Frascati để thảo luận về "một vài vấn đề".

*

Hiện tại chúng tôi cũng đã dự phòng về phía này rồi, nhưng một chuyện lo lắng nữa lại xuất hiện. Những tin tức nhận được trong ngày 11 tháng 9 về cuộc hành trình của các máy lượn không làm cho tôi được yên tâm. Hoạt động ngày càng tăng cường của không lực Đồng minh đã bắt buộc phi đội của chúng tôi thực hiện nhiều chuyến bay vòng rất mất thì giờ, mặt khác, thời tiết đáng ghét đã cản trở đáng kể các chuyến bay. Đến phút chót chúng tôi hy vọng rồi ra thế nào chúng cũng đến kịp thời, nhưng vô ích.

Chúng tôi phải triển hạn tất cả các giai đoạn của chiến dịch. Ngày J vẫn được ấn định là chủ nhật 12 tháng 9 – trong tất cả mọi trường hợp, chúng tôi không thể mất nguyên một ngày tròn – nhưng giờ H được lùi lại 14 tiếng. Chúng tôi phải xin lỗi mãi và giải thích với viên sĩ quan Ý đến rất đúng giờ rằng Đại Tướng Student bị bận bất ngờ và yêu cầu ông ta sáng mai đúng 8 giờ có mặt tại phi trường Pratica di Mare. Điều trầm trọng hơn cả là sự chậm trễ làm giảm thiểu cơ hội may mắn thành công của chúng tôi. Một mặt những luồng gió bốc cao mãnh liệt vào những giờ nóng bức nhất sẽ làm cho cuộc đáp xuống thêm phần nguy hiểm, mặt khác, bộ phận tấn công trạm xe treo sẽ thi hành nhiệm vụ một cách khó khăn hơn vì bị bắt buộc phải hành động ngay giữa ban ngày. Mặc kệ, chúng tôi vẫn phải thử tìm cách thành tựu sứ mạng. Chiều ngày 11 tháng 9, tôi đến vườn ô liu của một tu viện gần Frascati, nơi đơn vị của tôi đặt doanh trại. Tôi đã quyết định chỉ đem theo những người tình nguyện, nhưng tôi muốn báo trước một cách thẳng thắn rằng họ sắp dấn thân vào chốn vô cùng hiểm nguy. Tôi cho lệnh tập hợp và nói mấy lời vắn tắt:

- Thời gian bất động khá lâu của các anh nay đã chấm dứt. Ngày mai chúng ta sẽ chu toàn một chiến dịch tối quan trọng mà chính Adolf Hitler đã giao phó cho tôi. Chúng ta phải đón chờ các tổn thất nặng nề mà bất hạnh thay, chúng ta không thể tránh được. Tôi sẽ đích thân chỉ huy đoàn cảm tử và tôi đoán chắc với các anh là tôi sẽ cố hết sức mình. Nếu các anh cũng làm như vậy, nếu chúng ta chiến đấu sát cánh nhau, với tất cả năng lực, sứ mạng chúng ta sẽ thành công. Các quân nhân tình nguyện hãy rời khỏi hàng!

Tôi tràn ngập niềm vui sướng khi thấy tất cả, không trừ một ai, tiến về phía trước một bước. Các sĩ quan của tôi đã không thuyết phục được một vài người chịu ở lại, vì tôi chỉ có thể mang theo 18 người thôi. Chín mươi người khác, theo lệnh Đại Tướng Student, phải được chọn trong số quân nhân thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn khóa sinh nhảy dù. Sau đó tôi đến gặp Chỉ Huy Trưởng Tiểu đoàn này để thảo luận các giai đoạn tấn công. Theo lệnh Đại Tướng Student, viên sĩ quan này sẽ chỉ huy bộ phận có trách nhiệm chiếm giữ trạm xe treo bên dưới. Ngay đêm đó, tiểu đoàn khóa sinh dù lên đường hướng về phía thung lũng. Hiện tại ngọn lao đã ném đi.

Vào đầu hôm, một đài phát thanh Đồng minh đã loan đi một bản tin làm chúng tôi phải một phen sợ hãi. Thật vậy, xướng ngôn viên loan báo rằng ông Duce vừa đến Bắc Phi trên một chiếc thuyền Ý từ hải cảng La Spezia. Con kích xúc đã qua – liệu lần này chúng tôi còn đến quá trễ nữa không? – tôi lấy một bản đồ hải quân ngồi tính toán. Vì tôi biết được một phần của hạm đội Ý đã rời La Spezia đúng vào lúc nào, tôi thấy một cách dễ dàng rằng ngay cả loại chiến thuyền chạy nhanh nhất cũng không thể nào đến bờ biển Phi Châu vào giờ giắc mà đài phát thanh loan báo. Như thế, bản tin này chỉ là một “con vịt cỏ” tầm thường, nhằm mục tiêu làm cho Bộ Tư lệnh Đức suy đoán sai lầm. Vậy chúng tôi không thay đổi ý định gì cả. Tuy nhiên, từ hôm đó, tôi đón nhận nguồn tin của Đồng minh với tất cả dè dặt, thận trọng.

Sáng hôm sau - tức là chúa nhật ngày 12 tháng 9 năm 1943 - chúng tôi ra phi trường lúc 5 giờ sáng, tại đây tôi được biết có lẽ các máy lượn sẽ đến lúc 10 giờ. Tôi lợi dụng thì giờ để kiểm soát lại dụng cụ trang bị của mọi người. Mọi quân nhân được “lương khô để nhảy dù trong năm ngày”. Khi biết tôi có cho mang theo vài thùng trái cây tươi, về xôn xao, vui sướng thể hiện rõ rệt trong bóng tối của doanh trại. Ai cũng có thể cảm thấy được tình trạng căng thẳng xâm chiếm mọi người, ngay cả các quân nhân can đảm nhất, trước khi nhảy vào nơi vô định, nhưng chúng tôi cố gắng dập tắt các lo ngại và bối rối ngay khi mới chớm hiện.

Trong khi đó, đến 8 giờ 30 mà viên sĩ quan Ý cũng chưa đến. Tôi phái trung úy Radl về La Mã và ra lệnh đưa ông ta đến bằng mọi giá và càng nhanh càng tốt. - ”Anh phải dàn xếp cách nào tùy ý, nhưng phải mang ông ta đến đây đúng lúc, chúng ta chỉ cần có bấy nhiêu đó”. Thật vậy, Radl thành công sau đủ mọi thử phiền toái khó khăn, để đi tìm và đưa ông ta lên xe. Ngay khi đến phi trường, Đại tướng Student tiếp ông ta liền và tôi có dự cuộc tiếp xúc. Chúng tôi cho ông ta biết rằng chính Führer yêu cầu ông giúp đỡ để tránh đổ máu bằng cách tham dự vào việc giải thoát ông Duce. Lòng tự ái rõ ràng được thỏa mãn khi biết chính Hitler yêu cầu sự hợp tác, ông ta khó thể từ chối. Ông ta hứa sẽ làm hết sức mình. Tôi hy vọng điều này sẽ cho chúng tôi một lợi điểm vô giá.

Vào khoảng 11 giờ, chiếc máy lượn đầu tiên đáp xuống phi trường. Lập tức chúng tôi cho đổ đầy xăng cho các phi cơ dùng để kéo máy lượn và rồi mỗi phi cơ, với chiếc máy lượn đằng sau, được đặt vào vị trí trên phi đạo theo thứ tự dự liệu lúc đáp.

Trong khi chờ đợi, Đại Tướng Student tập hợp các phi công điều khiển máy lượn để nhắc lại lệnh cấm đáp theo kiểu cắm đầu xuống. Chỉ được phép đáp là là. Tiếp đó, tôi vẽ trên bảng đen bản đồ bãi đáp và vị trí định trước cho mỗi chiếc máy lượn. Sau cùng tôi còn soát xét lại, cùng với viên sĩ quan tình báo từng tham dự chuyến bay thám sát với tôi trước đây, các chi tiết chủ yếu: tính giờ bay, cao độ, hướng bay, v.v. Vì lẽ, ngoài Radl và chính tôi, viên sĩ quan này là người duy nhất biết rõ không phận vùng cao nguyên. Ông ta sẽ lên chiếc đầu tiên và hướng dẫn toàn phi đội của chúng tôi. Theo như ước tính thì chúng tôi sẽ bay qua 100 cây số trong 1 giờ bay. Do đó chúng tôi cất cánh đúng 13 giờ.

Thình lình lúc 12 giờ 30, báo động! Oanh tạc cơ của địch đã xuất hiện và chúng tôi bắt đầu nghe tiếng bom nổ ven phi trường. Trong khi chúng tôi chạy tán loạn để tìm một chỗ nấp, tôi thấy mọi người nằm rạp xuống đất. Xui thật - một vỏ vào phút chót. Vài phút trước 13 giờ, còi báo hiệu chấm dứt báo động. Tôi nhào ra phi đạo chính: nền xi măng đã hứng trọn nhiều trái bom nhưng phi đội của chúng tôi thì vô sự. Chúng tôi có thể khởi hành được. Tôi ra lệnh lên phi cơ. Phần ông sĩ quan Ý, tôi đưa ông lên chiếc thứ ba, kẹp ông giữa hai chân và ngồi chồm hổm trên một cây đà, người này sau người kia, ép chặt như cá mòi. Vừa mới tìm cách xếp xong vũ khí, viên sĩ quan Ý dường như ân hận vì lời hứa, ông ta theo tôi lên phi cơ một cách miễn cưỡng. Mặc kệ, tôi không còn nghĩ đến việc săn sóc ông ta nữa - hiện tại tôi không còn có thể để mất một giây nào nữa.

Mất nhìn vào đồng hồ, tôi đưa cao cánh tay: 13 giờ. Động cơ bắt đầu nổ, chúng tôi chạy trên phi đạo, rồi tôi cảm thấy chúng tôi cất cánh. Chậm chạp, lượn thành vòng tròn, chúng tôi lên cao, đoàn lữ hành xếp thành đội hình và hướng mũi về phía Đông Bắc. Thời tiết thật là lý tưởng cho công việc của chúng tôi: những đám mây dòn dầy đặc nhiều lớp mênh mông trôi lững lờ trên cao độ 3000 thước. Không có cơn gió nào thổi tan được các đám mây này, như vậy chúng tôi sẽ đến đích mà không bị khám phá và chúng tôi có thể nhào xuống mục tiêu một cách bất chợt.

Một cơn nóng khủng khiếp tràn ngập trong lòng chiếc máy lượn vận tải này. Chen lấn như chúng tôi cùng với dụng cụ và vũ khí, muốn nhúc nhích cũng không thể được. Mặt ông tướng Ý tái xanh thấy rõ, rồi dần dần chuyển sang màu xám xanh như màu bộ quân phục ông đang mặc. Tôi có cảm tưởng rõ rệt rằng ông ta không thành công mấy đối với loại du hành không vận, ít ra là ông không thấy thích loại di chuyển này. Viên phi công luôn luôn báo cho tôi vị trí hiện tại và tôi kiểm soát ngay trên một bản đồ. Chúng tôi vừa bay trên Trivoli. Từ trong lòng máy lượn, tôi không thể thấy phong cảnh bên ngoài. Các cửa sổ bên hông đã bị bịt kín bằng giấy bóng, không thể nhìn thấu qua được. Riêng các khe hở thì quá nhỏ, không cho

phép tôi trông thấy gì. Nhất định chiếc máy lượn vận tải này là một loại máy cổ lỗ. Một vài ống thép làm thành khung sườn, một lớp vải bọc ngoài, chiếc phi cơ là thế đó!

Chúng tôi chui vào một đám mây lớn để đạt cao độ 3500 thước. Khi chúng tôi ra khỏi đám mây, viên phi công báo cho tôi bằng điện thoại:

-Chiếc số 1 và số hai mất tích! Ai chỉ huy đây?

Thật là một vô nạng. Cái gì đã xảy ra? Mãi đến lúc đó tôi cũng không biết là sau tôi chỉ còn lại 7 thay vì 9 chiếc. Trong khi cất cánh, hai máy lượn đã chạm phải hồ bom và bị lật úp. Tôi nói với viên phi công: “Coi tôi là chỉ huy cho đến lúc đến mục tiêu”. Và bằng một con dao nhỏ, tôi khoét nhiều lỗ nhỏ bên trái, bên mặt, dưới chân để phân biệt ít nhất là các nét chính của quang cảnh dưới mặt đất. Dầu sao lối kiến trúc đơn sơ của loại máy lượn này cũng có lợi đó chứ! Nhờ một vài chi tiết địa hình rõ ràng - một cây cầu, một ngã tư đường - tôi bắt đầu định hướng được. Tôi hít một hơi dài - không phải luôn luôn sự trực trặc làm cho công việc của tôi thất bại. Rõ ràng là lúc đáp, tôi không còn được che chở bởi hai toán đi trong hai chiếc đầu nữa - nhưng tôi không nghĩ đến chuyện này nữa.

Vài phút trước giờ H, chúng tôi bay trên thung lũng Aquila. Trên đường tôi thấy rõ rệt đội tiền phong của Tiểu đoàn dù, và các xe cam nhông đang leo thật nhanh lên phía trạm xe treo. Như vậy là họ đã thành công trong việc vượt qua được hết trở ngại và sẽ có thể tấn công đúng vào lúc thích hợp. Một triệu chứng tốt - chúng tôi cũng vậy, chúng tôi sẽ thành công.

Bên dưới chúng tôi, mục tiêu đã xuất hiện, khách sạn Gran Sasso. Theo lệnh tôi, mọi người thắt chặt dây quàng cổ, và tôi ra lệnh:

- Hãy thả rờ moọc ra!

Ngay sau đó, một sự im lặng đột ngột bao bọc chúng tôi, ai nấy chỉ còn nghe tiếng gió đập hai bên mạn sườn máy lượn. Viên phi công lượn một vòng lớn để hãm tốc độ và tìm kiếm một cách lo âu cũng như tôi, địa điểm đáp trên cánh đồng hơi nghiêng. Thật là chó má - chúng tôi tiêu rồi. Tôi khám phá ra, ngay trong cái liếc nhìn đầu tiên, cánh đồng tam giác, duy chỉ có điều là nó không có “hơi nghiêng” - nó dốc tuột, rất dốc gần giống như đoạn đường khởi hành của các tay trượt tuyết đua nhảy xa.

Trong chuyến bay thám sát, chúng tôi bay rất gần khu bình nguyên, ngoài ra cách bay vòng xoắn ốc cho chúng tôi thấy bề nổi của mặt đất một cách hết sức co giãn. Tôi ý thức ngay lập tức là không thể đáp xuống một thế đất dốc đứng như thế này được. Viên phi công cũng hiểu như vậy và quay lại nhìn tôi. Nghiền chặt răng, tôi bị dẫn dắt bởi một tranh chấp dữ dội với lương tâm. Liệu tôi có bắt buộc tuân mệnh lệnh hình thức của Đại tướng? Trong trường hợp này, tôi phải hủy bỏ chiến dịch và tìm cách hạ là là xuống thung lũng. Nếu trái lại, tôi không thể từ bỏ kế hoạch, tôi bắt buộc phải mạo hiểm, bằng mọi giá, đáp theo kiểu bị cấm, đáp nhào xuống. Tôi quyết định thật nhanh:

- Đáp nhào xuống! Càng gần khách sạn càng tốt!

Không ngần ngại, viên phi công khép chặt vòng lượn, trượt ngang về cánh trái và nhào xuống một cách kinh hoàng. Trong chớp nhoáng, cổ họng tôi thắt lại: không biết chiếc máy lượn có chịu nổi tốc độ này không? Rồi lập tức tôi đẩy lui cơn sợ hãi, đây không phải là lúc đặt các vấn đề như vậy. Tiếng gió rít mạnh hơn, trở thành tiếng hú trong khi mặt đất tiến gần hơn thấy rõ. Tôi thấy trung úy Meier thả dù hãm tốc độ - một chấn động cực mạnh, có cái gì đó đụng chạm và gãy lìa - do bản năng, tôi nhắm mắt lại - một chấn động nữa mạnh hơn - thế là xong, chúng tôi đã chạm mặt đất - chiếc máy lượn sau khi lòn lên một lần chót, nằm bất động.

Lập tức những binh sĩ đầu tiên nhảy ra khỏi cửa và tôi cũng lướt ra, vũ khí cầm tay. Chúng tôi đáp cách khách sạn 15 thước. Chung quanh, vô số đá tảng, chính những tảng đá này đã thắng lại một cách dữ dội và đặt chiếc máy lượn vào một tình trạng thật tốt. Chúng tôi đã trượt trên đá chừng 20 thước trước khi đứng lại.

Tên lính canh đầu tiên tôi thấy đứng gần một ụ đất nhỏ, ngay góc khách sạn. Rõ ràng là anh ta bị choáng váng ngẩn ngơ, người cứng đờ như khúc gỗ. Chắc anh ta đang tự hỏi làm sao chúng tôi có thể từ trên trời rớt xuống được. Tôi không còn thì giờ săn sóc ông bạn sĩ quan Ý nữa, ông ta tự đề rơi ra khỏi phi cơ, về kinh hoàng. Tôi lao về phía khách sạn, vừa chạy tôi vừa tự khen mình là đã ra lệnh rõ ràng cho binh sĩ không được nổ súng trước khi tôi bắn phát đầu tiên. Nhờ đó sự ngạc nhiên của địch sẽ là toàn diện. Bên cạnh tôi, các cộng sự viên đang thờ hốt hốt, tôi biết họ đang theo tôi và tôi có thể tin ở họ.

Chúng tôi ào ạt vượt qua tên lính canh vẫn còn sững sờ, và thét vào anh ta một lệnh ngắn “mani in alto” (đưa tay lên), rồi vào tới khách sạn, nhào vào một cửa phòng mở sẵn. Vừa ra khỏi ngưỡng cửa, tôi thấy một máy truyền tin và một binh sĩ Ý đang chuyển các điện văn. Tôi đã dữ dội làm bay luôn chiếc ghế, và quật báng súng phá tan luôn chiếc máy phát tuyến. Nhưng chúng tôi thấy trong phòng này không có cửa

thông vào khách sạn. Vậy phải quay lui, một lần nữa chúng tôi lại trở ra ngoài trời. Chúng tôi vừa chạy, vừa nhào vào tòa nhà, vòng quanh các góc và đến trước một sân thượng có lẽ cao đến 3 thước. Một binh sĩ đã dùng làm thang để tôi leo lên vai và đặt chân lên mặt sân. Những người khác cũng theo chân tôi.

Tôi đưa mắt tìm kiếm nơi mặt tiền khách sạn. Từ nơi một cửa sổ của tầng thứ nhất, tôi thấy một cái đầu vĩ đại, đặc biệt: ông Duce. Lúc đó, tôi biết rằng chiến dịch sẽ thành công. Tôi hét bảo ông lui vào, rồi chúng tôi hấp tấp tiến vào cửa chính và gặp nhiều quân phòng vệ tìm cách chạy thoát ra. Hai khẩu tiểu liên định nổ, chúng tôi đón ngã họ tức khắc. Tôi vạch lối vượt qua đồng thầy bất động trong khi người của tôi hò hét không ngừng :Mani in alto! Cho đến lúc đó chưa ai bắn một phát nào.

Tôi tiến qua phòng khách, lúc đó chỉ một mình, và lại tôi hoàn toàn không biết chuyện gì đang xảy ra đằng sau, tôi thật sự không có thì giờ để nhìn trở lại sau nữa. Bên trái tôi là một cầu thang, tôi nhảy lên từng ba bậc một. Tới tầng thứ nhất, tôi tiến sâu vào một hành lang và mở đại một cánh cửa - đúng rồi! Trong phòng có Benito Mussolini và hai sĩ quan Ý bị tôi dồn vào tường. Trong khi đó, trung úy Schwerdt bám sát tôi, anh ta nắm vững tình hình ngay và đưa hai sĩ quan Ý ra ngoài. Họ ngạc nhiên quá đỗi, đến nỗi không nghĩ đến cách chống cự. Ngay khi họ ra khỏi phòng, tôi nhẹ nhàng khép cửa lại.

Phần đầu tiên của cuộc đột kích đã thành công. Ít ra là trong lúc này, ông Duce đang ở trong tay chúng tôi. Từ khi đáp xuống, ba hay tối đa là bốn phút đã trôi qua. Bên ngoài cửa sổ, bóng hai quân nhân của tôi nhô đầu lên. Không thể chạy vào cửa chính, họ trèo lên tường, bám vào cột thu lôi và đưa tay để tôi kéo vào. Tôi đặt họ canh chừng hành lang để che chở chúng tôi mặt này.

Từ cửa sổ trông ra, tôi thấy toán 4 đang tiến tới nhanh như các lực sĩ do người sĩ quan cận vệ trung thành của tôi, Trung úy Radl chỉ huy, có cả trung úy Menzel nữa. Anh này tiến theo toán của mình bằng cách trườn bằng bụng. Chân động quá mạnh lúc đáp đã hất văng anh ta ra khỏi phi cơ và làm gãy một chân của anh.

- Tất cả đều tốt đẹp, - tôi bảo cho họ biết. - Canh giữ tầng dưới!

Tôi cũng còn thấy các chiếc số 5, 6 và 7 đáp xuống khá bình thường. Bỗng nhiên, tôi chứng kiến một cảnh kinh hoàng: chiếc số 8 bị một cơn lốc cuốn đi, lướt ngang và rơi như một hòn đá xuống một sườn núi dốc ngược, bể tan.

Xa xa, tôi nghe một vài tiếng súng lẻ tẻ, chắc do các trạm gác rải rác trên khu vực cao nguyên bắn đi. Tôi bước ra hành lang và lớn tiếng gọi viên chỉ huy khách sạn. Ông này là một đại tá, đến ngay. Tôi giải thích rằng mọi sự chống đối nay đã trở thành vô ích và tôi bắt buộc họ phải đầu hàng tức khắc. Ông ta xin một thời gian ngắn để suy nghĩ, tôi cho một phút. Bây giờ Radl đây rồi, hắn đã tiến được qua cửa, nhưng tôi có cảm giác là quân Ý vẫn còn ngăn cản lối đi vì tôi chưa nhận được thêm lực lượng tăng cường.

Viên đại tá Ý xuất hiện, hai tay bụng một bình pha lê chứa đầy rượu chất đỏ, ông ta hơi nghiêng mình đưa cho tôi.

- Cho người thắng trận! - ông ta bảo.

Một tấm trải giường được treo ngoài cửa sổ để thay cờ hàng màu trắng. Tôi hét lớn vài mệnh lệnh cho đám quân nhân của tôi đang tập trung trước khách sạn, rồi tôi quay về phía Mussolini hiện đang được khối lưng đồ sộ của Trung úy Schwerdt bảo vệ trong góc phòng. Tôi tự giới thiệu:

- Thưa Duce, Führer sai tôi đến đây để giải thoát ngài.

Rất cảm động, ông ôm choàng lấy tôi.

- Tôi biết rằng ông bạn Adolf Hitler của tôi không bỏ rơi tôi, - ông nói.

Thủ tục đầu hàng được qui định nhanh chóng. Các binh sĩ Ý phải bỏ vũ khí trong phòng ăn, phần các sĩ quan, họ được phép giữ lại súng lục. Ngoài ra, tôi còn được biết viên Đại tá chỉ huy bị bắt chính thật là một sĩ quan cấp Tướng.

Bên ngoài khách sạn, người của tôi đã chiếm được trạm xe treo. Đường dây không bị hư hại gì. Trạm phía dưới thung lũng cũng báo cáo tương tự bằng điện thoại cho tôi. Dầu vậy, dưới đó cũng đã có một cuộc đụng độ ngắn. Nhưng vì lẽ thì giờ được ấn định quá sát đúng, yếu tố bất ngờ đã đóng trọn vai trò một cách hoàn toàn, lúc này, phần thứ nhất của sứ mạng chúng tôi đã chấm dứt.

Một cuộc rút lui tế nhị

Trung úy Berlepsch, chỉ huy toán quân nhảy dù đi theo tôi, đang siết lại ốc của mắt kính một tròng, anh ta đứng bất động nghe tôi chỉ thị qua cửa sổ. Trước hết tôi cho xe treo đưa lên một lực lượng tăng cường. Chúng tôi càng đông càng vững, và tôi muốn chứng tỏ cho viên Đại tá Ý thấy dưới thung lũng tôi có lực lượng hùng hậu. Tiếp theo đó, phải nghĩ cách trở về. Một cuộc hành trình dài 150 cây số đường bộ, đi qua một vùng không còn đơn vị nào của Đức, đối với tôi là quá mạo hiểm. Nếu chỉ có một mình, tôi dám đi ngay, nhưng tôi không quên rằng phải chịu trách nhiệm với Führer về sự an toàn của ông Duce. Trong giai đoạn chuẩn bị trước đây, tôi đã dự liệu ba phương cách khả dĩ có thể đưa Mussolini về La Mã: kế hoạch A, cùng thảo luận với Đại tướng Student, tiên liệu một cuộc tấn công chớp nhoáng phi trường Aquila di Abruzzi nằm ngay đầu thung lũng. Tôi sẽ ở đó chờ ba chiếc phi cơ vận tải sẽ hạ cánh vài phút sau cuộc tấn công. Lẽ tất nhiên tôi phải báo cho Đại tướng giờ H, để các phi cơ này có thể rời phi trường tại La Mã đúng lúc. Tôi sẽ cùng ông Duce lên chiếc đầu tiên, trong khi hai chiếc kia bay theo để che chở hoặc khi cần, đánh lạc hướng các phi cơ săn đuổi.

Kế hoạch B tiên liệu việc hạ cánh của một "con cò"(1) trong cánh đồng gần trạm xe treo dưới thung lũng. Sau cùng trong kế hoạch chốt, chúng tôi sẽ cho Đại úy Gerlach, phi công riêng của Đại tướng Student, thử đáp một "con cò" trên khu vực cao nguyên.

Trước hết, nhờ một máy truyền tin được toán quân nhảy dù mang theo bằng đường bộ, tôi cho chuyển đến La Mã tin tức về cuộc đột kích thành công của chúng tôi. Và rồi tôi cho một thời biểu chính xác để thực hiện kế hoạch A. Nhưng khi tôi muốn thông báo với La Mã giờ H, giờ tấn công phi trường Aquila, nhân viên của tôi không thể nào bắt liên lạc được - chỉ có trời mới hiểu tại sao. Như vậy là kế hoạch A tan như bọt nước.

Nhờ ống dòm, tôi có thể quan sát thấy chiếc phi cơ tí hon đáp xuống thung lũng. Qua điện thoại tại trạm xe treo, tôi ra lệnh ngay cho phi công chuẩn bị cất cánh. Nhưng viên phi công trả lời tôi là phi cơ bị hư hỏng trong khi đáp, và chỉ có thể cất cánh trở lại sau một thời gian lâu để sửa chữa. Vậy để đưa ông Duce về La Mã, tôi chỉ còn kế hoạch C, kế hoạch nguy hiểm nhất.

Trong lúc đó, quân phòng vệ Ý, sau khi bị giải giới đã chứng tỏ là hết sức muốn giúp chúng tôi. Một vài người đã tự động nhập vào toán quân nhân do tôi chỉ định đi kiểm xác các người trong chiếc máy lượn bị ngộ nạn. Qua ống dòm, tôi thấy một vài nạn nhân còn cử động, tôi hy vọng rằng chiếc bị rơi không tạo hậu quả bi thảm quá cho chúng tôi. Hiện tại các binh sĩ Ý đang giúp chúng tôi dọn dẹp một dãy đất hẹp. Vội vã, chúng tôi dẹp bỏ những tảng đá nằm trên một góc miếng đất khá bằng phẳng, trong khi trên đầu chúng tôi Đại úy Gerlach trong chiếc phi cơ nhỏ bé đã bay vòng để chờ dấu hiệu cho đáp xuống.

Sau cùng mọi chuyện đều sẵn sàng, và Gerlach hết sức khéo léo đã thành công trong việc hạ cánh xuống "phi đạo" do chúng tôi sửa soạn gần khách sạn. Ông ta không mấy hài lòng khi biết tôi có ý định cùng bay về với ông. Nhưng khi tôi nói thêm là phi hành đoàn sẽ có ba người - ông Duce, Gerlach và tôi - thì ông từ chối phắt và nói rằng dự tính của tôi hoàn toàn không thực hiện được.

Tôi nghiêm nét mặt, trình bày ngắn, nhưng với tất cả sức mạnh thuyết phục, các lý do bắt buộc phải thực hiện kế hoạch của tôi. Tôi đã cân nhắc rất lâu điểm lợi và hại của ý định này, tôi hoàn toàn ý thức được trách nhiệm nặng nề khi ra lệnh cho chiếc phi cơ nhỏ bé này chịu thêm sức nặng của chính cá nhân tôi (quá nặng là đằng khác vì tôi cao 1 thước 95, do đó vóc dáng kèn càng). Nhưng làm sao tôi có thể chịu đựng được trách nhiệm còn nặng nề hơn nếu để cho ông Duce đi một mình với Gerlach. Vì nếu phi cơ không cất cánh được và tai nạn xảy ra, tôi chỉ còn mỗi một giải pháp tối hậu là tự bắn vào đầu một viên đạn. Không bao giờ tôi có thể đến trình diện trước Führer để báo tin rằng chiến dịch đã thành công nhưng Mussolini bị thiệt mạng sau khi được giải thoát. Và khi không còn phương cách nào để đưa ông Duce về La Mã một cách an toàn, tôi thích chia xẻ những nguy hiểm của chuyến bay, mặc dù sự có mặt của tôi trên phi cơ chỉ có thể làm tăng thêm nguy hiểm. Như vậy cả ba chúng tôi được đặt trong tay của định mệnh - tôi sẽ thoát hoặc sẽ tiêu tùng cùng hai người đồng hành.

Sau nhiều ngần ngại, Gerlach đầu hàng trước các lý lẽ của tôi. Khoan khoái, tôi ra lệnh cho Radl. Chỉ có viên tướng bị bắt và người đi theo tôi sẽ bị đưa về như tù binh chiến tranh, về phần các sĩ quan khác và binh sĩ Ý, chúng tôi để họ ở lại khách sạn sau khi giải giới. Vì lẽ ông Duce bảo rằng đã được đối xử tử tế,

tôi không có lý do nào không chứng tỏ quảng đại một chút. Để ngăn ngừa cuộc phá hoại có thể xảy đến cho các xe treo, tôi ra lệnh cứ mỗi xe phải có hai sĩ quan Ý đi theo. Khi người của tôi đã xuống thung lũng hết, họ sẽ phá hủy máy móc tại trạm dưới bằng cách nào để ngăn quân Ý không thể sửa chữa ngay được.

Tiếp theo đó, trong khi Gerlach chỉ huy binh sĩ của tôi sửa soạn một phi đạo để cất cánh, tôi mới quay trở về ngắm ông Duce. Thành thật mà nói, con người đang đứng trước mặt tôi đây, với một bộ thường phục quá rộng và chẳng có gì sang trọng, trông không giống mấy với các hình ảnh mà tôi được thấy, trong đó ông luôn luôn mặc quân phục. Chỉ có các đường nét là không thay đổi mặc dầu về mặt già đi trông thấy. Mới thoáng nhìn, ông có vẻ như đang đau nặng, cảm giác này càng gia tăng bởi một bộ râu nhiều ngày không cạo và nhất là bởi một lớp tóc ngắn phủ trên đầu mà trước kia thường được cạo trọc. Ngược lại cặp mắt đen và nồng nàn vẫn là cặp mắt cũ của nhà độc tài. Tôi có cảm giác cái nhìn của ông xoáy sâu vào mắt tôi, trong khi ông kể lại một cách thống khoái, cho tôi nghe chi tiết về vụ ông bị bắt.

Tôi sung sướng báo cho ông ta một tin vui:

- Chúng tôi đã thường trực chăm sóc số phận của gia đình ngài. Chính quyền Badoglio đã quản thúc vợ và hai con út của ngài tại trang trại riêng của ngài ở Rocca della Carminata. Nhiều tuần lễ trước đây, chúng tôi đã bắt được liên lạc với Donna Rachele. Ngay lúc chúng tôi đặt chân lên đây, một toán cảm tử khác thuộc đơn vị của tôi đã phát động chiến dịch giải thoát gia đình ngài. Tôi tin chắc giờ đây mọi chuyện đã xong.

Tò ra hết sức cảm động, ông Duce siết chặt tay tôi.

- Vậy thì mọi sự đều êm đẹp. Tôi thành thật cảm ơn anh.

Chúng tôi rời khách sạn. "Con cò" đã sẵn sàng cất cánh, tôi lách một cách khó nhọc vào khoảng trống nhỏ bé đằng sau chiếc ghế thứ hai nơi ông Duce ngồi. Lúc bước lên phi cơ, ông thoáng ngần ngại, là một phi công lão luyện, chắc ông đã ý thức những nguy hiểm mà chúng tôi sắp trải qua. Tôi có vẻ bối rối, lí nhí vài câu như: Fuhrer đã yêu cầu - ông ấy rõ ràng đã quyết định... và rồi tiếng động cơ nổ vang dội giúp tôi khỏi phải tìm lời xin lỗi. Hai tay bám chặt vào ống thép dùng làm khung sườn của phi cơ, tôi cố thủ truyền cho con chim nhỏ bé của chúng tôi một chút thăng bằng để được nhẹ hơn. Với một dấu hiệu của phi công, các binh sĩ đang giữ cánh và đuôi của phi cơ buông tay và ngay tức khắc, chong chóng kéo phi cơ về phía trước. Phi cơ chạy càng lúc càng mau về phía cuối phi đạo, nhưng vẫn còn dính chặt xuống mặt đất. Tôi lấy thăng bằng một cách điên cuồng, bằng tất cả sức lực của tôi. Phi cơ nhảy trên một vài tảng đá nhỏ mà chúng tôi không dọn hết được. Và lúc đó tôi thoáng thấy qua khung kiếng phía trước, một hố sâu thăm cắt ngang đường bay của chúng tôi. Tôi còn kịp suy nghĩ: "Lạy chúa! nếu chúng con rơi xuống đó thì sao?" - rồi thì "con cò" rút khỏi mặt đất, cách miệng hố vài phân, thế cũng đủ rồi. Bánh xe bên trái còn chạm dử dội vào mặt đất, phi cơ hơi chúi mũi xuống và bây giờ đây chúng tôi đang ở bên bờ vực thẳm. Trượt qua bên trái, phi cơ chòng chành trong khoảng không. Tôi nhắm mắt lại - lúc này mọi cố gắng của tôi đều vô ích - nín thở, chờ đợi sự gãy đổ tan tành không tránh được.

Tiếng gió rít chung quanh cánh máy tăng dần và trở thành tiếng hú mạnh. Lúc tôi mở mắt trở lại - tất cả chuyện đó chỉ kéo dài vài giây - Gerlach kéo phi cơ trở lại được rồi và đưa chậm chậm vào thế ngang bằng. Hiện tại phi cơ đã đạt được một tốc độ đủ để còn bay được mặc dù bầu không khí còn rất loãng. Phi cơ bay là là chừng 30 thước cách mặt đất và tiến tới lằn ranh mà bên kia là vực thẳm Arrézano. Lần này thế là chúng tôi thoát.

Cả ba chúng tôi có phần tái mặt vì sợ, nhưng không ai nói đến những giây phút lo âu vừa qua. Bất chấp nghi lễ truyền thống, tôi thân mật đặt tay lên vai ông Duce, người mà lúc này mới thật sự được cứu sống. Mussolini lại trở về với tư thế chuyện trò dễ dàng của dân miền Địa Trung Hải, bắt đầu gọi lại các kỷ niệm liên quan đến các địa danh mà chúng tôi bay ngang qua trên một cao độ vào khoảng 100 thước - một sự cẩn thận đề phòng máy bay địch trông thấy - ông Duce nói tiếng Đức thật trôi chảy, gần như không có lỗi - đây là sự kiện mà vì thần kinh quá căng thẳng trong những giây phút đầu tiên, tôi không hề chú ý - Cẩn thận, chúng tôi bay vòng quanh các mỏm núi cuối cùng và rồi bay trên La Mã, hướng về phía phi trường Pratica di Mare.

- Coi chừng, - Gerlach lưu ý chúng tôi - bám chặt - đáp 2 lần.

Thật vậy, tôi quên mất rằng phi đạo đã bị trúng bom. Hết sức nhẹ nhàng, phi cơ chạm mặt phi đạo nhiều lần, phi công giữ thăng bằng trên bánh xe bên phải và đằng sau, phi cơ chạy đều rồi đứng hẳn. Mọi sự diễn ra tuyệt vời - chúng tôi gặp nhiều may mắn quá từ đầu cho đến cuối cuộc mạo hiểm.

Sĩ quan tùy viên của Đại tướng Student ra đón chúng tôi, rạng rỡ vì vui sướng. Ba chiếc Henkel 111 sẵn sàng cất cánh. Chúng tôi không thể để mất một giây phút nào nếu muốn đến Vienne trước khi trời tối.

(1) loại phi cơ có thể bay thật chậm, được sử dụng trong các phi vụ thám sát mặt trận thật lâu (ghi chú của người dịch)

Tôi không đề cập đến các bài diễn văn chào đón, các cuộc lễ gắn huy chương Đức và Huy chương Ý mà tôi được thưởng sau vụ đột kích, lời cảm ơn chân thành của ông Duce và lời khen nồng nhiệt mà chính Adolf Hitler công khai bày tỏ tại Tổng hành dinh trước các nhân vật thượng đỉnh của chế độ. Sau một thời gian nghỉ phép ngắn xả hơi, tôi trở lại "căn cứ" Friedenthal để lại tiếp tục tổ chức "đơn vị đặc biệt"(1). Nhưng tôi chỉ có thể làm việc yên ổn có năm tuần lễ. Vào cuối tháng 11 năm 1943, tôi bất chợt nhận được lệnh, từ Tổng hành dinh của Fuhrer, phải lên đường đi Ba-lê lập tức, cùng với một Đại đội, và khi đến nơi, trình diện Tướng Oberg, chỉ huy trưởng SS và cảnh sát Đức tại Pháp để nhận các chỉ thị chi tiết.

Tôi không thích loại mệnh lệnh cụt ngủn và mơ hồ này; kinh nghiệm lâu ngày cho tôi biết thường thường là chúng báo trước một sứ mạng khó khăn tể nhị. Nhưng đã là quân nhân thì chỉ biết có tuân lệnh, tôi nhảy lên chuyến tàu đầu tiên, trong khi Đại đội được chỉ định sửa soạn để lên đường vào sáng hôm sau.

Trong thâm tâm, tôi rất hài lòng được trở lại Ba-lê nơi tôi đã được thăm viếng - thoáng qua thôi - vào những năm 1940 và 1942. Vẻ đẹp duyên dáng của thủ đô Pháp, đã làm cho tôi ngay từ lúc mới đến, ngạc nhiên đến nỗi tôi công khai tuyên bố là "Thành phố đẹp nhất châu Âu", thêm vào đó, theo ý tôi thành phố đẹp thứ hai là Vienne, thứ ba là Budapest. Bảng xếp hạng này luôn làm cho người Đức nổi giận, nhất là khi, trong tư cách một dân Áo chính cống, tôi xác định rằng, đối với tôi, Bá linh chỉ là một đồng đồ sộ đủ thứ đá xếp chồng lên nhau. Nhiều lần tôi được dịp cười thật đã, khi thấy họ lồng lên vì sự xúc phạm vô hại này.....

Sau khi tuân theo mệnh lệnh được dán đầy ở sân "gare du Nord" bảo rằng tôi phải trình diện tức khắc cơ quan Kommandantur tại công trường Opéra, tôi đến khách sạn Continental đường Rivoli. Sau một lúc tìm kiếm thật lâu trong một tổ ong vĩ đại - hàng trăm phòng ngủ được sửa đổi lại thành văn phòng cho sĩ quan tham mưu - tôi gặp được người cần tìm, đó là một Đại tá, cũng mặc quân phục sĩ quan tham mưu với hai nẹp đỏ dọc hai bên hông quần. Ông này đang chờ đợi để báo cho tôi biết rằng ông ta nhận được lệnh đặt dưới quyền chỉ huy của tôi một số binh sĩ - bao nhiêu binh sĩ và nhằm mục đích gì thì ông không biết. Ông ta gọi một cộng sự viên thân tín của vị chỉ huy "Đại Ba lê" để hỏi, nhưng ông này cũng không biết gì hơn để thông báo cho tôi. Ông ta chỉ biết rằng sự việc có liên quan đến các mối liên lạc, vốn đã rất là rắc rối, giữa chúng tôi và chính quyền Vichy. Cả hai ông bèn dấn thân vào một hội nghị thật sự để duyệt xét tình hình nước Pháp. Vì lẽ từ nhiều tuần trước, tôi không đủ thời giờ để chỉ đọc nhật báo, tôi không hiểu được gì nhiều; ngoài các tên tuổi như Thống chế Pétain, Đô đốc Darlan, các tướng lĩnh De Gaulle và Giraud, tôi tuyệt đối không biết những mưu mô ngoắt ngoéo của chính quyền Pháp quốc.

Căn cứ vào lời giải thích của hai sĩ quan, tình hình nước Pháp có thể được trình bày như sau: Các cộng sự viên thân tín của Thống chế Pétain, và nói một cách tổng quát, các nhân vật trong chính phủ Vichy, tỏ ra rất giận dữ nhất là vì các cuộc thảo luận Pháp Đức không bao giờ vượt qua được giai đoạn đánh dấu bằng hiệp ước đình chiến 1940. Từ ba năm qua, người ta đã không tiến được bước nào trong việc soạn thảo một Hiệp ước Hòa bình như đã hứa hẹn đã lâu rồi, và một khi được ký kết, chắc chắn tình trạng khó khăn của chính quyền Pháp sẽ được khắc phục và củng cố mạnh hơn. Về phần thống chế Pétain, (những người đang đối thoại với tôi xem ông ta như một nhà ái quốc nồng nàn, mặc dù có phần cứng đầu), ông ta đang cố hết sức cứu vãn tình thế - ý muốn rất hợp tình hợp lý - Khốn thay, Đức quốc, bị thúc đẩy bởi sự nghi ngờ cũng rất chính đáng, vẫn còn ngần ngại không muốn nhượng bộ quá nhiều cho nhà ái quốc Pháp.

Thật vậy, gần như chắc chắn rằng Vichy và phong trào giải phóng nước Pháp vẫn duy trì các mối liên lạc chặt chẽ không ngờ. Khẳng quyết này đối với tôi có thể tin được. Hiện tại, Bắc Phi cũng như các nơi khác thuộc đế quốc Pháp đã bị Đồng minh chiếm đóng, nghĩa là ở trong tay phong trào giải phóng nước Pháp. Thêm vào đó, ảnh hưởng tinh thần tiếp theo sau các chiến thắng ban đầu của các đại cường thuộc khối Trục, bắt đầu suy giảm. Từ đầu năm 1943, các biến chuyển của tình hình đã đi vào một khúc quanh rõ ràng bất lợi cho Đức quốc - một sự đổi thay đã xảy ra mà có lẽ chúng tôi chưa nhận thức được rõ rệt, trong khi đó phía thù nghịch lại có các chỉ dẫn thật chính xác.

Và giới lãnh đạo Đức vừa nhận được một báo cáo mật, phát xuất từ nơi mà mọi người thường gọi là "các nguồn tin chính xác đáng tin", theo đó, người ta đang chờ đợi một biến chuyển ngoạn mục: mối liên lạc vẫn có giữa Vichy và phong trào giải phóng hình như chặt chẽ đến nỗi chính quyền Pétain có ý định trốn

qua bắc Phi. Các báo cáo khác, phát xuất từ các nguồn tin cũng rất chắc chắn, gán cho giới thân cận tướng De Gaulle, có ý định đảo chính cướp chính quyền của ông già Thống chế và các Tổng trưởng của ông. Bộ chỉ huy Đức tại Pháp lập tức thông báo cho Tổng hành dinh của Fuhrer hay hai giả thuyết trái ngược nhưng cũng rất khẩn trương này.

Về phần vai trò của tôi, họ chẳng biết gì ráo; chắc chắn bộ chỉ huy sẽ sớm nhận được các mệnh lệnh chính xác. Lúc này tôi chỉ phải đến trình diện gấp tướng Oberg.

Tôi cáo từ, đi bộ ngược trở lại Champs - Elysées và đến một con đường gần đại lộ Foch, nơi đặt văn phòng của ông Tướng SS. Tôi được một sĩ quan cảnh sát tiếp đón, ông này cũng không hơn gì hai ông ở khách sạn Continental, chẳng biết gì về sứ mạng mà người ta sắp giao phó cho tôi. Ông ta cũng tự cho có bốn phần thuyết trình cho tôi nghe tình hình nước Pháp, ông ta cũng làm như đang tham dự vào một hội nghị thật sự mà nội dung hoàn toàn giống với những điều mà tôi vừa mới được nghe, chỉ có một điểm khác biệt duy nhất là ít chính xác hơn, ít phong phú hơn, nhưng lại kéo dài hơn nửa giờ liền. Khi tôi khiêm tốn hỏi dò các mệnh lệnh của tướng Oberg, ông ta trả lời rằng có hy vọng sẽ nhận được các chỉ thị chi tiết trong vòng 24 giờ sắp đến. Ông ta khuyên tôi nên sẵn sàng - để làm gì, tôi tự hỏi - và nhất là phải tạt ngang qua văn phòng mỗi ngày hai lần. Về phần một Đại đội của tôi sắp đến sáng mai, đơn vị sẽ đóng tại một doanh trại gần Saint-Germain-en-Large.

Sáng hôm sau tôi lại đến, nhưng vô ích, Tổng hành dinh G.Q.G vẫn chưa có một mệnh lệnh nào cho tôi. Vào buổi chiều, tôi đến Gare du Nord để đón Đại đội binh sĩ của tôi sau khi vật lộn với không biết bao nhiêu Phòng, Sở để xin sáu chiếc cam-nhông cần thiết để chở người và vật liệu. Trước các câu hỏi tò mò của các sĩ quan thuộc đơn vị, tôi chỉ biết trả lời là phải chờ đợi mệnh lệnh.

Buổi tối, khi tôi ghé qua công sở của Tướng Oberg, tôi được yêu cầu trở lại sau nửa đêm vì lẽ lúc đó người ta mới hy vọng nhận được chỉ thị của G.Q.G. Biết rằng Fuhrer ưa làm việc ban đêm, tôi không ngạc nhiên mấy.

Thật vậy, vào lúc 2 giờ sáng, máy viễn ký chuyển cho chúng tôi các chỉ thị chờ đợi.

"Phải bao vây thành phố Vichy, một cách bí mật, bằng một vòng đai quân Đức. Các phân đội chia nhau trấn giữ các vị trí thích hợp để, ngay khi có hiệu lệnh đầu tiên, vây kín thành phố không cho một ai thoát ra ngoài bằng cách đi bộ hoặc đi xe. Ngoài ra, phải có một đơn vị chiến đấu trừ bị đủ mạnh, để có thể, ngay khi có hiệu lệnh thứ nhì, bao vây hoặc chiếm luôn trụ sở của chính phủ Pháp. Các toán quân tham dự chiến dịch này sẽ được đặt dưới quyền thiếu tá Skorzeny, Tư lệnh quân đội Đức tại Pháp và Chỉ huy trưởng Công an, Cảnh sát, trong phạm vi thẩm quyền, cung cấp mọi phương tiện mà Thiếu tá Skorzeny xét cần thiết. Ngay khi các toán quân được đặt vào vị trí, Thiếu tá Skorzeny báo cáo về Tổng hành dinh bằng máy viễn ký".

Von Foelkersam, tùy tùng của tôi, ném cho tôi một cái nhìn hùng biện. Một lần nữa, chúng tôi lại phải làm việc suốt đêm. Luôn luôn tiên liệu trước, Foelkersam đã kiếm được một bản đồ tham mưu vùng Vichy. Nhớ lại các đợt tiến quân chớp nhoáng của quân đội Đức trong cuộc viễn chinh tại Pháp và các khó khăn gặp phải lúc đó, tôi bảo một sĩ quan mang đến một bản đồ Michelin mà tôi cho là rất chính xác. Vì khu vực cần được cô lập quá rộng lớn, chúng tôi ước tính phải cần đến hai tiểu đoàn, ngoài ra lại phải có một tiểu đoàn thứ ba làm lực lượng dự bị. Vì chúng tôi phải hành động bí mật, chúng tôi quyết định sử dụng các lực lượng cảnh sát để lập vòng đai, mà sự điều động sẽ không quá rầm rộ. Ngược lại, đối với cuộc đột kích vào các cơ sở chính phủ, ngoài đại đội của tôi, lẽ tất nhiên các toán quân thiện chiến phải được đặt dưới quyền sử dụng của tôi.

Tham mưu trưởng của tướng Oberg chứng tỏ rất cừ vì đã chuyển đến Vichy hai Tiểu đoàn cảnh sát trong vòng 48 giờ đồng hồ. Tôi tuyên bố rất hài lòng, thế nhưng sáng hôm sau, tôi được biết hai Tiểu đoàn ấy lại do một Tướng lãnh cảnh sát chỉ huy! Theo các huấn thị rất rõ rệt của G.Q.G, vị tướng lãnh này sẽ phải đặt dưới quyền chỉ huy của tôi - một Thiếu tá trừ bị tầm thường! - Tôi thấy trước là sẽ gặp rắc rối vô cùng; may thay, mối lo ngại của tôi không còn đúng nữa. Ngay từ lúc đến Vichy, ông Tướng đã đến ở tại một quán trọ trong vùng phụ cận, và bị cám dỗ bởi phẩm chất đặc biệt ngon lành của các món ăn Pháp, ông ta không còn nghĩ gì đến binh sĩ thuộc quyền nữa, một lần nữa, sự thỏa mãn khẩu vị đã chiến thắng các ưu tư quân sự.

Tuy nhiên đây mới chỉ là một sự dự liệu. Trong thực tế, chúng tôi chưa thấy sự dự liệu đó được thể hiện - chúng tôi còn dự liệu một cách quá đáng không ngờ là đáng khác. Ngay hôm sau, tôi cố gắng xin vị chỉ huy trưởng Lục quân (Wehrmacht) sẵn sàng cho một toán quân ưu tú. Và chuyện đã không xảy ra đơn giản. Những địa phương quân già nua không làm tôi ưng ý, một Tiểu đoàn được đề nghị thay thế cũng không giúp được gì hơn cho công việc của tôi. Bởi vì như vậy tôi sẽ bị bắt buộc phóng ra cuộc tấn công

sau một thời gian vội vã và với các toán quân mà tôi chưa quen thuộc. Tôi muốn có thể trông cậy vào tinh thần chiến đấu và kinh nghiệm của binh sĩ thuộc quyền. Sau nhiều cuộc thương thảo nhọc nhằn với nhiều sĩ quan Tham mưu, tôi đạt được kết quả như thế này: thay vào chỗ một Tiểu đoàn được yêu cầu, tôi chỉ được cung cấp hai Đại đội, nhưng đó là các đơn vị Thiết kỵ của sư đoàn tân lập Waffen SS Hohenstaufen. Tình cờ, ngay hôm đó, tôi làm quen được với vị tư lệnh Sư đoàn. Tôi thuyết phục được ông ta về tính cách quan trọng đặc biệt của sứ mạng được giao cho tôi, ông ta hứa sẽ gửi cho tôi các quân nhân chọn lọc và luôn cả hai Đại úy xuất sắc nhất của Sư đoàn. Tôi phải nói rằng, ông ta đã giữ lời hứa. Chỉ một vài ngày sau khi các toán quân này đến một phi trường nhỏ phía Bắc Vichy, nơi tôi chỉ định làm chỗ đóng quân cho lực lượng trú bị, tôi mới tin tưởng rằng với các quân nhân cỡ đó, tôi sẽ có thể yên tâm chu toàn sứ mạng.

Sau khi giải quyết một vài chi tiết liên quan đến việc chuyên chở binh sĩ, ngày hôm sau, tôi cùng Von Foelkersam đi Vichy. Nhờ cẩn thận mặc thường phục, hai chúng tôi có thể ở trong thành phố mà không bị để ý, để ẩn thân tìm hiểu địa hình của nơi này.

Hôm sau nữa chúng tôi "thăm viếng" thành phố cùng với một ông khách, một sĩ quan cảnh sát cũng bận thường phục. Lẽ tất nhiên chúng tôi chú trọng đặc biệt đến các con đường, các công ốc của khu vực làm việc của chính phủ. Các công sở chính phủ được đặt tại trung tâm thành phố, tại một trong các khách sạn được nối liền với một số kiến trúc khác bằng một lối đi có mái cao ngang tầng lầu thứ nhất. Hành lang này sẽ đóng một vai trò quan trọng trong kế hoạch của tôi. Một trong các mặt tiền của toàn bộ các cơ sở này hướng ra một công viên, mặt kia, hướng ra một công trường lớn.

Khu vực rộng rãi này chắc chắn sẽ làm cho việc điều động mau lẹ lực lượng của tôi được dễ dàng hơn. Trong khi đó, chúng tôi lưu ý đến các kiến trúc nhỏ mới được xây cất trên công trường, mà người ta bảo rằng do các đội phòng vệ Pháp chiếm giữ và đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của chính phủ. Các quân nhân Pháp mà chúng tôi thấy xuất hiện đây đó, có vẻ có kỷ luật, được trang bị đầy đủ và nhất là được huấn luyện chu đáo. Chúng tôi phải chờ đợi một sức đề kháng mạnh mẽ từ phía này - ngoại trừ trường hợp hoàn toàn bị bất ngờ đến nỗi các sĩ quan của họ không kịp ban một mệnh lệnh nào.

Khi chúng tôi thông thả trở về chỗ trọ, bỗng nhiên tôi trở nên lăm lăm và cau kinh. Thật vậy, tôi vừa có một nhận xét xấu hổ: Tôi đã hết sức ngu xuẩn - ngu xuẩn không chèn vào đâu được. Bởi vì sáng nay chúng tôi đã có tư thế của những tên ngu ngốc chứ không phải là các sĩ quan tình báo Đức, và lại càng không phải là Chỉ huy trưởng cảm tử đang hành động trên đất địch. Làm sao chúng tôi lại có thể đi theo viên sĩ quan cảnh sát kia, người mà dân chúng chắc đã biết nhãn mặt? Đó là chưa kể đến trường hợp sau khi giải thoát Mussolini, báo chí địa phương có in một tấm hình quen thuộc của tôi! Tóm lại, tôi không có gì hãnh diện về mình cả, và một lần nữa, tôi thấy còn cần phải học hỏi nhiều.

Vào buổi chiều, tôi tiếp xúc với nhiều viên chức và sĩ quan tại các cơ sở Đức ở Vichy để thử tìm hiểu, ít ra là khái quát, về tình hình. Trước hết một tùy viên trẻ của sứ quán - lúc đó chính Abetz thì lại không có mặt - trình bày với tôi hai giả thuyết đối chọi nhau ngay trong giới ngoại giao. Theo một số người thì người Pháp sẽ chẳng làm gì cả, do đó chúng tôi không có lý do gì để can thiệp. Đối với một số khác, chúng ta phải di chuyển trụ sở chính phủ Pháp bằng cách để họ tự ý hay bằng sức mạnh bó buộc, về vùng Ba-lê. Làm như thế, ông già Thống chế trước hết sẽ tránh khỏi hành động của nhóm thân De Gaulle, sau đó, chịu ảnh hưởng của Đức nhiều hơn, nhờ đó, tương quan Pháp Đức sẽ được cải thiện. Nhóm thứ hai này hình như lại còn soạn sẵn một lâu đài phía Bắc Ba-lê để đưa ông Thống chế về đó.

Người thứ hai tôi được tiếp chuyện là một sĩ quan tình báo của quân đội - vậy là một thuộc viên của Đô đốc Canaris - ông ta muốn trình bày với tôi tất cả các tin tức mà ông ta có được. Đó là một bộ sưu tập thật kỳ dị các chuyện vắn vớ, mách lẻo, những báo cáo khách quan, phần lớn phát xuất từ các nhân viên ở Bắc phi, và các giả thuyết tưởng tượng, tin này thì được một cô thư ký làm việc trong một Bộ nào đó của Chính phủ Pháp vô tình cung cấp, nhân một cuộc tán dóc trong quán rượu, tin kia thì được cung cấp bởi một cô bạn của một sĩ quan hải quân thân cận với Đô đốc Darlan - một cô sẵn sàng chấp nhận ban ân huệ cho bất cứ chàng trai trẻ nào miễn là có uy tín được choàng bộ đồng phục hải quân có sọc ngang. Tất cả tạo thành một hình ảnh rối mù mà tôi tự hỏi không biết Đô đốc Canaris làm sao có thể rút ra các suy đoán rõ rệt.

Chỉ huy trưởng cảnh sát của chúng tôi cũng không biết được gì nhiều hơn. Ông ta chỉ có thể nói với tôi là tình hình không mấy sáng sủa - điểm này chẳng giúp tôi hiểu thêm được gì mới lạ cả. Ông ta cũng cho tôi xem một số lượng đáng kể các báo cáo trái ngược nhau. Trong mọi trường hợp, ông ta không tin ở cung từ của các nhân viên thân De Gaulle bị bắt, đã hai lần ông được báo cho biết là sẽ có các hoạt động của nhóm thân De Gaulle chống lại chính phủ Vichy - và rồi chẳng có gì xảy ra cả. Ông ta đòi hỏi phải đi

chuyển mau lẹ Chính phủ Pháp về một khu vực bị chiếm đóng. Lúc đó tôi biết rằng trong tâm trí ông ta, giải pháp này có lợi điểm là chấm dứt các xúc động và lo lắng vẫn gây phiền liên tục ở đây. Tóm lại ông này chỉ có một ham muốn: ông muốn người ta để ông yên.

Sau cùng tôi còn đến gặp một Đại Tá không quân, thành phần của ủy ban đình chiến phía chúng tôi. Viên sĩ quan này tuyên bố ngay là ông ta không biết gì cả, và từ chối không tin vào bất cứ tin đồn nào hiện đang đầu độc không khí của thành phố.

- Tốt hơn hết là ta nên ký kết ngay hiệp định hòa bình với Pháp và nếu có thể, với Anh quốc luôn thể. Đó là cách hay nhất để giải quyết một lúc tất cả mọi vấn đề, - ông ta khẳng quyết như vậy và tỏ vẻ hài lòng rõ rệt là đã tìm được một giải pháp đơn giản và căn bản như thế.

Tiếc thay, đề nghị này không ích lợi gì cho tôi cả. Trên đường về, tôi không thể ngăn cản được cơn phiền muộn sâu xa khi nghĩ đến sự tồi tệ khó tin do các báo cáo của những đại diện nước Đức ở khắp nơi tạo lập, trong văn khố thuộc Tổng Hành Dinh G.Q.G. Làm thế nào để Fuhrer và các cố vấn của ông có thể đạt đến các kết luận chính xác hay ít ra là sự lượng định tình hình đúng mức? Vậy mà, chính vì đã dựa vào các báo cáo này – nếu không nói là các tin đồn này – Tổng Hành dinh đã ra lệnh cho tôi phát động một chiến dịch đã được hoạch định: và nếu vạn nhất quyết định này đã dựa trên các tin tức sai lầm hay cố ý giả mạo, hậu quả thê thảm sẽ là sự rắc rối kinh khủng trong những mối bang giao hiện tại và tương lai giữa Pháp và Đức.

Nhưng tôi tự an ủi bằng cách nhủ thầm rằng chuyến đi này dù rất chán nản nhưng không phải là hoàn toàn vô ích: nhân khi đi lang thang trong thành phố, tôi nghiệm ra rằng ở đây người ta vẫn giữ thói quen kéo dài giấc ngủ trưa của dân vùng Địa Trung Hải! Thật vậy! đã 2 giờ chiều rồi mà đường phố còn vắng ngắt. Do đó, nếu các mệnh lệnh còn để cho tôi khả năng chọn lựa, tôi sẽ chọn lúc này, thời gian đặc biệt yên tĩnh trong ngày để làm giờ H. Làm như vậy tôi sẽ có may mắn cùng với tiểu đoàn xung kích của tôi lọt vào được trung tâm thành phố mà không gây sự chú ý nào. Từ phi trường cho đến khu vực đặt chính phủ, khoảng cách đó chừng 5 cây số tương ứng với 7 phút di chuyển bằng thiết vận xa. Lễ tất nhiên trong kế hoạch, tôi phải lưu ý đến các thám sát viên của chính phủ Vichy và có lẽ của phe giải phóng nữa, những người đang rình xem chuyện gì xảy ra trong các doanh trại dùng làm nơi đồn trú của binh sĩ tôi. Để chống lại sự rình rập này, chỉ có hai cách: đánh đổi vai trò với địch quân bằng các cuộc thao diễn khéo léo, và khi cơ hội đến, hành động mau lẹ như sấm sét.

Được Von Foelkersam phụ lực, tôi cẩn thận và tỉ mỉ hoạch định tất cả các chi tiết của phương cách báo động nhất là đối với đơn vị xung kích của tôi. Chúng tôi dự liệu một hệ thống báo động gồm hai giai đoạn và ra lệnh cho binh sĩ thực tập hằng ngày – thao diễn cơ bản ngày và đêm, đi bộ đều bước hoặc đi bằng thiết vận xa. Tuy nhiên tôi giữ không cho tổ chức các cuộc thực tập vào buổi trưa để khỏi làm rộn giấc ngủ của các thám sát viên địch. Dầu sao, chúng tôi cũng biết rằng vào giờ đó, họ đều đã tập trung chung quanh chỗ ngủ, và lúc nào họ cũng bị tôi bắt gặp như vậy.

Về phần các Bộ chỉ huy của hai Tiểu đoàn Cảnh sát, một Bộ chỉ huy đồn trú tại Cognat, phía tây Vichy, và Bộ chỉ huy kia đóng tại Bost, phía Đông thành phố. Tôi chạy lui tới gần như suốt ngày trong vùng để kiểm soát các cuộc tuần tiễu. Cô lập một thành phố không phải là một chuyện dễ. Từ trung tâm Vichy, không có dưới 15 con đường tỏa ra các hướng. Các con đường này xe cộ đông đúc, lại được nối với nhau bằng cả hệ thống dày đặc và rất khó kiểm soát các con đường phụ. Vậy mà chúng tôi bắt buộc phải tiên liệu việc kiểm soát di chuyển trên cả các loại hương lộ.

Trong tám Đại đội của hai Tiểu đoàn Cảnh sát, hai Đại đội vẫn tiếp tục đóng vai trò trừ bị. Nhiệm vụ của chúng là khi giờ hành động đến, phải chiếm lập tức các ngõ ra vào chính yếu ở ven thành phố. Các Đại đội khác phải kết thành một vòng đai chặt chẽ quanh Vichy và tiến tới cho đến khi cách trung tâm thành phố chừng sáu cây số. Như vậy, nhờ hai vòng đai bao vây, chúng tôi mới có thể cầm tất cả mọi sinh vật không cánh ra khỏi Vichy hay tiến vào đây.

Kế hoạch hành động của tôi để thực hiện đích (?) chiến dịch có thể được mô tả như sau: ngay khi Tổng Hành Dinh ra hiệu lệnh thích nghi cho tôi – hiệu lệnh được nguy trang rất lạ bắt chước tiếng chó sủa – Tiểu đoàn xung kích sẽ được báo động trước tiên. Nhờ các cuộc thao dượt liên tiếp, chắc mọi người mất không đến 10 phút là có thể sẵn sàng, được trang bị đầy đủ và lên xe. Tôi hy vọng thời cơ sẽ cho phép tôi ra lệnh khởi hành lúc 13 giờ 45. Tôi không dự liệu sẽ gặp một cản trở nào, càng không có các cuộc chống cự bằng quân đội, trên suốt lộ trình cho đến các cơ quan chính phủ trong khoảng thời gian từ 8 đến 10 phút. Như thế, phân đội tiên phong, Đại đội đầu tiên thuộc Tiểu đoàn kinh binh Friedenthal của tôi sẽ có mặt tại khu vực hành quân vài phút trước 14 giờ. Một Tiểu đội sẽ tách khỏi đơn vị, tiến chiếm một chiếc cầu nhỏ nằm trên nhánh sông Allier và đảm bảo bằng mọi giá đường rút lui của chúng tôi về phi trường.

Hai tiểu đoàn thiết kỵ sẽ chiếm công trường trước tòa nhà chính phủ, công viên và các con đường kế cận, trấn thủ các nơi đó chống lại các cuộc phản công có thể xảy ra và che chở cho đại đội khinh binh do chính tôi chỉ huy, tấn công vào hai tòa nhà. Nhớ lại sự thành công nhờ tấn công bất ngờ không làm đổ máu nhiều, nhân khi giải thoát Mussolini, tôi ra lệnh bằng mọi giá, để cho đối phương khai hỏa trước. Huấn lệnh "bắn tự do" sẽ chỉ có thể do tôi ban ra, hoặc do Đại úy Foelkersam, hoặc sĩ quan Đại đội trưởng thâm niên cấp bậc cao nhất thuộc tiểu đoàn thiết kỵ.

Hai toán chiến lược đầu thuộc Đại đội do tôi chỉ huy tìm cách chiếm các lối chính đi vào tòa nhà mà không cần sử dụng đến vũ khí, và trấn giữ các cầu thang và đầu các hành lang cho đến tầng thứ nhất. Phần tôi, chỉ huy toán thứ ba, tôi sẽ cố xuyên qua tòa nhà kế cận theo lối đi có mái lợp và chiếm giữ hành lang trước các văn phòng chính phủ.

Phần còn lại của kế hoạch thì tôi đành phải chờ các mệnh lệnh chính xác của G.Q.G. Tôi chưa biết liệu có nên truất tính cho phong trào giải phóng một vỏ chăn, bằng cách loại các Tổng Trưởng bị nghi ngờ thân De Gaulle, hay là đưa toàn vẹn chính phủ Pháp về khu vực chiếm đóng.

Ngày lại ngày trôi qua mà không mang lại cho chúng tôi điều gì khác hơn là các mệnh lệnh "báo động lớn" để rồi bị hủy bỏ đều đặn vài giờ sau đó. Vào giữa tháng 12, người ta đánh thức tôi vào lúc nửa đêm và triệu tập tôi về Ba-lê gấp. Tại Bộ Chỉ huy Lục quân ở đường Rivoli, một viên chức cơ quan tình báo quân đội chờ tôi và liên lạc cho tôi nói điện thoại với Tổng Hành Dinh của Fuhrer. Tôi đoán rằng người ta sẽ ra lệnh hành động. Sai lầm trầm trọng: một tùy viên của Fuhrer nói với tôi, bằng giọng khô khan rằng chưa có quyết định gì cả, nhưng nội trong ngày sẽ có tin. Đến 4 giờ chiều tôi gọi về G.Q.G. vẫn không có tin tức gì.

May thay, từ lâu tôi đã học cách thực hiện một đức tính căn bản của quân nhân: kiên nhẫn. Vậy thì tôi đợi cho đến lúc quý ông trong G.Q.G. thỏa hiệp được với nhau. Đến 10 giờ đêm, "Hang sói" (Tổng Hành Dinh) cho gọi tôi. Tôi nhảy bổ đến điện thoại, tin chắc sẽ nhận được lệnh dứt khoát sau cùng. Thế mà, thay vì quyết định được chờ đợi, người ta chỉ chuyển cho tôi chỉ thị sau đây:

"Thiếu tá Skorzeny quay trở lại Vichy lập tức. Phải duy trì tình trạng báo động đối với các đơn vị thuộc quyền cho đến khi có lệnh mới".

Và tôi lại lên đường trở về thủ đô tạm thời của Pháp. Trong khi lái xe qua các vùng quê trong đêm tối, tôi cố tìm lý do làm cho G.Q.G. ngần ngại. Linh cảm báo cho tôi biết rằng rồi ra Fuhrer phải đi tới quyết định hủy bỏ chiến dịch.

Trong khoảng thời gian vài ngày sau đó, chúng tôi nhiều lần được các chỉ thị, khi thì ra lệnh chấm dứt báo động, khi thì tái lập tình trạng báo động. Chúng tôi bắt đầu quá quen thuộc với các mệnh lệnh này. Khi tôi tuyên bố với các sĩ quan của Tiểu đoàn xung kích là theo ý tôi, chiến dịch sẽ không có, mối thất vọng sâu xa xuất hiện trên mọi nét mặt, rõ ràng là các quân nhân này mơ ước một chiến tích tương tự như vụ Gran Sasso.

Và thật thế, vào ngày 20 tháng 12 năm 1943, tôi nhận được lệnh bỏ cuộc và cho binh sĩ trở về. Lẽ dĩ nhiên, tất cả chúng tôi cùng có một ý nghĩ: nếu làm nhanh, thật nhanh, chúng tôi có thể còn thì giờ kiếm một giấy nghỉ phép Giáng sinh ngắn. 24 tiếng đồng hồ sau, tôi cùng với Đại đội về đến Paris và vừa đúng lúc đáp được chuyến tốc hành đi Bá-linh.

1- Xem "Những trận đánh lịch sử của Hitler", sách đã phát hành.

Khi trở lại Friedenthal tôi thấy các sĩ quan của tôi đã dần thân vào các xô xát đầu tiên của một trận chiến tranh thật sự chống lại hệ thống thư lại tại cơ quan trung ương Waffen SS. Chiến tranh đã bùng nổ nhân khi thiết lập các hồ sơ “cấp số” và “vũ khí” – hồ sơ bắt buộc phải có đối với mỗi đơn vị - trong đó chúng tôi đã liệt kê tỉ mỉ nhu cầu. Với trí óc u mê của các chiến binh thuần túy chúng tôi tin là các yêu cầu sẽ được thỏa mãn hết. Cơ quan Trung ương báo cho chúng tôi biết là đề nghị được chấp thuận. Tràn trề hy vọng, chúng tôi nghiên cứu bản văn huấn lệnh chung cuộc, để thiết lập Tiểu đoàn khinh binh thứ 502 đặt dưới quyền chỉ huy của “chỉ huy trưởng các toán xung kích” Otto Skorzeny. Nhưng đến hàng chót của huấn lệnh chúng tôi giật nảy mình khi đọc: Tuy nhiên, cơ quan Trung ương Waffen SS đã minh xác rằng đơn vị sắp được tổ chức sẽ không thể đòi hỏi cung cấp vật liệu lẫn biệt phái nhân viên.

Thoạt tiên, chúng tôi không biết nên khóc hay cười. Sau đó một lúc, chúng tôi quyết định nhìn vụ này dưới khía cạnh thuần túy khôi hài, và tìm mọi cách để xoay ngược lối xếp đặt tai hại này: vét sạch các cơ xưởng mà không hề biết xấu hổ, và tuyển mộ người từ khắp các đơn vị của Lục quân. Cứ như thế, chúng tôi tập hợp dần dần binh sĩ xuất thân từ đủ loại binh chủng: bộ binh, không quân, hải quân và Waffen SS, điều này, tuy vậy không ngăn cản được chúng tôi đào tạo một đơn vị hoàn toàn thuần nhất.

Đến tháng 2 năm 1944, lãnh vực thực sự của chúng tôi - các cuộc hành quân cảm tử - trở nên rộng lớn hơn vì có sự sáp nhập của một đơn vị mà công chúng vẫn gán cho một cái tên chế diễu "quân đội bí mật". Thoạt tiên tôi được lệnh phụ trách một khía cạnh đặc biệt của cuộc chiến đấu trên biển. Từ khi Bắc Ý, dưới sự lãnh đạo của ông Duce, chiến đấu trở lại cạnh chúng tôi, dây liên lạc giữa quân đội Đức và Ý lại được thắt chặt. Nhờ sự hợp tác chặt chẽ đó, tôi được dịp nghiên cứu tại chỗ nỗ lực đáng kể của một trong những đơn vị ưu tú của Ý: Hải đội Mas Flottilla thứ 10, lúc đó đặt dưới quyền chỉ huy của hoàng tử Borghese.

Đơn vị này đã hoàn thành nhiều "vũ khí thứ cấp" nhằm vào các cuộc đột kích chống hạm đội Đồng minh. Trong số các chiến cụ được mang ra trình bày với tôi, tôi đặc biệt chú trọng đến một loại khinh tốc đỉnh được nhồi đầy thuốc nổ, chỉ do một người duy nhất điều khiển; khi đến gần mục tiêu, tài công sẽ nhảy xuống nước. Cũng trong cùng mục đích đó, người Ý còn sử dụng một loại thủy lôi kiểu đặc biệt do quân nhân mặc áo lặn điều khiển và như vậy, có thể mang theo các đầu đạn khổng lồ cho đến chiến hạm địch. Với các vũ khí này, cảm tử Ý, nhờ lòng can đảm vô biên, đã thực hiện thành công hai cuộc đột kích hấp dẫn nhắm vào các chiến hạm Đồng minh. Lần thứ nhất, trong cảng Alexandria, lần thứ hai trong vũng tàu đậu chính tại Gibraltar. Mặt khác, hải đội "Mas Flottilla thứ 10" còn gồm một đơn vị người nhái, đó là những tay bơi lội kỳ lạ, họ lặn xuống nước bơi gần đến tàu địch, gắn các khối chất nổ vào hông tàu; họ mang các chân vịt bằng cao su, nhờ đó, có thể đạt được, trên cũng như dưới mặt nước, những tốc độ đáng kể bằng một sức cố gắng tối thiểu. Mang chân vịt loại này, một Đại úy Đức đã một mình đánh đắm được một thương thuyền 50.000 tấn của Đồng minh.

Một hôm, tôi nhận được lệnh tiếp xúc với phó Đô đốc Heye, Tư lệnh các đơn vị đặc biệt mà Hải quân Đức vừa thành lập. Do ý muốn của Himmler, những quân nhân ưu tú nhất của tiểu đoàn tôi phải tham dự khóa huấn luyện "cảm tử quân" này.

Những ý tưởng căn bản mà phó Đô đốc trình bày đã làm tôi kinh ngạc. Ngoại trừ tiềm thủy đình, tàu vớt mìn và khinh tốc đỉnh, hải quân Đức chưa đủ sức xuất hiện và chiến đấu với hạm đội Đồng minh trong những trận chiến có đội hình. Như vậy, hạm đội đã phải giữ tình trạng thụ động nếu không nói là hoàn toàn bất lực. Trong khi đó nhiều quân nhân hải quân đầy nhiệt tâm và ưa chiến đấu đã đòi hỏi sứ mạng mới. Để sử dụng các động năng quý giá này, phó Đô đốc Heye và cộng sự viên của ông đã làm việc cật lực để cung cấp cho những người này các vũ khí bí mật, đặc biệt hữu hiệu. Lẽ dĩ nhiên, họ lợi dụng được kinh nghiệm của người Ý trong cùng một lĩnh vực. Trước hết chúng tôi thử dùng tất cả những gì có sẵn. Tất cả chúng tôi đều biết là không nên phí thì giờ. Chiến tranh sắp chấm dứt. Do đó, các kỹ sư của Hải quân đề nghị dùng thủy lôi thường: người ta lấy chất nổ ra, gắn phía trước một nắp tròn bằng kính, trang bị một hệ thống định hướng, và kèm dưới bụng một thủy lôi thứ hai có chất nổ. Như vậy, loại thủy lôi do người điều khiển đã sẵn sàng để sử dụng với một tầm hoạt động thực hành vào khoảng 10 hải lý.

Chúng tôi ý thức được tính cách đơn sơ và thiếu sót của những "tên mọi đen", danh hiệu mật mã để gọi thứ khí cụ này. Nhưng chúng tôi nhận thấy ngay là một lần nữa, có thể trông đợi vào yếu tố bất ngờ. Lần thử đầu tiên loại khí giới mới này đã mang lại cho chúng tôi thành công hoàn toàn. Vào lúc hùng đông của một ngày đẹp trời mùa hạ, 20 người thuộc "Đơn vị hải quân đặc biệt" đã hạ thủy các "tên mọi đen" nhắm về phía Bắc đầu cầu hải quân Đồng minh tại hải cảng Anzio. Trong vài phút, họ đến nơi, không bị phát giác và trông thấy mục tiêu, đó là một khu tập trung vô số chiến thuyền và thương thuyền. Bằng cần điều khiển, họ phóng ra các thủy lôi bên dưới, vài phút sau nhiều tiếng nổ kinh hồn vang lên ngay hạm đội địch: một tuần dương hạm bị thiệt hại nặng nề, một tàu phóng ngư lôi bị chìm, hơn 30.000 tấn thương thuyền bị chìm hoặc thiệt hại - đó là bảng kết toán của hành động do một số ít chiến sĩ gan dạ thực hiện. Bảy chiến sĩ trở về được ngay, mang theo khí cụ chuyên chở thủy lôi, sáu người khác lần được vào bờ bên trong đầu cầu Đồng minh, vượt qua khu vực địch quân suốt đêm và trở lại vị trí xuất phát. Bảy người còn lại đã hy sinh trong những lớp sóng dồn. Tiếp theo đó, các cuộc đột kích trong vùng biển Địa trung hải và biển Manche, cũng đem lại nhiều thành tích khác, mặc dù kém quan trọng hơn. Lẽ tất nhiên, địch quân nhận biết ngay các nắp kính của loại "thủy lôi biến chế", họ ý thức được rằng sự xuất hiện của chúng có nghĩa là mối nguy hiểm chết người. Ngay khi thám sát viên thấy một thủy lôi biến chế của chúng tôi, tất cả chiến thuyền địch đồng loạt khai hỏa các vũ khí phụ. Nhiều lần chúng tôi lừa được quân Anh, Mỹ: lúc gần sáng - phải cần gió thuận và thủy lưu thích hợp - chúng tôi thả các thủy lôi biến chế không mang theo gì cả để chúng nổi trên mặt nước. Mỗi lần như vậy, đối phương bắn ào ạt vào các mục tiêu vô hại đó. Nhờ kế "nghỉ binh" này, nhiều "tên mọi đen" thật, từ các hướng khác, có thể tiến gần mục tiêu và phóng các thủy lôi mang dưới bụng mà không bị phát giác.

Mặt khác, chúng tôi cũng sử dụng càng ngày càng nhiều loại ca-nô chứa đầy chất nổ - tên mật mã là "thấu kính" - được điều khiển từ xa theo các nguyên tắc đã áp dụng cho loại chiến xa tí hon nổi tiếng "Goliath", chứa đầy chất nổ. Một sự sắp xếp khéo léo đã làm gia tăng rất đáng kể hiệu năng của các "thấu kính": đúng lúc chiếc ca nô chạm mục tiêu, khối chất nổ được thả ra, chìm xuống nước dọc theo hông tàu và chỉ phát nổ dưới một chiều sâu nào đó, lỗ hổng bị phá vỡ bên sườn luôn làm thiệt hại lớn lao cho chiến thuyền địch. Nhờ các "thấu kính", chúng tôi tổ chức được nhiều cuộc đột kích thành công tại Địa trung hải và nhất là để chống lại các cuộc tập trung hải lực của Đồng minh ở bờ biển Normandie. Về phần các tiềm thủy đình bỏ túi, được người Nhật sử dụng lần đầu tiên, và người Anh sử dụng một lần duy nhất tại Thụy Điển, chúng tôi có nhiều kiểu và sử dụng trong nhiều cuộc đột kích tốn kém. Cho đến khi chiến tranh chấm dứt, cơ sở kỹ thuật của hải quân còn cố gắng hoàn thiện loại khí giới này, tuy nhiên kết quả là không làm cho hữu hiệu hơn và đặc thù hơn (được?).

Ngay từ mùa xuân 1944, chúng tôi đã tự hỏi cuộc đổ bộ sắp đến của Đồng minh lên phía Tây Âu châu sẽ xảy ra tại địa điểm nào. Chúng tôi biết sẽ có cuộc đổ bộ và chúng tôi cảm thấy nó gần kề rồi. Vào tháng năm, tôi có dịp xem các không ảnh những hải cảng phía Tây nam Anh quốc, và cũng giống như mọi người, tôi điên đầu đoán không ra ý nghĩa của những khối màu xám hình chữ nhật, neo suốt dọc các bến tàu. Mãi về sau, chúng tôi mới biết đó là các bộ phận tiền chế của một hải cảng nhân tạo dành cho cuộc đổ bộ sắp đến.

Cũng vào thời kỳ đó, chúng tôi cũng đã bắt đầu tự hỏi làm thế nào để đóng góp vào sự khuấy phá các đợt đổ quân tăng cường và các sự sắp xếp vị trí lực lượng của Đồng minh, vài ngày sau cuộc đổ bộ. Trước hết tôi được Bộ tư lệnh Hải quân thông báo mật các địa điểm mà hải quân suy đoán là có thể mở cuộc đổ bộ. Trên một danh sách gồm 10 địa điểm chạy từ bán đảo Contentin, Cherbourg được ghi hàng đầu như là địa điểm có thể có cuộc đổ bộ; tôi cũng khám phá thấy ở đó có những chỉ dẫn về bờ biển, bãi cát, có thể cho phép một cuộc đổ bộ của Đồng minh. Căn cứ trên danh sách này, chúng tôi hoạch định một kế hoạch đặc biệt, thích ứng với điều kiện đặc thù của 10 địa điểm ấy. Chúng tôi đã đề nghị di chuyển ngay vài "Đơn vị hải quân đặc biệt" đến đây bờ biển này để chuẩn bị các cuộc hành quân chống các trung tâm truyền tin và chỉ huy của địch. Chúng tôi dự liệu chôn trước các khối chất nổ và khi cần, điều khiển cho nổ từ xa bằng máy vô tuyến, một kiểu mới vẫn được gắn trên phi cơ của chúng tôi.

Lẽ tất nhiên chúng tôi phải trình kế hoạch và phải được sự chấp thuận của Bộ tư lệnh quân đội Đức tại chiến trường miền Tây. Sau nhiều lần yêu cầu trả lời, chúng tôi được các công sở bị công việc tràn ngập hoàn toàn, trả lời như sau: Trên nguyên tắc, kế hoạch do các chuyên viên của đơn vị cảm tử thuộc quyền Thiếu tá Skorzeny thiết lập, đã dựa trên các ước tính tình hình rất đúng và kế hoạch đó có thể thực hiện được. Thế nhưng - cũng giống như mọi khi, bao giờ cũng có chữ nhưng - chúng tôi không thể cấp các phương tiện cần thiết vì như thế sẽ làm cho các đơn vị quân đội Đức đồn trú dọc theo bờ biển chú ý. Tất cả các biện pháp loại này, nếu được thi hành, sẽ gây hậu quả làm mất niềm tin của quân sĩ và làm cho bức

tường Đại tây dương trở nên tuyệt đối tầm thường. Vì lý do đó, chúng tôi buộc lòng phải bác bỏ toàn bộ kế hoạch nói trên. Ký tên không rõ (như thường lệ) - Không còn bình luận gì được nữa.....

Lẽ tự nhiên, chúng tôi cũng đã thử sáng tạo các loại vũ khí mới trong lĩnh vực hàng không. Từ ít lâu nay, phi đoàn chiến đấu thứ 200 đã có nhiều kinh nghiệm. Một vài phi công cũng đã nghĩ đến các cuộc hành quân tự sát, nghĩa là đề nghị tình nguyện lao cùng phi cơ chứa đầy bom và chất nổ xuống mục tiêu chỉ định, thông thường là các chiến hạm. Nhưng hình như Fuhrer đã bác bỏ vì các lý do triết lý: thật vậy, theo ông sự hy sinh đó không tương ứng, vừa với tính cách dân da trắng, vừa với tâm tính của dân tộc Đức. Theo ý ông, chúng tôi không nên bắt chước các quân nhân tình nguyện đi tìm cái chết của Nhật bản.

Một vài tuần trước cuộc đổ bộ của Đồng minh, tôi có dịp làm quen với nữ phi công Hanna Reitsch và cuộc tiếp xúc đầu tiên này đã mở cho tôi những chân trời mới lạ. Với một vẻ điềm tĩnh kỳ lạ nơi một phụ nữ mảnh mai, trước hết cô bảo với tôi rằng một người yêu nước thật sự không nên đánh giá quá cao mạng sống của mình khi số phận đất nước bị đe dọa, tiếp theo đó cô giải thích những ý nghĩ thâm kín của cô, có lẽ những biến chuyển sẽ dồn dập xảy đến một cách bí hiểm khiến chúng ta bắt buộc phải kêu gọi những người "tình nguyện đi tìm cái chết". Nhưng trong viễn cảnh đó, bổn phận của chúng ta là tìm cách tối thiểu giúp các phi công thoát thân. Về điểm này có lẽ Hanna Reitsch có lý: tôi có thể nhận thấy sau đó niềm phấn khởi và tinh thần hăng hái của các quân nhân tình nguyện gia tăng gấp đôi ngay sau khi người ta thông báo một cơ may, dù rất nhỏ, có thể trở về bình an vô sự.

Vài ngày sau cuộc tiếp xúc đó, tôi được phép viếng thăm một địa điểm thí nghiệm các vũ khí bí mật "V" tại Peenemunde trên đảo Usedom, trong biển Batique. Hiện tại, tôi nghĩ rằng viên kỹ sư hướng dẫn tôi lúc đó chưa chỉ cho tôi xem tất cả, bởi vì vào thời kỳ này, người ta đang thí nghiệm "một vũ khí trả đũa". Ngược lại, tôi được phép nghiên cứu thật kỹ một chiếc V1 và tham dự cuộc phóng một trong những hỏa tiễn này. Đúng lúc đó tôi có ý tưởng làm thử, với trái bom bay này, những gì chúng tôi đã thực hiện với loại thủy lôi của hải quân: nghĩa là dùng một người lái hỏa tiễn.

Sau nhiều cuộc thảo luận dằng dai với các cấp chỉ huy và chuyên viên bộ Không lực, tôi thành công bằng cách nhấn mạnh rằng Fuhrer muốn bắt đầu ngay các cuộc thí nghiệm và phải thông báo cho ông kết quả cuộc thí nghiệm ngay lập tức. Thật ra, cái được gọi là ý muốn của Fuhrer chỉ là chuyện do tôi bịa đặt. Tuy nhiên, mưu kế của tôi đã quét sạch các chướng ngại của những ông này - lạ hơn nữa là trước đó mấy tháng, Hanna Reitsch cũng có ý tưởng như tôi, nhưng đã thất bại hoàn toàn trước sức đề kháng mãnh liệt của đám thư lại. Người ta cung cấp cho tôi địa điểm, máy móc, kỹ sư, cơ khí viên mà tôi cần. Và 15 ngày sau - một thời gian kỷ lục - các cuộc thí nghiệm đầu tiên khởi sự.

Một chiếc V1, do một phi công lái, được móc vào bụng một chiếc Henkel 111 như một cọng rơm. Đến độ cao chừng 1000 thước, chiếc V1 tách rời ra và bằng tốc độ 600 cây số một giờ đã bỏ chiếc Henkel to lớn với tốc độ 300km/giờ lại đằng sau như đứng yên trên không. Viên phi công lượn vài vòng lớn, rồi giảm tốc độ và tìm cách đáp xuống. Lần đầu tiên, anh ta bay ngược gió dọc theo chiều dài của phi đạo, và cách mặt đất 50 thước.

- Lạ trời, - chúng tôi thán thỉ. - Hẳn ta chưa giảm đủ tốc độ - miễn sao cho mọi sự êm xuôi.

Viên phi công lượn vòng và đáp xuống lần thứ nhì. Lần này, hình như anh ta muốn đáp thật, chiếc V1 gần như chạm mặt đất, chỉ cách hai hay ba thước. Nhưng không - có lẽ anh ta thay đổi ý định vào phút chót. Đáng lẽ đáp xuống, anh ta bay lên lại, từ từ và lượn một vòng thứ ba, trở lại trên phi đạo và rồi biến cố đã xảy đến: anh ta vẫn chưa đáp được xuống mặt đất, cố thử, tiến đến đầu phi đạo, nhảy lên một ngọn đồi - chúng tôi còn thấy bụng của nó chạm ngọn cây, trước khi nó biến mất sau đỉnh đồi. Một lúc sau, hai cột bụi mù bốc cao báo hiệu tai nạn đã xảy ra.

Cùng với hai y tá, tôi nhảy lên một thiết vận xa và đi sâu vào cánh đồng hướng về phía chiếc V1 bị rơi. Từ xa chúng tôi đã thấy các mảnh vụn của chiếc V1, nơi này một cánh, nơi kia một cánh, ở giữa là động cơ, may thay không bị cháy. Cách đó mười thước, viên phi công nằm co quắp - anh ta cử động cánh tay một cách yếu ớt. Trước khi bị bể tan, anh ta đã đẩy được nắp kính và bắn ra ngoài. Lúc đó anh ta không thể nói gì và được chúng tôi đưa về bệnh viện. Chúng tôi thử tìm cách giải thích tai nạn bằng cách nghiên cứu luống đất bị cày thật sâu. Theo chỗ chúng tôi biết, viên phi công có ý định đáp trong cánh đồng. Nhưng tại sao?

Các chuyên viên kỹ thuật mất công mò mẫm, dò xét từng mảnh kim khí, họ không khám phá được điều gì có thể giúp chúng tôi vén màn bí mật. Hôm sau chúng tôi thử lại với một phi công khác. Mọi chuyện đều giống y như chuyện bay thử đầu tiên: chiếc V1 tách khỏi phi cơ mẹ, lần này viên phi công lượn thêm vài vòng và tìm cách đáp, nhưng không chạm được phi đạo và bị bể tan gần như cùng một chỗ cũ. Phi công lại bị thương nặng và cũng không nói được. Hanna Reitsch tỏ ra rất rầu rĩ. Chúng tôi biết sau hai lần thất

bại vừa qua, cơ sở kỹ thuật sẽ cấm, dù là tạm thời, theo đuổi cuộc thí nghiệm. Hôm sau nữa, các phi công đã khá hơn và có thể nói chuyện được. Họ nói lờ mờ về sự rung chuyển cần lái, nhưng họ không cho chúng tôi các lời giải thích nào có giá trị về nguyên nhân của hai tai nạn giống nhau.

Nhưng vài ngày sau, Hanna Reitsch đến thăm tôi cùng với viên kỹ sư phụ trách chế tạo chiếc V1 biến cải và một kỹ sư của Bộ Không quân. Trước vẻ ngạc nhiên của tôi – tôi chờ được báo tin là ý định của mình bị vĩnh viễn xếp vào loại “đề nghị lơ lửng” – Hanna tuyên bố đã tìm được nguyên nhân của các tai nạn. Tại văn phòng nhân viên trung ương, cô đã tham khảo các phiếu lý lịch cá nhân của hai viên phi công bay thử, và khám phá ra rằng cả hai chưa hề có cơ hội lái loại phi cơ bay mau như thế. Chắc chắn phải có một số kinh nghiệm nào đó mới chế ngự được một loại máy bay nhỏ với tốc độ lớn như vậy. Hiện tại, Hanna Reitsch và hai viên kỹ sư đều cho rằng Bộ Không quân đã sai lầm khi kết luận nguyên nhân của hai tai nạn trên là sự sơ sót trong khi chế tạo. Để chứng minh lòng tin tuyệt đối của họ vào chiếc V1 có thể lái được của tôi, cả ba người đề nghị sẵn sàng bay thử trên những chiếc sắp được chế tạo xong. Đề nghị thật quyến rũ – tuy nhiên còn có vấn đề nan giải: lệnh cấm tiếp tục các cuộc thí nghiệm. Tôi biết rằng Bộ Không quân sẽ không nhượng bộ. Nhưng Hanna Reitsch và hai viên kỹ sư đã bị dự án của tôi quyến rũ rõ rệt, lệnh cấm đối với họ không quan trọng mấy; họ bắt cần, miễn là được tôi chấp nhận. Tôi bối rối, làm sao đây?

- Cô hãy nghe tôi, Hanna, - tôi bảo, - nếu có chuyện gì xảy ra cho cô, chính Fuhrer sẽ cắt đầu tôi.

Nhưng họ vẫn nài nỉ, với tất cả nhiệt tình, và tôi bắt đầu thấy mềm lòng. Hanna biết cách khéo léo tìm chỗ yếu của tôi, nhất là bằng cách kêu gọi ý thức bổn phận của tôi, và gợi câu thành ngữ cổ điển: một quân nhân chân chính có lúc phải nhận trách nhiệm trái lệnh thượng cấp. Cuối cùng tôi đành nhượng bộ, miễn cưỡng. Chúng tôi hy vọng “nắm” được viên chỉ huy phi trường bằng cách bảo rằng Bộ Không quân đã cho phép miêng tiếp tục các cuộc thí nghiệm.

Hôm sau, khi Hanna Reitsch khép chặt nắp kính trên chiếc V1, tim tôi đập dữ. Tuy nhiên, mọi chuyện xảy ra rất tốt đẹp: ngay khi chiếc V1 tách khỏi phi cơ mẹ, Hanna biểu diễn vài vòng lượn bay bướm, và rồi cô tiến gần phi đạo với một tốc độ điên cuồng. Mồ hôi lạnh chảy dọc sống lưng tôi – chiếc V1 chạm đất, một đám bụi bốc cao, và chạy cho đến cuối phi đạo. Chúng tôi chạy nhào đến và vui sướng giúp đưa ra khỏi phi cơ một phụ nữ rạng rỡ vì hài lòng.

- Quả thật cừ khôi, - cô nói, vẻ hân hoan rõ rệt.

Tiếp theo đó, đến phiên hai kỹ sư thử loại máy bay của tôi. Bộ ba đã thực hiện tất cả 20 chuyến bay thử và cả 20 lần đáp đều thành công. Không còn nghi ngờ gì nữa – kỹ thuật chế tạo rất hoàn hảo.

Buổi chiều, khi tôi báo cáo lên Thống chế không quân Milch, ông ta tái mặt.

- Hành động điên cuồng này đáng đưa anh ra pháp trường, - ông tuyên bố giọng bi thảm mà không ý thức rằng điều tiên tri đen tối này đã đến hơi chậm.

Tuy nhiên tôi cũng xin được ông cho phép tiếp tục các cuộc thí nghiệm và bắt đầu đào tạo phi công. Ngày hôm sau, cơ xưởng của chúng tôi bắt đầu chế tạo máy bay hàng loạt, một vài chiếc đầu được dùng để thí nghiệm và hoàn thiện thêm, sau cùng, phi cơ sẵn sàng để chiến đấu. Trong khi chờ đợi, tôi chọn lựa 30 cựu phi công trong số người thuộc “đơn vị đặc biệt” của tôi, bên cạnh đó, Không quân phái cho tôi 60 phi công tình nguyện và họ mới vừa đến Friedenthal – chúng tôi có thể bắt tay vào việc được rồi.

Tôi đã yêu cầu cơ quan phụ trách nhiên liệu của Bộ Không quân cung cấp 5 thước khối xăng cho mỗi chiếc phi cơ của tôi. Thế mà không ngờ rằng chúng tôi đã không đủ lý lẽ để vượt qua trở ngại này. Nhiều tuần lễ trôi qua, một lần chúng tôi nhận được 10 rồi 15 thước khối. Nhưng đợt cung cấp qui mô như đã được hứa thì vẫn chưa thấy đến. Tôi chạy từ văn phòng này đến văn phòng kia mòn gót giày, khắp nơi tôi chỉ nhận được các lời hứa hẹn mơ hồ hoặc là các lời từ chối vì bất lực. Mùa thu năm 1944, tôi bỏ rơi dự án. Như thế công trình kỹ thuật và ngay cả công cuộc chuẩn bị chiến thuật của chúng tôi đã trở thành vô ích. Chúng tôi còn dự trù phóng một chiếc V1 gắn vào giữa một chùm phi đạn không người lái, làm cho chiếc V1 này như chìm trong một khối. Hiện tại, không nên nghĩ đến điều đó nữa. Tôi chỉ còn giữ lại các phi công Không quân biệt phái, và tôi có thể nói rằng, dù bị coi như là “thấp hèn”, họ vẫn thi hành phận sự cho đến phút cuối cùng.

Vào đầu mùa đông năm 1944, tôi lại có cơ hội, nếu không phải là để phụ trách khai thác khả năng của V1 thì ít ra cũng là để bàn luận đến nó. Được gọi đến bản doanh của Himmler để minh xác một vài chi tiết liên quan đến vai trò của tôi trong cuộc phản công tại vùng Ardennes, và do lời yêu cầu của ông ta, tôi cũng đã trình bày tình trạng nghiên cứu khoa học của các chuyên gia kỹ thuật thuộc Không và Hải quân trong việc phát triển các vũ khí bí mật. Khi tôi trình bày rằng hiện người ta đang nghiên cứu khả năng

phóng một hỏa tiễn V1 từ một tiềm thủy đình, Himmler đứng bật ngay dậy, tiến về phía một bản đồ thế giới vĩ đại đặt gần bàn giấy và ngắm nghía thật lâu.

- Vậy thì ta có thể tiên liệu một cuộc oanh kích vào New York bằng V1? - Ông hỏi.

- Chắc chắn như vậy, ít ra là về lý thuyết. Nếu các kỹ sư có thể chế tạo một giàn phòng ráp nổi dễ dàng và mau lẹ trên sân một tiềm thủy đình lớn, loại tiếp liệu...

Himmler, luôn luôn là người có các quyết định đột ngột, ngắt lời tôi:

- Tôi sẽ nói ngay việc này với Fuhrer và Thủy sư Đô Đốc Doenitz. Trong một tương lai gần, New York phải bị V1 của ta oanh kích. Phần anh, Skorzeny, tôi yêu cầu anh tích cực đẩy mạnh hoạt động của các cơ sở kỹ thuật để cho sự phối hợp V1 và tiềm thủy đình được hoàn tất sớm chừng nào tốt chừng đó.

Thành thật mà nói, tôi không bao giờ chờ đợi một niềm phấn khởi tức thời như vậy, vì nhiều lý do, tôi tính rằng ông Reichsfuhrer SS đã có một quan niệm sai lầm về vấn đề này. Mặt khác, tôi tò mò muốn biết quan niệm của hai người khác có mặt trong cuộc tiếp xúc – Bộ trưởng Kaltenbrunner và vị chỉ huy cũ của tôi, Schellenberg, nay đã trở thành người lãnh đạo tất cả các cơ sở an ninh tình báo của Đức, từ khi Canaris bị thất sủng. Thế nhưng ông thứ nhất giữ hoàn toàn im lặng, ông thứ hai chỉ gật gật đầu tán đồng, không những lúc Himmler nhìn ông mà cả khi ông Reichsfuhrer SS quay lưng lại. Tôi biết rằng ông ta luôn luôn lo âu tránh né một sự phát biểu quan điểm rõ rệt trước khi được biết rõ lập trường của cấp chỉ huy. Ông ta gọi thái độ thiếu can đảm này là “sự tế nhị ngoại giao”. Trong thực tế, bằng cách hành động như vậy, không bao giờ ông ta bị lầm lỗi. Mặc kệ - nếu các ông này sợ liên minh, tôi liều:

- Thưa Reichsfuhrer, tôi bắt buộc xin ông lưu ý đến mức độ chính xác chưa đầy đủ của loại V1. Như ông đã biết, bộ phận định hướng gắn ở đầu mũi phi đạn phải được điều chỉnh mỗi lần trước khi phóng – trong khi bay, ta chưa có thể sửa hướng đi của phi đạn. Lúc này mức độ chính xác của V1 chỉ được thể hiện trong vòng 8km, nghĩa là phi đạn sẽ rơi vào một nơi nào đó trong một vòng bán kính 8km chung quanh mục tiêu. Tầm sai lạc còn lớn hơn nếu phi đạn được phi cơ phóng đi, chẳng hạn do một chiếc Henkel 111 – chúng ta hiện phóng các bom bay qua Anh quốc trong những điều kiện như thế; phi cơ của chúng ta cất cánh tại các căn cứ của ta ở Hòa-Lan.

Có lẽ sự lạc hướng sẽ còn lớn hơn nếu V1 được phóng từ một tiềm thủy đình. Ngoài việc không thể định hướng trên mặt biển phẳng lặng, vào ban đêm, sức nhắm rất ít, còn phải kể thêm sự tròng trành lắc lư của tiềm thủy đình: nếu chú ý rằng gia tốc không đáng kể của phi đạn trong khi trượt trên giàn phóng, một động tác nhỏ của tiềm thủy đình sẽ đóng vai trò kinh khủng. Tóm lại, cũng không chắc là phi đạn có rơi được vào thành phố hay không dù là thành phố rất lớn.

Được khích lệ bởi sự im lặng của Himmler, tôi trình bày tiếp:

- Và chưa phải là hết: không lực không dám bảo đảm cho các tiềm thủy đình tham dự chiến dịch, một sự che chở trên không phận địa điểm phóng phi đạn. Theo tin tình báo, bờ biển phía đông Hoa Kỳ được canh phòng quá chặt chẽ bằng các đợt tuần tiễu trên không phận và bằng một hệ thống trạm ra đa cực kỳ chặt chẽ.

Tôi có cảm tưởng Himmler không hề chú ý đến lời tôi nói, có vẻ như đang theo đuổi ý nghĩ riêng, bởi vì, thỉnh thoảng ông dừng lại trước mặt tôi.

- Tôi tin rằng, - ông tuyên bố, - đây là một khả năng mới, hơn thế nữa, là cơ hội tuyệt diệu để tạo ảnh hưởng quyết định trong chiều hướng của cuộc chiến. Đây là lúc đến phiên dân Mỹ trực tiếp cảm thức hậu quả của các cuộc oanh tạc ngay trên đất nhà của họ. Cho đến nay dân Mỹ tin rằng họ tránh được tất cả mọi cuộc tấn công – Xứ sở của họ ở quá xa chiến trường. Theo ý tôi sự xúc động do một cuộc oanh kích New York tạo ra sẽ làm giảm lập tức tinh thần dân Mỹ. Đám dân đó không bao giờ chịu đựng nổi thử thách căng thẳng thần kinh do bom bay tạo ra. Và chẳng tôi luôn luôn tin rằng dân Mỹ không có khả năng chống đỡ các đòn trực tiếp nhất là khi họ không chờ đợi điều đó.

Tôi thật không rõ ý nghĩ của người khác đối với lời khẳng quyết này, nhưng phần tôi, tôi vẫn hoài nghi. Chắc chắn tôi không có gì chống đối một cuộc không tập các thành phố Mỹ - Sự triệt hạ càng ngày càng dữ dội các thành phố của chúng tôi, số lượng nhà cửa sụp đổ điêu tàn, số người thương vong càng ngày càng lớn đủ biện minh cho ý muốn trả đũa của chúng tôi rồi. Nhưng tôi sợ rằng hiệu quả tâm lý mà V1 tạo ra trong dân chúng Mỹ sẽ hoàn toàn trái ngược với ước đoán của Himmler, và vì những người khác vẫn giữ thái độ cân nín, tôi liều một lần nữa:

- Thưa Reichsfuhrer, tôi tin rằng một chiến dịch như vậy sẽ mang lại hậu quả trái ngược. Chính quyền Mỹ đã đặt nền tảng của hệ thống tuyên truyền trên khẩu hiệu: Đức quốc đe dọa an ninh của chúng ta. Đến nay nếu New York bị V1 oanh kích, dân Mỹ sẽ thấy rằng mối đe dọa đó là có thật. Mà trong tập thể dân

chúng Mỹ, thành phần gốc Anh chiếm đa số. Và dân Anh đã cho chúng ta thấy, đến lúc tổ quốc lâm nguy, khả năng đề kháng của họ lên cao không ngờ.

Thấy Himmler tỏ vẻ chăm chú nghe, tôi bạo dạn hơn:

- Nhờ phi đạn V1, ta có thể giáng một đòn khủng khiếp vào tâm lý dân Mỹ, nhưng với điều kiện là phóng thật trúng vài đầu đạn vào một vài đích định trước. Theo ý tôi, mục tiêu phải đạt được sẽ như sau: Đài phát thanh Đức sẽ loan báo một ngày và nếu có thể, một giờ trước rằng một tòa nhà nào đó phải được xác định rõ, nằm trong trung tâm New York sẽ bị V1 phá hủy. Đó mới là một đòn chí tử - hiểu theo cả hai nghĩa: vật chất và nhất là tinh thần.

Vì Himmler có vẻ thích thú, tôi trình bày vắn tắt tình hình nghiên cứu của các nhà bác học nhằm gia tăng độ chính xác của V1. Vào thời đó, công việc được tổ chức theo hai chiều hướng: một mặt, người ta tìm cách hoàn thiện một bộ phận định hướng bằng làn sóng Hertz – bộ phận này sẽ cho phép thay đổi hướng bay lúc phi đạn đang bay. Các máy phát sóng điều khiển sẽ được đặt gần địa điểm phóng phi đạn. Mặt khác, người ta thí nghiệm biến cải nguyên tắc đó: bộ phận định hướng sẽ được điều khiển bởi máy phát sóng đặt gần mục tiêu và chỉ tác động trong vài phút. Mặc dù sự biến cải này có vẻ dễ thực hiện, chúng tôi vẫn vấp phải hai khó khăn, một, có tánh cách kỹ thuật – vấn đề sức mạnh của máy phát sóng – và một có tánh cách thực hành: làm sao chúng tôi có thể đặt máy vào chỗ thích hợp cho đúng lúc? Nhiệm vụ này chỉ có thể giao cho các điệp viên; thế nhưng cho đến nay chúng tôi không đánh lừa nổi màn lưới phản gián của Mỹ. Mới đây, vài nhân viên của tôi đã đổ bộ bằng tiềm thủy đình lên bờ Đại Tây Dương của Hoa Kỳ, họ bị bắt tức khắc.

Về ưu tư, Himmler lắng nghe tôi, mắt vẫn không rời khỏi lục địa Bắc Mỹ nặng nề trên bản đồ thế giới. Sau cùng ông thừa nhận, với vẻ tiếc rẻ rõ ràng, lúc này một cuộc oanh tạc New York bằng phi đạn V1 còn khó khăn quá và mạo hiểm quá. Dầu vậy, không muốn rút lại lệnh đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị, ông chỉ yêu cầu tôi thông báo các kết quả đạt được và nhất là các khám phá mới mà các nhà bác học có thể thực hiện trong lãnh vực đang bàn luận. Rồi câu chuyện xoay qua một đề tài khác.

Quá nhiều dự án tốt đẹp

Tại căn cứ Friedenthal, chúng tôi làm việc cực lực. Chắc chắn chúng tôi phải sử dụng đến một nửa thì giờ và năng lực để làm chiến không ngừng chống lại các bàn giấy tràn ngập giấy tờ và các công sở vẫn so đo nhỏ giọt vật liệu và nhân viên của chúng tôi. Tuy nhiên chúng tôi vẫn có đủ thì giờ để suy tưởng và thiết lập các kế hoạch vĩ đại. Chúng tôi bị kích thích nhiều nhất khi nghiên cứu hồ sơ khổng lồ chứa đựng tất cả các chi tiết về chiến dịch của các cảm tử quân trú danh dưới quyền Lord Mountbatten. Đây là một cuộc nghiên cứu bỏ ích mặc dù có vẻ nản chí. Chúng tôi tái mặt ghen tức khi thấy các cấp chỉ huy cảm tử quân Anh được sử dụng những phương tiện vô giới hạn. Họ có thể tự ý ghi vào các kế hoạch sự yểm trợ bằng tuần dương hạm, tàu phóng ngư lôi, tiềm thủy đình, đó là không nói đến sự hợp tác cố định của nhiều phi đoàn không quân với đủ loại phi cơ tân tiến. Ngược lại, chúng tôi quá nghèo nàn, nghèo dễ sợ và không tưởng tượng được. Chưa bao giờ chúng tôi nhận được “sự sẵn sàng” một chiến hạm nào đó của Hải quân, và phi đoàn 200 chiến đấu phải vật lộn để có từng chiếc phi cơ. Tôi có thể kể một thí dụ: Phi đoàn chỉ có vỏn vẹn 3 chiếc Junker 290, loại phi cơ có tầm hoạt động xa.

Và chẳng phải thắng thắn mà nói rằng ưu thế của quân cảm tử Anh không phải chỉ có tính cách vật chất: Mountbatten biết cách chọn mục tiêu, và mỗi lần ra tay, ông đều đạt tới đích. Khi thì tấn công và phá hủy một xưởng lọc dầu cá nằm trên một hòn đảo thuộc Thụy Điển, lúc khác, một chiến dịch được quan niệm tuyệt vời, dựa vào đó, quân Anh tiến chiếm một đài Ra đa do Đức vừa thiết lập trên bờ biển nước Pháp gần Dieppe; hoặc giả là một cuộc đột kích nhắm vào bản doanh của tướng Rommel tại Phi châu - hoạt động này đã thất bại, nhưng chỉ vì một sự tình cờ, có lẽ do một tin tình báo thiếu chính xác, quân Anh đã tấn công vào các cơ sở quân nhu.

Tuy nhiên phía Đồng minh cũng có nhiều điểm tầm thường nhất là trong một khu vực rộng lớn do họ kiểm soát tại Trung Đông. Chúng tôi quyết định khai thác và tấn công vào các chỗ yếu đó. Mặc dù tình hình đã trở nên nguy ngập đối với quân đội Đức, chúng tôi vẫn khích động bởi niềm phấn khởi - nếu không nói là niềm lạc quan - đến nỗi nhiều khi dành tuần này qua tuần khác để thiết lập kế hoạch, chuẩn bị cho chiến dịch nhưng sau cùng lại chịu thất bại, mà luôn luôn vì mỗi một lý do: vấn đề chuyên chở.

Vì không thể tìm đủ số phi cơ Junker 290, loại phi cơ Đức độc nhất có tầm hoạt động xa và chắc - loại Henkel 117, theo các chuyên gia, chỉ là một sản phẩm hư hỏng - chúng tôi phải xoay trở khắc phục khó khăn. Tại sao chúng tôi không sử dụng một lần nữa dụng cụ mà quân địch đã cung cấp cho chúng tôi? Chúng tôi nghĩ là có thể sửa chữa lại một vài chiếc phi cơ 4 máy của Hoa Kỳ mà trước đây đã bị bắt buộc đáp xuống Đức hay các khu vực do Đức kiểm soát. Dự định của tôi đã làm cho Bộ Tham Mưu Không quân thích thú. Nha vật liệu hứa sẽ thành lập ngay toán chuyên viên có nhiệm vụ thu hồi và sửa chữa các “pháo đài bay” đó. Tiếc thay công việc này tiến hành quá chậm. Mãi đến cuối mùa thu 1944, tôi mới được thông báo rằng 6 chiếc đã sẵn sàng. Vài ngày sau, một tin tức khác đã dập tắt hoàn toàn nguồn hy vọng của chúng tôi: trong một trận oanh tạc nặng nề, cả 6 chiếc đều bị tiêu hủy. Tất cả lại trở về với số không.

Trong khi chờ đợi - một cách vô ích - sửa chữa phi cơ, chúng tôi phải giải quyết hai vấn đề khác do kế hoạch hành động đặt ra. Trước hết là vấn đề đáp gần mục tiêu. Vì gần như chắc chắn rằng không thể tìm đâu ra chỗ có thể chịu đựng được sức nặng của các con khủng long đó, chúng tôi dự tính dùng một phương cách khác: chiếc phi cơ 4 máy sẽ kéo một số máy lượn, loại này đáp ở đâu cũng được. Khốn thay, các máy lượn của chúng tôi chỉ chịu đựng được tốc độ tối đa 250 cây số/ giờ, trong khi đó tốc độ của phi cơ Mỹ trung bình là từ 350 đến 450 cây số/ giờ. Chính nhờ giáo sư Georgi, bạn thân của Hanna Reitsch, chúng tôi mới vượt qua được trở ngại này. Giáo sư đã chế tạo một loại máy lượn chịu được tốc độ đó và chở được 12 người với đầy đủ trang bị.

Vấn đề thứ hai, trầm trọng hơn, đó là việc đưa người của chúng tôi trở về. Thoạt nhìn, các cảm tử quân sau khi hoàn thành sứ mạng, chỉ có hai cách: hoặc là họ đầu hàng quân địch và chờ chiến tranh chấm dứt trong một trại tù binh, hoặc là tìm cách trở về phòng tuyến bạn, điều này có nghĩa là phải vượt hàng trăm cây số - ý định táo bạo quá nếu không nói là tuyệt vọng quá. Thế mà tôi vẫn tin rằng muốn cho họ hăng hái hơn, chiến đấu say sưa hơn, phải đảm bảo một sự may mắn được trở về. Làm sao cho họ sự may mắn đó? Lẽ tự nhiên ý tưởng của tôi là sẽ dùng phi cơ kéo các chiếc máy lượn mang theo quân cảm tử trở về.

Các kỹ sư hàng không bèn tìm cách giải quyết khó khăn này. Tại phi trường Ainring, họ đang thử nhiều cách giúp một phi cơ kéo một chiếc máy lượn chở nặng mà không cần đáp xuống đất. Sau nhiều lần thí nghiệm có cả tôi chứng kiến, chúng tôi thấy chỉ có một cách xếp đặt có thể áp dụng được: dây cáp của máy lượn sẽ trải dưới đất nhờ các cột sắp xếp theo hình bình hành, ở một đầu, dây sẽ treo trên một cột cao chừng ba thước. Một chiếc móc đặc biệt, do phi cơ bay là là và thả xuống, sẽ móc vào điểm này và kéo chiếc máy lượn lên cao.

Lần thí nghiệm đầu tiên, với loại máy lượn nhẹ, có kết quả khích lệ. Nhưng để áp dụng kỹ thuật đó với loại máy lượn to lớn nặng nề hơn, chúng tôi cần điều chỉnh lại. Nghĩa là cần thì giờ và xăng nhớt thêm, mà cả hai thứ, chúng tôi đều hoàn toàn thiếu hụt. Tình trạng này càng ngày càng nghiêm trọng đưa đến đồ vỡ hoàn toàn.

Tôi thường tự hỏi tại sao tại Đức, các cuộc thí nghiệm kiểu này chỉ được thực hiện vào phút chót, vào lúc nguy kịch nhất, khiến cho chúng tôi không còn đủ thì giờ hoàn thiện các sáng kiến và phương pháp mới được nữa. Hiện tại tôi vẫn chưa tìm được câu trả lời thoả đáng cho cái “quá chậm” tai hại mà tôi thường phải đương đầu trong những năm cuối cùng của cuộc chiến.

Bên cạnh đó, phe Đồng minh cũng thực hiện các cuộc thí nghiệm tương tự, tuy nhiên điểm khác biệt là luôn luôn họ đạt tới các kết quả thực dụng. Họ lại còn chứng tỏ hiệu năng của các phương pháp áp dụng trong vụ đưa nguyên cả một phi đoàn máy lượn hạ cánh sau phòng tuyến của chúng tôi tại Arnheim ngày 17 tháng 9 năm 1944 (1). Từ cuộc hành quân vĩ đại đó, tôi luôn luôn run sợ trước ý nghĩ Đồng minh có thể không vận hàng Sư đoàn cho đến ven thành phố Bá linh là nơi vẫn tập trung tất cả cơ quan lãnh đạo kể cả Tổng Hành Dinh của Fuhrer. Với một cuộc tấn công chớp nhoáng, các đơn vị này chắc chắn có thể chiếm toàn bộ cơ sở đầu não của quân lực Đức. Có lẽ chỉ vì các lý do chính trị mà Anh Mỹ chưa thực hiện một cuộc đổ bộ bằng đường hàng không như thế. Dầu sao, đối với quân cảm tử Anh và đối với cơ quan hành quân chiến lược của Thiếu tướng nổi danh William T. Donovan thuộc quân lực Mỹ, một chiến công như thế không phải là không thực hiện nổi. Một cuộc hành quân loại này dám đã có sẵn trong hồ sơ của Bá tước Mounbatten và ông “Wild Bill” cũng không chừng.

*

Như tôi đã nói trên đây, mặc dù tất cả các đề án to lớn của chúng tôi cuối cùng đều bị bỏ dở hết, tôi muốn trình bày vắn tắt vài đề án:

Từ lâu, chúng tôi mơ ước một chiến dịch phá hoại các ống dẫn dầu: khởi đi từ các giếng dầu ở Irak, hai đường ống dẫn chất lỏng quý báu đến các nhà máy lọc ở Haiffa và Tripoli nằm trên bờ biển Địa Trung Hải. Chúng tôi biết rằng các đồng chí Ả Rập của chúng tôi, đã đặt chất nổ liên tục phá các ống dẫn dầu này. Tuy nhiên việc tuyển mộ cảm tử quân Ả Rập quá mắc, mà năng suất lại không được bảo đảm. Một mặt các chỗ bị phá hoại được sửa chữa ngay, mặt khác, chúng tôi không kiểm soát nổi kết quả mà người Ả Rập cho là đã thực hiện được. Trái lại nếu phá hoại được nhiều địa điểm bơm dầu, chúng tôi mới hy vọng một sự ngưng trệ toàn diện việc cung cấp dầu nguyên chất trong vài tháng.

Từ hơn một năm nay, cơ sở kỹ thuật của tôi cố moi óc tìm cách giải quyết vấn đề này. Ngay từ năm 1943, các kỹ sư của chúng tôi nghĩ ra một loại mìn nổi được, có tỷ trọng bằng dầu hỏa. Trái mìn này được thả vào ống dẫn dầu bằng một lỗ hình quả trám do một chất nổ đặc biệt khoét thủng, và ống dẫn dầu được vá lại ngay. Theo ý tôi, các quả mìn loại đó có kích thước nhỏ bé quá, chỉ có thể phá hư một vài nắp an toàn là cùng, do đó tôi bác bỏ ý kiến này. Các chuyên viên khác lại đề nghị dùng bom phát nhiệt lượng để nung chảy một vài đoạn ống dẫn dầu đúng vào chỗ đất lồi sâu. Khốn thay, các cuộc thử đã không mang lại kết quả. Sau cùng, Không quân đề nghị dùng bom từ tính để phá huỷ nhiều đoạn ống dẫn dầu thật dài. Tuy nhiên kinh nghiệm của chúng tôi không bao giờ vượt quá giai đoạn nghiên cứu chuẩn bị.

Sau nhiều thất bại liên tiếp, chúng tôi chỉ còn một cách: chiến dịch cảm tử tấn công trạm bơm dầu. Các không ảnh cho thấy cạnh mỗi địa điểm có một phi trường nhỏ, dành cho máy bay của Đồng minh tuần tiểu không ngừng dọc theo các đường ống dẫn dầu, có chỗ đáp khi khẩn cấp. Bên cạnh đó một pháo đài nhỏ được dùng làm nơi trú ẩn cho nhân viên kỹ thuật khi bị một bộ lạc địa phương tấn công. Trạm bơm dầu đích danh, với các máy móc và động cơ Diesel thì ở cách đó hàng trăm thước. Nhờ các không ảnh, chúng tôi lập được kế hoạch khá chính xác:

Sáu phi cơ 4 máy đáp xuống phi trường. Hoả lực của đại bác và liên thanh trên phi cơ sẽ bắn che cho quân cảm tử cố vô hiệu hoá tiểu pháo đài, giúp cho tiểu đội phá hoại chạy nhanh đến phá huỷ trạm bơm dầu. Tất cả mọi chi tiết đều được dự trù trước. Chúng tôi còn nghĩ đến việc trang bị cho phi cơ một bộ phận đặc biệt, nhờ đó, khi đến gần phi đạo, có thể nhả cả dây trời ngăn không cho quân canh giữ kêu cứu

bằng các máy vô tuyến. Làm như vậy, chúng tôi tin rằng địch sẽ bị bất ngờ hoàn toàn. Dầu sao vẫn còn một yếu tố mà chúng tôi chưa biết: liệu các phi trường có đủ lớn để loại phi cơ bốn máy có thể đáp được? Các không ảnh chụp từ năm 1941 chỉ cho thấy một phi đạo ngắn, nhưng theo tin tình báo mới đây, chúng đều đã được nói rộng. Đành nào chúng tôi cũng sẵn sàng chấp nhận rủi ro này. Than ôi! - Mặc dù hết sức nỗ lực chuẩn bị, chúng tôi không có đủ máy bay có tầm hoạt động xa!

Một điểm yếu khác của phe Đồng minh là kinh Suez hay nói đúng hơn, một vài lối đi trên con kinh. Nếu kinh Suez bị phá hoại, các đoàn tàu đi Viễn Đông phải chạy vòng quanh mũi Hảo Vọng, mất thì giờ hơn. Chúng tôi đã huấn luyện các chiến sĩ bơi lội hay nói theo người Anh, các người nhái để sử dụng trong sứ mạng này. Thế nhưng, chúng tôi đã ở vào cuối năm 1944, ưu thế Không quân của Đồng minh trên biển Địa Trung Hải mạnh đến nỗi chúng tôi phải bỏ rơi kế hoạch dù chết điếng trong lòng. Một lần nữa, quá chậm mất rồi!

Một kế hoạch khác, cũng được soạn thảo tỉ mỉ, dự trù một cuộc tấn công vào khu vực dầu hỏa Bakou. Lẽ tất nhiên là không thể nào tấn công được các giếng dầu hay các nhà máy lọc dầu với một nhóm người nhỏ nhoi. Tuy nhiên, khi nghiên cứu kỹ cả khu vực, chúng tôi thấy có một vài điểm then chốt – vì các lý do dễ hiểu, tôi không nói rõ chi tiết được – mà nếu bị phá hủy, sẽ kéo theo sự giảm thiểu khổng lồ, gần như đình chỉ hoàn toàn công cuộc sản xuất. Lại một lần nữa, và luôn luôn cùng một lý do, chúng tôi phải bỏ dở kế hoạch.

Trái lại, một chiến dịch khác bị thất bại vào phút chót chỉ vì lòng ganh tị của một trong các tướng lĩnh của chúng tôi. Từ năm 1943, các đảng viên Cộng Sản Nam Tư đã quấy phá chúng tôi dữ dội đến nỗi Bộ Chỉ huy khu vực Ba Nhĩ Cán của chúng tôi hết sức lo ngại. Trong một vùng mà địa hình hoàn toàn thuận lợi cho hoạt động du kích qui mô, quân kháng chiến Nam Tư đã cầm chân nhiều đơn vị Đức và trong vô số các cuộc giao tranh, đã gây cho quân đội Đức những thiệt hại nặng nề. Nếu khám phá được Bản doanh của Tito, và nếu chiếm được nơi này, chúng tôi hy vọng có thể giảm thiểu đáng kể áp lực đè nặng trên quân đội Đức. Đó là đại khái nội dung sứ mạng mà Bộ Tư Lệnh tối cao Quân lực Đức giao phó cho tôi vào đầu năm 1944.

Rõ ràng là phía chúng tôi đã ước lượng sai giá trị của các toán quân mà Tito cho tập trung chung quanh Bản doanh của ông ta. Chúng tôi cũng hoàn toàn không biết gì về nơi ẩn náu và tất nhiên là người lãnh tụ kháng chiến phải nguy trang để đánh lạc hướng Bộ Tư Lệnh tối cao Quân lực Đức. Vậy thì thoát tiên chúng tôi phải tổ chức một thứ cơ quan tình báo với mục đích là tìm các chỉ dẫn chính xác về hai điểm nêu trên. Để được chắc ăn, mỗi khi một nhân viên điểm chỉ một vùng nào đó có thể là nơi đặt G. Q. G. của Tito, tôi ra lệnh tổ chức nhiều đường dây khác nhau để kiểm chứng lại nguồn tin. Chỉ khi nào có ba nguồn tin cùng báo cáo như nhau, chúng tôi mới mở cuộc hành quân thực sự. Chúng tôi không được phép bất cẩn: nếu vạn nhất bị thất bại, Tito sẽ được canh gác kỹ hơn và chúng tôi không thể nào bắt được ông ta nữa.

Để có thể tiếp xúc với các giới chức quân sự và Cảnh sát của chúng tôi tại Nam Tư, tháng 4 năm 1944 tôi mang theo một sĩ quan của đơn vị đi Belgrade. Sau hai ngày thảo luận kịch liệt, tôi dùng xe đi Agram. Tất cả mọi người đều khuyên tôi hủy bỏ chuyến đi này vì xe sẽ chạy ngang qua một vùng bị quân du kích xâm nhập. Tuy nhiên trong ngày không có chuyến phi cơ nào mà tôi thì lại được người ta chờ ở Agram sáng hôm sau. Mặc kệ - tôi cứ thử đi, tin tưởng vào tốc độ của chiếc xe Mercedès và ngôi sao bốn mạng thật tốt. Mặc dù vậy, để gọi là có hộ tống, tôi đem theo hai hạ sĩ quan do một tướng lĩnh cho mượn. Chúng tôi khởi hành lúc rạng đông. Đến trưa, chúng tôi dừng lại trong vùng núi Fruska Gora, nơi đây có một đơn vị của Đức đồn trú với nhiệm vụ giữ an ninh trong vùng. Trong khi ăn, viên sĩ quan trưởng đồn cho tôi biết vài tin tức thích thú:

- “Không có tuần nào là không đụng độ với quân du kích. Vả lại, không bao giờ có thể kết thúc các cuộc giao tranh được, bởi vì giữa hai cuộc chạm súng, quân du kích lại bình yên trở về làng và nông trại, dấu vũ khí vào một đồng rom và đóng vai trò một nông dân thường, trong nhiều ngày liên tiếp. Chuyện vui nhất liên quan đến nhu cầu cứu thương. Cho đến nay, chúng tôi không thể xin quý ông ở Belgrade một y sĩ. Chúng tôi đành phải gọi ông lang tây trong làng, mặc dù biết ông này cũng sẵn sóc cho cả quân du kích. Ông ta cũng không dấu điều đó, nếu từ chối, quân cộng sản sẽ bắt toàn gia đình ông ta ngay - điều này chẳng liên hệ gì đến chúng tôi. Phải nói ngay rằng chúng tôi rất bằng lòng về ông ta”.

Chúng tôi lại lên đường, ngang qua một vùng trù mật, rải rác nhiều nông trại thật đẹp. Mỗi lần thấy một nông dân cày bừa, tôi tự hỏi hấn dẫu súng ở đâu. Nhưng cuộc hành trình của tôi rất bình thường, chẳng ai bắn vào chúng tôi cả, con đường thật an ninh. Đến tối chúng tôi dừng lại trong một làng để hỏi một dân quê mua vài quả trứng. Lúc lên xe, chúng tôi thoáng thấy một vài người ăn mặc rách rưới có võ trang,

lảng vảng trong chợ. Tôi đã sẵn sàng đặt tay lên súng lục, nhưng khi xe tiến ngang qua họ, họ nhả răng cười và còn làm một vài cử chỉ như chào chúng tôi nữa! Một lát sau, Chỉ Huy trưởng đồn binh ở Brcka cho tôi biết là quân du kích đã chiếm trọn vùng và vì thế, rất nguy hiểm cho các xe Đức không được hộ tống. Tại Agram, không ai tin rằng chúng tôi đã đến bằng xe trên con đường này. Hình như từ nhiều tháng qua, chúng tôi là những người đầu tiên đã đến nơi một cách an toàn. Khi nghe kể lại vô số các cuộc tấn công vào các đoàn xe và khi xem bản đồ ghi chú các chỗ tập trung quân của các chiến khu Nam Tư, tôi mới sợ cho cuộc hành trình vừa qua. Cuối cùng, tôi không còn nghĩ ngợi đến điều đó nữa, bởi vì mọi chuyện đều êm xuôi. Có một điều chắc chắn là tôi đã thoát nạn, trong đường tơ kẽ tóc.

Một tháng sau, tất cả đều sẵn sàng. Những tin tức được phối kiểm và tái phối kiểm thận trọng, cho chúng tôi biết rằng Bản doanh lưu động của Tito sẽ đóng gần Dvar, tại miền tây Bosnie, trong vài tuần. Hiện nay, cần kết thúc công cuộc chuẩn bị để có thể tung ra cuộc hành quân mà chính tôi sẽ chỉ huy. Tôi cho Tham mưu trưởng là Đại úy Foelkersam đến Banka Luka, thủ phủ của vùng trên, để đặt liên lạc với vị Tướng lãnh Chỉ huy quân đội Đức tại Bosnie. Lúc trở về, Von Foelkersam kể lại rằng ông Tướng và các cộng sự viên thân cận của ông đã dành cho anh ta một cuộc tiếp xúc hồ hững xa cách, nêu không nói là lạnh lùng. Ngay lúc đó, tôi không chú ý đến sự kiện này; và chẳng, tôi có cần thiện cảm hay ác cảm mà quý ông đó dành cho tôi. Đối với tôi, chỉ có sự mạng là quan trọng.

Ấy thế mà vài ngày sau – lúc đó là cuối tháng 5 năm 1944 – trung tâm tình báo của tôi tại Agram gửi cho tôi một tin kinh ngạc: “Quân đoàn X sửa soạn một cuộc hành quân đánh Tổng Hành Dinh của Tito. Ngày J được ấn định là 2 tháng 6”. Sự kiện này đã giải thích thái độ câm nín của các sĩ quan. Họ chỉ nhìn tôi như là kẻ cạnh tranh đáng ghét và vì thế, họ dấu kín ý định. Trước hết, cung cách thiếu điệu nghệ này đã làm tôi nổi giận, nhất là khi nó quá lộ bạch: Tôi đã tình nguyện hợp tác với họ và sẵn sàng đặt dưới quyền chỉ huy của vị tướng lãnh. Nhưng tôi nuốt giận và cố gắng cứu vãn tình thế thật nhanh. Nếu nhân viên của tôi ở Agram mà biết được kế hoạch hành quân thì gần như chắc chắn rằng người của Tito cũng biết được kế hoạch ấy. Tôi gửi ngay một mật điện truyền thanh để lưu ý quý ông ở Bosnie. Lúc trở về Friedenthal, tôi còn nhận được thêm nhiều tin tức xác nhận quan điểm của tôi: chắc chắn cuộc hành quân dự liệu sẽ gặp thất bại. Tôi nhắc lại lời báo động, nhưng không có gì (đáng?) tiếc hơn là kẻ không muốn nghe. Tướng X đã không chịu huỷ bỏ cuộc hành quân của ông.

Đến ngày ấn định, một Tiểu đoàn dù thuộc đơn vị Waffen SS nhảy xuống một thung lũng thuộc vùng bị quân du kích kiểm soát hoàn toàn. Nhiều máy lượn đưa lực lượng tăng cường đến tham gia trận chiến. Sau một cuộc chiến đấu cam go và đẫm máu, quân du kích rút lui, bỏ lại ngôi làng và thung lũng. Khôn thay, những điều tiên liệu bi quan của tôi đã thể hiện: Tổ chim trống rỗng, con chim đã bay đi. Để xác nhận đúng là Tổng Hành Dinh, binh sĩ của chúng tôi chỉ tìm thấy hai sĩ quan liên lạc Anh mà Tito bỏ lại, có lẽ để rút khỏi họ. Trông một ngôi nhà, chúng tôi còn khám phá được một bộ quân phục Thống chế còn mới. Chắc Tito mới rời khỏi làng vài giờ trước để đến một địa điểm khác. Và thế cũng chưa hết – còn phải gọi các đơn vị bộ binh, bằng một cuộc điều quân khó khăn, đến giải tỏa quân nhảy dù bị vây trong thung lũng.

Như vậy, vì lòng ganh tị đê hèn của một sĩ quan khao khát được thăng thưởng mà một kế hoạch lớn, nếu thành công, sẽ có tầm ảnh hưởng đáng kể, phải chịu thảm bại – điều đáng tiếc hơn nữa là sự thất bại này đã làm giảm thiểu gần như hoàn toàn hy vọng bắt được Tito của chúng tôi. Sau đó, chúng tôi theo dõi được dấu vết Tổng Hành Dinh của Tito, di chuyển dọc theo bờ biển Adriatique và từ đó, đến đảo Vis, nơi mà ông ta thiết lập hẳn cơ sở chính quyền. Chúng tôi cũng có dự tính một cuộc tấn công chớp nhoáng đảo này – nhưng, một lần nữa các biến chuyển dồn dập đã vượt qua chúng tôi.

Cuộc chính biến

Trong khoảng thời gian này, cuộc đổ bộ của Đồng minh – tại Đức chúng tôi gọi là cuộc xâm lăng – đã bắt đầu. Vào rạng đông ngày 6 tháng 6 năm 1944, những đơn vị Anh Mỹ đầu tiên đặt chân được lên Normandie. Trong nhiều tuần lễ liền, tình hình không được rõ rệt, nhưng khi phòng tuyến Avranches bị chọc thủng, cán cân lực lượng nghiêng về phía Đồng minh. Ngày hôm đó, hầu hết dân Đức có lẽ nghĩ rằng chúng tôi sẽ bại trận. Về phần tôi, tôi chưa có cảm tưởng nào về kết quả chung cuộc, và nếu trước các thuộc viên tôi còn giữ tư thế chỉ huy trang trọng, tôi không tìm cách dấu niêm bì quan khi thảo luận với một vài người thân tín như Radl hay Đại úy Foelkersam.

Liệu tôi có cần rút ra từ sự linh cảm này, nếu không nói là sự chắc thật, các kết luận thực hành không? Thường thường tôi tự đặt vấn đề như vậy và luôn luôn đi đến cùng một kết quả: theo ý tôi, không phải tôi, không phải binh sĩ, mà cũng chẳng phải các sĩ quan – kể cả các tướng lãnh – là những người quyết định tiếp tục hay chấm dứt sự thù nghịch. Quyết định này phải được dành cho các Đại lãnh tụ chính trị và quân sự có cái nhìn toàn diện và có khả năng ảnh hưởng vào chiều hướng các biến cố lịch sử. Nếu các người ấy ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục chiến đấu, chúng tôi chỉ còn biết phải tuân hành.

Tôi lại còn biết rằng Tổng Hành Dinh của Fuhrer vẫn còn hy vọng, một mặt vào diễn biến thuận lợi của tình hình chính trị, và mặt khác vào sự hoàn thiện mau chóng các loại vũ khí bí mật – theo các tin tức mà tôi có được, các hy vọng đó không phải là không có căn cứ.

Tuy nhiên từ tháng 7 năm 1944, tình hình trở nên khẩn trương. Trong tuần lễ đầu tiên của tháng 6, một đợt tấn công kinh hồn của quân Nga đã làm cho gần như toàn diện phòng tuyến phía Đông bị tan rã. Có thể coi Lộ quân trung ương như không còn nữa. Hơn ba mươi Sư đoàn Đức bị bắt cầm tù. Tại hậu tuyến không ai hiểu làm sao mà một cuộc đầu hàng vĩ đại như thế lại có thể xảy ra được. Phải quy trách nhiệm vào Bộ Tư Lệnh tối cao hay là vào sự mệt mỏi chán nản của các đơn vị ở đây? Ở phía Tây, quân Đồng minh nhờ ưu thế vật chất tuyệt đối tiến như gió hướng về biên giới Đức. Chúng tôi chỉ còn cách nghiền chặt đôi hàm răng và chiến đấu đến cùng. Thành thật mà nói, chúng tôi chưa nghĩ rằng đó là điểm khởi đầu của sự bại trận chung cuộc.

Ngày 20 tháng 7 năm 1944, tôi sửa soạn đi Vienne để xem xét lại một vài chi tiết của kế hoạch bắt Tito. Và tin tức về một cuộc đảo chánh lật đổ Hitler bùng nổ như sấm động, may thay âm mưu đã thất bại. Tôi và các sĩ quan hết sức kinh hoàng.[1] Một chuyện như thế có thể xảy ra được sao? Phải chăng địch quân đã len lỏi vào được trong lòng Tổng Hành Dinh của Fuhrer rồi? Không bao giờ chúng tôi lại có ý nghĩ là chính một người Đức đã đặt quả bom đó. Dầu sao, vì Hitler vẫn còn sống nên tôi không thấy có lý do gì để trì hoãn cuộc hành trình.

Lúc 18 giờ, Radl và tôi đến nhà ga Anhalt. Chúng tôi lên toa xe dành riêng và chuẩn bị đi ngủ. Nhưng đến ga Lichterfelde, trạm dừng cuối cùng nằm bên trong khu vực Bá-linh, tôi nghe có ai gọi tên tôi: Thiếu tá Skorzeny! Thiếu tá Skorzeny! Trên sân ga, một sĩ quan chạy dọc theo con tàu và kêu réo luôn miệng. Tôi mở cửa sổ và ra hiệu, anh ta nhào tới, thở hổn hển.

- Thừa thiếu tá, ông phải trở lại lập tức. Lệnh thượng cấp... Cuộc mưu sát Fuhrer là khởi đầu cho một cuộc chính biến.

Tô vể không tin, tôi nhún vai:

- Coi, chuyện đó làm sao có được. Một số quý ông ấy điên mất rồi. Thật là điên rồ, nhưng mặc kệ... để tôi trở lại với anh. Radl cứ tiếp tục đến Vienne và bắt đầu các cuộc thương thảo. Ngày mai tôi cố đi theo.

Trong khi xe hơi đưa chúng tôi về trụ sở trung ương của Waffen SS, viên sĩ quan thông báo cho tôi những tin tức hết sức lờ mờ mà anh ta lượm lặt được. Quả nhiên là có âm mưu phản loạn do một nhóm sĩ quan cao cấp và tướng lãnh chủ xướng. Hình như một vài đơn vị thiết giáp đang tiến về Bá-linh; không ai biết rõ ý định của các cấp chỉ huy đơn vị. Tôi thì luôn luôn không tin vào những chuyện mà tôi cho là những tin đồn đại vô căn cứ. Các vị chỉ huy quân sự của chúng tôi lúc này còn có nhiều việc phải làm hơn là đi thông mưu đảo chánh.

Schellenberg, nay đã trở thành chỉ huy trưởng Lữ đoàn SS, tiếp tôi và thông báo cho tôi biết vài chi tiết. Theo ông, trung tâm lãnh đạo cuộc đảo chánh hình như đặt tại Bendlerstrasse nghĩa là trụ sở văn phòng

Tư lệnh Quân đội Nội địa.[2] Schellenberg mặt mày tái mét và có vẻ lo sợ thấy rõ. Trên bàn giấy tôi thấy một khẩu súng lục đặt trong tầm tay ông ta.

- Tình hình rất rối rắm và cực kỳ nguy hiểm, - ông giải thích. - Dầu sao, nếu họ đến được đây, tôi sẽ tự vệ. Tôi đã phân phối vũ khí cho thuộc viên rồi. Anh có thể gọi thật nhanh một đại đội của anh đến bảo vệ cơ sở được không?

Trong cơn kích động, tôi quên mất cả việc gọi cho đơn vị. May thay, liên lạc điện thoại vẫn còn hoàn toàn tốt. Tôi nói chuyện với Friedenthal được ngay và cho gọi Đại úy Foelkersam.

- Đặt tiểu đoàn trong tình trạng báo động ngay lập tức. Đại úy Fuc.ker nắm quyền chỉ huy và chờ các mệnh lệnh do chính tôi ban hành. Đưa ngay một Đại đội đến trụ sở SS trung ương, tôi đang ở đó. Chính anh và Chuẩn úy Ostafel tạm thời là tùy viên của tôi, lên xe ngay và chạy hết tốc lực đến đây trước.

Tôi gác máy và lại quay về phía Schellenberg:

- Theo ý tôi, ông nên giải giới các viên chức ở đây: Tôi cảm thấy sợ khi thấy các đảng thư lại của ông khoa chân múa tay với súng lục vừa được phát. Lúc mới đến tôi đã khó chịu với một chú thư ký rồi. Tôi đã cho nhốt hẳn trong hầm, như vậy hẳn hết đường gây rắc rối với món đồ chơi nguy hiểm. Dầu sao, nếu vạn nhất “họ” đến đây trước Đại đội của tôi, tốt hơn hết là ông nên thoát thân, bởi vì ông đâu có thể bắt họ tuân phục được bằng khẩu súng lục này?

Tôi để ông ta ở lại với các tư tưởng hắc ám, và bước ra đường. Tôi nóng nảy chờ Von Foelkersam và Ostafel, nửa giờ sau, họ xuất hiện giữa đám bụi mù mịt. Chắc họ phải chạy như bị ma đuổi. Vì vẫn chưa nhận được lệnh lạc gì cả, tôi quyết định đi một vòng xem chuyện gì đã xảy ra ở Bá-linh. Foelkersam ở lại trụ sở trung ương SS, tôi hứa thỉnh thoảng sẽ liên lạc bằng điện thoại để cho anh ta biết tin tức. Khốn khổ thay cho chúng tôi, vì vẫn chưa được trang bị loại máy liên lạc vô tuyến cầm tay gọi là “walkie-talkie” mà quân đội Mỹ đang sử dụng!

Nhảy lên một chiếc xe, trước hết tôi đến khu vực đặt trụ sở các Bộ, nơi đây có vẻ hoàn toàn yên tĩnh. Sau đó tôi đến công trường Fehrbellin, nơi đặt Bộ Tư Lệnh thiết giáp của Tướng Bolbrinker, người mà tôi có quen biết. Khu vực này ít có vẻ yên lành hơn, trên một đại lộ dẫn đến công trường, hai chiếc xe tăng khổng lồ đang án ngữ. Tôi chỉ cần nhô đầu ra khỏi xe là được đi qua liền. Chắc chắn cuộc hỗn loạn không có gì trầm trọng quá như Schellenberg tưởng. Tướng Bolbrinker tiếp tôi lập tức. Ông chẳng biết gì nhiều và hỏi ý kiến tôi nên làm gì. Do mệnh lệnh của Tư lệnh Quân đội Nội địa, ông ta mang các Đơn vị thiết giáp từ Wunsdorf về Bá-linh và tập trung quanh công trường Fehrbellin để có thể nắm vững lực lượng. Hiện tại ông ta đang chờ diễn biến.

- Vả chăng, - ông giải thích, - tôi quyết định từ đây chỉ thi hành lệnh của Thanh tra các Đơn vị thiết giáp, nghĩa là của chính Tướng Guderian. Không biết ông này có biết tin tức gì về cuộc âm mưu không. Anh xem, chẳng hạn người ta bắt tôi đưa các bộ phận thám sát đến tấn công vào doanh trại của Đơn vị Waffen SS. Anh nghĩ sao? Skorzeny?

- Coi, - tôi choáng váng trả lời, - chúng ta chưa ở trong tình trạng nội chiến mà. Tôi cho rằng nếu tuân theo một mệnh lệnh mơ hồ là thiếu thận trọng. Thưa đại tướng, nếu ông muốn, tôi sẽ đi một vòng cho đến doanh trại Lichterfelde để xem chuyện gì đã xảy ra. Từ đó tôi sẽ gọi điện thoại cho ông. Theo ý tôi, chúng ta phải có bốn phân giữ bình tĩnh.

Như trút được lo âu, Đại Tướng chấp thuận đề nghị của tôi và tôi lại lên đường. Tại Lichterfelde, trong doanh trại cũ của tôi, tất cả đều có vẻ yên tĩnh, mặc dù Tiểu đoàn trừ bị và các đơn vị khác đều được đặt trong tình trạng báo động. Tôi tiếp xúc một lát với viên Trung tá Chỉ huy các đơn vị đó và không ngớt yêu cầu ông tỏ ra khôn ngoan, nghĩa là chớ nên làm một hành động gì dù cho tình thế biến chuyển ra sao. Sau đó, tôi gọi Foelkersam và được biết Đại đội của tôi đã đến. Tôi ra lệnh giữ Đại đội lại trong sân cơ sở Trung ương SS.

Lúc đó tôi mới thử lượng định tình hình. Thật ra, tôi cũng chẳng hiểu thêm gì được nhiều. Rất có thể là Tướng Tư lệnh Quân đội Nội địa đã ra lệnh báo động vào buổi trưa. Nhưng sau đó, khắp nơi đều có sự do dự, nơi thì tuân lệnh, nơi khác lại phản lệnh, rõ rệt tình hình đã không ăn khớp với một kế hoạch toàn bộ nào đó. Dầu sao, theo tôi vụ này hình như không có vẻ trầm trọng lắm, chắc chắn tôi sẽ bị hổ to nếu coi sự việc quá quan trọng, bởi vì các đơn vị thiết giáp vẫn án binh bất động, và các đơn vị Waffen SS thì lại chưa nhận được mệnh lệnh nào. Tóm lại, mọi người đang tự hỏi ai đã nổi dậy và để chống lại ai. Tuy nhiên ngoài tính cách ấu trĩ, âm mưu này còn là một trọng tội, bởi vì lúc này đây ở phía Đông cũng như ở phía Tây, binh sĩ đang can đảm chiến đấu trong tuyệt vọng. Trong khi đang trầm ngâm với các ý tưởng không mấy vui vẻ đó, tôi chợt nhớ rằng Đại tướng Student hiện cũng đang ở Bá-linh. Tôi chạy nhanh đến Wannsee, một trong rất nhiều hồ bao quanh thành phố, Bộ Tư Lệnh đơn vị không vận đóng bên bờ hồ.

Các sĩ quan chẳng biết gì cả, họ cũng không nhận được mệnh lệnh nào. Tôi chỉ biết Đại Tướng đã về nhà, tại Lichterfelde. Tôi lại lên xe, mang theo sĩ quan tùy viên của Đại Tướng để làm thời, nhận lệnh từ Đại Tướng.

Lúc đó trời đã tối, đến 2 giờ đêm, chúng tôi đến biệt thự và trông thấy một khung cảnh thật thanh bình. Trên sân thượng, Đại Tướng khoác một chiếc áo ngủ dài, đang ngồi đọc cả núi hồ sơ dưới ánh đèn. Cạnh đó, phu nhân đang ngồi thêu. Tôi không ngăn được ý nghĩ là tình thế thật khôi hài: Nơi đây, một trong các lãnh tụ quân sự quan trọng của Bá-linh đang nghỉ ngơi yên lành trong một ghế mây thoải mái, trong khi những tướng lĩnh khác âm mưu đảo chánh.

Mặc dù rất ngạc nhiên khi thấy tôi đến thăm vào giờ quá trễ, Đại Tướng cũng tiếp tôi một cách thân ái: chắc chắn đây liên lạc được thiết lập giữa chúng tôi trong chiến dịch giải thoát Mussolini năm ngoái vẫn còn. Khi trình bày rằng đến vì “công vụ”, vợ ông kín đáo tránh đi nơi khác. Nhưng khi tôi bắt đầu thông báo những gì tôi thấy và biết, ông ngắt ngang lời tôi:

- Coi, Skorzeny, anh nói cái gì vậy! Đảo chánh – không, không thể có được.

Tôi khờ sở thuyết phục ông ta tin rằng tình thế nghiêm trọng. Sau cùng ông ta bằng lòng gởi cho tất cả các cấp Chỉ huy đơn vị nhảy dù một mệnh lệnh đại khái như sau: Báo động. Chỉ nhận lệnh của chính Đại Tướng Student mà thôi.

Đúng lúc đó, chuông điện thoại reo vang. Thống chế Goering gọi. Sau khi xác nhận báo cáo của tôi, Thống chế còn thêm vài chi tiết mới: có lẽ cuộc mưu sát Fuhrer là do một sĩ quan thuộc Bộ Tham Mưu Quân đội Nội địa thực hiện. Bendlerstrasse – nơi đặt Bộ Tham mưu đó – đã vội vàng loan báo cái chết của Fuhrer và cho áp dụng vài biện pháp khẩn trương. Goering xác định rằng lúc này chỉ có Bộ Tư Lệnh Tối cao của Lục quân mới có tư cách ra lệnh. Tôi nghe Đại Tướng nhắc lại các chỉ thị của Thống chế Goering: Bình tĩnh, yên tâm, bằng mọi giá cố tránh các biến chuyển có thể đưa đến nội chiến. Tôi đã hiểu, thừa Thống chế.

Hiện tại, ông Tướng không còn nghi ngờ các điểm tôi thuật lại nữa. Sau khi hứa giữ liên lạc với tôi và Đại Tướng Bolbrinker, ông lần lượt gọi các Tiểu đoàn và ra chỉ thị. Tôi xin phép cáo từ và trở về trụ sở SS Trung ương thật nhanh.

Trong cơ sở rộng mênh mông, tất cả yên tĩnh. Schellenberg chờ tôi trong văn phòng và yêu cầu cung cấp một đoàn hộ tống gồm một sĩ quan và mười binh sĩ. Ông vừa nhận được lệnh bắt ngay Đô đốc Canaris và lẽ tất nhiên, ông không thể đơn độc một mình thi hành một mệnh lệnh tế nhị như vậy. Vì chỉ có vòn vẹn 1 Đại đội nên tôi chỉ cho ông “mượn” một sĩ quan. Một giờ sau, Schellenberg trở về, cuộc bắt bớ đã không gây ra một biến cố nào. Qua điện thoại, tôi biết rằng các khu vực do đơn vị thiết giáp của Tướng Bolbrinker và do quân nhảy dù của Tướng Student chiếm đóng, vẫn được yên tĩnh – Thật ra, trên đường trở lại Friedenthal, tôi thấy cả Bá-linh đều yên tĩnh. Đột nhiên, Tổng Hành Dinh của Fuhrer cho gọi tôi.

- Lệnh cho Thiếu tá Skorzeny mang toàn lực lượng hiện có, đến Bendlerstrasse để hậu thuẫn cho hành động của Thiếu tá Remer, Đại đội trưởng Đại đội phòng vệ “Đại Đức Quốc” hiện đang bao vây Bộ này.

Vội vã, tôi tập hợp đại đội – đáng tiếc là tôi không cho gọi cả tiểu đoàn – và lên đường. Vào lúc gần nửa đêm, chúng tôi đến cửa chính của trụ sở. Hai xe lớn chặn đường chúng tôi: lúc xuống xe và một mình đi bộ đến, tôi thấy ngay giữa một toán quân xông xáo, viên chỉ huy SS Kaltenbrunner đang nói chuyện với một Tướng lãnh lục quân – Tướng Fromm, Tư lệnh Quân đội Nội địa. Tôi nghe ông này nói với Kaltenbrunner: “Tôi đi về nhà, các anh có thể kiểm tôi ở đây suốt đêm”, rồi ông lên xe chạy đi, vạch một lối cho đơn vị tôi đi qua. Tôi ngần ngại, khi thấy vị Tư lệnh Quân đội Nội địa lại bỏ về nhà trong giờ phút nghiêm trọng này. Tuy nhiên điều đó không đáng gì đến tôi.

Trước cổng vào Bộ, tôi gặp thiếu tá Remer. Tôi trình diện và được biết ông ta được lệnh cô lập hóa kín mít toàn thể khu công ốc. Sau khi đưa cả đại đội vào sân, tôi mang theo Đại úy Foelkersam và Chuẩn úy Ostafel, theo cầu thang tiến lên lầu. Trong hành lang tầng thứ nhứt, tôi gặp nhiều sĩ quan tay cầm súng lục. Người ta có cảm tưởng là đang ở trong một pháo đài ngay tiền tuyến. Trong văn phòng của Tướng Olbricht, tôi gặp một vài sĩ quan tham mưu quen biết từ lâu, họ cũng tự vũ trang và có vẻ rất khích động. Họ kể nhanh cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra: vào buổi chiều, họ thấy có một cái gì sai lạc trong lệnh báo động phát xuất từ một vài Sở. Tướng Fromm gần như hội họp liên miên, nhưng chỉ có một vài sĩ quan thân tín được dự họp. Vì quá sức ngạc nhiên và lo âu, phần lớn các sĩ quan tự vũ trang và đột nhập vào văn phòng của Tướng Fromm, đòi hỏi giải thích. Bị đặt vào trong tình thế khó xử, ông Tướng đành phải thú nhận một cuộc nổi dậy của quân đội đã bùng nổ, và nói thêm rằng ông đã được lệnh mở các cuộc điều tra sơ khởi các kẻ chịu trách nhiệm. Vài phút sau, Tướng Beck tự tử, trong khi đó, ba sĩ quan, trong đó có Đại tá Stauffenberg, Tham mưu trưởng của Tướng Fromm, bị Tòa án quân sự do một Tướng lãnh chủ tọa

xử tử hình. Cả ba đã bị một Tiểu đội Hạ sĩ quan xử bắn ngay trong sân cách đây nửa giờ. Mặt khác, trong hành lang tầng lầu thứ nhất, đã có vài loạt súng, nhưng không có gì quan trọng.

Những tin tức này đã đóng khung khá rõ rệt những gì tôi đã biết, nhưng vẫn không soi sáng thêm được tình hình. Những cố gắng liên lạc bằng điện thoại của tôi với Tổng Hành Dinh của Fuhrer đều vô ích, vậy tôi phải hành động theo sáng kiến. Trước hết tôi tìm cách lập lại yên tĩnh và trật tự trong tòa nhà khổng lồ này, nơi mà mọi người rõ ràng bị bối rối cực độ. Để đạt được mục tiêu đầu tiên đó, tôi cho triệu tập các sĩ quan quen biết và đề nghị với họ là hãy tiếp tục các công việc bỏ dở đang từ hồi chiều. Tôi nhắc nhở họ là chiến tranh đang tiếp diễn và tất cả mọi mặt trận đều cần lực lượng tăng cường, tiếp tế, tiếp liệu. Mọi người đồng ý với tôi và trở lại làm việc. Lát sau, một Đại Tá chợt nhớ ra rằng có vài quyết định liên quan đến việc tăng cường lực lượng phải do chính Tham mưu trưởng ký, mà Đại tá Stauffenberg lại vừa bị hành quyết. Tôi tuyên bố tạm gánh thêm trách nhiệm phụ đới này. Tuy nhiên có một điều làm tôi ngạc nhiên: phần lớn các lệnh báo động cho những người dự mưu ban hành đã bị hủy bỏ từ hồi nào.

Trước văn phòng Tướng Olbricht, tôi gặp hai nhân viên mật thám Gestapo. Vài giờ trước đó, Chỉ Huy trưởng cảnh sát đặc biệt đã phái họ đến bắt Bá tước Stauffenberg. Chưa kịp thi hành mệnh lệnh, họ đã bị các sĩ quan của Stauffenberg vừa từ Tổng Hành Dinh về, bắt nhốt vào trong một văn phòng. Càng ngày tôi càng không hiểu: hoặc giả cơ quan Gestapo vốn biết tin rất nhanh, đã bị vụ đảo chánh làm kinh ngạc quá, hoặc giả cơ quan này cho rằng nội vụ chẳng có gì là quan trọng. Nếu không phải như thế thì tại sao họ lại chỉ phái có hai trụ đến bắt tay đầu não của cả một cuộc âm mưu quân sự?

Hiện tại, tôi có thì giờ để bắt đầu lục soát bàn giấy của Bá tước Stauffenberg. Tất cả các học bản đều đã bị mở tung, hình như có kẻ nào vừa vào lục soát vội vã. Trên bàn giấy tôi tìm thấy hồ sơ kế hoạch “Walkyrie” nghĩa là các chi tiết sắp xếp cuộc báo động. Tôi nhận thấy Stauffenberg đã nguy trang ý định chính – chiếm thật nhanh các trung tâm đầu não tại Bá-linh và các cơ quan chỉ huy quân đội – dưới danh hiệu “Các biện pháp phản công trong trường hợp quân Đồng minh tấn công bằng quân nhảy dù”. Trong một học bản, tôi giật nảy mình vì khám phá được một bàn cờ, các quân cờ xếp theo số điểm của các hạt xúc xắc mà người chơi đổ được. Trên một bản đồ khu vực Đông Âu thật lớn, một đường vạch đậm, mà theo lời chú thích bên lề, biểu hiện cho trục tiền quân của một quân đoàn, thuộc lộ quân phía Nam, trong cuộc tiến đánh Nga xô – quân đoàn mà chính Stauffenberg làm Tham mưu trưởng. Nếu sự sử dụng vô vàn khổ đau và sự chiến đấu của hàng ngàn binh sĩ vào một trò chơi bắn thiu, tự nó đã có vẻ nông nổi, chương mất rồi, thì các lời phẩm bình tô điểm cho sự giải thích nguyên nhân, lại còn chứng tỏ một sự vô liêm sỉ, khiến cho tôi tự hỏi, với một tâm tánh như vậy, làm sao một sĩ quan cao cấp có thể phục vụ tổ quốc trong thời chiến được.

Một vài giờ sau, tất cả các bánh xe của guồng máy phức tạp đã hoạt động điều hòa trở lại. Tuy nhiên, một lần nữa, tôi điền đầu trước các quyết định mà tôi buộc phải lấy thay cho ba sĩ quan, quan trọng nhất của cơ quan này: Tướng Fromm, Olbricht và Đại tá Stauffenberg. Tôi xin nói chuyện với Tổng Hành Dinh không ngừng. Cuối cùng, cũng liên lạc được, tôi vội yêu cầu bổ nhiệm một vị tướng lãnh có thẩm quyền vào chức vụ Tham mưu trưởng Quân đội Nội địa. Tôi mong được giải nhiệm càng sớm càng tốt, nhưng lẽ tất nhiên người ta trả lời một cách mơ hồ, bảo đợi và tiếp tục đảm nhiệm công việc cho đến khi Fuhrer đề cử một người có khả năng. Cứ cách hai hay ba giờ, tôi lại gọi xin được thay thế, và lần nào cũng vậy, nhận được một câu trả lời tránh né. Rốt cuộc, đến sáng 22 tháng 7, nghĩa là sau 36 giờ, đích thân Himmler đến, có Tướng Juttner thuộc đơn vị Waffen SS tháp tùng. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông ta tuyên bố được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đội Nội địa. Chắc chắn Himmler là một trong những người thân tín của Fuhrer, nhưng ông ta không phải là quân nhân. Làm thế nào mà ông ta có thể chu toàn được nhiệm vụ trong khi cùng một lúc ông giữ nhiều chức vụ quan trọng hàng đầu? Lúc đó tôi mới chú ý đến Tướng Juttner, tư lệnh phó, ông này chắc hẳn rất bằng lòng với sự bổ nhiệm vì trong thực tế chính ông mới là người lãnh đạo thường trực của cơ quan. Nhưng tôi không có thì giờ để suy tư vẩn vơ. Sau khi cho tập họp các sĩ quan, Himmler làm một bài diễn thuyết bất ngờ, ông tuyên bố là âm mưu đảo chánh chỉ do một nhóm nhỏ hành động đơn độc. Liếc nhìn cử tọa im lặng, tôi nhận thấy tất cả có phản ứng như nhau: Sự đồng ý rõ rệt và sự khoan khoái thấy cơn bão tố đi qua mau. Có lẽ phần đông những người này, được đào tạo theo các truyền thống cứng rắn của tập thể sĩ quan nhà nghề, không còn muốn nghĩ đến âm mưu nổi loạn này nữa – hành động tội lỗi và tự đập tắt trong trứng nước.

Cuối cùng, tôi có thể nghĩ đến chuyện xả hơi một lúc, trở về Friedenthal, tôi vui mình trong chăn. Sau sáu tiếng đồng hồ, tôi thức dậy, tươi mát và khỏe khoắn, và tôi tìm cách tính sổ các biến chuyển. Đây là lần đầu tiên tôi thấy, trong quân lực và có lẽ trong lòng dân tộc Đức nữa, có những luồng tư tưởng mâu thuẫn, có tình trạng căng thẳng giữa các phe nhóm – cho đến nay, tôi không hề nghĩ đến sự kiện này. Đối

với tôi, sự ngạc nhiên trở nên khó nhọc nếu không nói là đau đớn. Niềm an ủi duy nhất đối với tôi là thấy âm mưu đảo chính bị tan rã mau lẹ, một phần vì căn bản của nó yếu quá, phần khác nhờ hành động sấm sét của các lực lượng quân đội khác. Về phần tôi, tôi sung sướng được biết rằng, nhờ thuộc về binh chủng thứ IV,[3] các đơn vị Waffen SS, tôi đã không can dự trực tiếp vào nội vụ.

Độc giả cho phép tôi mở một dấu ngoặc tại đây: sau 3 hay 4 năm, hôm nay khi nói đến “sự dẹp tan âm mưu đảo chánh ngày 20 tháng 7 năm 1944” rất có thể là các diễn biến không được mô tả trung thực. Tất cả những người tham dự trực tiếp vào tấn thâm kịch này đều xác nhận rằng những người chủ mưu, ngoại trừ Bá-tước Stauffenberg, đều tự động bỏ cuộc ngay khi cuộc mưu sát thất bại. Hay nói cho đúng hơn, từ lúc đó, họ không còn có thể tìm đâu ra lực lượng hành động, đến nỗi chỉ cần một nhóm nhỏ sĩ quan trung thành với chế độ, cũng đủ lật nhào toàn bộ lâu đài xây trên cát ấy. Có lẽ theo sự ước tính của các người dự mưu, cái chết của Adolf Hitler là yếu tố quyết định; vậy thì ngay lúc Fuhrer thoát chết một cách kỳ diệu, họ phải tính rằng chương trình của họ không còn thực hiện được nữa.

Suốt đời tôi, tôi sẽ nhớ mãi cơn cuồng nộ xâm chiếm tâm hồn tôi lúc vừa thức giấc sáng ngày 23 tháng 7: tôi phần nộ đối với những kẻ muốn đâm sau lưng dân tộc Đức và họ làm như thế đúng vào lúc dân tộc chiến đấu để sống còn sau bao nhiêu thử thách. Rồi khi tâm tư sáng suốt trở lại, tôi nhớ đến vài câu chuyện với các sĩ quan làm việc tại nhiều cơ sở khác nhau thuộc Bộ chiến tranh. Nhiều lần người đối thoại tuyên bố, với tất cả sự thẳng thắn tin được, rằng họ chống Hitler và chế độ Quốc xã. Tuy nhiên, tất cả những đối thủ của chế độ này không trừ một ai, đều là những người yêu nước, và trong khi tình hình đất nước lâm nguy, chắc chắn họ chỉ nghĩ tới Tổ quốc. Ngay lúc bấy giờ tôi đã tin rằng – và niềm tin đó vẫn không thay đổi – trong số những người dự mưu, chắc có một vài người công dân Đức tốt. Đáng tiếc thay, những người này lại chỉ đồng ý với nhau có một điểm: sự cần thiết phải tách rời Hitler khỏi guồng máy lãnh đạo quốc gia dù bằng cách làm cho ông tự nguyện hay bằng cách dùng sức mạnh bó buộc ông. Ngược lại, quan điểm của họ về chính sách phải theo sau khi chiếm quyền thì lại khác nhau, nhất là vấn đề tìm cách đạt được mau chóng một cuộc ngưng bắn vì tình hình quân sự đã trở nên tuyệt vọng. Một nhóm do Stauffenberg lãnh đạo chủ trương thương thuyết hòa bình riêng rẽ với Nga sô, nhóm kia muốn tìm cách thỏa hiệp với các cường quốc Tây phương. Thế mà nếu căn cứ vào một tin tức được Đài phát thanh của Anh loan đi ngày 25 tháng 7, thì cả hai nhóm đều đã không thăm dò trước chiều hướng lập trường phía đối nghịch, thật vậy, đài BBC tuyên bố rằng ngay cả một chính phủ mới của Đức – người Anh tin rằng Hitler đã chết – nếu muốn chấm dứt sự thù nghịch lập tức thì phải ngưng bắn cả với Anh-Mỹ lẫn Nga sô, và chỉ sau khi chấp nhận nguyên tắc ấn định tại Casablanca, nguyên tắc “đầu hàng vô điều kiện”. Ngày nay ta có thể tự hỏi các người âm mưu đảo chánh sau khi chiếm quyền, làm sao xoay sở trong một tình hình như thế.

Tóm lại, cuộc nổi loạn thất bại ngày 20 tháng 7 năm 1944 đã mang lại hậu quả: thứ nhất, cuộc mưu sát đã làm cho Hitler, lãnh tụ tối cao của Đức quốc, Tư Lệnh tối cao của Quân lực, trở nên tàn tạ cả về phương diện vật thể lẫn về phương diện tinh thần. Đành rằng các vết thương nơi ông không có gì nguy hiểm, tuy nhiên một người phải gánh trách nhiệm quá nặng, chịu đựng thương tích, dù là nhẹ, dở hơn người thường. Về phương diện tinh thần, không bao giờ ông có thể vượt qua được cơn kích xúc do sự khám phá đau đớn còn hơn là các vết thương trên da thịt nữa: Trong lòng quân đội, vậy là đã có một vài sĩ quan – biết đâu là vài nhóm nữa – có thể phản bội lãnh tụ và chính nghĩa. Mỗi nghi ngờ do linh tính hơn là do lý trí của ông, càng ngày càng bành trướng và trở thành một ám ảnh thật sự. Càng lúc, ông càng bị lôi cuốn vào các suy tư quá lạm, và những hành động bất công đối với cả những người không đáng bị đối với cả những người không đáng bị đối xử như vậy. Tôi lại còn biết rằng từ đó ông mắc luôn căn bệnh sợ hãi.

Hậu quả thứ hai của cuộc mưu sát cũng tiêu cực như trên: Từ đó, tất cả mọi thỏa hiệp với Đồng minh để đạt được một nền hòa bình mà không tiêu diệt chế độ, không còn có cơ hội thực hiện nữa. Lẽ dĩ nhiên, thái độ cứng rắn của đối phương nay lại cứng rắn thêm bởi vì họ có thể trông đợi vào sự chia rẽ làm suy yếu Đức quốc. Không nên quên rằng sự từ chối thỏa hiệp của Đồng minh không những chỉ áp dụng cho một nước Đức quốc xã và thuộc về Hitler, mà ngay cả những người kế tục Fuhrer nữa. Trong những điều kiện đó, Đức quốc không còn cách nào để tìm kiếm một nền hòa bình bình thường cả. Tất cả các ý định biểu hiện theo chiều hướng này đều bị Đồng minh gạt ngang với thái độ khinh miệt. Và điều này chắc chắn đã làm cho Hitler quyết định giữ vững lập trường và tỏ ra cứng rắn cho đến phút cuối cùng.

[1] Xem “Những trận đánh lịch sử của Hitler”, sách đã phát hành – Sông Kiên xuất bản.

[2] Quân đội có nhiệm vụ duy trì trật tự tại Đức quốc và tại các vùng bị sáp nhập – Tiệp Khắc, Ba Lan, Alsace, v.v.

[3] Ba binh chủng khác là: Lục quân (Wehrmacht), Hải quân (Kriegsmarine), Không quân (Luftwaffe) – Ghi chú của người dịch.

Đôi phó khắp nơi

Tình hình quân sự càng trầm trọng, lãnh vực hoạt động của tôi càng được nới rộng. Sau nhiều cuộc thảo luận gay go với Bộ Tham mưu thuộc Bộ Tư Lệnh Tối cao, tôi đạt được kết quả mong ước là bành trướng các đơn vị đặc biệt của tôi. Tiểu đoàn duy nhất mà tôi có trong tay cho đến nay, sẽ trở thành căn bản của một Lữ đoàn gồm sáu Tiểu đoàn, được thành lập phần đông nhờ 1.800 quân nhân tình nguyện thuộc Sư đoàn Brandebourg, đáp ứng lời kêu gọi của tôi. Mặt khác Fuhrer giao cho tôi chỉ huy luôn bộ phận thứ nhì của cơ quan tình báo quân đội (phá hoại và làm giảm tinh thần chiến đấu của địch).

Trong nhiều tuần lễ liền, chúng tôi phải làm việc tại Friedenthal như tù khổ sai: tổ chức lại, huấn luyện, chuẩn bị các chiến dịch mới. Bị bao vây tứ phía, Đức quốc càng ngày càng giống như một pháo đài vĩ đại: không những chúng tôi phải bảo vệ phòng tuyến, nhưng còn phải chặn đường tiến quân của địch bằng cách dự trù các cuộc phá hoại nội bộ địch. Vậy tôi phải tìm cách sử dụng các đơn vị đặc biệt của tôi để đóng góp vào nỗ lực khó khăn đó. Và cho đến hôm nay, khi nhìn lại quá khứ, có thể nói là chúng tôi đã tham dự các trận đánh thật đẹp.

Thật vậy, cuối mùa hè năm 1944, đội người nhái của chúng tôi cộng thêm với một phân đội thuộc lực lượng đặc biệt đã hoàn toàn thành công trong một công tác có thể làm cho họ hãnh diện. Các quân đoàn Anh-cát-lợi, dưới quyền chỉ huy của Thống chế Montgomery, vừa mới vượt qua Waal - một trong những nhánh sông chính thuộc lưu vực sông Rhin - và thiết lập chung quanh Nimègue một đầu cầu đe dọa cả phòng tuyến chúng tôi. Khốn thay, họ chiếm được cây cầu bắc ngang sông, nhờ đó các đoàn xe của họ dễ dàng chạy cho đến tuyến lửa. Vì lẽ người Anh đã cho bố trí chung quanh cây cầu một dàn D.C.A cực mạnh, các cuộc đánh phá bằng phi cơ chiến đấu oanh tạc của chúng tôi không có kết quả.

Được báo cho biết tình hình đó, tôi thảo luận với một số chuyên viên để sử dụng người nhái vào việc phá hủy cây cầu. Dầu cho là một sự phá hoại nhỏ cũng được coi như thành công, ít ra cũng giảm thiểu đáng kể áp lực địch trong vùng, tôi được biết rằng các chuyên viên hải quân đã sáng chế được một loại mìn thủy lôi để sử dụng trong trường hợp này. Loại khí giới này có hình dáng bằng một nửa quả thủy lôi có chỗ chứa không khí, có thể nổi trên mặt nước, nhờ đó rất dễ điều khiển. Theo kết quả của các lần thử đầu tiên, sức nổ cùng một lúc của hai trái mìn được đặt gần một cột cầu, đã làm di chuyển một khối nước vĩ đại mà không một thứ kiến trúc nào chịu đựng nổi.

Đầu cầu quân Anh dàn rộng cả về phía thượng lưu lẫn về phía hạ lưu sông Nimègue, mỗi bên chừng 7 cây số. Riêng vùng tả ngạn con sông thì đã hoàn toàn do địch chiếm đóng. Một đêm, đại úy Hellmer, người sẽ chỉ huy chiến dịch, một mình bơi một vòng thám sát. Nhờ các chân vịt bằng cao su, anh ta bơi thật nhanh mà không gây tiếng động nhiều. Một tấm lưới dày được trùm lên đầu để che bớt các mảng da trắng trên mặt, nhưng không làm cản trở sự quan sát. Được trang bị như thế xong, Hellmer cẩn thận bơi về phía chiếc cầu, chọn lựa trụ cầu sẽ bị giật sập và nghiên cứu thật kỹ. Làm thế nào mà khi đến giờ ấn định, mỗi người phải biết các động tác thi hành. Bên trên, các chiến xa Churchill chạy không ngừng ra tiền tuyến. Tiếng động ầm ĩ của động cơ và xích sắt sẽ tạo một yếu tố quan trọng cho sự thi hành công tác, chúng tôi có thể hy vọng các tiếng động đáng nghi từ dưới sông sẽ bị át đi. Và lại lính gác sẽ không nghĩ đến chuyện canh chừng mặt sông. Làm sao mà sự nguy hiểm có thể đến từ phía ấy khi quân Anh chiếm đóng toàn thể khu vực mấy cây số trên thượng lưu cũng như hạ lưu con sông? Im lặng, Hellmer tự để cho dòng nước đưa đi, qua mặt các vị trí canh gác của địch hai bên bờ và trở lại phòng tuyến bạn.

Vài ngày sau, cơ quan khí tượng hứa với chúng tôi một đêm tối trời đặc biệt, có thể có mưa nữa. Thời tiết lý tưởng cho một hoạt động như thế này. Đưa các quả mìn thủy lôi xuống nước là cả một công việc nặng nhọc, nhất là khi súng cối của quân Anh rót vài quả khá chính xác. Vài người tham dự chiến dịch của chúng tôi đã bị thương. Sau cùng mọi chuyện đều xong - Các khối mìn to lớn trôi gần bờ sông. Mười hai quân tình nguyện đã sẵn sàng, ôm các thủy lôi bên hông - cứ ba người một bên - biến dần trong đêm tối, do dòng nước đưa đi. Đột nhiên bóng của chiếc cầu vĩ đại hiện ra trong bóng tối. Toán cảm tử đã nghe tiếng xe, tiếng xích sắt của thiết giáp đi từ bên này qua bên kia. Và rồi thì họ đến dưới bụng cầu. Thật nhanh, họ đưa 2 quả mìn đến một cột chân cầu đã được chọn lựa, đặt bên phải một quả, bên trái một quả và mở nắp ngăn chứa không khí, trong khi một chuyên viên phát động ngòi nổ chậm. Hiện tại, hai quả mìn vô hại cho đến giờ ấn định mới trở thành nguy hiểm. Từ từ những điều gì mà không lộ chìm sâu

xuống sông nước dọc theo chân móng, trong khi đó các cảm tử dùng hết sức mình bơi ra xa. Năm phút sau một tiếng nổ kinh hồn xé toang bầu không khí. Các quả mìn tác động đúng mức, cột cầu gãy sụm, kéo theo phần chính giữa của bụng cầu. Lập tức hai bên bờ sông trở nên náo nhiệt. Quân Anh bắt đầu bắn, thoát tiên là bắn hú họa, dần dần với độ chính xác ghê rợn, bởi vì hiện tại, các tia sáng bình minh đầu tiên có thể giúp quân Anh nhìn thấy được đầu của quân cảm tử. Một loạt tiểu liên đã bắn trúng một người của chúng tôi. Các người khác bao quanh, che chở. Nhiều lần đạn đi ngay vào giữa đám người đang bơi, nhưng nhờ phép lạ, chỉ có hai người trúng đạn và lại rất nhẹ. Sau cùng tất cả nhóm đã trở về được phòng tuyến bên cách chừng 10 cây số phía hạ lưu. Một nhòai nhưng những con người rần rỏi đó cất bước trở về trại, mang theo ba đồng bạn bị thương.

Như vậy chiến dịch đã hoàn toàn thành công, nhưng từ đó, chắc chắn quân Anh sẽ canh gác kỹ và sự lặp lại một vô tảo bạo như thế nếu không phải là không thể làm được thì ít ra cũng rất khó khăn.

*

Vào đầu mùa thu 1944, tôi cùng với một trong các tiểu đoàn dưới quyền thực hiện một cuộc thực tập đặc biệt. Chúng tôi thỏa hiệp với viên Giám đốc một xưởng chế tạo vũ khí, nằm gần Friedenthal, rằng một ngày nào đó nhiều nhóm người sẽ xâm nhập vào và làm cho nhà máy tê liệt - Tóm lại đây là một trận giặc giả, bắt chước một cuộc tấn công của quân phá hoại địch.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, cuộc thực tập đã hoàn toàn thành công - tôi có thể nói là quá thành công. Vào khoảng 20 người xử dụng các thẻ căn cước giả lọt được vào các xưởng máy, và chỉ trong vòng 20 phút mà không bị ai chú ý, họ đặt được các khối chất nổ - lẽ dĩ nhiên là vật tượng trưng - vào những nơi quan trọng nhất, nhưng tâm thường nhất của cơ xưởng. Lẽ tất nhiên, cũng giống như tại các cơ xưởng làm việc cho hệ thống quốc phòng, một "phân đội bảo vệ" đã có mặt tại cơ xưởng từ lâu - tôi có cảm giác là phân đội này chẳng bảo vệ được gì cả. Ngày hôm sau, ban giám đốc làm một phúc trình thật dài gởi lên Bộ, và tôi nghĩ rằng các bộ phận bảo vệ cơ xưởng sản xuất vũ khí sẽ phải nhận các chỉ thị mới, nghiêm khắc hơn. Về phần tôi, kết quả của cuộc thực tập này đã cho tôi thấy một điều chắc chắn: đối thủ trực tiếp của chúng tôi, nghĩa là cơ sở tình báo Anh, đặc biệt là các cơ sở có nhiệm vụ phá hoại tại Đức, không phải là mạnh hơn chúng tôi, nếu không các cuộc phá hoại xưởng máy của chúng tôi sẽ xảy ra luôn luôn. Các phân đội bảo vệ không phải là các đơn vị có thể đập tan âm mưu phá hoại do một nhóm nhỏ những người cương quyết chủ trương.

*

Cũng trong thời kỳ đó, mặt trận miền Đông yêu cầu các đơn vị đặc biệt của tôi can thiệp. Cuối tháng tám, một điện văn khẩn cho gọi tôi về trình diện Tổng hành dinh của Fuhrer. Ngay khi vừa đến, Đại tướng Jodl giới thiệu tôi với hai sĩ quan Tham mưu của ông để hai ông này cho tôi biết lý do của lệnh triệu dụng.

Một thời gian ngắn, sau khi một đoạn trung tâm của phòng tuyến phía Đông sụp đổ vào tháng 6 năm 1944, một cảm tử quân thám sát - nghĩa là một trong các bộ phận mà sở phần gián điệp phải cho mỗi đơn vị - đã được một người Nga, vốn làm việc với chúng tôi ngay từ khi chiến tranh bắt đầu, sau lưng hậu tuyến địch, gởi cho một điện văn có nội dung như sau:

"Trong một khu rừng rộng lớn phía Bắc Minsk, có nhiều đơn vị của Đức ẩn nấp và cho đến nay họ chưa đầu hàng"

Nhiều quân nhân, sau khi đi lạc hàng tuần trong khu vực bị quân Nga chiếm đóng, lần mò trở về được phòng tuyến bạn, cũng đã xác nhận có nghe nói đến các đơn vị bị bao vây này. Sau khi gửi bức điện văn trên, điệp viên của chúng tôi đã vượt phòng tuyến tìm người lính cảm tử thám sát của chúng tôi để báo cáo bổ túc. Cứ như lời anh ta tuyên bố thì hiện có vào khoảng 2.000 người dưới quyền chỉ huy của một trung tá tên Scherhorn, đang ở trong một khu vực mà anh ta chỉ có thể chỉ ranh giới một cách mơ hồ. Ngay lập tức, người tiền sát viên cảm tử của chúng tôi cố gắng dùng máy liên lạc vô tuyến để liên lạc với toán quân thất lạc này, nhưng cho đến nay, mọi cố gắng đều vô hiệu. Vậy mà Bộ tư lệnh tối cao quyết định tính chuyện mò trăng đáy nước, bằng cách tìm và đưa toán quân của trung tá Scherhorn về phòng tuyến bạn. Lẽ tự nhiên, người ta đã nghĩ đến các đơn vị đặc biệt của tôi.

- Ông có sẵn sàng nhận lãnh nhiệm vụ không? - Hai sĩ quan tham mưu hỏi tôi.

Tôi trả lời thuận. Tôi biết các sĩ quan và quân nhân giỏi, thích hợp cho một sứ mạng tương tự - nghĩa là phần đông gồm người Baltes - sẽ rất sung sướng vì có cơ hội đi cứu đồng bạn hiện đang bị thất lạc giữa vùng Cộng sản chiếm đóng. Ngay đêm đó, tôi lại lên máy bay và ngay khi về đến Friedenthal, chúng tôi bắt tay ngay vào việc. Vài ngày sau, một kế hoạch hoàn thành lấy tên kế hoạch Braconnier. Rồi chúng tôi lo cho hằng hà sa số các chi tiết mà kế hoạch đã đặt ra. Kế hoạch dự trù thành lập bốn toán, mỗi toán có hai lính Đức và ba Nga xô. Họ được vũ trang bằng súng lục Nga, mang theo lương thực cho bốn tuần, mỗi

toán có một lều và đặc biệt, được trang bị một máy truyền tin xách tay. Điều rõ rệt hơn cả là người của chúng tôi phải giả trang thành lính Nga. Như vậy chúng tôi phải cung cấp cả giấy tờ, bằng lái xe v.v.. cần thiết. Ngay từ bây giờ, họ đã phải làm quen với thuốc lá Nga, và mỗi người phải có trong xách vài mẩu bánh mì đen phơi khô và loại đồ hộp của quân đội Nga, vừa đủ để khi cần chứng minh. Mọi người đều bị hớt tóc gần như trọc, theo kiểu quân đội Nga, và trong những ngày cuối trước khi khởi hành, họ sẽ phải từ bỏ việc tắm rửa, ngay cả việc cạo râu nữa.

Hai trong số các toán sẽ nhảy dù xuống một nơi nào đó phía Đông Minsk, gần giữa thành phố Borisow và Cervenj và sẽ đi về phía Tây để khám phá khu rừng mênh mông thuộc khu vực này. Trong trường hợp thất bại, không tìm được toán quân của Scherhorn, họ phải tìm cách trở lại phòng tuyến. Toán số 3 và số 4 sẽ được thả xuống giữa Dzesinsk và Witeja, họ sẽ đi về phía Minsk, tìm tòi trong khu vực bán nguyệt mà tâm điểm chính là thành phố Minsk. Họ cũng vậy, trong trường hợp các cuộc tìm kiếm không có kết quả, phải tìm cách trở về phòng tuyến của Đức.

Chúng tôi hoàn toàn có ý thức rằng kế hoạch này chỉ có thể được dùng làm nền tảng lý thuyết. Trong thực tế chúng tôi bắt buộc phải để cho mỗi toán tự do hành động tới một mức độ nào đó, vì lẽ chúng tôi không chỉ dẫn cho họ được điều gì chính xác cả, họ bị bắt buộc phải tin tưởng vào linh tính và hành động tùy theo tình hình. Chúng tôi hy vọng là nhờ máy truyền tin, chúng tôi có thể chuyển chỉ thị cho họ khi cần. Hiện tại, chúng tôi có ý định, ngay khi một toán của chúng tôi tìm được đoàn quân của Scherhorn, làm ngay một phi đạo có thể giúp cho phi cơ vận tải lên xuống mang dần dần các binh sĩ trở về.

Vào cuối tháng 8, toán thứ nhất do thượng sĩ P. chỉ huy, lên đường bằng một chiếc Henkel 111, của phi đoàn thứ 200. Chúng tôi bồn chồn nóng nảy chờ đợi phi cơ trở về, bởi vì vào thời kỳ đó, phi cơ phải bay sâu hơn 500 cây số vào vùng bị địch chiếm đóng trước khi đến địa điểm nhảy dù (lúc đó chiến tuyến chạy dọc theo con sông Vistule). Vì một chuyến bay như vậy chỉ có thể thực hiện vào lúc ban đêm, không có một phi cơ sẵn giắc nào theo hộ tống chiếc máy bay vận tải khổng lồ, chậm chạp đó, may thay trước lúc rạng đông, chúng tôi đã thấy phi cơ quay về. Ngay đêm đó, người lính tiền sát cảm tử của chúng tôi đã liên lạc vô tuyến được với bộ phận của thượng sĩ P.

- Đáp rất tồi tệ, - họ báo cáo. - Chúng tôi đang thử tập hợp lại. Chúng tôi ở ngay dưới hỏa lực của nhiều súng liên thanh....

Bức điện văn ngừng ngay lại ở đó, có lẽ họ phải chạy trốn, bỏ lại chiếc máy truyền tin. Đêm này qua đêm khác, hiệu thính viên của chúng tôi rình nghe từng âm hiệu nhỏ nhoi trong nồm nghe. Không có gì cả - không còn tin tức gì của phân đội do P. chỉ huy cả. Một sự khởi đầu không mấy tốt đẹp!

Đầu tháng 9, phân đội thứ hai, do thượng sĩ S. chỉ huy, cất cánh, bắt đầu chuyến phiêu lưu vĩ đại. Lúc trở về, viên phi công tuyên bố là họ đã nhảy đúng địa điểm và tất cả đều xuống đất an toàn. Tuy nhiên bốn ngày bốn đêm liền trôi qua mà chúng tôi không nhận được một điện văn nào. Chúng tôi đã nghĩ đến tình trạng bi đát nhất. Sự im lặng này chỉ có thể được giải thích bởi một tai nạn thảm. Sau cùng, vào đêm thứ 5, chiếc máy của chúng tôi trong khi không ngừng phát đi tín hiệu định trước, đã bắt được tín hiệu trả lời. Thoạt tiên là một khẩu, sau đó là một hiệu chứng tỏ người của chúng tôi nói một cách tự do (một sự cẩn thận cần biết: nếu không có một hiệu này, người đối thoại đang bị đối phương bắt nói dưới họng súng). Và rồi tin tức trọng đại đã đến. Đoàn quân của Scherhorn có thật, thượng sĩ S. đã thành công trong nhiệm vụ tìm kiếm nó! Đêm sau, chính trung tá Scherhorn diễn đạt lòng tri ân của ông đối với chúng tôi bằng vài chữ đơn giản nhưng đầy cảm động. Những nỗ lực, các âu lo của chúng tôi đã được tưởng thưởng đẹp để làm sao!

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau đó, phân đội thứ 3 lên đường do hạ sĩ quan M. chỉ huy. Không bao giờ chúng tôi còn có thể biết số phận của 5 người này nữa. Đêm lại đêm, chúng tôi điều chỉnh tần số theo máy của họ, gọi danh hiệu của phân đội... rồi hàng tuần trôi qua, rồi hàng tháng trôi qua vô ích, chúng tôi không nhận được câu trả lời nào hết. Phân đội M. đã biến mất trong nước Nga mênh mông.

Vẫn cách 24 giờ sau, chúng tôi đưa phân đội thứ 4 lên đường, do thượng sĩ R. chỉ huy. Trong bốn ngày đầu, R. gọi chúng tôi rất đều. Sau khi xuống đất, họ đi về phía Minsk. Họ không thể giữ mãi một hướng đi bởi vì họ phải tránh các đội quân cảnh Nga tuần tiễu. Thỉnh thoảng họ gặp các tên đào ngũ và bị coi là những người bạn đồng hành bất hạnh. Nói chung, thái độ của dân chúng trong phần đất Bạch Nga này có vẻ thân thiện. Đột nhiên, đến ngày thứ 5, liên lạc với phân đội R. bị gián đoạn. Chúng tôi chưa có thì giờ kịp chỉ dẫn địa điểm chính xác của đoàn quân do Scherhorn chỉ huy. Sự chờ đợi âu lo lại bắt đầu - rồi kéo dài, không chịu đựng nổi. Mỗi buổi sáng Foelkersam buồn bã báo cáo với tôi "không có tin tức gì về ba phân đội R., M. và P.". Cuối cùng, chừng ba tuần lễ sau, một đơn vị đồn trú đầu đó trong vùng biên giới

Lithuanie gửi cho chúng tôi qua điện thoại, một điện văn như sau: "Phân đội R. đã tìm đến tuyến phòng thủ của chúng tôi không thiếu một ai".

Lẽ dĩ nhiên, báo cáo của thượng sĩ R. làm cho mọi cơ sở tình báo của chúng tôi lưu tâm cao độ. Thật vậy, hiếm khi có trường hợp các quân nhân Đức gặp cơ hội đi ngang qua một vùng nằm sau phòng tuyến của Nga. R. rất đổi kinh ngạc khi thấy giới lãnh đạo Nga sơ áp dụng nguyên tắc chiến tranh toàn diện, bằng các phương thức tàn bạo như thế nào. Mọi lực lượng, sức mạnh đều được động viên, khi cần, gọi cả đàn bà và con nít nữa. Nếu thiếu phương tiện chuyên chở, thì chính dân chúng phải lặn các thùng xăng ra tiền tuyến qua hàng trăm cây số, rồi đứng thành hàng chuyển tay nhau các quả đạn súng cối cho đến các vị trí đặt súng. Rõ ràng không còn chối cãi gì được nữa, chúng tôi còn phải học hỏi người Nga nhiều điều.

Ngụy trang thành một Trung úy Hồng quân, Thượng sĩ R. đã táo bạo đến mức dám đi vào một câu lạc bộ sĩ quan để được mời ăn tối. Nhờ giỏi tiếng Nga, quan khách không ai nghi ngờ lý lịch của anh ta cả. Vài ngày sau anh ta trở lại phòng tuyến bạn mang theo toàn thể phân đội.

Hiện tại vấn đề đặt ra là thỏa mãn các nhu cầu cấp bách của đoàn quân Scherhorn, đơn vị đang bị thiếu hụt đủ thứ sau ba tháng trời bị cô lập. Trước hết Scherhorn yêu cầu gọi cho một bác sĩ, thuốc men, dụng cụ vệ sinh y tế. Viên bác sĩ đầu tiên nhảy dù xuống một cánh đồng tắm tối bị gãy luôn hai chân và vài hôm sau thì chết. Người y sĩ thay thế gặp nhiều may mắn hơn, ông nhảy xuống an toàn. Sau đó, chúng tôi gọi tiếp liệu gồm lương thực và đạn dược cho vũ khí nhẹ. Vì bị thiếu thốn từ lâu, tình trạng sức khỏe của binh sĩ tôi tệ đến nỗi, tạm thời, chưa thể ra lệnh cho Scherhorn lên đường được.

Cứ cách hai hay ba đêm, phi đoàn 200 lại phải nhiều máy bay mang tiếp liệu đến cho đoàn quân bị vây hãm. Khốn thay, việc thả dù không được chính xác lắm, thường các kiện hàng quý báu rơi vào nơi không đến được, hoặc lạc mất tiêu trong rừng già, và mỗi lần như vậy phải thả dù kiện hàng khác thay thế. Trong khi chờ đợi, tôi lập một kế hoạch cứu đoàn quân, cùng với các chuyên gia của phi đoàn. Chúng tôi dự trù làm một phi đạo gần nơi Scherhorn ẩn nấp. Sau đó, lợi dụng các đêm tối trời vào tháng mười để dùng phi cơ đưa các người bị bệnh, bị thương di tản trước, rồi mới đến các người khỏe mạnh.

Do đó chúng tôi gọi cho Scherhorn một chuyên viên để giúp ông ta xây dựng nhanh chóng một phi đạo tạm thời. Tuy nhiên công việc vừa mới khởi sự thì quân Nga đã biết, và rồi các cuộc tấn công không ngừng của địch đã làm cho việc thiết lập phi đạo không còn có thể thực hiện được nữa. Vậy chúng tôi phải tìm cách khác. Sau khi bàn với Scherhorn qua máy truyền tin, chúng tôi quyết định rằng đoàn quân của ông ta phải rời chỗ ẩn náu, đi về phía Bắc để đến một vùng rải rác có nhiều hồ cách đây chừng 250 cây số, gần biên giới cũ giữa Nga sơ và Lithuanie thuộc khu vực Dunaburg. Các hồ nói trên sẽ đông cứng vào đầu tháng 12. Ngay khi lớp băng vừa đủ dày, chúng tôi sẽ sử dụng như các phi đạo để phi cơ lên xuống.

Để giúp làm dễ dàng cho sự di chuyển cả một đoàn quân quan trọng như thế qua một vùng do địch chiếm đóng, Scherhorn chia thành hai toán, đi bộ theo hai hàng dọc. Hàng thứ nhất đi thẳng lên hướng Bắc do một đơn vị tiên sát hướng dẫn được Thượng Sĩ S. của chúng tôi chỉ huy. Hàng thứ hai, do chính Scherhorn chỉ huy, sẽ theo một con đường song song nhưng giữ hướng nam nhiều hơn. Hiện tại, phải đưa đến cho họ áo quần ấm và hàng trăm danh sách dụng cụ cần thiết. Nhân cho 2000, nhu cầu trở thành một số khổng lồ cần thả dù nhiều lần. Chúng tôi cũng gọi cho họ chín máy truyền tin mới và binh sĩ gốc Nga, để đề phòng trường hợp bị lạc đường, họ có thể giữ liên lạc với nhau và với chúng tôi.

Ngày 15 tháng 11 năm 1944, tất cả đều sẵn sàng và hai hàng người bắt đầu khởi hành, đi bộ, vì một vài chiếc xe đẩy kiểu Nga hiếm hoi phải được dùng để chở thương bệnh binh. Họ tiến tới quá chậm, khác xa với điều chúng tôi dự trù. Mỗi ngày trung bình đi được từ 8 đến 12 cây số. Nhiều lần Scherhorn phải cho xen kẽ vài ngày nghỉ ngơi, như thế mỗi tuần trung bình chỉ đi tới được chừng 40 cây số. Mặt khác, các điện văn phúc trình tới tập các cuộc đụng độ đẫm máu với các đội tuần tiễu của quân cảnh Nga, số thương vong càng ngày càng tăng. Dần dần, tất cả những người biết về nước Nga, trong số chúng tôi đều ngã lòng. Cơ may trở lại quê nhà của nhóm Scherhorn trở nên quá mong manh.

Nếu đường bay của các phi vụ tiếp tế có ngắn hơn thật, thì việc xác định địa điểm thả dù trở nên khó khăn hơn. Qua máy truyền tin, chúng tôi thỏa thuận một địa điểm trên bản đồ và đến ngày giờ định trước, sẽ được đánh dấu. Mặc dù cẩn thận đến như vậy, nhưng càng ngày số kiện hàng rơi vào tay quân cảnh Nga càng nhiều không đếm xuể. Nhưng đó không phải là mối lo âu lớn nhất của chúng tôi. Từ tuần này đến tuần khác, số lượng xăng cấp cho phi đoàn 200 giảm dần trong khi nhu cầu vẫn giữ nguyên. Thỉnh thoảng chúng tôi gỡ gạc được của cơ quan cấp xăng một cấp khoản đặc biệt bốn hoặc năm tấn và nhấn mạnh đến tính cách khẩn cấp của đồ cứu trợ cần phải gọi đi, nhưng mỗi lần có yêu cầu mới, các khó khăn gặp phải càng gia tăng. Mặc dù Scherhorn kêu gọi thâm thiết, chúng tôi phải bắt buộc giảm số phi vụ tiếp tế vốn đã

rất hạn chế rồi. Tôi tin rằng Scherhorn và binh sĩ của ông ta đang chiến đấu trong những điều kiện hẫng, chắc không thông cảm được các khó khăn của chúng tôi. Do đó tôi thử giữ vững tinh thần của họ, niềm tin của họ đối với ý chí của chúng tôi, ý chí giúp đỡ trong phạm vi phương tiện cơ hữu, bằng cách hàng ngày gửi cho họ các điện văn trong đó tôi cố tỏ vẻ lạc quan.

Đến tháng 2 năm 1945. Tôi chỉ huy một Sư đoàn ở mặt trận Miền Đông. Vừa đẩy lui các mặt tấn công điên cuồng của địch, tôi vừa cố gắng theo đuổi các “sứ mạng đặc biệt” của chúng tôi.

Những điện văn do Scherhorn gửi về đều đặn cho chúng tôi biết tình thế ngày càng tuyệt vọng. “Xin gửi thêm tiếp liệu... xin giúp đỡ chúng tôi... Đừng bỏ quên chúng tôi...” Chỉ có một tin vui duy nhất: Scherhorn vừa gặp được phân đội P., phân đội đầu tiên trong số bốn phân đội được gửi đi và bị coi như mất tính từ tháng 8. Nhưng ngoài sự kiện đó ra, đọc các điện văn ghi các cuộc đối thoại ban đêm, làm cho tôi đau đớn như bị tra tấn. Hiện tại, chúng tôi chỉ có thể gửi mỗi tuần một chuyến phi cơ mà thôi. Một chuyến bay khứ hồi dài 800 cây số. Khối lượng tiếp liệu có thể gửi đi cũng giảm dần. Ngày đêm, tôi moi óc nghĩ cách giúp đỡ những người không muốn ngưng chiến đấu đó. Nhưng làm sao đây?

Vào cuối tháng 2, cấp khoản xăng không còn nữa. Tôi không ngăn được cơn giận khi nghĩ đến khối lượng nhiên liệu khổng lồ mà địch quân xài phung phí trong khi tiến quân. Tại mỗi phi trường của khu vực Warthegau[1] mà quân Nga vừa mới chiếm, hàng trăm tấn xăng được dự trữ cho phi cơ.

Ngày 27 tháng 2, chuẩn úy S. gửi cho tôi điện văn sau:

- Đã đến, với bộ phận tiền sát, khu vực có nhiều hồ. Sẽ bị chết đói nếu không nhận được lương thực gấp. Các ông có thể đến kiểm chúng tôi không?

Rồi, vì làn sóng phát yếu dần đi, các lời kêu cứu càng cấp bách. Và chúng tôi bất lực. Sau cùng: S. năn nỉ cấp cho anh một chút xăng để có thể “sạc” lại bình điện cho máy truyền tin.

- Tôi chỉ còn xin có một điều... có thể giữ liên lạc với các anh... có thể được nghe các anh...

Sự suy sụp và nhiều khi là sự hỗn loạn trong các công sở lại tỏ ra mạnh hơn chúng tôi. Hiện tại đừng nghĩ đến việc tiếp tế cho những người khốn khổ đó nữa và nhất là việc tìm kiếm đưa họ trở về.

Tuy nhiên, các hiệu thính viên của tôi hàng đêm vẫn ngồi trước máy, ông nghe úp chặt vào tai, cứ như thế, mặc dù quân đội rút lui dần và nhiều khi rút lui hấp tấp. Đôi khi, họ lập được liên lạc với các đoàn quân của Scherhorn. Thỉnh thoảng chúng tôi còn nhận được lời kêu cứu tuyệt vọng – thế rồi từ ngày 8 tháng 5, không còn gì nữa, im lặng hoàn toàn. Scherhorn không trả lời nữa, chiến dịch Braconnier thất bại.

*

Vào cuối tháng tám, mặt trận Miền Đông lại sắp ghi nhận một tai họa khác. Liên quân Đức tại miền Nam – tại Bessarabie và Lỗ - ma - ni – hình như bị đợt tiến quân dũng mãnh như thủy triều của Nga xô nhận chìm. Theo các tin tức còn mơ hồ qua các thông cáo, chúng tôi lo âu theo dõi trên bản đồ, đà tiến quân liên tục của các Sư đoàn Nga xô qua lãnh thổ Lỗ - ma - ni. Trong sự tan rã đó, các thuộc địa lâu đời của Đức sẽ ra sao?

Vào đầu tháng 9, tôi được Tổng Hành Dinh của Fuhrer ra lệnh như sau:

- Thành lập ngay hai tiểu đội hoạt động vô giới hạn. Phi cơ cần để chuyên chở đã sẵn sàng. Nhiệm vụ của cảm tử quân là: nếu có thể, chặn ngang đèo Carpathes phía Nam, đẩy mạnh các điểm thám sát vào sâu trong vùng bị địch chiếm. Cản trở lưu thông của quân Nga, giúp đỡ tổ chức và đẩy mạnh công tác cứu thoát dân chúng gốc Đức.

Một lần nữa, chúng tôi lại được giao cho một nhiệm vụ, sau một quyết định vội vàng, vào phút chót, trong khi thông thường, sự thành công của hoạt động cảm tử lệ thuộc cốt yếu vào công tác chuẩn bị kỹ lưỡng và lâu dài. Mặc kệ - chúng tôi sẽ cố hết sức. Tôi nhận thấy Thiếu úy G. là sĩ quan thích hợp nhất để chỉ huy phân đội gồm có vài bộ phận xung kích, nhiều hạ sĩ quan công binh, và chừng mười quân nhân rành tiếng Lỗ-ma-ni. Chúng tôi vội vã kiểm dụng cụ cần thiết như điện, và rồi đơn bị lên đường đến nơi vô định. Danh từ này đúng nhất, phải dùng, vì lẽ tình hình quân sự biến chuyển hàng ngày. May thay, chúng tôi có ý tưởng là phái một chiếc phi cơ thám sát đến vùng do Tổng Hành Dinh chỉ định, nhờ đó đến phút chót chúng tôi biết rằng phi trường Temezvar, nơi mà toàn quân tôi sẽ đổ bộ, đã bị quân địch chiếm mất. Các phi cơ vận tải phải đáp ở một bãi đất phụ do quân đoàn Phleps xây dựng.

Ngay khi vừa đặt chân xuống đất, phân đội chia ra làm bốn toán chiến đấu và tiến đến đèo Carpathes thành công. Lúc đó, không thể nói đến phòng tuyến của Đức trong vùng này nữa: quân sĩ của chúng tôi đang chạy dài, phần chủ động ở nơi quân Nga với các đợt tiến quân vũ bão. Nhưng trong nhiều ngày, quân đội chúng tôi cũng làm chậm đà tiến của địch nhờ vài ngọn đèo của núi Carpathes, và giúp được nhiều nhóm dân chúng Đức – gồm đàn ông, đàn bà tuyệt vọng chạy trốn không ngừng. Chẳng mấy chốc,

quân cảm tử của chúng tôi cũng phải vừa đánh vừa lui. Thiếu úy G. và binh sĩ trong toán đã nguy trang thành lính Lỗ-ma-ni, và cùng với quân Nga vào Kronstadt. Họ còn lấy hoa cài cả lên nòng súng gọi là “đề mừng cuộc tiến quân thắng lợi của Hồng quân”. Tuy nhiên, cơ may đã đến với họ nay bỏ rơi họ, khi có len lỏi cho đến phòng tuyến chốt của quân Nga, họ bị phát giác. Quân Nga, sau khi dùng báng súng đánh ngất, lột hết quần áo và không cần xét xử gì cả, đem họ lên đỉnh đồi bắn bỏ. Đến phút chốt, Thiếu úy G. nhảy dựng lên và chạy trốn. Sau khi chạy hết sức qua nhiều cây số, chân mặt anh ta bị một viên đạn, khiến anh ta phải ẩn náu trong một đầm lầy. Đêm sau, anh trở về được phòng tuyến bạn mới được tái lập. Nhờ các điều anh quan sát được về sự chuyển quân của địch, quân Đức thành công vài ngày sau, trong việc cứu cả một Sư đoàn đang chiến đấu trong vùng Gyergyoti, khỏi bị vây hãm. Về phần ba phân đội kia, họ đã trở về sau khi bị tổn thất nhẹ, và cung cấp các tin tức quý báu liên quan đến quân số và ý đồ của quân Nga.

*

Chính các loại công tác kể trên đã làm tôi thích thú nhất. Thường thường, một nhóm người không quá đông, nhưng gồm toàn người cương quyết, có thể đạt được các kết quả không ngờ. Khốn nỗi, sự thành công của các đơn vị cảm tử chỉ như là một tia sáng mặt trời yếu ớt trong một bức tranh tối tăm ảm đạm. Một chi tiết do viên Hạ sĩ quan thuộc toán của Thiếu úy G. phúc trình đã cho tôi thấy một tia sáng buồn thảm trong một tình hình vốn đã khảm trương rồi: Tại Lỗ-ma-ni, bên kia dãy Carpathes, phân đội của anh gặp một đơn vị phòng không đông đến 2.000 người. Họ được trang bị đầy đủ và còn giữ nguyên vũ khí – loại tối tân – bắn nhanh – nhưng họ dừng lại trong một thung lũng nhỏ bên cạnh một con đường lớn và không biết làm gì, họ chờ đợi – nói tóm tắt, họ đầu hàng trước cả khi quân Nga đến nữa. Trong số 2.000 người chỉ có 300 là chịu theo phân đội của G. tìm về phòng tuyến. Những người khác ưa ở lại đó hơn – ngu ngốc, thụ động, tiêu cực, đến nỗi không có ý chí vạch một con đường đến khu vực còn ở trong tay quân bạn. Họ phải đầu hàng ngay với đội quân tiền sát của Nga – 1.700 người có trong tay một hỏa lực ghê gớm, nhưng lại không còn tinh thần chiến đấu nữa. Và câu chuyện thương tâm này xảy ra hàng chục hàng trăm lần tại mặt trận miền Đông. Liệu đã có thể kết luận rằng tinh thần quân Đức bị suy sụp, rằng quân Đức không còn tin vào chiến thắng cuối cùng, hay chưa? Hay đây chỉ là sự thể hiện “bệnh tinh thần phát cuồng của quân Nga” mà đôi khi người ta quan sát thấy trong các khu vực thuộc phòng tuyến miền Đông – nghĩa là một hiện tượng đặc biệt, do sự mệt nhọc quá sức, do tinh thần bị căng thẳng quá sức, gây ra? Lúc đó, tôi còn nồng nhiệt hy vọng rằng chỉ có vậy thôi.

[1] Khu vực giữa sông Oder và một trong các phụ lưu chính của nó, sông Warthe tại Tây Phổ - ghi chú của người dịch.

Ngày 10 tháng 9 năm 1944, trong khi tôi đang bận rộn tại Friedenthal, lo tổ chức lại các tiểu đoàn sao cho thuần nhất để có thể đảm trách bất cứ loại hoạt động nào, thì Tổng Hành Dinh của Fuhrer cho gọi tôi. Hiện tại “Hang sói” không còn cách xa phòng tuyến đầu bao nhiêu, mặt trận chỉ còn cách 10 cây số về phía Đông. Do đó cần phải thay đổi sắp xếp lại khu vực đặt Đại bản doanh. Người ta vừa hoàn thành một hầm ẩn núp chính – gọi là “Fuhrerbunker” – đó là một khối bê tông vĩ đại có vòm dày dày 7 thước. Vì không có một cửa sổ nào, người ta thiết trí một hệ thống thông hơi phức tạp, hoạt động rất kém khiến cho việc ở dưới hầm một ngày trở nên khó nhọc, vì lẽ bê tông chưa được khô hẳn, tỏa ra một mùi thật nhức đầu.

Ngược lại, dãy phòng trung ương được ưa thích hơn vì có nhiều ngõ rộng, nhiều phòng sáng sủa, trật tự. Đó chính là nơi hằng ngày từ 14 đến 22 giờ, các cuộc hội nghị quân sự được tổ chức, được gọi vắn tắt là “tình hình” trong đó các quyết định chủ yếu được thành hình. Ngay khi mới đến vào lúc 10 sáng, Đại Tướng Jodl cho biết là trong nhiều ngày liên tiếp tôi sẽ dự các cuộc thảo luận liên quan đến khu vực phía Nam của mặt trận Miền Đông. Bộ Tổng Tư Lệnh Tối Cao hình như muốn giao cho tôi một sứ mạng cực kỳ quan trọng trong khu vực này.

Mặc dù chỉ dự vào một phần hội nghị liên quan đến một phần mặt trận mà thôi, tôi cũng ý thức được mau lẹ mỗi âu lo của các giới chức quân sự cao cấp. Bộ “Tổng Tư Lệnh Tối Cao” trong thực tế chỉ lãnh đạo có mỗi Mặt trận Miền Đông, riêng các mặt trận khác, kể cả mặt trận Balkans thì do “Bộ Tham mưu hành quân của Lục quân” trực tiếp chỉ huy. Hơn nữa, hải và không quân cũng phải gởi sĩ quan tham mưu đến phúc trình hàng ngày. Bên trên các cơ cấu phức tạp đó, một mình Adolf Hitler biểu tượng cho cơ quan điều hợp, nhất là từ khi ông nắm quyền lãnh đạo tối cao tất cả quân lực.

Một gánh nặng đè bẹp, có lẽ là quá sức chịu đựng của con người ngay cả đối với một siêu nhân.

Được đưa vào dãy nhà chính ở Trung tâm, tôi vừa mới trình diện với các tướng lãnh và sĩ quan tham mưu, thì một mệnh lệnh ngắn làm chúng tôi cứng người đứng nghiêm tại chỗ, Fuhrer đi vào có Thống chế Keitel và Đại Tướng Jodl tháp tùng.

Thật là hãi hùng, nếu tôi không nói là kinh sợ, tôi nhìn thấy người này, thật khác xa với hình ảnh một người đã khắc sâu trong trí nhớ của tôi. Càng dễ sợ hơn nữa khi nhớ lại lần gặp gỡ sau cùng mới xảy ra mùa thu năm rồi – chưa được một năm. Tôi thấy tiến về phía trước một người mặt mũi vô biên, lưng còng, già khú, ngay cả giọng nói trầm ấm rung động ngày xưa nay cũng tỏ vẻ mệt mỏi. Liệu ông có hiểm độc như vẻ mặt biểu lộ? Bàn tay trái run dử dội đến nỗi ông phải lấy tay phải nắm chặt. Phải chăng đây là hậu quả của vụ mưu sát ngày 20 tháng 7? Hay là Fuhrer đã bị suy sụp dưới gánh nặng trách nhiệm kinh hồn mà ông chịu đựng trong nhiều năm qua? Tôi không thể ngăn mình tự hỏi ông già này làm cách nào tìm được năng lực cần thiết để hoàn thành trách nhiệm.

Adolf Hitler bắt tay vài sĩ quan đứng gần cửa, nói với tôi vài lời dịu dàng và yêu cầu được nghe báo cáo. Hai tốc ký viên đã ngồi vào đầu của chiếc bàn lớn đặt giữa phòng. Tất cả sĩ quan đều đứng, về phần Fuhrer, một chiếc ghế đầu được đặt sau bàn, nhưng thỉnh thoảng ông mới ngồi vài phút. Trước mặt (là?) vô số bút chì màu và kiếng đeo mắt của ông.

Đại tướng Jodl trình bày tình hình. Chúng tôi theo dõi dễ dàng các điểm giải thích trên một bản đồ mệnh mông phủ kín mặt bàn. Các con số sư đoàn, quân đoàn, trung đoàn thiết kỵ, được liệt kê không ngại. Chỗ này quân Nga tấn công nhưng đã bị đẩy lui. Chỗ kia họ đã chọc thủng được phòng tuyến và tạo một túi thật sâu, mà hiện nay ta đang cố phản công. Tôi thật ngỡ ngàng khi thấy Fuhrer thuộc lòng nhiều chi tiết quá – Số chiến xa có sẵn tại chỗ này hay chỗ nọ, số lượng xăng dự trữ, tầm quan trọng của lực lượng tăng cường v.v... Ông kể các con số mới, ra lệnh điều quân, căn cứ vào tấm bản đồ, cứ thế không ngừng. Tình hình rất trầm trọng. Hiện tại, ngoại trừ vài chỗ lồi lõm, mặt trận gần như chạy dài theo biên giới Hung-Gia-Lợi và Lỗ-Ma-Ni. Được kinh nghiệm báo trước, tôi tự đặt vài câu hỏi âu lo: liệu những sư đoàn vừa được nhắc nhở còn có thể chiến đấu được không? Hỏa lực, bãi đậu xe của họ ra sao? Có bao nhiêu chiến xa, súng ống đã bị phá hủy hay thất lạc từ khi gởi xong bản báo cáo mà hiện nay đang được đem ra làm căn bản thảo luận?

- Hôm nay không có quyết định nào thật quan trọng, - vài sĩ quan tham mưu thì thầm bên tai tôi.

Những lời nói đó nhắc nhở với tôi rằng tại đây, trên tột đỉnh của quân đội, người ta chỉ tính bằng đơn vị quân đoàn hoặc liên quân.

Khi đến phiên đại diện không quân thuyết trình, tôi nhận thấy có một cái gì sai lạc, thiếu sót. Fuhrer đứng ngay dậy và bằng giọng khô khan, yêu cầu viên sĩ quan giải thích chính xác hơn. Người ta nói rằng trước đây không quân rất được cưng chiều, nay thì điểm tình cảm bị sút giảm. Thật vậy, bài thuyết trình của viên sĩ quan tham mưu có vẻ vô vị, thiếu nhiệt thành. Một cử chỉ đột ngột, Fuhrer ngắt lời và quay lưng về phía viên sĩ quan. Đại Tướng Jodl đưa mắt ra dấu bảo tôi ra ngoài, bởi vì bây giờ người ta bắt đầu bàn luận đến tình hình các mặt trận khác.

Trong phòng kế bên, tôi bắt chuyện với một vài sĩ quan tham mưu trẻ. Vừa nhấm nháp ly rượu ngọt do các binh sĩ hầu cận mời, chúng tôi nói về Mặt trận Miền Đông. Tại Varsovie, quân đội bí mật của Ba-Lan vừa phát động cuộc nổi dậy: nhiều trận đánh đẫm máu xảy ra trong thành phố: càng về phía Nam, tình thế càng tệ hơn; tin tức về khu vực này thấy đều tai hại.

Chúng tôi không thể nói tất cả chuyện đó cho Fuhrer, một trong những sĩ quan nói với tôi. Chúng tôi phải tìm cách giải quyết êm đẹp tình trạng đó mà Fuhrer không biết.

Ba ngày sau, người ta quên bảo tôi ra ngoài khi cuộc thuyết trình về các mặt trận khác bắt đầu. Sĩ quan có trách nhiệm báo cáo không dám dấu tình trạng tệ hại tại khu vực này. Hitler vừa ngồi xuống đã nhảy chồm lên.

- Tại sao tôi không được báo cáo sớm hơn? - Ông ta vừa hét vừa ném thật mạnh các cây bút chì khiến chúng lăn long lóc và rơi xuống đất.

Bối rối, tất cả đều giữ im lặng, trong khi Fuhrer để cho cơn giận bùng nổ, lần lượt Đại Tướng Jodl, Bộ Tổng Tư Lệnh tối cao Không quân phải đón nhận. Phần tôi, tôi cố thu người lại thật nhỏ, ít ra là trong phạm vi có thể được. Tôi cảm thấy khó thở, muốn đi ra chỗ khác. Các người trách nhiệm phải chịu xát xà phòng trước một cử tọa đông đúc đến thế sao? Đột nhiên, Hitler trở lại bình tĩnh và quay về phía một Tướng lĩnh khác để đặt vài câu hỏi chính xác.

- Chúng ta còn quân trừ bị trong khu vực đó không? Liệu có thể đưa một tàu đạn được đến kịp không? Gần đó có đơn vị công binh nặng nào không?

Và đó là lúc bắt đầu công việc vá víu tạm bợ thật khó khăn và tế nhị. Bằng cách sử dụng tất cả lực lượng trừ bị, các biện pháp đầu tiên đã thành hình nhằm mục tiêu cứu vãn chỗ nguy cấp nhất, lần này dù hay dù dở, mọi chuyện lại được dàn xếp xong. Vào buổi chiều, tôi gặp nhiều sĩ quan quen biết từ lâu. Tất cả đều bi quan. Tin tức không có gì đáng vui, đó là sự thật. Một tia nắng mặt trời duy nhất chiếu trên quang cảnh hoang hôn ảm đạm này: Lúc đó, có phần chán nản, tôi thơ thẩn theo các lối đi trong vườn và đột ngột gặp Hanna Reitsch. Cô báo tin là vừa đưa Tướng Von Greim về Tổng Hành Dinh, đây là một trong các Tướng lĩnh Không quân chính yếu, cô cũng mời tôi đến thăm trại. Vào nửa đêm, sau bữa “tình hình tối”, tôi mò mẫm tìm đến doanh trại dành cho các quan khách đặc biệt. Trong một căn phòng rộng, một loại living room, Hanna giới thiệu tôi với Tướng Von Greim – khuôn mặt dịu dàng và dễ có cảm tình, nét mặt rảnh rẽ, mái tóc trắng như tuyết. Lập tức bỏ rơi các lời giáo đầu tầm thường, câu chuyện của chúng tôi hướng đến hai vấn đề mà có thể xem là cùng một bản chất: vấn đề Chiến tranh và vấn đề Không quân. Tôi ngỡ ngàng khi thấy trong giờ phút này mà ông Tướng còn chăm biếm đùa cợt được! Ông giải thích lý do được triệu dụng về G.Q.G: Fuhrer muốn cách chức Thống chế Goering và giao quyền chỉ huy Không quân cho Von Greim. Tuy nhiên Goering còn giữ quyền quản trị nhân sự, trong khi Von Greim đòi có toàn quyền. Hiện tại vấn đề còn đề đó, Hitler chưa quyết định gì cả. Với vẻ giận dữ đặc biệt, Von Greim chỉ trích Bộ Tham mưu Không quân kịch liệt, nhất là Goering.

- Không quân đã ngủ quên trên chiến thắng. Tôi đồng ý là rất xứng đáng trong những năm 1939-1940 nhưng Không quân đã không nghĩ đến ngày mai. Những lời tuyên bố của Goering: Không lực của chúng ta là vô địch, nhanh nhất, can đảm nhất thế giới – những câu nói đó không đủ mang lại chiến thắng sau cùng, - Von Greim nói một cách chua chát.

Và rồi ông mô tả một bức tranh bi quan của tình hình không quân Đức. Hiện nay tôi không nhớ được hết các chi tiết, tôi chỉ còn nhớ rằng ông Tướng nhìn thấy một tia hy vọng, có thể nói là hy vọng độc nhất: các phi cơ sẵn giặc phản lực sắp được đem ra sử dụng. Rất có thể nhờ loại máy bay này chúng tôi đẩy lui được các cuộc oanh tạc không ngừng của Đồng minh và tái chiếm ưu thế không quân, ít ra cũng trong một vài khu vực. Nhưng tôi tự hỏi liệu với một chút thiện chí, người ta có cung cấp kịp thời cho phi công chúng tôi các loại máy bay đó không. Tôi biết là cuộc nghiên cứu loại phi cơ này đã hoàn tất năm 1942. Liệu trong lịch sử cuộc chiến tranh này, một lần nữa lại có một chương trong vô số chương mang danh “quá chậm” nữa hay không.

Tôi hành động tại Hung-Gia-Lợi

Ba hôm sau, khi hội nghị “tình hình” buổi tối chấm dứt, Fuhrer ra hiệu cho tôi ở lại. Ông cũng giữ lại thống chế Keitel, Đại Tướng Jodl, Ribbentrop và Himmler (đặc biệt hiện diện hôm đó). Chúng tôi ngồi vào các ghế bành chung quanh chiếc bàn nhỏ và Adolf Hitler tóm lược tình hình khu vực Đông Nam trong vài câu. Mặt trận vừa mới được ổn định dọc biên giới Hung – gia – lợi phải được giữ vững bằng mọi giá, bởi vì trong khu vực mênh mông của tuyến phòng thủ này có một triệu quân Đức mà số phận của họ sẽ là bị bắt làm tù binh tất cả, nếu phòng tuyến tan vỡ.

- Thế mà, - Fuhrer nói tiếp, - chúng ta vừa nhận được các báo cáo mật cho biết Nhiếp chính vương Hung – gia – lợi, Đô đốc Horthy, đang cố tiếp xúc với địch để thương thảo một nền hòa bình riêng rẽ. Các cuộc hội đàm này, một khi kết thúc, sẽ có nghĩa là đạo quân của chúng ta bị xóa bỏ. Horthy không những chỉ muốn ký kết với các cường quốc Tây phương mà còn chấp nhận đầu hàng toàn diện trước Nga sô nữa. “Thiếu tá Skorzeny, anh phải chuẩn bị để chiếm đóng Mont du Château (Burgberg) tại Budapest. Anh sẽ phát động chiến dịch ngay khi chúng tôi được báo cáo rằng viên Nhiếp chính phản lại chúng ta, nghĩa là khiếm khuyết trong sự thi hành nghĩa vụ qui định trong hiệp ước liên minh với Đức quốc. Bộ Tổng Tham Mưu đã nghĩ đến một cuộc tấn công bằng lực lượng nhảy dù hay có thể là cho hạ cánh nhiều phi cơ ngay trên đỉnh đồi. Trong công tác này anh được đặt dưới quyền chỉ huy của Tư Lệnh lực lượng Đức tại Budapest, Tướng N. Nhưng anh phải chuẩn bị ngay từ bây giờ, bởi vì Bộ Tham Mưu của Tướng N. đang còn được tổ chức. Để giúp anh vượt qua các khó khăn, tôi sẽ ký một lệnh viết cho anh nhiều thẩm quyền rộng rãi.

Rồi thì Đại tướng Jodl đọc cho tôi danh sách các đơn vị được đặt dưới quyền sử dụng của tôi: Một tiểu đoàn dù của Không quân, tiểu đoàn dù 600 của binh chủng Waffen SS, một tiểu đoàn bộ binh cơ giới gồm sinh viên Trường Sĩ quan Wiener Neustadt. Ngoài ra, hai phi đội máy lượn vận tải cũng sẽ được đưa đến Vienne để đặt dưới quyền chỉ huy của tôi.

- Trong suốt thời gian chiến dịch, anh cũng còn được cấp một phi cơ thuộc phi đội biệt phái cho Tổng Hành Dinh của Fuhrer, để sử dụng trong khi anh cần di chuyển, - Jodl kết luận.

Trong vài phút, Hitler còn bàn luận với Ribbentrop về các báo cáo do Đại sứ quán Đức tại Budapest gửi về. Theo các điện văn đó thì tình hình được coi như rất căng thẳng, chính quyền Hung – gia – lợi công khai muốn bỏ khỏi Trục. Rồi Fuhrer ký sự vụ lệnh, đưa cho tôi, và nói thêm:

- Tôi tin tưởng ở anh và các quân nhân thuộc quyền.

Sau đó, ông rút lui. Một lúc sau, những người khác cũng cáo biệt, để tôi ở lại một mình. Khi đọc thoáng qua các tài liệu, tôi bị sững sốt về các phương tiện hành động vô giới hạn giành cho tôi. Trên một tờ giấy lớn khổ “văn kiện Quốc gia”, bên góc trái phía trên có in nổi hình con ó và dấu chữ Vạn quốc xã, mạ vàng, và dưới đó, dòng chữ kiểu Gô – tích : Fuhrer, Tể tướng Đức Quốc Xã, tôi đọc thấy :

"Thiếu tá trừ bị Otto Skorzeny được chính tôi giao phó thi hành một mệnh lệnh riêng, mật và tối quan trọng. Tôi yêu cầu tất cả các cơ quan quân sự và dân chính triệt để giúp đỡ và tuân hành ý muốn của đương sự".

Dưới các dòng chữ đó, là chữ ký từ bàn tay run rẩy của nhà lãnh tụ Đức Quốc xã. Trong thoáng chốc, tôi nghĩ rằng với tờ không chỉ tương tự, tôi có thể, do tính thay đổi thất thường làm cho toàn diện chế độ lật nhào. Và tôi quyết định sử dụng văn kiện này rất hạn chế. Thật vậy, tôi vẫn khinh lối tuân phục mù quáng của các công sở khi trông thấy một "lệnh thượng cấp" được trình ra. Tôi thích dựa trên sự cảm thông và sự hợp tác tự nhiên của những người mà tôi sẽ nhờ cậy.

Hiện tại, đã 2 giờ sáng rồi, tuy nhiên tôi muốn thực hiện vài công tác trước khi đi ngủ. May thay, hai ngày trước, tôi đã cẩn thận đánh điện đặt một trong các Lữ đoàn của tôi, tiểu đoàn khinh binh 502 cũ, trong tình trạng báo động.

- Alô, Foelkersam. Tôi vừa được giao phó nhiệm vụ quan trọng. Hãy ghi nhận : Đại đội đầu tiên được tăng cường bằng một vài trung đội chọn lọc, có mặt tại phi trường Gatow đúng 8 giờ sáng mai. Tăng cường gấp ba lần tiếp liệu và đạn dược thường lệ, thêm vào đó trang bị hoàn toàn cho bốn trung đội chuyên về chất nổ. Phân phát cho mỗi người sáu ngày lương thực. Đặt Đại đội dưới quyền chỉ huy của Trung úy Hunke, sĩ quan chỉ huy phi đội vận tải đã biết nơi đến. Phần tôi, cũng đúng 8 giờ ngày mai, tôi

sẽ bay về và đến phi trường của nhà máy Henkel gần Oranienbourg lúc 10 giờ. Hãy đến đó gặp tôi, đến trưa, chúng ta sẽ khởi hành, anh, Ostafed, Radl và tôi. Có gì cần hỏi lại không? Tốt – sẽ gặp lại.

Sau vài giờ nghỉ ngơi, tôi bay về trên một chiếc Henkel 111. Vừa ngắm cảnh, tôi vừa suy nghĩ hậu quả không tránh được của việc Hung – gia – lợi trở cờ. Trong canh bạc, vốn liếng mà tôi phải bảo vệ quá lớn: cả một đạo quân – một triệu người – mà tình trạng rất bấp bênh – phải nói là tuyệt vọng – nếu các sư đoàn Hung – gia – lợi buông vũ khí, hay tệ hơn nữa, ngã theo phe địch. Và nếu như vậy, chúng tôi mất luôn Budapest, giao điểm của tất cả các ngõ giao thông của chúng tôi ... tại hại không thể tưởng tượng được. Miễn là tôi hành động đúng lúc!

Đột nhiên, tôi nghĩ đến các máy lượn mà Fuhrer đặt dưới quyền sử dụng của tôi. Có cả hai tiểu đoàn dù nữa. Trong thực tế - làm sao mà quý ông trong Bộ Tổng Tham Mưu lại có thể tưởng tượng đến việc dùng quân nhảy dù đánh Mont du Château mà lại không nói gì đến kế hoạch hạ cánh các phi cơ xuống đỉnh đồi! Tôi biết Budapest rất rõ, địa điểm duy nhất có thể bắt đắ dĩ đổ quân dù, là một cánh đồng lớn không hiểu sao lại có tên "cánh đồng máu". Thế nhưng, nếu người Hung phản bội, chúng tôi sẽ lâm nguy, trước khi kịp tập hợp thì đã hứng trọn hỏa lực tập trung từ trên đồi kể đó và từ các ngôi nhà trước bãi đáp quét sạch. Tuy nhiên cũng rất có thể là một vài đơn vị xung kích đổ bộ xuống được ... vậy đến lúc đó hẳn biết.

Đúng giờ đã định, tôi đến Oranienbourg và gặp Foelkersam đang đợi đó. Anh ta báo cáo đại đội đầu tiên đã lên đường đi Vienne, địa điểm hẹn gặp của tất cả các đơn vị do tôi chỉ huy. Chúng tôi lái xe như bay về Friedenthal, để lấy vật dụng cần thiết, rồi có thêm Radl và Ostafed, chúng tôi bay đến thủ đô Áo quốc. Trong sổ hành lý chúng tôi có mang theo một thùng mìn, kiểu mới được phòng thí nghiệm quân đội sáng chế. Số lượng hành lý của chúng tôi không có gì công kênh lắm nếu dùng nghĩ đến việc có thể gặp một phi cơ địch – chuyện này rất có thể bởi vì phi cơ săn giặc Đồng minh đã có mặt thường xuyên trên không phận Đức quốc rồi – chỉ một viên đạn trúng thùng mìn, tất cả sẽ nổ tung! Thật ra, vì quá bận rộn với kế hoạch, chúng tôi cũng không nghĩ đến điều đó nữa. Tất cả chúng tôi đều đồng ý là phải cơ giới hóa tất cả các đơn vị. Viễn cảnh đấu khẩu với các cơ quan cấp xe lại xuất hiện. Chúng tôi biết việc tìm kiếm xe cộ lúc này có kết quả đến mức nào. Mặt trận Miền Đông và cả Miền Tây nữa, đã hủy diệt biết bao nhiêu là xe cộ đến nỗi không một cơ xưởng nào đủ lớn nhất hoàn vũ, có thể sản xuất kịp để trám vào chỗ trống.

Tuy vậy, tại Vienne, chúng tôi chỉ mất có ba ngày là san bằng được hết mọi trở ngại. Tại Wiener Neustadt tôi đã duyệt qua tiểu đoàn bộ binh gồm 1.000 chuẩn úy – một sự chọn lựa tuyệt vời gồm toàn các thanh niên khỏe mạnh có tinh thần chiến đấu đáng chú ý đặc biệt. Tiểu đoàn dù của không quân đã đến Vienne, cùng lúc đó tiểu đoàn dù SS cũng đã từ mặt trận miền Đông trở về. Đơn vị trước ở trong tình trạng tốt đẹp, các sĩ quan đầy phong độ, trong khi quân dù SS, có vẻ bê bối hơn, tiếp theo sau các trận đụng độ gay go từ nhiều tuần lễ trước. Và lại, đây cũng chính là tiểu đoàn đã tham dự vào cuộc hành quân bắt Tito vào tháng 6 năm 1944.

Ngay sau khi giải quyết xong các vấn đề do sự cơ giới hóa và trang cụ cho các đơn vị, tôi khởi hành đi Budapest, có Radl tháp tùng. Thật vậy, đây là lúc tôi cần phải biết tại chỗ, diễn biến của tình hình. Sử dụng một thông hành mang tên "bác sĩ Wolff", mặc một bộ thường phục cắt thật đẹp, tôi đến thủ đô Hung – gia – lợi và tìm đến nhà một nhân vật M.X. nào đó mà một người bạn chung đã ân cần giới thiệu với tôi. Ông này đã tiếp đón tôi vô cùng vồn vã và tỏ ra hiếu khách với truyền thống tốt đẹp của dân Magyare (1). Thậm chí ông còn dọn đi ở chỗ khác để tôi được hoàn toàn tự do sử dụng nhà ông kể cả người bồi phòng và bà đầu bếp. Tôi phải hồ thẹn nhìn nhận rằng suốt đời tôi, thời gian sống sung sướng nhất là tuần lễ đó – và là ba tuần lễ sống sung sướng trong năm thứ năm của cuộc chiến! Ông chủ nhà còn rất phật ý nếu tôi ăn uống khiêm nhượng quá.

Giữa lúc đó, cấp chỉ huy trực tiếp của tôi, Tướng N. cũng đã đến Budapest. Trước hết, ông ráng lập một Bộ Tham mưu có khả năng để làm việc. Vì thiếu sĩ quan nên tôi cho mượn Foelkersam và Ostafel để sẵn sàng đương đầu với mọi chuyện sắp xảy ra, chúng tôi thiết lập một kế hoạch báo động cho toàn thể các đơn vị Đức đóng trong và chung quanh Budapest, mục đích của kế hoạch là trong trường hợp có xung đột, các đơn vị của chúng tôi phải chiếm giữ các thiết lộ, nhà ga trung tâm điện thoại và điện tín.

Cơ quan tình báo của chúng tôi đã khám phá rằng con của Nhiếp chính vương là Nicklas Von Horthy, vừa mới mở cuộc tiếp xúc – lẽ tất nhiên là tối mật – với đại diện của Tito. Rõ ràng là người Hung đang tìm cách, nhờ trung gian các đảng viên cộng sản Nam – Tư, tiếp xúc với Nga sô để thương thảo một nền hòa bình riêng. Một lần nữa, tin tức của Tổng hành dinh của Fuhrer tỏ ra rất chính xác. Trong một cuộc thảo luận với các Chỉ huy trưởng Tình báo, chúng tôi quyết theo dõi sát hành động của Nicky

Horthy, bằng cách gài một người của chúng tôi vào làm việc gần hắn ta. Thật vậy, một người gốc dân Croate, được đặt đúng chỗ trong guồng máy chính quyền, đã mau lẹ lấy được lòng tin cẩn của người Nam – Tư cũng như Nicky Horthy. Nhờ vậy, chúng tôi biết rằng chính viên Nhiếp chính sẽ tham dự một cuộc họp đêm với những người dự mưu trong một ngày rất gần. Đây là một tin tức không mấy tốt đẹp đối với chúng tôi bởi vì chúng tôi không mong ngay chính vị Quốc Trưởng lại thông đồng với sự việc. Tôi để cho cơ quan tình báo và cảnh sát tìm cách đối phó, phần tôi, tôi có chuyện khác phải làm.

Mỗi lần xe tôi leo dốc để lên đồi Mont du Château – tôi đến thăm khi thì sĩ quan tùy viên quân sự - khi thì ông Đại sứ hoặc khi thì Tướng lãnh Chỉ huy Quân đội Đức – nỗi âu lo của tôi lại tăng thêm, bởi vì, một khi tình hình đòi hỏi, tôi không biết làm cách nào có thể chiếm ngọn đồi thật cao và được cấu tạo như một pháo đài thiên nhiên này. Mặc dù lệnh của Führer không được rõ, để ngăn cản sự phản bội của người Hung – gia – lợi, tôi thấy không thể nào dùng lực lượng quân sự tấn công vào khu vực chính phủ và vào lâu đài, một hành động được phát khởi tự động ngay khi có dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự thù nghịch của các nhân vật Magyare đối với Đức quốc.

Tôi bèn giao cho Foelkersam nghiên cứu tỉ mỉ các bản đồ thành phố có trong tay, và bổ túc bằng các sự hiểu biết lý thuyết của anh ta sau nhiều lần dò xét liên tục các con đường trong khu vực được chú trọng. Công việc này đã mang lại cho chúng tôi đủ loại ngạc nhiên: Dưới chân đồi Mont du Château, có cả một hệ thống đường hầm hành lang và giếng nước chằng chịt như mê hồn trận, và sự kiện này cũng không giúp ích gì cho chúng tôi thêm khi cần hành động. Vì lẽ dựa theo hệ thống báo động đã được thiết lập, tôi có nhiệm vụ chiếm ngọn đồi với các đơn vị cơ hữu, tôi cho gọi 3 tiểu đoàn của tôi đến Budapest. Họ rời Vienne vào đầu tháng 10 và đóng quân ở ngoại ô Budapest.

Trong thời gian đó, Tổng Hành Dinh của Führer lại gửi đến một ông Obergruppen-fuhrer SS – một loại Thiếu Tướng – tên Bach-Zelewski với nhiệm vụ chỉ huy toàn thể quân Đức tại Budapest. Đó là một cấp chỉ huy mạnh về phương diện tàn bạo – ông lại còn tượng trưng cho người có bàn tay sắt và là chuyên viên trong những vụ cực kỳ khó khăn. Ông từ Varsovie đến sau khi dẹp tan vụ quân Ba-Lan nổi loạn trong nội bộ. Lập tức ông tuyên bố quyết tâm chứng tỏ, nếu cần, thái độ tàn nhẫn như vừa được chứng tỏ tại thủ đô Ba-Lan. Ông còn nói thêm là chính với ý định đó mà ông cho mang theo một khẩu súng cối 65 ly. Cho đến lúc đó, khẩu súng quí quai này chỉ được sử dụng có hai lần; một lần để triệt hạ toàn diện chiến lũy hình con trốt chung quanh thành Sébastopol, và lần thứ hai, trong các trận mới đây tại Varsovie. Đối với tôi, sự tàn bạo quá mức như vậy là thừa ... tôi không dấu quan điểm đó, theo ý tôi, chúng tôi có thể đạt mục tiêu nhanh chóng hơn và hữu hiệu hơn bằng cách vận dụng các phương thức lịch sự hơn. Chiến dịch được hoạch định – mang tên chiến dịch Bazooka – sẽ thành công mà không cần đến khẩu đại pháo đó.

Ngược lại, một vài sĩ quan rất thần phục cung cách cộc cằn và dữ dội của Bach-Zelewski – có lẽ ông ta đã làm cho họ trở nên rụt rè. Tuy nhiên, không bao giờ tôi tỏ ra khó chịu vì các tiếng la hét, đập bàn của ông ta, và khi dốc toàn lực để bênh vực quan điểm của mình, cuối cùng bao giờ tôi cũng thắng.

Khốn nỗi, không phải chính tôi là người chủ động tất cả mọi hành động. Khác với tình trạng xảy ra tại Ý, nơi đó, tôi chỉ phúc trình cho Đại tướng Student và trong thực tế, gần như tôi được độc lập hoàn toàn trong việc chuẩn bị cho chiến dịch, hiện nay, tôi phải dự vô số các phiên họp và phải lưu tâm đến đủ thứ vấn đề liên hệ đến các thừa số cá nhân. Cách nhìn của Tướng N. không hoàn toàn phù hợp với ông Đại sứ và quan điểm của ông này cũng không nhất thiết giống ông Tướng Cảnh sát Winkelmann. Các cơ quan tình báo và một vài nhân vật Hung-gia-lợi tham dự các cuộc bàn cãi, một đôi khi cũng thêm mắm thêm muối vào câu chuyện. Tôi thật rất bằng lòng là khỏi bị đóng vai trò phối hợp các quan điểm đó. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao chúng tôi lại đem thảo luận kế hoạch trước cả 15 hay 20 sĩ quan? Thế nào chính quyền Hung-gia-lợi cũng đã nghe nói đến các phiên họp này, rồi đoán già đoán non các âm mưu; do đó, lấy các quyết định hấp tấp. Mọi lo sợ này rất đúng vì chúng tôi được biết Tướng M. tư lệnh tối cao quân đội Hung ở Carpathes đã điều đình thẳng với người Nga rồi.

Ngày 10 tháng 10 năm 1944, Nicklas Horthy đã họp đêm với các đại biểu Nam Tư. Mặc dù được báo trước, cảnh sát Đức vẫn không hành động gì. Một cuộc tiếp xúc khác còn được dự liệu tổ chức ngày 15 tháng 10 tại một ngôi nhà đồ sộ gần bờ sông Danube. Hiện tại, đã đến lúc phải hành động! Ngày 13 tháng 10, Tổng Hành Dinh của Führer lại gọi Tướng Wenck đến với nhiệm vụ là chỉ huy toàn thể quân lực nếu có lộn xộn, và sẽ ban hành các quyết định tùy theo diễn tiến của tình hình. Lần này cảnh sát quyết định bắt con của Horthy và những người Nam Tư. Kế hoạch dự liệu các hành động của cảnh sát, đã dựa trên mỗi hy vọng rằng viên Nhiếp chính lo âu muốn tránh cho cậu con khỏi bị kết tội, sẽ từ bỏ ý định ký kết hoà bình riêng rẽ với kẻ thù. Tướng Winkelmann, Chỉ Huy trưởng Cảnh sát, mượn tôi một đại đội trong

buổi sáng ngày 15 tháng 10, vì ông biết rằng cuộc tiếp xúc đầu tiên của Nicklas Horthy đã diễn tiến dưới sự bảo vệ của một phân đội quân lực Hung-gia-lợi. Lần này, chắc người Hung cũng sẽ thận trọng tương tự, và đại đội của tôi có nhiệm vụ vô hiệu hoá hoàn toàn quân Magyare. Tôi nhận lời giúp với điều kiện là chính tôi quyết định lúc nào phải can thiệp.

Chúa nhật 15 tháng 10 năm 1944, mặt trời chói lọi chiếu sáng bầu trời trong vắt. Vào lúc 10 giờ sáng - giờ họ hẹn gặp - đường phố còn vắng vẻ. Đại đội của tôi ẩn trong một con đường yên tĩnh không sợ gây chú ý. Đại úy Foelkersam giữ liên lạc giữa tôi và đơn vị. Bởi vì hôm đó tôi không thể xuất hiện với quân phục. Nếu muốn tham dự vào các biến cố đang xảy ra, tôi phải mặc thường phục. Tài xế và một hạ sĩ quan của tôi mặc quân phục không quân, ngồi nghỉ ngơi trên một ghế dài nơi công viên chiếm hết cả mặt tiền của toà nhà. Phần tôi, tự lái xe đến địa điểm vài phút sau khi cuộc nói chuyện của họ bắt đầu. Vừa đến đầu công viên, tôi thấy ngay trước cửa toà nhà có một quân xa của Quân lực Hung và một xe dân sự, có lẽ là xe của Horthy con. Không ngần ngại, tôi đậu xe ngay trước mũi hai chiếc xe của người Hung, đầu xe tôi chấu sát vào đầu xe của họ để ngăn cản không cho xe họ vọt chạy bất thành linh.

Đêm trước, nhiều cảnh sát Đức đã chiếm các căn phòng ký túc xá ngay bên trên các gian hàng thương mại được dùng làm nơi hội họp. Mặt khác, hai cảnh sát viên khác đứng 10 giờ 15 phải đi vào toà nhà để thi hành việc bắt bớ. Trong chiếc xe của Quân lực Hung có ba sĩ quan Hung, trong khi đó hai người khác đang đi lui tới trên công viên. Mọi diễn viên đều đã có mặt tại chỗ - màn thứ nhất bắt đầu!

Tôi vừa xuống xe và làm như đang tìm xem nguyên nhân khiến xe bị hỏng máy, thì hai cảnh sát viên Đức xuất hiện. Đúng lúc người thứ nhất bước qua ngưỡng cửa vào toà nhà, một tràng tiểu liên từ chiếc xe của Quân lực Hung bắn ra và trúng người cảnh sát viên thứ nhì. Bị thương nặng ở bụng, anh ta lăn về phía tôi. Hai sĩ quan Hung đang đi dạo chạy đến, súng lục cầm tay, bắt đầu nhả đạn. Tôi chỉ kịp chạy ra nấp sau xe, một lát sau, một tràng tiểu liên thứ hai nhắm bắn vào cánh cửa chiếc Mercédès còn mở cửa của tôi. Hiện tại diễn biến đã đến hồi sôi nổi. Người tài xế và viên hạ sĩ quan đã nhào tới, khi loạt đạn đầu tiên nổ, để che chở tôi, tài xế bị một viên vào đùi nhưng anh ta còn đứng vững. Bằng một tiếng còi, tôi báo hiệu cho đại đội bắt đầu hành sự và với các khẩu súng lục, chúng tôi cố sức trả đũa các khẩu tiểu liên. Tình thế của chúng tôi không có vẻ gì là trò đùa cả, chiếc xe của tôi dần dần biến thành một cái rở. Chung quanh chúng tôi đạn dội trên lề đường và phát ra tiếng rít bên tai chúng tôi. Thình thoảng chúng tôi nhô đầu lên một giây để ngắm kỹ, ít ra là cũng gần mục tiêu để giữ cho địch không tiến tới sát quá - nói như vậy chứ khoảng cách hiện tại giữa chúng tôi và địch quân chỉ có từ 10 đến 15 thước. May thay trận chiến bất bình đẳng này chỉ kéo dài có 3 hay 4 phút. Rồi tôi nghe tiếng bước chân của đại đội binh sĩ của tôi đằng sau lưng. Tiểu đội đầu tiên đã đến đầu công trường và lập tức bố trí ở góc đường. Những toán khác chiếm giữ mau lẹ toàn thể công trường và các ngôi nhà kế cận. Sau vài cuộc trao đổi hoả lực đầu tiên, địch quân rút về phía vòm cửa của ngôi nhà kế cận, trong đó hình như có một số quân trừ bị Hung-gia-lợi. Ngay khi cơn độ súng chấm dứt, chúng tôi kéo hai người bị thương vào tầng thứ nhất của toà nhà, nơi đang có cuộc thương thuyết giữa Nicky Horthy và những người Nam-Tur. Vừa chạy vào chỗ nấp, chúng tôi biết là đối thủ đang sửa soạn đánh mở đường thoát ra ngoài. Chúng tôi phản ứng thật nhanh: một quả lựu đạn được ném một cách khéo léo đã làm bật tung hai cánh cửa và vài tảng đá cẩm thạch, khiến cho cả một đồng hồ đồng đó bít mất lối ra. Tiếng nổ này làm chấm dứt cuộc nổ súng kéo dài chỉ có hơn 5 phút.

Hiện tại, các cảnh sát Đức từ lâu một đi xuống áp tải theo bốn tù nhân. Chúng tôi đưa hai người Hung - Nicklas Horthy và bạn của hắn ta, Bornemisza - lên một quân xa; để khỏi bị chú ý, các cảnh sát viên đã nghĩ ra cách gói hai tù nhân bằng hai tấm thảm lớn, theo chỗ tôi thấy thì mưu kế này không mấy thành công. Hai kẻ âm mưu vùng vẫy dữ dội, các cảnh sát viên phải nặng tay đưa họ lên xe và nổ máy khởi hành tức khắc. Tôi ra lệnh cho đại đội rút lui. Thật vậy, tôi cố tránh các rắc rối mới có thể xảy ra nếu quân Hung sau khi lấy lại được bình tĩnh, tập trung lại để tấn công chúng tôi.

Linh tính thúc đẩy tôi đi theo chiếc quân xa bằng một chiếc xe khác do Foelkersam phái đến. Cách công trường chừng 100 thước, tôi thấy ba đại đội Quân lực Hung tiến tới gần như bằng cách chạy việt dã. Nếu toán quân này tới công trường, chắc lại có cuộc chạm súng mới - biến cố mà chúng tôi không muốn để xảy ra. Phải làm sao đây? Làm sao kiếm được vài phút để cho binh sĩ của tôi có thì giờ rút lui? Chỉ có một trò bịp táo bạo mới giúp chúng tôi khỏi bị rắc rối. Tôi ra lệnh tài xế ngừng xe lại, nhảy xuống xe và tiến mau đến gặp viên sĩ quan, mà do vị thế đi trước đại đội đầu tiên, chắc phải là cấp chỉ huy của đoàn quân.

- Bảo binh sĩ của anh đợi đi - trên kia lộn xộn không thể tả. Lên đó chắc không gặp được ai đâu. Hãy ở nguyên tại chỗ, theo tôi anh nên đến đó trước coi chuyện gì đang xảy ra.

Trò bịp thành công. May thay anh ta nói được đôi chút tiếng Đức. Anh ta ra lệnh “Dừng lại” và nhìn tôi với vẻ phân vân thấy rõ. Có thể là anh ta chẳng hiểu gì cả, nhưng tôi bất cần. Điều quan trọng đối với tôi lúc ấy là một sự trì hoãn ngắn ngủi. Hiện tại chắc binh sĩ của tôi đã lên xe rồi. Một phút nữa, họ sẽ di chuyển. Tôi phán cho viên sĩ quan hãy còn do dự một câu “Tôi bận lắm” rồi tiến về phía xe và chạy về khu vực phi trường. Khi đến nơi, hai tù nhân của chúng tôi đã được đưa vào phi cơ, một lát sau, phi cơ cất cánh bay về Vienne.

Tôi bèn đến Bộ Tham mưu Quân đoàn đóng trong một khách sạn dựng trên đỉnh của một trong vô số ngọn đồi tại Budapest. Tướng Wench tiếp tôi ngay, và chúng tôi nôn nóng pha lẫn tò mò chờ đợi các biến cố. Chúng tôi biết rằng trên đồi Mont du Château người Hung đã cho áp dụng một vài biện pháp quân sự. Trại binh đã được tăng cường, các con đường chính dẫn lên đồi hình như đã được ngăn chặn bằng mìn chôn dưới đất. Đến trưa, chúng tôi được toà Đại sứ toạ lạc trên đồi gọi điện thoại. Tuy viên quân sự của chúng tôi cho biết rằng toàn diện khu vực trên đồi chính thức bị đặt trong tình trạng giới nghiêm, và tất cả mọi sự di chuyển trên các lối dẫn lên đồi đều bị cấm chỉ. Cách vài phút trước, ông ta thử dùng xe xuống đồi nhưng đâu đâu cũng gặp các trạm gác và quân Hung yêu cầu ông trở lui ngay. Một lát sau, liên lạc điện thoại bị cắt đứt – chúng tôi đoán như vậy bởi vì chúng tôi không được gọi một lần nào nữa. Như vậy là các cơ sở Đức còn ở trên đồi thật sự đã bị cô lập.

Điều này rõ ràng là đã cấu thành “hành vi bất thân thiện” đầu tiên, như ngôn ngữ ngoại giao vẫn thường nói. Chúng tôi tự hỏi không biết còn hành động nào trầm trọng sắp xảy ra không. Không còn gì nghi ngờ nữa, tình hình hiện tại không thể kéo dài mãi, trong hai hay ba giờ nữa, quyết định cuối cùng sẽ đến hoặc theo chiều hướng này hay chiều hướng kia. Hiện tại chúng tôi chỉ có thể chờ đợi, đối phương vẫn giữ thế chủ động. Vào lúc 14 giờ sự ngờ vực đã bị tàn bạo đánh tan bởi một bản tuyên bố của Horthy được đài phát thanh Hung loan đi.

“Hung-gia-lợi vừa ký kết hiệp ước hoà bình riêng rẽ với Nga xô!”

Lúc này, ngọn lao đã phóng đi. Tình hình đã rõ rệt, chúng tôi phải phát động các “phản biện pháp” đã dự liệu ngay. Ông Tướng lập tức ra lệnh bố trí các đơn vị theo kế hoạch báo động đã được chuẩn bị trước, trong thành phố Budapest.

Cùng lúc đó, ông yêu cầu tôi khởi động cuộc tấn công lên đồi Mont du Château. Tôi ước tính rằng, chưa phải lúc thuận tiện và khuyên ông chờ thêm vài ngày nữa. Để đối phó với quân Hung, tôi đề nghị vận dụng các đơn vị Đức, thiết lập một vòng đai bên ngoài bao quanh đồi. Sư đoàn 22 SS sẽ phụ trách công tác này. Việc chiếm các nhà ga và các công ốc quan trọng nhất đã được thực hiện êm đẹp mà không gây ra một hậu quả nào trong suốt buổi chiều.

Mặt khác, chúng tôi gửi gấp một tướng lãnh đến Bộ Tư lệnh Tối cao Hung-gia-lợi tại mặt trận Carpathes, nếu tình thế bắt buộc, ông ta có nhiệm vụ phải bắt giữ ông Tướng Hung, Tư lệnh đạo quân này. Nhưng, vị Tướng lãnh phái viên của chúng tôi đến quá chậm. Viên Tướng Hung, cùng với vài sĩ quan và thư ký đã chạy trốn qua hàng ngũ quân Nga xô. Chúng tôi rất ngạc nhiên thấy bản tuyên cáo thoả hiệp hoà bình riêng với Nga lần cuộc chạy trốn của viên Tư lệnh đã không tạo ảnh hưởng nào đối với thái độ của binh sĩ Hung-gia-lợi. Gần như khắp nơi, các đơn vị Hung vẫn giữ nguyên vị trí. Đại đa số các sĩ quan từ chối bất chước Tư lệnh của họ. Ở lại bên cạnh binh sĩ, họ tiếp tục chiến đấu. Tuy nhiên, chúng tôi phải hành động thật nhanh để ngăn không cho Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Hung, trụ sở ở sát lâu đài, ban ra các mệnh lệnh đầu hàng mới nữa.

Trong một phiên họp vào buổi chiều, chúng tôi quyết định sẽ tấn công lên đồi vào sáng ngày hôm sau. Tôi định giờ H là 6 giờ, nghĩa là lúc rạng đông, vì tôi cho rằng đó là lúc thuận tiện nhất để tạo tình trạng bất ngờ toàn diện - một yếu tố chủ yếu, nếu tôi không muốn dàn trận đánh nhau. Suốt đêm tôi và Foelkersam nghiên cứu lại bản đồ khu đồi. Dần dần, kế hoạch của chúng tôi được chính xác hoá. Chúng tôi dự trù một cuộc tấn công tập trung, gồm nhiều đơn vị tham dự. Trong khi họ xung phong, tôi sẽ tìm cách chọc thẳng vào trung tâm, dọc theo đại lộ Vienne. Chính tại đó, tôi hy vọng tạo được sự bất ngờ vì tôi tin rằng sẽ chiếm được cổng thành Vienne mà không cần nổ súng, càng yên lặng càng tốt, để có thể đột ngột xuất hiện cùng với binh sĩ của tôi trước công viên của lâu đài.

Sau đó là phải thu đạt được kết quả sau cùng thật nhanh. Chúng tôi phải xâm nhập tức khắc và lâu đài có lẽ sẽ là trung tâm đề kháng, hành động chỉ kéo dài nhiều lắm là vài phút, nhờ đó tránh cho phía Hung cũng như phía chúng tôi cuộc đổ máu vô ích.

Vì vậy, chúng tôi giao cho mỗi đơn vị một nhiệm vụ chính xác, chúng tôi lại vừa được tăng cường một đại đội chiến xa Panthère và một đại đội chiến xa Goliath. Loại sau là một chiến cụ mới, xe bọc thép, điều khiển từ xa, chạy bằng xích, rất thấp và dễ điều khiển và phía trước mũi có chứa một khối chất nổ cực

mạnh vì thế nó còn có tên là thiết giáp lùn, chắc chúng tôi phải dùng loại này để phá các chương ngại vật cản đường hay tung các cửa chắn lối tiến quân.

Tiểu đoàn sinh viên sĩ quan của Trường Chiến tranh sẽ tấn công khu vườn nằm trên sườn mạn nam. Nhiệm vụ khó khăn vì chúng tôi biết nơi sườn đồi rất dốc này, quân Hung thiết trí rất nhiều ồ đại liên. Nhiệm vụ của tiểu đoàn là vô hiệu hoá địch và chiếm phần phía Nam của Lâu Đài.

Một bộ phận thuộc đơn vị đặc biệt của tôi có một chiến xa yểm trợ, sẽ tấn công mặt tây của bức tường để chiếm một cánh cửa hông của Lâu Đài. Một đơn vị thuộc tiểu đoàn dù 600 SS, sẽ chui qua đường hầm đào dưới chân cầu treo thâm nhập vào trong lòng ngọn đồi. Đơn vị này phải chiếm các lối vào chẳng chịt dưới đất và đột nhập vào các toà nhà dùng làm trụ sở của Bộ Chiến tranh và Bộ Nội vụ.

Phần còn lại của đơn vị đặc biệt, đa số tiểu đoàn dù SS, 4 chiến xa Panthère và các thiết giáp lùn Goliath, sẽ do tôi chỉ huy để đánh thốc vào cổng thành Vienne và Lâu Đài. Riêng tiểu đoàn dù của không quân, được giữ làm đơn vị trừ bị, đề phòng các diễn biến rắc rối bất khả dự trù.

Vào nửa đêm, khi ấn định các chi tiết cho mỗi một hành động, các đơn vị của tôi đã bố trí sẵn sàng sau vòng đai do sư đoàn 22 SS thiết lập.

Một lát sau, một sĩ quan cao cấp của Bộ Chiến tranh Hung-gia-lợi tìm đến Bộ Tham mưu của quân đoàn chúng tôi. Ông ta đi thẳng từ đồi Mont du Château bằng một con đường bí mật để nhân danh Bộ này mở cuộc thương thuyết với chúng tôi. Chúng tôi bảo rằng không có lý do gì để bắt đầu thương thuyết khi viên Nhiếp chính chưa huỷ bỏ tuyên cáo ký kết hoà bình riêng rẽ với Nga xô. Mặt khác chúng tôi nhấn mạnh rằng việc cô lập hoá, nếu không nói là việc giam giữ nhân viên toà Đại sứ rõ ràng là một hành vi bất thân thiện. Do khuyến cáo của tôi, phía chúng tôi quyết định dành cho Quốc hội Hung-gia-lợi một thời gian để lập lại tình trạng bình thường hơn. Với ngôn ngữ của một tối hậu thư, chúng tôi bắt buộc đến 6 giờ sáng là chậm nhất, tất cả mìn và công chặn ngăn cản lưu thông trên con đường Vienne - nơi tòa Đại sứ tọa lạc - phải được gỡ bỏ. Làm như vậy, chúng tôi có cơ hội bằng vàng để tấn công Lâu đài một cách chớp nhoáng với tổn thất tối thiểu.

Thái độ của ông khách hình như cũng phản ánh thái độ của đa số đồng sự trong Bộ Chiến tranh Hung, ông ta tỏ vẻ lo âu trước sự trở mặt phản phúc của Hung-gia-lợi đối với Đức quốc. Cuộc tiếp xúc giữa chúng tôi kéo dài chừng 2 giờ trong vòng thân mật, rồi ông ta xin cáo biệt.

Đến 3 giờ sáng, tôi đến vị trí tiến quân dưới chân đồi gần địa điểm điều quân. Cho tập hợp các sĩ quan, tôi trải bản đồ, và dưới ánh sáng yếu ớt của các đèn bấm, vừa nhăm nháp ly cà phê mà người cận vệ mới đưa cho, tôi giải thích và xác định các chi tiết cuối cùng. Kế hoạch hành động đã sẵn sàng. Tôi sẽ cùng đơn vị, thử tiến lên đồi một cách êm lặng cho đến tận Lâu Đài, làm như “cuộc du ngoạn” này là chuyện tự nhiên nhứt trần đời. Các đơn vị phải ngồi nguyên trên xe, làm ra vẻ chỉ chuyển quân đi ngang qua các con đường một cách tình cờ. Tôi biết rằng hành động như vậy, tôi gặp phải nguy hiểm bởi vì nếu các xe bị đánh, binh sĩ không trở tay kịp. Nhưng tôi phải chấp nhận mỗi đe dọa đó nếu muốn đến Lâu Đài thật nhanh mà khỏi phải đánh nhau.

Tôi thông báo kế hoạch cho sĩ quan chỉ huy các cánh quân và dặn dò thật kỹ là cho lệnh khai hỏa khi tình hình nguy cấp đến mức chót. Họ cũng không được trả đũa các cuộc tấn công của những toán địch quân lẻ tẻ, mục đích là phải đưa được đoàn xe vào các vị trí chiến đấu đã được chỉ định mà không cần nổ súng. “Người Hung không phải là kẻ thù của ta”, đó là khẩu hiệu, ít ra cũng là trong lúc này.

Sau đó, tôi ấn định thứ tự di chuyển của cánh quân do tôi chỉ huy, đi đầu là chiếc xe nhỏ có tôi trên đó, liền sau xe tôi là bốn chiến xa, rồi đến toán xe Goliath, sau cùng là binh sĩ, mỗi tiểu đội ngồi trên một xe. Tất cả vũ khí cá nhân đều được khóa an toàn. Phần đông binh sĩ của tôi, những quân nhân già kinh nghiệm, không phải là lần đầu tham dự một chiến dịch kiểu này, đã lợi dụng cả những phút còn lại trước khi khởi hành để tiếp tục giấc ngủ. Ngay khi vượt qua cổng thành Vienne, đến khu bằng phẳng trên đỉnh đồi, cánh quân sẽ chia làm hai và xông thật nhanh đến Lâu Đài.

5 giờ 30 - 5 giờ 40, trong xe đầu tiên có năm quân nhân, bạn chiến đấu vong niên của tôi, năm Hạ sĩ quan từng tham dự vào vụ Gran Sasso. Mỗi người mang một súng lục và nhiều lựu đạn ở hông và cầm tay một khí giới chống chiến xa mới, khẩu “Bazooka”. Chúng tôi rất tò mò muốn thấy thái độ của quân Hung trên đồi sẽ như thế nào. Nếu cần chúng tôi sẽ bắt họ im lặng hoặc bằng các quả đạn từ các chiến xa, hoặc bằng các khẩu bazooka này.

Một lần nữa, tôi nhìn đồng hồ tay: 5 giờ 59. Cánh tay mặt tôi xoay vòng làm hiệu: nổ máy xe. Rồi đứng trên chiếc xe nhỏ, tôi đưa thẳng tay lên nhiều lần: Tiến! Chúng tôi lăn bánh từ từ, vì dốc đồi rất nghiêng. Miễn là không có chiếc nào cản phải mìn, con đường sẽ bị cản trở và như thế là làm cho kế hoạch của tôi đến phút chót, bị tan tành. Như do linh tính, tôi nghiêng tai lo âu nghe ngóng phía sau, tốt đẹp cả, không

có tiếng nổ nào cắt đứt tiếng động cơ xe. Đây rồi, cổng thành Vienne. Giữa rào cản có một lối đi, vài binh sĩ Hung nhìn chúng tôi với vẻ tò mò thấy rõ. Một phút sau, chúng tôi đến khu vực bằng phẳng trên đỉnh đồi. Hạ thấp giọng, tôi ra lệnh cho tài xế từ từ nhấn mạnh ga.

Bên phải tôi là một trại binh Hung, trước cổng có hai đại liên đặt sau hai đồng bao cát.

- Bị bắn bên hông là chuyện không hay tí nào. - Foelkersam thì thầm bên tai tôi.

May thay, cả bên trong, lẫn trước trại binh chẳng ai động dụng gì cả, chỉ có tiếng chiến xa của chúng tôi là nghe rõ mồn một. Tôi đi vào lối bên phải, tức là phía tòa Đại sứ, hiện tại, đoàn xe di chuyển với tốc độ khá nhanh, sau tôi, một chiến xa xả tốc lực đến 40 cây số/giờ tạo nên tiếng động như sấm. Còn 1 cây số nữa là đến Lâu Đài. Phần đầu của kế hoạch đã thành công hoàn toàn, chúng tôi đã lên đến đỉnh đồi mà không một tiếng súng nổ. Bên trái tôi, tòa nhà vĩ đại của Bộ Chiến tranh đã xuất hiện. Xa xa, một, hai, ba tiếng nổ mạnh. Chắc chắn là cánh quân dưới hầm đã bít lối đi dưới hệ thống đường hầm chằng chịt. Giây phút quyết định sắp diễn. Chúng tôi vượt qua Bộ Chiến tranh, lúc này, công trường mệnh mông của Lâu Đài trải rộng trước chúng tôi. Ba chiến xa lớn trấn giữ nơi đó, khi thấy chúng tôi xuất hiện, chúng hướng mũi súng lên trời tỏ dấu không chống cự. Trước cửa Lâu Đài, quân Hung xây một bức tường chắn bằng đá tảng cao nhiều thước. Xe tôi tránh tạt ngang và tôi ra hiệu bằng tay cho chiếc chiến xa đi kế ủa mạnh vào chướng ngại vật. Trong khi quái vật khổng lồ húc vào, chúng tôi nhảy xuống xe, bức tường chắn ngang không chịu nổi sức mạnh 30 tấn chạm vào nên đã đổ sập, chiếc chiến xa tiến lên vượt qua đồng đá, vào đến sân Lâu Đài - và đối diện với sáu súng chống chiến xa trước mặt.

Chạy bên phải và bên trái các chiến xa Panthère, chúng tôi vượt qua rào cản bị sập và tiến vào vòm cổng chính. Một Đại Tá phòng vệ Lâu Đài, súng lục cầm tay, cố ngăn chúng tôi lại, nhưng Foelkersam đã dùng vai hích ông ta dội lui. Bên phải chúng tôi hình như là lối chính đi vào Lâu đài. Chúng tôi nhào đến bậc cấp đầu tiên. Vừa thấy một sĩ quan hấp tấp chạy về phía chúng tôi, tôi hét:

- Đưa tôi đến vị chỉ huy Lâu Đài ngay lập tức.

Ngoan ngoãn, anh ta đưa tôi lên cầu thang danh dự rộng thênh thang. Đến tầng thứ nhất, chúng tôi đi vào một hành lang. Tôi ra hiệu cho một binh sĩ đứng lại ở đầu cầu thang để khi cần, che chở chúng tôi. Viên sĩ quan chỉ cho tôi cánh cửa đi vào một phòng nhỏ. Trên một bàn giấy đặt gần cửa sổ mở rộng, một binh sĩ Hung đang nằm sau một trung liên và vừa nhắm bắn vào quân tôi đang đứng dưới sân. Hạ sĩ quan Holzer, một quân nhân đầu trọc và mập ú, tiến tới nhắc khẩu trung liên ném qua cửa sổ. Xạ thủ kinh hoàng rơi xuống bàn và lăn quay xuống nền.

Thấy bên phải có cánh cửa, tôi gõ mấy tiếng và bước vào. Một Trung Tướng tiến về phía tôi. Tôi không để cho ông ta kịp nói một lời nào.

- Ông là Chỉ huy trưởng Lâu Đài? Tôi yêu cầu ông đầu hàng tức khắc. Nếu ông từ chối buông khí giới, máu sẽ đổ một cách vô ích và ông phải chịu trách nhiệm. Xin ông quyết định ngay.

Tôi cần phải kết thúc nhanh, vì từ dưới công trường đã có tiếng súng và vài loạt đại liên. Tôi nhấn mạnh và cố gắng dùng giọng thuyết phục.

- Ông đã thấy, mọi sự chống đối lúc này là điên rồ. Binh sĩ của tôi đã chiếm cả lâu đài.

Đây không phải là một khẳng định vô bằng nhằm mục đích gây cho viên Tướng Hung sự kinh ngạc. Tôi tin chắc là đơn vị đặc biệt do Trung úy Hunke chỉ huy đã bình tĩnh chiếm giữ các điểm chiến lược trong tòa Lâu Đài mệnh mông này. Thật vậy, viên Tướng Hung chưa kịp lấy lại bình tĩnh thì Hunke đã mở cửa phòng bước vào báo cáo rằng sân và các hành lang chính đã bị chiếm đóng mà không xảy ra giao tranh, và xin lệnh của tôi.

Hiện tại, viên tướng lãnh đã có quyết định, tất nhiên là chẳng vui vẻ gì.

- Tôi đầu hàng, - ông ta tuyên bố bằng một giọng nói long trọng. - Tôi sẽ ra lệnh cho binh sĩ thuộc quyền ngừng bắn ngay.

Chúng tôi xiết tay nhau và thỏa thuận thông báo tin tức cho các đơn vị đôi bên còn đánh nhau bằng một sĩ quan Hung và một sĩ quan thuộc cánh quân của tôi. Trong khi viên Tướng Hung sắp xếp việc đầu hàng, tôi bước ra hành lang và đi một vòng để thanh sát tình hình. Tôi yêu cầu và được hai sĩ quan Hung-gia-lợi tháp tùng và làm sĩ quan liên lạc. Tôi ngạc nhiên khi thấy các phòng dành cho viên Nhiếp chính trống rỗng. Tôi được biết ngay là ông ta đã rời khỏi Lâu Đài vài phút trước 6 giờ để xin tướng SS Pleffer - Wildenbruch bảo vệ, còn gia đình ông ta thì đến xin tị nạn tại nhà vị đại diện Tòa thánh La-Mã từ đêm qua. Dầu sao, sự hiện diện của Đô Đốc Horthy tại Lâu Đài cũng không làm thay đổi được gì cả, kế hoạch của tôi không nhắm vào đích thân ông ta mà là khu vực cơ quan chính quyền Hung-gia-lợi.

Khi ló đầu nhìn ra một cửa sổ, nhiều viên đạn rít bên tai tôi. Vội vàng tôi thối lui. Một lúc sau Hunke báo cáo là không thể nào mang lệnh ngưng bắn cho các đơn vị bố trí sau vườn của Lâu Đài hướng về bờ sông

Danube. Tuy nhiên hai phát bazooka bắn đi từ trên Lâu Đài, đủ để cho quân Hung tại các nơi đó hiểu rằng tốt hơn là nên đầu hàng.

Tổng quát chiến dịch kéo dài chừng nửa giờ, và bây giờ yên tĩnh trở lại trên toàn diện khu đồi. Dân chúng ở khu lân cận có thể yên tâm tiếp tục ngủ. Bằng điện thoại, tôi báo cáo kết quả thành công cho Bộ Tư Lệnh Quân đoàn và tôi nghe tiếng thở dài khoan khoái của viên sĩ quan bên kia đầu dây. Chắc chắn là quý ông này chỉ tin tưởng phần nào thôi về kế hoạch tấn công chớp nhoáng của tôi mà nền tảng là sự bất ngờ.

Ít lâu sau, tôi nhận được báo cáo của hai toán quân chiếm Trụ sở của Bộ Tổng Tham Mưu Quân lực Hung - nơi đây có thể xảy ra đụng độ ngắn - và Bộ Nội Vụ, cơ quan này đầu hàng tức khắc, và rồi báo cáo của các cánh quân khác. Tổn thất của chúng tôi rất nhẹ, bốn tử thương và mười hai bị thương. Trận đánh thật sự đã diễn ra trong vườn sau Lâu Đài. Phía Hung-gia-lợi tổn thất ba chết, mười lăm bị thương.

Tất cả quân Hung đồn trú trên đồi phải nộp vũ khí và chúng được chất đồng trong sân. Ngược lại tôi cho phép sĩ quan giữ lại vũ khí cá nhân. Rồi tôi yêu cầu họ cho tập hợp trong một phòng lớn ở tầng dưới đất để ứng khẩu một bài diễn văn mà nội dung đại khái như sau:

- Tôi cần lưu ý các anh là từ nhiều thế kỷ nay, không có cuộc xung đột nào làm sút mẻ mối giao hảo tốt đẹp giữa Hung-gia-lợi và Đức-quốc, bao giờ hai dân tộc ta cũng chiến đấu cạnh nhau để chống kẻ thù chung. Ngay cả hôm nay nữa, chúng ta không có lý do gì để gây gổ nhau. Mục tiêu của cuộc chiến tranh hiện nay là để lập một Âu Châu mới, mà mục tiêu đó chỉ có thể đạt được nếu Đức-quốc thoát khỏi sự tàn phá do đối phương đe dọa.

Giọng Áo của tôi đã làm nổi bật tính cách hòa hoãn và thân hữu của lời tôi nói, vì không có sĩ quan nào từ chối bắt tay tôi. Vào đầu buổi chiều, họ cùng với binh sĩ rút về các trại quân tại Budapest. Sáng hôm sau, tất cả đều đến trình diện Bộ Chiến tranh để thề trung thành với chính quyền mới.

Theo lệnh, tôi và đơn vị vẫn chiếm Lâu Đài và cho canh giữ các điểm chính trên đồi. Thật ra, tôi không bao giờ tin rằng có một ngày nào đó tôi được bom lên làm chủ nhân ông Biệt điện của Hoàng gia Hung-Gia-lợi. Người hầu phòng lớn tuổi của Nhiếp chính vương đã biểu diễn bộ mặt buồn rười khiến cho Foelkersam không từ chối nổi ý định phải gọi một bữa ăn trưa đích đáng. Trong thực tế, chúng tôi đều đói meo. Bất mãn ra mặt, nhưng người hầu phòng già đời trong nghề sau cùng cũng dọn cho chúng tôi một bữa ăn chấp nhận được mặc dù rõ rệt là không ngon bằng các lần hầu tiệc xa xưa trong Lâu Đài, vào thời đại Nữ hoàng Elisabeth của triều đình vương quốc Áo-Hung. Buổi tối, bữa ăn tập hợp tất cả sĩ quan của tôi trong căn phòng ăn rộng lớn, chúng tôi cực kỳ vui vẻ và phấn khởi, nhất là các tin sau cùng từ mặt trận cho thấy tình hình có vẻ khá hơn. Vậy chúng tôi có thể vui vẻ ăn mừng chiến công của chúng tôi: nhờ chúng tôi mà tai họa thật sự đe dọa đạo quân Đức tại Hung đã tránh được vào phút chót.

Sáng hôm sau, tân Bộ Trưởng Chiến tranh, Bereghfy đã tuyên bố nhân danh tân chính phủ cảm ơn tôi. Tôi trả lời là đã rất sung sướng đạt được mục tiêu sau một cuộc đụng độ rất ngắn và nhất là đã có thể ngăn cản không gây sự thiệt hại nào cho tòa lâu đài đẹp đẽ. Thật vậy, tôi thật lo sợ khi nghĩ đến các đồ vỡ không sửa chữa được nếu như khẩu súng cối 65 ly của ông Tướng cục súc Bach-Zelewski được đem ra sử dụng. Chúng tôi cũng thỏa thuận làm lễ an táng chung cho các quân nhân Hung và Đức. Chính phủ Magyare đích thân đứng ra tổ chức với nghi lễ chính thức, như vậy vết tích sau cùng của một cuộc trả thù có thể xảy ra chắc chắn đã được xóa sổ.

Buổi tối, một mệnh lệnh từ Tổng Hành Dinh của Fuhrer giao cho tôi nhiệm vụ đưa Nhiếp chính vương Hung-gia-lợi đến lâu đài Hirshberg tại Haute-Bavière. Đô đốc Horthy phải được coi là khách của Fuhrer nên được sử dụng chiếc xe hỏa đặc biệt dành riêng. Lễ tất nhiên tôi phải chịu trách nhiệm về sự an toàn của ông ta trong suốt lộ trình. Đến đây là chấm dứt cuộc sống vương giả của chúng tôi.

Sáng hôm sau, Tướng Pfeffer-Wildenbruch giới thiệu tôi một cách hết sức long trọng với Đô đốc Horthy. Sau vài phút nói chuyện mưa nắng, chúng tôi lên xe đến nhà ga. Các con đường vắng ngắt, những bộ hành hiêm hoi không thèm chú ý đến chúng tôi. Trước nhà ga, tuy vậy cũng có một đám đông tụ họp, nhưng chỉ có ít người trong số họ đưa tay phác một cử chỉ từ biệt sau cùng.

Thật là một cuộc ra đi buồn thảm đối với ông già mà trong bao năm qua cầm vận mạng của Hung-gia-lợi.

(1) Một giống người ở Hung – gia – lợi.

Tổng phản công tại Ardennes

Ngày 20 tháng 10 năm 1944, tôi trở lại Tổng Hành Dinh của Fuhrer, hiện đang ở gần mặt trận kinh khủng bởi vì quân Nga đã vào thật sâu trong vùng Đông Phổ. Lần này Hitler chỉ tiếp có mình tôi. Như thường lệ, ông tỏ ra rất dễ thương; và lại tôi có cảm giác ông có vẻ tươi hơn, khỏe hơn là trong lần gặp gỡ trước. Sau khi cho biết là ông đã ân thưởng cho tôi huy chương Thập Tự Vàng, ông yêu cầu tôi kể chi tiết cuộc bắt người con trai của Horthy và cuộc tấn công lên đồi Mont du Château. Khi chấm dứt báo cáo, tôi đứng dậy, tưởng rằng cuộc tiếp xúc đã chấm dứt, Fuhrer giữ tôi lại.

- Ở lại đó đã, Skorzeny. Tôi sắp giao nhiệm vụ mới cho anh đây - Có lẽ là nhiệm vụ quan trọng nhất đời anh. Cho đến nay, rất ít người được biết rằng chúng ta đang chuẩn bị trong vòng tối mật, một chiến dịch trong đó anh sẽ đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Trong tháng 12, quân lực Đức sẽ phát động cuộc Tổng phản công có tầm quan trọng quyết định vận mạng của xứ sở.

Và rồi thì Fuhrer trình bày với tôi thật lâu quan niệm chiến lược của đợt Tổng phản công về phía Tây, mà các sử gia sau này gọi là cuộc “Tổng phản công tại Ardennes”(1) hay “the Battle of the Bulge” nói theo ngôn ngữ Anh Mỹ. Trong nhiều tháng qua Bộ Tổng Tư lệnh Đức đã rất vừa ý vì đẩy lui và cầm chân được quân địch. Đó là thời kỳ tinh thể đôi thay liên tục, tại mặt trận phía Đông cũng như phía Tây, nhiều khu vực lần lượt rơi vào tay địch. Và chẳng, hệ thống tuyên truyền của Đồng minh đã coi Đức quốc như một thây ma mà việc chôn cất vĩnh viễn chỉ còn là vấn đề thời gian; căn cứ theo các diễn văn được các đài phát thanh Anh-Mỹ truyền đi, Đồng minh có thể chọn giờ để mai táng theo ý muốn.

- Họ không thấy rằng Đức quốc chiến đấu là vì Âu châu, hy sinh vì Âu châu, để ngăn chặn Á châu tiến trên con đường đến phương Tây, - Hitler nhận định một cách chua chát.

Theo ông, dân Anh cũng như dân Mỹ đều không muốn tiếp tục chiến tranh nữa. Do đó, nếu “thây ma Đức quốc” đứng dậy và đánh một đòn nặng về phía Tây, thì dưới áp lực của công luận giận dữ cho rằng họ bị lừa phỉnh, Đồng minh sẽ phải chuẩn bị ký kết đình chiến với xác chết còn rất mạnh khỏe này. Lúc đó, chúng ta sẽ có thể tung tất cả các Sư đoàn, tất cả quân lực vào mặt trận Miền Đông và thanh toán trong vài tháng mỗi đe dọa khủng khiếp đang đè nặng trên Âu châu. Và chẳng, từ cả ngàn năm nay, Đức quốc đã chứng tỏ là kẻ chặn dất bầy người ô hợp Á châu và không bao giờ Quốc gia này lại thất bại trong sứ mạng thiêng liêng đó.

Từ nhiều tuần qua, vài nhân vật của Bộ Tổng Tham mưu đã soạn thảo một kế hoạch Tổng phản công. Chúng tôi phải lấy lại thế chủ động mà địch quân nắm giữ bấy lâu nay. Ngay từ khi cuộc đổ bộ ở Normandie bắt đầu cho đến khi quân Đồng minh tiến tới biên thùy Quốc xã, Hitler đã suy nghĩ về một trận Tổng phản công mạnh mẽ. Tuy nhiên tình hình các đạo quân nguy kịch đến nỗi không thể nào thi hành được kế hoạch đó.

Vậy mà từ ba tuần nay, quân Đồng minh không tiến nữa. Một mặt, đường giao thông đã kéo dài quá xa, mặt khác, tiếp liệu cho đạo quân cơ giới đã cạn sạch sau bốn tháng chiến đấu không ngừng. Nhờ hai yếu tố đó, mặt trận phía Tây của chúng tôi có lúc tưởng đã tan vỡ, lại được ổn định.

Theo ý Fuhrer, sở dĩ Đồng minh thắng được tại Pháp và Bỉ, đó là nhờ ưu thế không quân. Nhưng có thể hy vọng rằng thời tiết xấu trong những tháng cuối năm sẽ làm giảm thiểu, dù là tạm thời, hoạt động của Không quân Anh Mỹ. Hơn nữa, không quân Đức sẽ có thể mang ra sử dụng 2000 phản lực cơ chiến đấu mới vẫn để dành riêng cho chiến dịch.

Sau cùng, một cuộc Tổng phản công chớp nhoáng sẽ ngăn không cho Pháp tổ chức quân lực mạnh. Hiện tại Đồng minh có 70 đại đơn vị, số này không đủ cho cả một mặt trận dài 700 cây số. Do đó, rất có thể tập trung quân Đức để chọc thủng một điểm phòng vệ yếu, trước khi Đồng minh kịp củng cố phòng tuyến bằng các Sư đoàn mới do Pháp thành lập.

- Riêng phần chọn lựa địa điểm, - Fuhrer nói tiếp, - chúng tôi đã thảo luận mấy tuần liền. Có năm kế hoạch được đem ra bàn cãi: Tổng phản công tại Hòa-Lan khởi đầu từ vùng Venloo hướng về phía Tây, phía hải cảng Anvers; - Một cuộc Tổng phản công khởi đi từ phía bắc Lục-Xâm-Bảo, hướng về phía tây bắc trước rồi hướng về bắc, được hậu thuẫn bởi cánh quân khởi đi từ phía bắc Aix-la-Chapelle; - Một cuộc phản công bằng hai cánh: một từ trung tâm Lục-Xâm-Bảo, cánh kia từ Metz và hẹn gặp tại Longwy; song song với hành động đó, hai cánh quân khác khởi đi từ Metz và từ Baccarat, điểm tái ngộ là Nancy; -

và sau cùng, chiến dịch “Alsace” với hai cánh quân, một tiến từ Epinal, cánh kia từ Montbéliard và sẽ gặp nhau tại Vesoul.

“Sau khi cân nhắc thật lâu ưu và khuyết điểm của mỗi kế hoạch, chúng tôi loại bỏ ba kế hoạch đầu. Chiến dịch “Hollande” có vẻ hay nhưng nhiều nguy hiểm quá. Sau cùng, chúng tôi đã quyết định lập kế hoạch phản công từ bắc Lục-Xâm-Bảo và được hậu thuẫn bởi cánh quân xuất phát từ Aix-la-Chapelle. Đây cũng chính là vùng mà trong lần tấn công nước Pháp đầu tiên, hồi năm 1940, chúng ta đã chọc thủng được phòng tuyến địch.

“Phần anh và các đơn vị thuộc quyền, chúng tôi giao cho một trong những nhiệm vụ quan yếu nhất trong khung cảnh cuộc Tổng phản công. Trong vai trò đơn vị tiền đạo, anh phải chiếm một hay nhiều cây cầu trên sông Meuse giữa Liège và Namur. Anh sẽ thi hành nhiệm vụ nhờ mưu kế này: binh sĩ của anh sẽ mặc quân phục Anh-Mỹ. Nhờ mưu kế này địch đã cho ta nhiều vỏ nặng, trong các cuộc hành quân cảm tử. Ví dụ cách đây mấy hôm khi tiến chiếm Aix-la-Chapelle, một bộ phận quân Mỹ mặc quân phục Đức đã xâm nhập vào phòng tuyến của ta. Ngoài ra, những toán nhỏ được hóa trang như vậy, đứng sau phòng tuyến địch, có thể ra lệnh giả, phá rối hệ thống truyền tin, và nói tổng quát, có thể gieo rắc hỗn loạn trong hàng ngũ Đồng minh. Công cuộc chuẩn bị của anh phải hoàn tất trước ngày 1 tháng 12. Về phần chi tiết anh hãy đến gặp Đại Tướng Jodl.

“Tôi biết rằng thời hạn này quá ngắn, tuy nhiên tôi tin anh có thể làm chuyện thiên nan vạn nan. Lẽ tất nhiên, anh cũng sẽ ở ngoài tiền tuyến khi binh sĩ thuộc quyền bắt đầu hành động. Nhưng tôi cấm anh mạo hiểm đi qua phòng tuyến địch; chúng tôi không được phép để mất anh”.

Vài giờ sau, Đại Tướng Jodl tiếp tôi và nhờ một bản đồ, ông giải thích cho tôi vài chi tiết của chiến dịch. Cuộc tổng phản công sẽ bắt đầu từ vùng nằm giữa Aix-la-Chapelle và Lục-Xâm-Bảo, hướng về phía hải cảng Anvers và làm như vậy là cắt ngang đạo quân thứ hai của Anh và các thành phần quân đội Mỹ chiến đấu trong vùng Aix. Cùng lúc đó, Bộ Tổng Tư lệnh Tối cao dự liệu một tuyến che chở ở phía Nam (Lục-Xâm-Bảo – Namur-Louvain) và một tuyến ở phía Bắc (Eupen – Liege – Longeren – Hasselt cho đến kinh Albert).

Trong các điều kiện tối hảo, Anvers sẽ bị tái chiếm trong vòng 7 hôm. Mục tiêu tối hậu của chiến dịch là tiêu diệt lực lượng địch phía Bắc phòng tuyến Anvers – Bỉ, và trong vùng Bastogne.

Toàn bộ các đơn vị tham dự cuộc Tổng phản công, mang danh hiệu Đạo quân B, được đặt dưới quyền Thống chế Model. Đạo quân gồm có quân đoàn 6 Thiết kỵ (Tuớng Waffen SS Dietrich), quân đoàn 5 Thiết kỵ (Tuớng Von Manteuffel) và quân đoàn 7, được sắp xếp như vậy từ Bắc xuống Nam. Sau một đợt pháo kích dữ dội, nhưng ngắn thôi (tôi nghĩ đến 6.000 khẩu mà Fuhrer vừa nói với tôi) các cánh quân phải chọc thủng phòng tuyến địch tại nhiều điểm chọn lựa theo quan niệm chiến thuật.

- Phần anh, Skorzeny, anh sẽ hành động trong khu vực trách nhiệm của Quân đoàn 6 Thiết kỵ. Đây là một bảng nghiên cứu có thể làm anh thích: nó trình bày tình hình sẽ diễn biến 24 giờ sau khi cuộc Tổng phản công bắt đầu.

Trên tấm bảng đồ mà Đại Tướng Jodl trải ra trước mặt, chúng tôi thấy Bộ Tổng Tư Lệnh Tối cao tin có thể tấn công, vào lúc đó, trên phòng tuyến Eupen-Verviers-Liege, và nghĩ rằng có thể thành công trong việc thiết lập ở trung tâm, hai đầu cầu bên kia bờ sông Meuse. Mặt khác, người ta đã tiên liệu các cuộc tấn công dữ dội, do các đơn vị trừ bị của Đồng minh, vào mạn sườn phía Bắc của hướng Tổng phản công của chúng tôi.

Trước khi cho tôi rút lui, Đại Tướng Jodl yêu cầu tôi trình ông trong thời hạn ngắn nhất bảng liệt kê nhân sự và vật liệu cần thiết. Ông cũng cho tôi biết là Bộ Tổng Tham mưu đã ra lệnh cho tất cả các đơn vị biệt phái cho tôi tất cả quân nhân nào biết nói tiếng Anh. Lệnh này về sau tượng trưng cho lầm lỗi điển hình của việc tiết lộ tin tức hành quân – một lầm lẫn do chính cơ cấu lãnh đạo tối cao của quân lực Đức phạm phải.

Vài ngày sau tôi nhận được bảng sao của mệnh lệnh này. Đọc xong mệnh lệnh, tôi đã thấy cuộc tấn công thất bại. Lệnh do một ông lớn ký, đóng dấu “mật” có nội dung tương tự như sau:

“Lệnh cho tất cả các đơn vị Lục quân: báo cáo chậm nhất là ngày... tháng 10 năm 1944, các sĩ quan và binh sĩ nói tiếng Anh, tình nguyện tham dự một sứ mạng đặc biệt... Lên đường đến Friedenthal, gần Bá-linh để gia nhập các đơn vị cảm tử của Trung tá Skorzeny”.

Tôi đùng đùng nổi giận. Các cơ quan tình báo Đồng minh đánh hơi được vụ này rồi, không còn chối cãi được nữa. Sau chiến tranh, tôi được biết rằng chưa đầy 8 ngày sau đó, người Mỹ đã có trong tay bản văn mệnh lệnh đó. Tôi không hiểu tại sao họ không rút ra được kết luận nào và áp dụng các biện pháp đề phòng.

Theo ý tôi, kế hoạch hành quân đã bị chôn vùi trước khi thấy ánh mặt trời. Tôi gửi về Tổng Hành Dinh lời phản kháng mạnh mẽ và “lễ phép” xin hủy bỏ sứ mạng của tôi. Lẽ tất nhiên, đơn của tôi được chuyển theo hệ thống. Vì thế Tướng SS Fegelein, anh em bạn rể của Fuhrer đã trả lời tôi như thế này: Vụ đó thật khó tin và khó hiểu, nhưng đó lại là một lý do nữa để đừng nói gì với Fuhrer. Do đó việc hủy bỏ nhiệm vụ không thể được.

Cũng trong thời kỳ đó, tôi được dịp tiếp xúc thích thú với một sĩ quan tham mưu của Tướng Winter. Viên sĩ quan này đã trình bày với tôi khía cạnh pháp lý của công tác. Theo ông, các cảm tử quân sẽ bị bắt, khi bị bắt, đối xử như các gián điệp và chịu hậu quả nặng. Riêng đối với toàn thể đơn vị của tôi, luật quốc tế nghiêm cấm một quân nhân sử dụng vũ khí của mình trong khi trên người khoác bộ quân phục của địch. Ông ta khuyến cáo tôi như sau: binh sĩ của tôi sẽ mặc bên trong bộ quân phục địch, bộ đồng phục Đức. Đến khi bước qua giai đoạn tấn công thật sự, họ sẽ cởi bỏ quân phục Anh hoặc Mỹ. Tất nhiên là tôi nghe theo khuyến cáo này.

*

Hiện tại, chúng tôi đã có thể bắt tay vào công cuộc chuẩn bị. Các đơn vị của tôi sẽ hợp thành Lữ đoàn 150 Thiết kỵ. Căn bản kế hoạch của tôi rõ ràng là thời biểu do Bộ Tổng Tư Lệnh Tối cao ấn định cho toàn thể cuộc Tổng phản công. Theo thời biểu này, đạo quân của chúng tôi phải chọc thủng phòng tuyến địch ngay trong ngày đầu tiên. Ngày thứ hai, chúng tôi phải tới và vượt qua sông Meuse. Vậy chúng tôi có quyền ước tính rằng đến cuối ngày thứ nhất, các mảnh vụn của các lực lượng Đồng minh sẽ tháo chạy lui.

Trong giả định đó, chúng tôi biết rằng phải ứng biến để tự xoay trở lấy. Vì cuộc Tổng phản công được ấn định vào đầu tháng 12, chúng tôi chỉ còn có một tháng mấy ngày – Thời hạn rõ rệt không đủ để tổ chức và huấn luyện cả một đơn vị tân lập, nhất là đơn vị này lại được giao phó cho một sứ mạng đặc biệt. Đó gần như một chuyện không thể thực hiện được, chúng tôi ý thức rõ rệt điều đó. Nhưng vì Fuhrer đã lưu ý đến sự thiếu sót này, nên tôi cũng an tâm.

Để nắm vững tất cả những gì bất ngờ có thể xảy ra, chúng tôi ấn định ba mục tiêu chính yếu: các cây cầu bắc ngang sông Meuse tại Engis, Amay và Huy. Do đó chúng tôi sẽ cắt khu vực trách nhiệm của Quân đoàn VI Thiết kỵ ra thành ba dãy đất mỗi phần bắt đầu từ các cây cầu kể trên. Theo kế hoạch này, chúng tôi tổ chức ba đơn vị chiến đấu mang các danh hiệu nên thơ là X, Y và Z.

Trên nguyên tắc chúng tôi được xem là Lữ đoàn Thiết kỵ. Tuy nhiên sự chỉ danh đại ngôn này chỉ là một trò bịp. Chúng tôi đã sớm biết điều này. Ngay lúc thiết lập danh sách dụng cụ đầu tiên, chúng tôi được trả lời là không thể nào cung cấp các chiến xa bắt được của địch cho nguyên cả một Trung đoàn. Có lẽ người ta chỉ cung cấp cho chúng tôi một số chiến xa Anh, Mỹ đủ cho một Tiểu đoàn, và còn... Thật là một khởi điểm xấu!

Tuy nhiên, yêu cầu của chúng tôi rất khiêm nhường. Để tiết kiệm nhân lực, chúng tôi không tổ chức các cơ quan phụ, theo đó, Lữ đoàn của chúng tôi gồm có, theo đề nghị của tôi:

2 Đại đội thiết kỵ, mỗi đại đội 10 chiến xa.

3 Đại đội thám sát, mỗi đại đội có 10 thiết vận xa.

3 tiểu đoàn bộ binh cơ giới.

1 liên đội phòng không D.C.A. nhẹ.

2 liên đội “săn chiến xa”.

1 trung đội phóng lựu.

1 liên đội truyền tin.

1 bộ tham mưu, rất hạn chế, cho Lữ đoàn.

3 ban tham mưu, cũng rất hạn chế, cho 3 Tiểu đoàn.

1 đại đội chỉ huy.

Tổng quát, vào khoảng 3.300 người.

Nhưng thêm vào đó, còn có các bảng liệt kê vô tận, liên quan đến vũ khí, đạn dược, xe cộ, quân phục, vật dụng trang bị. Chính chúng tôi cũng bắt đầu sợ hãi khi nghĩ đến việc phải có từng ấy thứ trong vòng có vài tuần. Bởi vì, từ chiến xa hạng nặng cho đến đồng phục, mọi thứ đều phát xuất từ chiến lợi phẩm bắt được của địch. Thế mà, kho dự trữ dụng cụ bắt được của Đồng minh hiện nay của chúng tôi, không quan trọng lắm. Trong những tháng gần đây, quân Đức chỉ có thối lui, không tổ chức được cuộc tấn công quan trọng nào; cho nên chúng tôi không thể chiếm đoạt thêm một món nào cả.

Ngày 26 tháng 10 năm 1944, khi tôi trình lên Đại Tướng Jodl kế hoạch thành lập “Lữ đoàn thiết kỵ” của tôi cũng như bảng liệt kê nhu cầu vật liệu, một lần nữa được lưu ý là vì thiếu thì giờ, chúng tôi phải tự ứng biến. Ngoài ra, tôi nói với ông rằng theo ý tôi chiến dịch – mang tên chiến dịch Con Rồng – chỉ có

thể thành công với điều kiện được phát động trong đêm kế sau khi cuộc Tổng phản công bắt đầu, nhờ đó chúng tôi có thể lợi dụng yếu tố bất ngờ và sự hỗn loạn trong hàng ngũ đối phương. Để được như vậy, các Sư đoàn của tuyến đầu phải đạt các mục tiêu ngay trong đêm đầu tiên, nghĩa là trong khu vực liên hệ đến chúng tôi, các sư đoàn ấy phải vượt qua đỉnh một ngọn núi có tên là Haut Venn. Nếu tình hình xảy ra khác đi, tôi bắt buộc phải từ chối sứ mạng giao phó. Hơn nữa tôi yêu cầu cung cấp các không ảnh về ba cây cầu mà các đơn vị tôi phải chiếm giữ.

Tôi nhận được sự chấp thuận thành lập Lữ đoàn một cách dễ dàng, cũng như Bộ Tổng Tư lệnh đã hứa hậu thuẫn hết mình cho tôi trong việc xin cung cấp vật liệu. Tôi liền lợi dụng ngay sự dễ dãi để yêu cầu bổ nhiệm ba Tiểu đoàn trưởng dày kinh nghiệm và sự biệt phái, ngoài số quân tình nguyện, các đơn vị thuần nhứt của Lục quân, các đơn vị này sẽ là khung sườn của Lữ đoàn được thành lập vội vã. Quả nhiên, người ta bổ nhiệm ba Trung Tá giàu khả năng, và ít lâu sau, hai Tiểu đoàn dù của Không quân, hai Đại đội thiết kỵ của Lục quân và một Đại đội truyền tin. Các toán quân này sẽ tăng cường cho hai Đại đội thuộc “đơn vị đặc biệt” và Tiểu đoàn dù của tôi.

Chỉ còn lại vấn đề các quân nhân tình nguyện “biết nói tiếng Anh”. Tám ngày sau khi phổ biến – danh từ còn nhẹ quá – “mệnh lệnh mật” trừ danh, khi 100 quân nhân tình nguyện đầu tiên đến Friedenthal, tôi bị một cơn phiền muộn thật sự hành hạ. Tôi muốn đem bắn bỏ luôn cả đám. Nhiều giáo sư cố gắng phân họ ra làm ba loại. Loại thứ nhất gồm các quân nhân nói lưu loát, dùng giọng Anh hay giọng đặc biệt Mỹ, số quân nhân này tuyệt đối không tăng thêm chút nào. Trong khi tôi cần hàng trăm, chúng tôi chỉ thấy có một hai người xứng đáng được liệt vào loại này.

Vả chăng, phải thú nhận rằng chính tôi cũng đang còn yếu Anh văn. Tội nghiệp thay, tôi cứ lợi dụng các giờ học Anh ngữ để “quấy rầy” vị giáo sư đáng thương của chúng tôi! Nhưng tôi đang cố gắng bắt kịp thời gian bị mất và đôi khi đặt được một câu thật khá. Một hôm, tôi làm quen với một sĩ quan phi công tự cho là thuộc loại thứ nhất. Tôi bèn hỏi anh ta một cách tự nhiên:

- Give me your story about last your duty, please (2).

Cậu ta bối rối, ngập ngừng, và rồi nói đại:

- Yes, Herr Oberstleutnant, I “became” my last order “before” five month... (3) - lại do dự nữa, và rồi hấp tấp nói thêm bằng tiếng Đức: - Nếu Trung Tá cho phép, tôi sẽ trình bày chuyện đó bằng tiếng mẹ đẻ...

Thế đó! Và tôi phải bằng lòng chấp nhận vậy. Người ta không thể làm nhục một quân nhân tình nguyện có vẻ rất hăng say. Nhưng với thành tích như vậy, anh ta chắc chắn sẽ không lừa được một người Mỹ nào. Có hoạ là anh Mỹ này điếc!

Sau hai tuần, khi sự lựa chọn những người tình nguyện chấm dứt, chúng tôi đứng trước một kết quả đáng sợ: loại thứ nhất gồm tất cả là 12 người đa số là các cựu thủy thủ; loại hai, gồm những người nói khá trôi chảy, tổng cộng chừng 30, 40 người, phần lớn cũng là cựu thủy thủ. Loại thứ ba, chừng 150 người biết cách ứng phó bằng Anh ngữ. Loại thứ tư, các binh sĩ không hẳn đã quên hết các bài học ở trường - gồm chừng 200. Phần còn lại, chỉ biết nói độc có “Yes” và “No”. Thế cho nên tôi bắt buộc phải lập một Lữ đoàn câm điếc, vì sau khi bổ nhiệm 120 quân nhân trong số các “nhà ngôn ngữ” xuất sắc nhứt cho Đại đội chỉ huy, tôi chẳng còn ai nữa cả. Vậy thì chúng tôi sẽ tìm nhập vào các cánh quân Mỹ đang chém về, cùng chạy trốn với họ, răng nghiến chặt, làm như tai hoạ rộng lớn đã khiến chúng tôi bị á khẩu. Để làm cho tình trạng thê thảm ấy khá hơn, chúng tôi gởi các quân nhân loại hai vào một trường thông dịch viên và đến một trại tù binh Mỹ. Tuy nhiên vì các khoá huấn luyện này chỉ kéo dài có tám ngày nên kết quả không đáng kể.

Đối với đa số quân nhân của đơn vị - những người không biết một tiếng Anh nào – chúng tôi chỉ nhét vào họ một vài tiếng chửi thề thông dụng của các chú G.I (lính Mỹ), cũng như ý nghĩa của vài tiếng “yes, no, O.K”. Ngoài ra chúng tôi lập đi lập lại với họ suốt ngày các ước hiệu chỉ huy chính yếu đang được sử dụng trong quân đội Mỹ. Và đây là tất cả những gì chúng tôi làm được về phương diện ngôn ngữ để nguy trang cả Lữ đoàn.

Nhưng tất cả các sự tệ hại đó cũng còn chưa thấm gì. Tình trạng trang bị cho đơn vị mới thật là tai hại vô cùng tận. Chúng tôi phải nhìn nhận ngay là chẳng bao giờ chúng tôi có đủ chiến xa kiểu Mỹ. Sau cùng, đến ngày dự liệu khởi sự tổng phản công, chúng tôi sung sướng nhận được hai chiến xa Sherman. Tôi xin nói lại: hai chiến xa mà một chiếc tuyên bố bỏ cuộc ngay sau khi chạy được vài cây số. Để thay vào chỗ chiến xa Mỹ bị thiếu, đơn vị thanh tra thiết kỵ cấp cho chúng tôi 12 chiếc Panther của Đức. Chúng tôi ra sức nguy trang chúng bằng cách lấy tôle bọc các khẩu súng và pháo tháp để ít ra là tạo được hình thù giống như chiếc Sherman. Kết quả không mấy khả quan, chiến xa của chúng tôi không lừa được ai ngoại trừ mấy chú tân binh - và lại còn phải thêm điều kiện là cho xuất hiện từ xa, lúc hoàng hôn mới được.

Mặt khác chúng tôi nhận được mười xe bọc sắt của Anh và Mỹ. Chúng tôi moi óc tìm cách sử dụng kiểu xe của Anh, điều này thật nan giải, vì chúng tôi phải chiến đấu trong khu vực thuộc trách nhiệm của các đơn vị Mỹ. Sau cùng các chiến xa này không còn làm chúng tôi lo âu nữa, bởi vì, ngay trong các lần thực tập đầu tiên, chúng đã bị hư hỏng hoàn toàn không sửa chữa được. Chỉ còn lại bốn chiếc kiểu Mỹ và như vậy là chúng tôi phải bỏ tít bằng cách sử dụng các xe bọc sắt của Đức.

Cơ quan tiếp liệu còn gởi cho chúng tôi chừng ba mươi chiếc Jeep. Nhưng mà tôi vẫn hy vọng các đơn vị bạn ở mặt trận Miền Tây có được một số đáng kể loại xe này. Khốn thay các sở hữu chủ loại xe thích hợp cho mọi thể đất đó lại tỏ ra khó khăn không muốn chia xẻ chúng cho chúng tôi. Do đó họ quyết định làm như không biết lệnh cung cấp các xe này cho đơn vị của tôi. Sau cùng, chúng tôi tự an ủi bằng cách hy vọng sẽ tự kiếm được vài chiếc ngoài mặt trận khi cuộc tổng phản công khởi sự. Chính niềm hy vọng mơ hồ và lừa phỉnh này đã ảnh hưởng đến Bộ Tổng Tư lệnh tôi cao khi hoạch định cuộc Tổng phản công: Trên đó người ta tin rằng địch quân sẽ bị bắt buộc bỏ lại rất nhiều xăng. Lại một ảo tưởng nguy hiểm và thâm hại nữa!

Riêng phần xe chuyển vận, họ cấp cho chúng tôi mười lăm chiếc kiểu Mỹ và các xe Ford sản xuất tại Đức được sơn lại màu xanh. Còn vũ khí thì quá tẻ nhạt. Chúng tôi có đúng 50% súng Mỹ cần thiết và vài khẩu súng chống chiến xa, tuy nhiên lại không có một viên đạn nào! Một hôm, chúng tôi nhận được nhiều toa xe chở đạn Mỹ, nhưng hôm sau đó, chúng lại bị nổ tung. Ngoại trừ Đại đội chỉ huy, tất cả các đơn vị khác của chúng tôi phải sử dụng vũ khí Đức.

Nhưng điều cốt yếu là quân phục. Đó là điều kiện không có không được, vì nếu quân phục không đúng qui tắc sẽ lôi kéo lập tức sự chú ý của M.P. (quân cảnh) Mỹ. Một hôm, họ gửi cho chúng tôi một khối lượng quân phục khổng lồ để hàng đồng lộn xộn - Khốn thay, đó lại là quân phục Anh. Tiếp theo đó, người ta lại chở đến cả một toa xe lửa toàn là loại áo mưa có nón trùm đầu - nhưng chúng lại mang hình tam giác, dấu hiệu của tù binh chiến tranh! Phần tôi, Tư Lệnh Lữ đoàn, người ta kiếm đâu ra được một chiếc áo pull-over Mỹ. Một chiếc pull-over thôi, ngoài ra không còn gì nữa. Sau cùng nhờ mưu mẹo, chúng tôi cũng lo cho binh sĩ ăn mặc thích hợp, nhất là Đại đội chỉ huy. Cái gì còn thiếu sẽ bỏ tít sau, trong khi tiến quân, nhờ các kho quần áo mà lúc trốn chạy, địch quân phải để lại cho chúng tôi.

Trong khi phải vật lộn với các khó khăn kể trên, Trung Tá Hardieck đã bắt đầu lo huấn luyện binh sĩ. Để giữ bí mật, khu vực huấn luyện bị cấm lai vãng, chúng tôi còn cấm cả thư từ đi lại. Lẽ tất nhiên, những tin đồn khó tin nhất về mục tiêu của công cuộc chuẩn bị bí mật được loan truyền trong đơn vị. Các binh sĩ biết rằng tôi sẽ chỉ huy Lữ đoàn, nên họ chờ đợi một hoạt động đồng loại với việc giải cứu Mussolini. Tóm tắt, Trung Tá Hardieck không ngăn chặn được sự tò mò của mọi người, mặc dù ông đã cho áp dụng các biện pháp nghiêm khắc để cắt ngang các luồng dư luận điên rồ đó. Lập tức người ta bàn luận thật nhiều trong các doanh trại rằng ông ta lo sợ vì sự bí mật của chiến dịch. Ông ta đành phải báo cáo tình hình với tôi.

Trong văn phòng tại Friedenthal, tôi dựng tóc gáy khi biết các câu chuyện tưởng tượng mà binh sĩ của đơn vị đồn đãi. Dầu sao họ cũng không thiếu trí tưởng tượng! Một số cho rằng, do nguồn tin chắc chắn, Lữ đoàn sẽ đi ngang qua nước Pháp để giải phóng một đồn binh còn bị kẹt tại Brest. Các tác giả cho rằng sẽ có việc giải thoát những quân nhân Đức đang trấn giữ thị trấn Lorient. Họ đã thấy tận mắt kế hoạch giúp chúng tôi tiến vào pháo đài. Và còn có cả tá giả thuyết nữa. Điều này không làm trở ngại gì cho chúng tôi, nếu chúng tôi không sợ các tin đồn ấy thì phản gián địch cũng sẽ không thêm chú ý mấy đến công cuộc chuẩn bị của chúng tôi. Làm sao có thể dập tắt được cơn binh truyền nhiễm đầu láo được? Theo ý tôi, phương pháp đơn giản nhất lại hữu hiệu nhất: từ nay chúng tôi sẽ không cải chính bất cứ tin đồn nào nữa và thêm vào đó vừa giả vờ ngạc nhiên khi thấy binh sĩ thạo tin quá! Làm như vậy, chúng tôi hy vọng gieo được sự rối trí cho các cơ quan tình báo Đồng minh.

Cùng với thời gian trôi qua - thời gian trôi nhanh quá - chúng tôi đẩy mạnh công cuộc huấn luyện. Chúng tôi lập đi lập lại dưới nhiều hình thức chủ đề huấn luyện chính: Vùng đầu cầu. Trong một lãnh vực khác, chúng tôi cố làm cho binh sĩ từ bỏ tác phong quá cứng nhắc, kết quả của việc đào tạo quân nhân của Đức với các biện pháp kỷ luật quá đáng và vô ích. Cuối cùng, họ được tập quen cả việc nhai kẹo cao su và cách mở bao thuốc lá đặc biệt kiểu Mỹ.

Thật ra, đơn vị duy nhất của Lữ đoàn được nguy trang hoàn hảo nhất là đại đội chỉ huy. Do đó chúng tôi quyết định sẽ rất hà tiện người thuộc đại đội này. Và lại chúng tôi cũng không thể chỉ thị trước cho họ các mục tiêu chính xác. Công cuộc huấn luyện được hướng theo chiều để cho binh sĩ quyền tự do rộng rãi trong khi hành động. Vì họ là các tiền sát viên mặt trận, họ sẽ cung cấp các dịch vụ vô giá cho toàn thể Binh đoàn. Họ cũng phải góp phần tạo thêm sự hỗn loạn trong hàng ngũ địch bằng cách loan truyền các

tin tức giả, phóng đại kết quả đầu tiên của các Sư đoàn Đức, thay đổi các bảng chỉ đường, ra các mệnh lệnh tương tự, cắt đường dây điện thoại, và phá hủy các kho dự trữ đạn dược.

Một hôm, tôi đến thanh tra đơn vị, một sĩ quan của đại đội chỉ huy xin gặp riêng tôi. Hết sức long trọng, anh ta nói với tôi:

- Thưa Đại Tá, bây giờ em biết mục tiêu của chiến dịch mà chúng ta đang chuẩn bị rồi.

Trong thoáng chốc, tôi lộ vẻ bối rối. Phải chăng Foelkersam hay Hardieck - những người duy nhất hiểu nhiệm vụ bí mật - đã vô tình tiết lộ bí mật của chiến dịch rồi? Nhưng rõ ràng là rất bằng lòng về những lời nói giáo đầu của mình, viên sĩ quan thì thăm tiếp:

- Lữ đoàn sẽ đến thẳng Ba-lê để bắt Bộ Tham Mưu Đồng minh.

Thật quá sá! Tôi phải kiềm chế để khỏi cười phá lên. Tôi chỉ phát biểu mấy tiếng: hừm... hừm... không có gì biểu đồng tình lắm.

Nhưng như thế cũng đủ để kéo dài thêm niềm phấn khởi của anh ta:

- Vì biết rõ Ba-lê như túi áo, xin Đại tá cho phép em được hợp tác.

Tất nhiên là tôi im lặng.

Khi tôi hỏi anh ta đề nghị gì, anh ta trình bày với tôi cả một kế hoạch chi tiết. Một toán tù binh giả được bao bọc bởi các quân nhân nói tiếng Anh giỏi sẽ đi thẳng đến Ba-lê. Ngay cả các chiến xa Đức cũng có thể tham dự cuộc hành trình như là chiến lợi phẩm đem về trình Tổng Hành Dinh Đồng Minh.

Tôi ngăn dòng suối chữ do anh ta tuôn ra, một cách khó nhọc. Sau cùng, tôi cho anh ta lui và bảo rằng nghiên cứu kế hoạch thật chi tiết rồi đến gặp tôi sau... và nhất là phải im lặng. Sau đó tôi biết là anh ta không để tâm đến điểm lưu ý sau cùng. Trong nhiều tuần lễ liền, phản gián địch đã canh chừng quán café de la Paix, mà tôi có đề cập đến trong câu chuyện với anh ta.

*

Vào khoảng giữa tháng 11, Bộ Tổng Tư Lệnh dời ngày khởi sự Tổng phản công, thay vì ngày 1 tháng 12, nay được định là ngày 10, rồi ngày 16 tháng 12. Công việc sắp xếp các đơn vị chưa hoàn tất, trang cụ còn thiếu sót. Việc dời ngày liên tiếp đó cho thấy rằng chính lực lượng nhân sự và phương tiện trừ bị sau cùng được tung ra trong đợt Tổng phản công này.

Điều này cũng đã gây tranh luận hàng ngày tại Tổng Hành Dinh của Fuhrer, tôi được gọi tham dự ba lần vào các cuộc bàn cãi đó. Mỗi lần, tôi đều nghe Sư đoàn này thiếu chiến xa, Sư đoàn kia thiếu súng, thiếu xe vận tải. Tôi được biết rằng Tướng Guderian Tư lệnh mặt trận Miền Đông (4) từ chối từng chiếc chiến xa, từng Tiểu đoàn mà người ta muốn rút để tăng cường cho mặt trận Miền Tây. Tổng quát khả năng hiện tại của chúng tôi cũng tương tự như một tấm "ra" quá nhỏ đối với chiếc giường quá lớn. Khi muốn che đậy chân, nghĩa là Miền Tây, bắt buộc phải để hở đàng đầu, nghĩa là Miền Đông.

Một hôm, phúc trình của Không quân cho thấy rằng ngay cả sự can đảm vô bờ của phi công Đức cũng không thể nào bù trừ được với ưu thế về số lượng của Đồng minh. Đột nhiên, tôi nghe kể một con số: "250 phần lực cơ sẽ tham dự cuộc Tổng phản công tại Ardennes". Tôi không tin ở tai mình nữa. Đây có phải là tất cả những gì còn lại của số 2.000 phần lực cơ mà Fuhrer đã nói với tôi hôm 22 tháng 10 không? Nhưng Hitler hình như cũng chẳng thêm nghe nữa. Rõ ràng là ông đã từ khước sự thất bại của Không lực. Cuối cuộc bàn cãi, Fuhrer nhắc tôi một lần nữa lệnh cấm tôi đi qua phòng tuyến địch. Tôi phải chấp nhận điều binh bằng radio vậy. Lệnh cấm này, được ban hành bằng giọng nghiêm khắc, làm cho tôi hết sức khổ tâm vì tôi hy vọng rằng Fuhrer không còn nghĩ tới nó nữa. Liệu tôi có bị lên án là đã ở lại phía sau, trong khi các bằng hữu xông pha trong trận chiến tuyệt vọng không? Đó là lần đầu tiên có chuyện như vậy! Tôi quyết định sẽ cho các Tiểu đoàn trưởng biết lệnh này - một công việc không lấy gì làm thoải mái cho tôi - và thêm rằng tôi sẽ đến với họ khi tình hình nguy cấp. Dầu sao, tôi cũng không chịu ngồi bó chân trong văn phòng Bộ Tham mưu, tôi sẽ tìm đến một chỗ nào đó gần tiền tuyến.

Hình như cho đến nay, công cuộc chuẩn bị của chúng tôi thoát khỏi sự rình rập của Đồng Minh. Phòng tuyến địch vẫn êm lặng và không có thêm lực lượng tăng cường nào. Quân Mỹ dường như chờ đợi một thời gian nghỉ ngơi dài. Tôi tin rằng họ sẽ không được hưởng thụ lâu nữa.

*

Trong các đêm 13, 14 tháng 12, chúng tôi sẵn sàng vào vị trí khởi hành. Ngày 14, tôi chính thức nắm quyền chỉ huy Lữ đoàn thiết kỵ. Trong một căn nhà gỗ của người giữ rừng, tôi ra các chỉ thị cuối cùng cho các Tiểu đoàn trưởng. Trước hết phải giữ liên lạc thường xuyên. Sau đó, tôi nhấn mạnh phải tránh nổ súng bằng mọi giá. Một tiếng súng nổ có thể làm hỏng cả chiến dịch, các đơn vị phải tiến, tiến mãi và đừng để bất cứ chuyện gì ảnh hưởng đến. Phải xem tận chỗ để biết phải chiếm các cây cầu bằng cách nào. Trong tất cả mọi trường hợp, không được tham dự vào một trận đánh thật sự vì lực lượng yếu quá. Và

chăng kế hoạch chỉ có thể thành công với hai điều kiện: phòng tuyến địch phải tan vỡ, và đơn vị phải đi sâu vào phòng tuyến địch ngay trong ngày đầu tiên.

Trong đêm 15 rạng ngày 16 tháng 12, không ai chợp mắt được. Chúng tôi chờ lên đường vài giờ sau khi cuộc Tổng phản công bắt đầu. Ba bộ phận truyền tin của tôi được đặt ở ven rừng. Chúng tôi chuyển các mệnh lệnh đầu tiên của tôi cho ba Tiểu đoàn chiến đấu: các Tiểu đoàn phải bố trí sau đơn vị thiết kỵ. Họ phải chờ lệnh tôi để mặc quân phục, ngụy trang vào và tiến theo các chỗ hở của phòng tuyến địch. Hiện tại, tất cả chúng tôi đều chờ đợi trong một trạng thái tinh thần căng thẳng tốt độ. Rất chậm, thật chậm, bình minh ngày 16 tháng 12 năm 1944 ló dạng.

Đồng loạt, hàng ngàn đại bác nổ vang, phóng một màn lưới đạn vào vị trí địch. Lập tức dàn đại pháo tiến lên, tầm bắn nói rộng dần, pháo binh của Đức đã khởi sự tấn công. Không thể ngồi tại chỗ, tôi tìm đến Bộ Tham mưu Quân đoàn.

Đến 7 giờ sáng, các báo cáo đầu tiên được gửi về. Không có gì sáng sủa lắm, nhưng ngày còn dài. Hỏa lực pháo binh cực mạnh của Đức, hình như không làm các đơn vị Mỹ gần Loosheim nao núng. Địch quân chống trả với sự táo bạo không ngờ, cuộc tấn công của chúng tôi dậm chân tại chỗ. Chúng tôi chờ đợi, răng nghiến chặt. Đến trưa, báo cáo cho biết đã đụng độ ác liệt, chiếm được vài phần đất – nhưng chắc chắn đó không phải là chọc thủng phòng tuyến như dự trù.

Tôi tự hỏi tại sao Bộ Tư lệnh chưa tung chiến xa ra. Chúng đã tiến được vài cây số - đúng phần đất vừa chiếm được – và hiện tại chúng tạo thành tuyến hỏa lực của pháo binh. Các đơn vị chiến đấu của tôi vẫn ở sau các đơn vị chiến xa.

Một lát sau, radio báo cáo cho tôi cái chết của Trung tá Hardieck. Đại úy Foelkersam lên nắm quyền chỉ huy Tiểu đoàn.

Ngày 16 trôi qua và Quân đoàn 6 thiết kỵ chưa thu đạt được kết quả quyết định. Ngay từ đầu buổi chiều, ai cũng biết là phải gọi chiến xa, nếu vẫn còn muốn chọc thủng phòng tuyến địch. Để có thể có một cái nhìn tổng quát, tôi thử lái xe đến tận Loosheim. Trên đường đủ mọi loại xe tạo thành cảnh kẹt cứng. Để tới được thành phố nhỏ bé kia, tôi phải xuống xe không ngừng la hét, chửi thề, ra lệnh cho tài xế các xe vận tải làm kẹt đường và như vậy là tôi đã đi bộ 10 cây số. Tại Loosheim, người ta có thể nghe rất rõ tiếng súng. Trong các cánh rừng bao quanh thành phố, quân dù ra mặt trận từ sáng đang khó nhọc tiến lên, xé về phía Nam, tình hình có vẻ khá hơn.

Tại Loosheim tôi gặp một bộ phận thuộc Đại đội chỉ huy của tôi, nghĩa là đơn vị mà tôi giữ lại để đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp. Tức khắc tôi phải lấy một quyết định cực kỳ quan trọng: rõ ràng là các đơn vị của tôi hôm nay không đến được các mục tiêu phải chiếm nội trong ngày đầu. Theo lý mà nói, tôi phải hủy bỏ “chiến dịch con Rồng” – chiến dịch do tôi trách nhiệm thực hiện, và được soạn thảo công phu biết bao! Tuy nhiên tôi không phải là người bỏ cuộc dễ dàng. Và chẳng tôi vẫn còn một hy vọng nếu các chiến xa tấn công đêm nay, cuộc Tổng phản công vẫn còn có thể thành công. Vậy tôi sẽ đợi 24 giờ nữa. Nếu ngày mai chúng tôi vượt qua được đỉnh núi Haut Venn, quân lực chúng tôi có hy vọng đến được sông Meuse, lúc đó việc chiếm giữ trước các cây cầu bởi các đơn vị thuộc Lữ đoàn của tôi, sẽ quyết định số phận của trận chiến.

Với những quân nhân hăng say nhất của Đại đội chỉ huy, tôi tổ chức ba toán phụ trách gây rối loạn sau hậu tuyến địch. Tôi ra lệnh cho họ tìm cách xâm nhập vào sau phòng tuyến địch xa về phía Nam, để có sức thi hành các nhiệm vụ phức tạp được giao phó. Tôi yêu cầu họ đặc biệt nhắm khai thác ba con đường mà ba Tiểu đoàn chiến đấu bạn sẽ đi qua nếu tình hình diễn tiến tốt đẹp.

Sau đó tôi trở lại Bộ Tư lệnh Quân đoàn. Vào nửa đêm, chiến xa khởi sự tấn công. Những tin tức đầu tiên về cuộc tiến quân của chiến xa đến với chúng tôi có lẽ vào lúc hừng đông. Sau 36 giờ không nghỉ ngơi, tôi hoàn toàn mệt mỏi, tôi nằm dài trên một tấm đệm và đắm chìm tức khắc vào một giấc ngủ mê mết.

Ít lâu sau tôi được đánh thức và được báo cho biết toán quân thứ nhất đã trở lại. Các tin tức được mang về chắc sẽ làm Bộ Tổng Tư lệnh hài lòng. Đến 5 giờ sáng, Bộ Tham mưu nhận được điện văn đầu tiên của Đơn vị chiến xa: “vừa chiếm được làng Honsfeld, địch quân chống trả mạnh mẽ”. Có thể là cuộc Tổng phản công tiến triển được, chúng tôi nghĩ thầm. Ngay sau đó, đơn vị chiến xa xung trận ở phía Nam cũng loan báo tiến chiếm được đất đai đáng kể.

Sáng sớm, Bộ Tham mưu phải di chuyển dần về phía Tây, trong vùng Manderfeld. Tôi quyết định đến đó trước để dò đường. Đường xá bị kẹt còn hơn cả hôm qua. Một dọc xe nối đuôi nhau nhích từng bước một – từng 50 thước – 100 thước – và 50 thước nữa. Tôi mất bình tĩnh, quay trở lại và tìm các lối đi mới mở, xe chạy được. Nhưng khi vừa đến một làng khác tôi lại rơi vào tình trạng kẹt xe. Tôi phải bỏ xe để đi bộ. Đôi khi, nhờ kiên nhẫn, tôi giải tỏa được cả một đồng xe dòn cục. Mỗi khi thấy một sĩ quan ngồi nghỉ mệt

thong thả nơi ghé đệm trên xe, tôi yêu cầu ông ta xuống xe và thử điều khiển tình trạng lưu thông quá sức tưởng tượng này.

Trên một con đường gần Stadtkyll, một xe rờ mọc khổng lồ của Không quân đã đụng nhiều xe khác và bít luôn con lộ. Chừng 30 người cố gắng đẩy chiếc xe khổng lồ này nhưng vô ích. Khi tôi hỏi xe chờ gì, tôi hết sức ngạc nhiên được biết đó là các bộ phận rời của hỏa tiễn V1 (5). Có lẽ người ta đưa thứ này thật xa về phía tiền tuyến với hy vọng rằng trong ngày đầu tiên, phòng tuyến sẽ được đẩy lui thật sâu về phía Tây, hiện tại mệnh lệnh này không còn giá trị nữa tuy nhiên tên ngu ngốc nào đó đã quên hủy lệnh cũ đi. Thấy chiếc rờ mọc khổng lồ không muốn trở lại vị trí bình thường, tôi cho gọi tất cả những người có xe bị kẹt. Lập tức hàng trăm cánh tay làm công việc đỡ hàng, sau đó chiếc rờ mọc bị lật xuống một hồ nước bên lề đường. Trong 15 phút con đường được giải tỏa.

Buổi tối, tại Manderfeld, tôi được tham dự một thứ hội đồng chiến tranh thật sự. Đơn vị chiến xa mạn Bắc của chúng tôi chỉ có thể tiến với giá thật đắt của các trận đụng độ gay go. Hiện tại, chúng đang chiến đấu trước Stavelot, nơi đây được quân Mỹ giữ vững. Tin tức ở các khu vực khác khả quan hơn nhưng chưa phải là được như ý. Rõ rệt là địch quân bị ngạc nhiên về đợt phản công bất ngờ, nhưng họ bám chặt lấy vị trí, trong khi chúng tôi hy vọng họ bỏ chạy, và cũng không bao giờ có chuyện địch quân rút lui hấp tấp để có thể thi hành chiến dịch con Rồng một cách thành công nữa. Chúng tôi cũng không còn nghĩ đến việc quân đội Đức có thể tiến đến sông Meuse vào ngày mai hay ngày mốt. Các lực lượng trừ bị của địch đã can thiệp mạnh mẽ vào trận chiến rồi.

Trong những điều kiện đó, tôi phải từ bỏ chiến dịch, tất cả mọi ý định làm thử đều là điên rồ. Chắc chắn là tôi không vui gì khi quyết định như vậy, nhưng sau khi suy nghĩ chín chắn, tôi thấy không thể nào làm khác hơn. Tôi báo cho Bộ Tham mưu Quân đoàn 6-Thiết kỵ biết quyết định và được chấp thuận. Mặt khác, tôi báo cho các đơn vị chiến đấu của tôi và cho lệnh phân tán mỏng tại chỗ để chờ chỉ thị khác. Sau cùng, tôi đặt Lữ đoàn thuộc quyền sử dụng của đệ nhất Thiết đoàn SS – trong đơn vị này, may ra chúng tôi còn làm được một cái gì – và yêu cầu người ta giao cho một nhiệm vụ bộ binh phù hợp với khả năng của chúng tôi.

Tuy nhiên đến ngày 18 tháng 12, cuộc tiến quân của đơn vị mà chúng tôi gia nhập đã thỉnh thoảng bị dừng lại. Tại Troispoints nơi đơn vị vừa mới chiếm lúc 11 giờ sáng, các cây cầu bị giựt sập, buổi chiều, đơn vị này, may ra chúng tôi còn làm được một cái gì – và yêu cầu người ta giao cho một nhiệm vụ bộ binh phù hợp với khả năng của chúng tôi.

Tuy nhiên đến ngày 18 tháng 12, cuộc tiến quân của đơn vị mà chúng tôi gia nhập đã thỉnh thoảng bị đứng lại. Tại Troispoints nơi đơn vị vừa mới chiếm lúc 11 giờ sáng, các cây cầu bị giựt sập, buổi chiều, đơn vị còn chiếm được Gleize và Staumont. Tuy nhiên tất cả điện văn từ tuyến đầu gửi về đều yêu cầu tiếp tế xăng và đạn. Vì cả hai nhu cầu đều không được thỏa mãn, đơn vị dậm chân tại chỗ. Và mặc dù cố gắng hết sức, các xe chuyên chở tiếp liệu không làm sao đến được với chúng tôi. Hiện tại không ai còn nghĩ đến tiến quân nữa.

Sáng hôm sau lại một mối lo âu mới xuất hiện. Gần như cả mạn sườn phía Bắc của hướng Tổng phản công bị bỏ ngỏ. Nhất là từ Malmédy, một giao điểm lưu thông quan trọng, địch quân cứ đổ quân trừ bị về phía Nam để cắt đứt căn cứ xuất quân của chúng tôi. Người ta hỏi tôi có thể đảm trách tấn công thành phố ấy để trám chỗ hở của phòng tuyến không, nếu Malmédy lọt vào tay chúng tôi, các đợt phản công của địch sẽ không còn đáng sợ nữa.

Tất nhiên tôi nhận lời và ra lệnh cho 3 tiểu đoàn chiến đấu tập trung chung quanh làng Engelsdorf ngày 20 tháng 12. Tại đó tôi trình diện Bộ Tham mưu Sư đoàn 1 Thiết kỵ SS để hỏi tin tức và ước tính một cuộc tấn công ngay lập tức.

Vì không có trọng pháo, tôi quyết định đánh Malmédy cả hai mặt cùng một lúc vào sáng ngày 21 tháng 12. Mục tiêu là một dãy đồi phía Bắc thành phố, tại đó chúng tôi sẽ lại tập trung và đánh thẳng vào thành phố. Lúc đó hai con đường từ hướng Bắc gặp nhau ở Engelsdorf chỉ được bảo vệ bởi hai toán mỗi toán chín người – theo ý tôi hỏa lực che chở như vậy không đủ.

Ngày 20 tháng 12 một đơn vị tiên thám được phái đến Malmédy trở về báo cáo là thành phố được một lực lượng địch tương đối yếu gìn giữ. Trưởng toán tiên thám này là một Đại úy hải quân, ông ta báo cáo với tôi là đã thực hiện một cuộc vượt qua khu vực địch vừa đáng khen vừa đáng ngạc nhiên. Thật ra ông ta không có ý định đó nhưng vì đã đi lạc. Thỉnh linh, trong khi không hề chờ đợi như thế, ông ta thấy mình đứng gần các ngôi nhà đầu tiên của thành phố. Vài người qua đường còn hỏi là quân Đức có đến không. Hiểu rằng đã lọt vào thành phố Malmédy hãy còn do quân Mỹ chiếm đóng, ông ta vội trở lui và quay về Engelsdorf.

Tóm lại chúng tôi gặp may kinh khủng, ông ta kết luận và nhún vai cười.

Tôi suy luận từ cuộc phiêu lưu này là thành phố không được canh phòng. Có thể chúng tôi chiếm được nó mà không cần sửa soạn bằng pháo binh trước. Dầu sao tôi cũng còn mười chiến xa – những chiếc khác đã bị hư hỏng.

Trong khi chờ đợi tôi nhận được các tin tức do các toán được gửi ra hậu tuyến địch để phá rối. Trong số chín toán nhận lệnh, có sáu hay nhiều nhất là tám toán đã vượt qua được tuyến lửa. Cho đến hôm nay, tôi cũng không thể kể một con số chính xác. Tôi được biết là một vài quân nhân trẻ đã từ chối không chịu xâm nhập vào hàng ngũ Đồng minh vì thiếu can đảm. Ngược lại, hai toán đã bị bắt làm tù binh. Bốn toán khác báo cáo về rất rõ và chính xác là không thể nào làm cho quân Mỹ ngờ được. Do tính cách ly kỳ của sự kiện, tôi muốn kể vắn tắt vài mẩu chuyện lý thú:

“Ngay hôm đầu tiên, một nhóm đã thành công vượt qua kẻ hở của phòng tuyến địch và tiến cho đến Huy, gần bờ sông Meuse. Tại đó, họ lặng lẽ dừng lại trên một giao điểm lưu thông để quan sát việc chuyển quân của địch. Trưởng nhóm – team leader, nói thạo Anh ngữ, táo bạo đến nỗi dám đi dạo quanh vùng, “để nắm vững tình hình”.

Sau vài giờ, một Trung đoàn thiết giáp địch chạy ngang và viên chỉ huy đến hỏi thăm đường. Với tài ứng biến mau lẹ, trưởng toán liền trả lời hết sức bay bướm. Anh ta nói rằng “bầy heo Đức” vừa cắt đứt nhiều con đường. Chính anh ta cũng vừa mới nhận lệnh đưa binh sĩ đi vòng trở lại. Sung sướng vì được báo trước kịp thời, các chiến xa Mỹ quả nhiên đã chạy theo hướng mà viên sĩ quan của tôi chỉ cho.

Khi trở về, toán này lại cắt nhiều đường dây điện thoại và vứt bỏ nhiều bảng chỉ đường do quân Mỹ dựng lên. Hai mươi bốn giờ sau, họ trở lại phòng tuyến bạn, báo cáo nhiều điểm lý thú về tình trạng rối loạn sau lưng phòng tuyến địch.

Một toán cảm tử khác lại tiến được đến sông Meuse. Họ quan sát thấy rằng dường như Đồng minh không làm gì cả để giữ mấy cây cầu trong vùng. Lúc trở về, họ chặn ngang ba con đường dẫn tới tiền tuyến bằng cách treo những dây vải màu vằn được quân Mỹ dùng để chỉ bãi mìn. Sau đó quả nhiên chúng tôi thấy lực lượng trừ bị của địch đến tăng cường phải đi vòng qua ngõ khác.

Một toán thứ ba đã khám phá ra một kho đạn. Họ ẩn nấp cho đến tối và phá hủy kho đạn này. Sau đó họ tìm thấy một đường dây điện thoại tập trung, và họ đã cắt đường dây này ở ba nơi khác nhau.

Nhưng ly kỳ nhất phải là câu chuyện của một toán vào ngày 16 tháng 12, tự dung bỗng thấy đối diện với một vị trí chiến đấu Mỹ. Chừng hai Đại đội G.I hình như đang bảo vệ một khu vực thật dài, đang dựng các rào chắn và đặt các đại liên. Người của tôi phải một phen quá sợ, nhất là khi một sĩ quan Mỹ đến hỏi thăm tin sau cùng về tình hình mặt trận.

Sau khi hơi tỉnh trí lại đôi chút, Trưởng toán cảm tử - mặc một bộ quân phục mới và mang lon Trung sĩ Mỹ - đã kể lại cho viên Đại úy Yankee cả một câu chuyện dựng đứng hay ho. Chắc chắn là quân Mỹ đã bắt đầu sợ vì họ đọc thấy trên nét mặt các cảm tử quân của tôi nét sợ hãi mà họ cho rằng là hậu quả của việc gặp gỡ tội “Damned Germans”. Bởi vì, theo lời viên Trưởng toán, anh ta tin rằng tội Đức đã vượt qua vị trí này rồi, cả bên phải lẫn bên trái, khiến cho vị trí này gần như đã bị bao vây. Rất ngạc nhiên, viên Đại úy lập tức cho lệnh rút lui.

Tổng quát, trong các trường hợp, sự thành công của cảm tử quân vượt xa điều mong ước. Và chẳng, vài ngày sau, đài phát thanh Mỹ ở Calais (6) loan tin khám phá một hệ thống gián điệp và nhân viên phá hoại đăng sau phòng tuyến Đồng minh – các hoạt động đó đặt dưới quyền Đại tá Skorzeny, người “chiếm đoạt” được Mussolini. Quân Mỹ còn tuyên bố bắt được hơn 250 người của đơn vị tôi – con số phóng đại quá. Về sau, tôi được biết rằng phản gián Đồng minh, bị kích động bởi lòng hăng say quá mức, đã bắt luôn một số binh sĩ hay sĩ quan Mỹ chính cống.

Các câu chuyện tức cười mà tôi được nghe các sĩ quan Mỹ kể lại khi chiến tranh chấm dứt, nếu đem in cũng phải cả một cuốn sách. Đại úy X. chẳng hạn, lúc đến một thành phố ở Pháp và đi vào một câu lạc bộ của Đức cũ, trông thấy một đôi giày cao cổ. Tình cờ cỡ giày vừa với chân ông, ông ta bèn lấy mang suốt ngày. Nhưng các M.P. được tung ra để bắt gián điệp, trông thấy và suy đoán rằng Đại úy X. là một gián điệp Đức. Do đó, ông ta bị bắt và bị giải đi một cách không mấy êm ái. Ông ta bảo đảm với tôi rằng không bao giờ quên được tám ngày bị giam trong một nhà lao quân sự kém tiện nghi.

Hai Thiếu úy trẻ mới đến Pháp tháng 12 năm 1944, một hôm được viên chỉ huy một đơn vị đã từng quen với đời sống khổ nhọc tại mặt trận mời ăn. Lễ phép và dễ thương, hai sĩ quan trẻ tuổi tin rằng cần phải kín đáo ca tụng bữa ăn vốn chỉ gồm toàn đồ hộp. Lời ca ngợi và thêm vào đó là quân phục tinh khiết mới toanh làm họ bị nghi ngờ đến nỗi các M.P. được gọi đến đã lôi họ từ chiếc ghế nơi bàn ăn và đem nhốt

lập tức. Nguyên nhân là vì binh sĩ Mỹ, vốn chán loại đồ hộp ăn hoài ăn mãi, không thể chấp nhận một người Mỹ chính cống lại có thể đi ca tụng một thứ thức ăn đáng buồn nôn như vậy.

Chưa hết. Tin rằng tôi có thể làm mọi chuyện kinh hồn và táo bạo nhất, phản gián Đồng minh cho là phải bắt buộc áp dụng các biện pháp đặc biệt để bảo vệ Bộ Tư Lệnh Tối cao Đồng minh. Do đó, Đại tướng Eisenhower bị cầm giữ nhiều ngày trong Bản doanh của ông. Ông phải ở trong một ngôi nhà được bảo vệ bằng nhiều vòng đai M.P. Đại Tướng thấy chán ngay và tìm mọi cách thoát khỏi vòng canh giữ đó. Phản gián Đồng minh bèn tìm được một người giống Đại Tướng như đúc. Đó là một sĩ quan tham mưu, và ông ta giống tướng Eisenhower quá sức tưởng tượng. Mỗi ngày ông Tư lệnh giả, mặc quân phục Đại tướng, leo lên xe của thượng cấp mình đi về Ba-lê, để lôi cuốn sự chú ý của “gián điệp Đức”.

Ngay cả Thống chế Montgomery cũng suýt bị M.P. bắt giữ và tra hỏi nhiều lần trong suốt thời gian có cuộc Tổng phản công tại Ardennes. Một người đưa cọt dễ thương tung tin đồn rằng một tên trong nhóm Skozeny đã giả dạng viên Thống chế Anh để làm gián điệp. Do đó quân M.P. quan sát thật kỹ tất cả các tướng lãnh Anh đi lại ở Bỉ.

*

Sau một lúc thoải mái, chúng ta hãy trở lại Malmédy. Chiều ngày 20 tháng 12, hai trong số ba Tiểu đoàn của tôi đã đến Engelsdorf. Tiểu đoàn thứ ba vì ở quá xa, không đến kịp được. Vì quân số quá ít, nên chúng tôi không gây trở ngại cho nhau làm chi.

Tôi quyết định khởi sự tấn công vào rạng đông ngày 21 tháng 12. Tiểu đoàn thứ nhất tấn công mặt Đông Nam, đơn vị kia do Foelkersam chỉ huy, tấn công mặt Tây Nam. Họ phải tấn công sâu vào phòng tuyến địch và tiến vào trung tâm thành phố. Trong trường hợp gặp sức kháng cự quá mạnh, chỉ cần để một ít quân số trước các vị trí quân Mỹ, lực lượng chính phải được điều động để chiếm các ngọn đồi phía Bắc Malmédy.

Đúng 5 giờ sáng, các toán quân khởi sự tấn công. Vài phút sau, một loạt đại bác nổ kinh hồn chận hấn cánh thứ nhất ngay tức khắc và toán này mất liên lạc, phải rút lui về vị trí xuất phát. Về phần cánh thứ nhì, tôi tự hỏi không biết số phận ra sao. Từ một giờ qua, tôi chẳng có tin tức gì. Ngay khi trời vừa sáng, tôi đi bộ lên tuyến lửa. Từ trên đỉnh một ngọn đồi, tôi nhìn thấy thật rõ con đường hình vòng cung phía Tây Malmédy; ngay chính cả thành phố cũng được ẩn dưới một thế đất trũng sâu. Và trên ngọn đường này, tôi dùng ống dòm và thấy sáu chiến xa Panther của tôi đang chiến đấu trong tuyệt vọng với một lực lượng Thiết giáp địch mạnh hơn gấp bội. Trời đất! – Chính các chiến xa này phải bảo vệ mạn sườn phía trái hướng tấn công của chúng tôi.

Rõ ràng là Foelkersam, hăng say và táo bạo, chưa muốn bỏ thành phố. Nhưng đã có vài binh sĩ thối lui về phía tôi. Họ cho biết là đã đụng với các pháo đài quá chắc và được bảo vệ mạnh mẽ, khó thể chiếm được nếu không có đại bác yểm trợ. Chiến xa của chúng tôi cố đánh trong tuyệt vọng để ít ra là cũng che chở được cho quân bạn rút lui. Tôi tập hợp các đơn vị đằng sau đồi để hy vọng tung ra đợt tấn công khác. Tuy nhiên, hiện tại – tôi vẫn chưa thấy bóng dáng Foelkersam đâu cả.

Các xe bọc sắt của chúng tôi đã mang các thương binh cuối cùng trở về. Mỗi lo lắng của tôi càng tăng, liệu trong vụ ngu si này tôi có bị mất người bạn thân, người cộng sự trung thành không? Sau cùng, hấn xuất hiện kia kia và bắt đầu vạch cỏ tiến lên đồi. Tôi chú ý thấy hấn dựa một cách nặng nề vào viên bác sĩ. Đến gần tôi, hấn ngồi xuống thật thận trọng, trên mặt đất ẩm ướt. Với một nụ cười yếu ớt, hấn giải thích là đã bị lãnh một mảnh đạn vào đúng ngay chỗ nhiều thịt nhất trong thân thể.

Dưới sự che chở của vài khẩu Bazooka chúng tôi mở một buổi họp ngắn. Viên Đại đội trưởng thiết giáp một lúc sau cũng tìm lại được chúng tôi – ai nấy tin rằng ông ta đã chết – và cho biết ông đã tiến được đến các vị trí pháo binh Mỹ và nghiền nát một khẩu, và đến khi bị phản công bởi lực lượng đông gấp hai, ông ta mới bị đẩy đến đoạn đường vòng cung. Tuy nhiên vì cố thủ ở một vị trí trống trải như thế để giúp quân bạn rút lui, ông mất tất cả các chiến xa.

Chúng tôi bị bắt buộc phải giữ bình tĩnh ít ra cũng trong lúc này. Vào buổi chiều tôi rải các đơn vị trên đỉnh các ngọn đồi đang chiếm giữ, bằng một tuyến mỏng manh kinh khủng thành một phòng tuyến dài 10 cây số. Trong lúc đó pháo binh địch gia tăng mãi cường độ hoạt động gần như là cả một sự tàn diệt, làm đổ nát toàn bộ làng Engelsdorf và các con đường chung quanh.

Đến tối, tôi đến Bộ Tư Lệnh Sư đoàn để báo cáo. Sau khi trình bày tình hình của chúng tôi với Tham Mưu Trưởng, tôi đi về phía khách sạn độc nhất trong thị trấn. Còn cách lối vào chừng 30 thước, một tiếng rít mà tôi rất quen thuộc làm tôi nhảy một bước đến ngay vòm cửa chính. Một lát sau một đầu đạn khổng lồ rơi đúng vào chiếc rờ một dùng làm văn phòng của viên Tham mưu trưởng. Ông này gặp may mắn nhiều, khi kéo ông ra khỏi đồng đồ nát chúng tôi nhận thấy ngoài một mảnh đạn ở lưng, ông ta không bị

một vết trầy nào. Vì lẽ vùng này càng ngày càng bất ổn, tôi nhảy lên xe – may thay xe tôi tránh khỏi cuộc pháo kích nhờ đậu sau khách sạn – tài xế mở máy và vọt chạy hết tốc lực. Đêm thật tối, và đèn xe của chúng tôi được che dấu cẩn thận. Chúng tôi mò mẫm tìm đường, chậm chậm. Ngay khi xe vừa qua khỏi một chiếc cầu nhỏ, ba quả đạn rơi nổ thật gần. Tôi cảm thấy trán bị chạm mạnh, do linh tính, tôi nhảy ra khỏi xe và nhào xuống một hố bên đường. Một lát sau, một chiếc xe vận tải chạy ngược chiều đụng mạnh vào xe tôi, (lúc đó đèn xe đã được tắt hết). Có cái gì nóng nóng chảy trên mặt. Tôi thận trọng sờ tay lên má, mũi, bên trên mắt phải, ngón tay tôi chạm phải một mảnh thịt bầy nhầy. Tôi sợ hãi, giật nảy mình. Mắt tôi bị hỏng rồi chăng? Đó là điều tệ hại nhất có thể xảy đến cho tôi. Suốt đời, tôi thường ái ngại cho những người mù mà số phận cực kỳ ghê rợn đối với tôi. Không cần quan tâm đến cả cuộc pháo kích mà lúc này đạn rơi như mưa chung quanh, tôi khám xét nhẹ nhàng vùng nằm trên mảnh thịt bị rách. Lạy Trời! Tôi cảm thấy trông mắt còn nguyên và nằm yên ổn trong hốc xương mắt.

Tôi tỉnh trí lại ngay, tài xế của tôi không bị thương tích gì cả, chiếc xe đã chịu được sự đụng chạm và có thể chạy lại được. Chúng tôi quay xe lui - mặc kệ nắp xe – và vài phút sau chúng tôi đã trở lại Bộ Tư lệnh Sư đoàn.

Nếu suy diễn dựa theo nét hốt hoảng của các sĩ quan, thì tôi phải được kể là gặp nhiều may mắn. Nhờ một chiếc gương soi tôi xem xét bộ mặt bằng con mắt trái. Chắc chắn là mặt tôi không đẹp đẽ gì. Khi tài xế khám phá nơi ông quần bên chân phải của tôi có bốn lỗ và tôi thấy trên da dấu vết của hai mảnh đạn xuyên qua, tính hài hước của tôi chợt ứa đến. Rõ rệt tôi là một tên gặp thời vận hên. Thời gian chờ bác sĩ rất dễ chịu nhờ một ly cô nhắc và một đĩa “goulash” (thịt bò nấu theo kiểu Hung-gia-lợi) do một xe rượu lăn đến. Đáng tiếc, tôi không thể hút thuốc được, máu làm ướt ngay điều thuốc và tạo nên một mùi kỳ dị. Sau cùng viên bác sĩ đến, ông ta nhिếc mắt tôi không tiếc lời – thay vì tỏ ra mừng rỡ vì tôi không việc gì, và quyết định đưa tôi đến bệnh xá lập tức. Thật thà mà nói, tôi rất bằng lòng được rời khỏi thung lũng địa ngục này - rất có thể tôi sẽ bỏ thân tại đó.

Mặc dù các bác sĩ muốn đưa tôi về hậu tuyến, tôi phát biểu ý định trở lại chỉ huy đơn vị càng sớm càng tốt. Tình hình nghiêm trọng quá không cho phép tôi nghĩ đến việc trở về Đức. Và lại, tôi rất vững tâm, viên bác sĩ nhún vai, làm tê khu vực bị thương, gấp vài mảnh đạn và may miếng vết thương. Cuộn băng được xiết mạnh để giữ cho da nằm yên chỗ. Hôm sau, tôi trở lại vị trí chiến đấu.

Tại đó, tôi thấy vị trí của chúng tôi có nguy cơ thất thủ. Pháo binh địch hình như tỏ vẻ ưu ái thật sự đến toán quân yếu ớt của tôi. Trong ngày, một trái phá đã làm cháy tiêu một chỗ rất thích hợp cho những người suy tưởng một mình, một trái khác ngang qua cửa chuồng bò và giết con bò cái già nua đáng thương của chúng tôi. Tái ông thất mã – chúng tôi lại có thịt tươi để ăn.

Đêm kế, chúng tôi bị đánh thức bởi những tiếng động lạ tai. Trên đầu chúng tôi những hỏa tiễn V.1 (7) vạch từng đạn đạo cháy sáng hướng về phía Liège. Điều ấy an ủi chúng tôi phần nào trước sự biệt tăm biệt tích của Không quân. Tuy nhiên một hai đêm sau, khi một chiếc bom bay ấy rơi xuống một ngọn đồi cách ngôi nhà chúng tôi đang chiếm đóng chừng 100 thước – may mà không nổ - chúng tôi lại tiếp tục có những cảm nghĩ không tốt đẹp đối với Không quân. Ai bảo đảm rằng chiếc V.1 kế tiếp sẽ không làm tai hại hơn? Không chừng dư luận đồn đại bấy lâu nay lại đúng sự thật: người ta nói rằng các công nhân phụ trách ngoại quốc ráp các bộ phận điều chỉnh phương hướng của bom bay V.1, càng ngày càng gia tăng phá hoại các khí cụ tinh vi ấy.

Ngày 23 tháng 12, tôi đi Meyrode để thúc đẩy Bộ Tham mưu Quân đoàn 6 thiết kỵ. Thật vậy, trang bị và tiếp liệu của chúng tôi rất thiếu thốn, nhất là vì không chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu lâu dài. Vì không có được một hỏa đầu vụ lưu động, việc sửa soạn một bữa ăn nóng là một vấn đề đáng lo ngại. Chúng tôi thiếu quần áo mùa đông và nhất là thiếu trọng pháo.

Cuộc hành trình rất sôi động. Thời tiết quang đặng trở lại và đã trả bầu trời lại cho không quân địch - chắc chắn không phải cho phi cơ Đức vì chẳng thấy chúng đâu cả. Chúng tôi luôn luôn bị bắt buộc phải dừng xe lại và nhảy xuống hồ. Đôi khi vì muốn tránh các giao lộ nguy hiểm, chúng tôi băng đồng và không tìm thấy chiếc hồ nào sử dụng được, lúc đó chỉ còn cách nằm sát mặt đất, mũi cắm trong bùn. Trong một lần “thao diễn” ấy, đột nhiên tôi cảm thấy ớn lạnh, răng đánh bò cạp, mình mảy ướt đầm mồ hôi.... Chắc chắn là vì vết thương hành nên bị sốt, mặc dù được băng bó, vết thương đã phần nào bị nhiễm độc.

Trong một nông trại bỏ hoang, tôi nằm trên giường của một nông dân, uống ngấu ngiên vài viên aspirine với một ly rượu “grog” gồm có rum và nước chanh. Tài xế và sĩ quan tùy viên của tôi tiếp tục đi Meyrode. Vài giờ sau, khi họ trở lại, tôi thấy đỡ hơn và cố gắng “đi về nhà”, nghĩa là về vị trí chỉ huy.

Ngày 24 tháng 12, sau cùng pháo binh bạn lâm trận, điều mà chúng tôi chờ đợi từ lâu. Lập tức, tôi chỉ cho viên sĩ quan chỉ huy pháo binh các địa điểm mà tôi đã chọn trước để đặt súng và các tọa độ phải rót đạn

vào mà tôi đã chăm sẵn. Ông ta ngắc đầu, nghe tôi mà không nói một lời. Nhưng khi tôi yêu cầu ông ta cho đặt các khẩu đại pháo ngay và thật nhanh, ông ta bảo:

- Thưa Đại Tá, tôi phải trình bày rằng tôi chỉ còn vồn vện có 16 quả đạn cho mỗi khẩu đại pháo và hiện tại tôi không thể trông chờ vào một sự tiếp tế đạn dược nào cả.

Thoạt tiên, tôi lặng câm, quá sửng sốt đến nỗi không thốt ra được lời nào. Tôi tự hỏi không biết nên cười hay nên khóc. Đây, lực lượng pháo binh được nóng lòng trông chờ bấy lâu nay – và nó đến ngay vào ngày Giáng sinh, gần như là món quà tặng - thế nhưng chúng tôi lại không có đạn. Rõ rệt là viên sĩ quan chỉ huy pháo binh không thể làm gì hơn – ông ta tỏ ra rất đau khổ - nhưng cuộc điện đàm của tôi với Bộ Tham Mưu Quân đoàn 6 lại rất sôi nổi. Tất nhiên con thịnh nộ của tôi không mang lại kết quả gì. Không bao giờ chúng tôi còn nhận được thêm đạn dược nữa.

Một lần nữa, tôi nghĩ đến một cuộc tiếp xúc sau cùng với Fuhrer. Theo các lời tuyên bố của Ngài, tổ chức Todt đã cho áp dụng các biện pháp thích nghi để đảm bảo việc chuyển vận nhanh chóng xăng và đạn dược cho đến tuyến đầu, đặc biệt là với các xe bồn xăng. Để đạt được kết quả, dọc hai bên đường, tổ chức Todt sẽ đặt vô số bồn đậu to lớn bằng gỗ để tiếp tế cho các xe chở xăng. Thế mà, mặc dù tôi đã di chuyển không biết bao nhiêu lần trên các con đường trong toàn vùng hỏa tuyến, chẳng bao giờ tôi thấy được một bồn dự trữ trữ danh ấy cả. Có thánh mới hiểu được...

Ngày 28 tháng 12 năm 1944, chúng tôi được một sư đoàn bộ binh thay thế. Ngày hôm sau chúng tôi tạm đóng quân trong những lều tạm trú phía Đông thành phố Saint-Vith. Chẳng bao lâu sau cuộc rút lui toàn diện đã đưa chúng tôi trở về Đức.

Đối với tôi cũng như đối với toàn thể Quân lực Đức, cuộc Tổng phản công tại Ardennes đã kết thúc bằng cuộc bại tẩu.

-
- (1) Đọc "Những trận đánh lịch sử của Hitler".
 - (2) Kể tôi nghe câu chuyện bổ nhiệm lần sau cùng của anh.
 - (3) Vâng, thưa Trung Tá tôi “đã trở thành” lần bổ nhiệm sau cùng “trước” năm tháng.
 - (4) Đọc “Hitler và Các Danh Tướng Quốc Xã”, bản dịch Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên, sách đang in – Sông Kiên xb.
 - (5) Đọc "Hitler và Vũ Khí Bí Mật", Sông Kiên xb.
 - (6) Pas de Calais: vùng duyên hải biển Manche, cực Bắc nước Pháp.
 - (7) Đọc "Hitler và Vũ Khí Bí Mật", bản dịch Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên - Sông Kiên xb.

Ngày 30 tháng giêng 1945 một mệnh lệnh do Himmler ký đã chấm dứt vai trò lãnh đạo cầm tù quân của tôi. Thật vậy, tôi được giao phó nhiệm vụ, cùng với các "đơn vị đặc biệt" lập một đồn đầu cầu phía Đông sông Oder, gần Schwedt, và cố thủ bằng mọi giá để giúp chuẩn bị một "cuộc phản công sắp đến, sẽ phải xuất từ vùng đầu cầu này".

Sau nhiều khó khăn không tưởng tượng được, tôi tập hợp thành công một số đơn vị khá dị dạng, để bố trí chặt chẽ địa điểm chỉ định, tôi cũng kiểm được một hỏa lực pháo binh tối thiểu và nhất là tái vũ trang phần nào tinh thần binh sĩ. Đây chính là cả một sự sụp đổ chắc chắn, không thể cứu vãn được, không tránh được. Tất nhiên, phản công không còn là vấn đề nữa. Trở thành Tư lệnh Sư đoàn, tôi hết sức cố gắng trong vô vọng, tổ chức các cuộc tấn công hạn chế, nhưng liên tục, gây rối loạn sự sắp xếp, bố trí của các đơn vị Nga xô, chúng đang sắp sửa giáng cho chúng tôi đòn tối hậu. Chẳng bao lâu vùng đầu cầu của tôi trở thành một hòn đảo trong làn sóng hỗn độn gồm hàng triệu thường dân tỵ nạn và vô số đào binh. Tuy nhiên chúng tôi đứng vững cho đến ngày 28 tháng 2, ngày mà một công điện của Hitler, cho gọi tôi về Bá-ling. Lòng quặn đau, tôi giã biệt các "đơn vị đặc biệt" của tôi mà tôi không bao giờ còn được gặp lại.

Trong những tháng kế tiếp, sự tan rã của sức đề kháng quân sự của Đức đã được xác nhận. Tôi trải qua sự bối rối, chán nản, những cảnh tàn bạo xảy ra khắp nơi - đó là những kỷ niệm đau lòng mà tôi không mấy khi thích gợi lại. Ngày 10 tháng 4 năm 1945, tôi đang ở Áo, tại kinh thành Vienne, lúc đó gần như đã bị bao vây. Sáng hôm đó, đài phát thanh Đức loan báo:

- Bá-ling sẽ đứng vững mãi, Vienne sẽ được giải thoát!

Vài phút sau, quả đại bác đầu tiên của Nga xô rơi vào một công viên ngay trung tâm Bá-ling. Tại Vienne, tôi thấy rõ là tình thế đã tuyệt vọng: thành phố nơi chôn nhau cắt rốn của tôi đã bị quân Nga chiếm đóng, ngoại trừ một vài khu vực vẫn còn cầm cự như phép lạ.

Ngày 30 tháng 4 - lúc đang rút lui, cùng với một đơn vị nhỏ về phía dãy núi Alpes - tôi được tin Adolf Hitler đã chết. Thế là hết.

Ngày 6 tháng 5, Thủy sư Đô Đốc Doenitz, lãnh đạo tân Chính phủ đọc tuyên cáo chấm dứt thù nghịch. Từ hôm đó, tất cả các cuộc chuyển quân đều bị cấm chỉ. Nhưng tôi quyết định rút vào vùng núi Alpes với số binh sĩ và sĩ quan còn lại, vào vùng "Tauern". Lẽ tất nhiên, chiến khu Bavière (1) pháo đài sau cùng của những kẻ trung kiên cuối cùng không hề có, nó chỉ có trên giấy tờ mà thôi.

Và chúng tôi - Radl, Hunke, 3 binh sĩ và tôi - đang ở trong một căn nhà gỗ nhỏ bên trên thung lũng Radstalt. Chúng tôi biết một đơn vị Mỹ vừa chiếm đóng địa phương này. Vì tin rằng mình đang bị cơ quan tình báo Mỹ lùng kiếm, tôi báo cho đơn vị quân đội Mỹ biết là tôi sẽ đầu hàng tại đây trong vài ngày nữa. Hiện tại hãy tận hưởng không khí thanh bình đang tràn ngập cảnh vật. Không một tiếng trả lời . . .

Nhưng tôi không thể ở mãi trong căn lều này. Tôi lại gửi một điệp văn cho đơn vị quân đội Mỹ, yêu cầu cung cấp một chiếc xe vào ngày 15 tháng 5, lúc 10 giờ sáng để tôi có thể đi đến Salzbourg. Thật vậy, tôi có ý định đến gặp Bộ Tham mưu Sư đoàn Mỹ đóng tại thành phố ấy để nộp mình làm tù binh chiến tranh. Trưa ngày 15 tháng 5, chúng tôi đến Salzbourg. Thoạt tiên chẳng ai thèm chú ý đến chúng tôi. Khi chúng tôi nhận mệnh lệnh yêu cầu, người ta lại chuyển chúng tôi đến một địa phương kế cận, nơi đây, một Tiểu đoàn trưởng chấp nhận cho chúng tôi đầu hàng. Trước tiên, viên thông ngôn hỏi tên họ tôi. Kế đó, tôi phải nộp tất cả đồ vật trong các túi áo quần, người ta lục soát tôi...

Hiện tại, chiến tranh đã thật sự chấm dứt đối với chúng tôi. Tôi tin rằng đã làm hết bổn phận, cũng như bao nhiêu người khác, binh sĩ của tôi đã lặn xả vào các trận chiến khốc liệt, trên tất cả các trận tuyến - tất cả điều đó để rồi đi đến chỗ bại trận. Hiện tại, dù xảy ra thế nào đi nữa cũng đành chịu - Thế Chiến quốc, thế Xuân thu; gặp thời thế, thế thời phải thế! - Tôi chỉ còn là một tù nhân.

Dịch xong tại Đà Lạt
mùa thu 1965

(1) Miền Tây nước Đức, dân số gần 10 triệu người, Thủ đô là Munich.